# Luật Xuất Gia tóm tắt [Pabbajita Vinaya Sankhepa] (TK Hộ Tông - Vansarakkhita Bhikkhu)

*Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)*

THERAVÀDA - PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY

LUẬT XUẤT GIA TÓM TẮT (PABBAJITA VINAYA SANKHEPA)

VANSARAKKHITA BHIKKHU
TỲ-KHƯU HỘ-TÔNG
PL. 2510 - TL. 1966
TÁI BẢN PL. 2537 - TL. 1993 ---o0o---
Nguồn
Chuyển sang ebook 26-08-2009
Người thực hiện :
Nam Thiên - namthien@gmail.com
Mục Lục
TIỂU TỰA
DẪN-TÍCH
LỢI ÍCH CỦA SỰ TRÌ LUẬT
TRUYỀN GIỚI
BỔN PHẬN LÀM ÔNG THẦY HÕA THƠỢNG
PHÉP TRUYỀN GIỚI SA-DI
PHÉP TRUYỀN TỲ-KHƠỢU GIỚI
GIỚI LUẬT SA-DI
01) MƠỢI PHÉP HỌC (SIKKHÀPADA)
02) MƠỢI PHÉP HÀNH PHẠT (DANDAKAMMA)
03) MƠỢI PHÉP TRỤC XUẤT (NÀSANANGA)
LỜI DẠY TIẾP (ANUSÀSANA)
TAM HỌC (TRISIKKHÀ)
ĐIỀU HỌC (SIKKHÀPADA)
BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THÖC GIỚI (PÀTIMOKKHA SAMVARASÌLA)
I. BỐN ĐIỀU BẤT CỘNG TRỤ (PÀRÀJIKA).
II. MƠỢI BA (13) ĐIỀU HỌC TĂNG TÀN (SANGHA DISESA)
III. ĐIỀU HỌC BẤT ĐỊNH (ANIYATTA)
IV. 30 ĐIỀU HỌC ƠỢNG XẢ ĐỐI TRỊ (NISSAGGIYA PÀCITTIYA)
V. ƠỢNG ĐỐI TRỊ (PÀCITTIYA)
VI. BỐN ĐIỀU HỌC ƠỢNG PHÁT LỘ (Patidesaniya)
VII. BẢY MƠỢI LĂM (75) ĐIỀU HỌC ƠỢNG HỌC PHÁP (SEKKHIYAVATTA)

VIII. DIỆT TRANH (ADHIKARANA SAMATHA)
NHỮNG ĐIỀU HỌC NGOÀI GIỚI BỔN TRỌNG TỘI (Thullaccaya)
CHÖ GIẢI 10 ĐIỀU LẦM LẠC
01) MUỐN ĐỂ TRONG ỐNG BẰNG SỪNG ĐƠỢC PHÉP ĂN (kappati singilonakappo)
02) XẾ BÓNG 2 NGÓN TAY CÕN ĂN ĐƠỢC (kappatidvangulakappo)
03) ĐI VÀO XÓM CÕN ĂN ĐƠỢC (kappatigàmantarakappo)
04) Ở CHUNG CHỒ LÀM PHÉP "SÁM HỐI" (kappati àsàsa kappo)
05) LÀM PHÉP SÁM HỐI THEO Ý MÌNH CŨNG ĐƠỢC (kappati anuma tikappo)
06) LÀM THEO THÓI QUEN CŨNG ĐƠỢC (kappati ácinna kappo)
07) SỮA TƠỢI ĐỂ CHUA THIỆT CHUA DÙNG CŨNG ĐƠỢC (kappati amathitakappo)
08) RƠỢU MỚI, CHƠỢA THIỆT MẠNH UỐNG CŨNG ĐƠỢC (kappati jalogimpàtum)
09) TỌA CỤ KHÔNG CÓ BÌA DÙNG CŨNG ĐƠỢC (kappati adasakam nisìdana)
10) CẢM XÖC VÀNG BẠC CŨNG ĐƠỢC (kappati jàtarùparajatam)
14 PHÁP HÀNH (VATTA 14)
01) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƠỢU XA MỚI ĐẾN PHẢI HÀNH (àgantukavatta)
02) NHỮNG VIỆC TỲ-KHƠỢU Ở CHÙA PHẢI HÀNH (àvàsikavatta)
03) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƠỢU RA ĐI ĐÁNG PHẢI HÀNH (gamikavatta)
04) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƠỢU Ở TRONG NHÀ ĂN PHẢI HÀNH (anumodanavatta)
05) NHỮNG VIỆC TỲ-KHƠỢU CHỊU MỜI ĂN PHẢI
HÀNH(bhattaggavatta)
06) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƠỢU ĐI KHUẤT THỰC PHẢI HÀNH (pindacàrikavatta)
07) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƠỢU ẨN TU TRONG RỪNG PHẢI
HÀNH (àrannikavatta)
08) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƠỢU Ở THẤT PHẢI HÀNH (senàsanavatta)
09) CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH Ở NHÀ BẾP (jantaghararavatta)
10) CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH TRONG NHÀ XÍ (vaccakutivatta)
11) BỔN PHẬN TRÕ ĐỐI VỚI THẦY HOÀ THƠỢNG (upajjhàyavatta)
12) BỔN PHẬN CỦA THẦY HÕA THƠỢNG PHẢI Ở CÙNG TRÕ (saddhimvihàrikavatta)
13) BỔN PHẬN CỦA TRÕ PHẢI Ở CÙNG VỊ A XÀ LÊ LÀ THẦY
NƠƠNG TỰA (àcariyavatta)
14) BỔN PHẬN CỦA VỊ A XÀ LÊ Ở CÙNG TRÕ (Antevàsikavatta)
UPOSATHA - BỐ-TÁT
GIẢI VỀ CÁCH THỨC ADHITTHÀNA
GIẢI VỀ CÁCH GỞI Y DƠỊ (Vikappa)
GIẢI VỀ CÁCH ĐỨT ADHITTHÀNA
TỔNG KẾT TRÍCH DỊCH Ở TẠNG LUẬT
PHÁP LÀM CHO TRỞ NÊN SA-MÔN
PHƠƠNG TIỆN CHO PHÁP SANH PHÁP CỦA BẬC XUẤT GIA HOẶC
SA-MÔN

TỘI CỦA BẬC XUẤT GIA TU HÀNH KHÔNG CHƠN CHÁNH
MƠỜI PHÁP MÀ BẬC XUẤT GIA PHẢI QUÁN TƠỞNG THƠỜNG
XUYÊN
PHẬT NGÔN
---o0o--- TIỂU TỰA

Khi Phật sắp nhập Niết-bàn ông ANANDA và ông UPÀLI, có đến hỏi Phật: Bạch Đức Thế-tôn sau khi Phật diệt độ, chúng tôi phải tôn ai làm thầy?

Phật dạy: "Phải tôn giới Ba-la-đề mọc-xa làm thầy.".

"Ba-la-đề mọc-xa" (Pàtimokkha) Tàu dịch là: "Biệt-biệt giải-thoát", nghĩa là giữ đơợc một giới luật thì thoát khỏi đơợc một tội.

Phật lại nói: Nhơ-lai chế ra điều-học có mơời điều lợi ích là:

1)- Cho có tuyệt hảo đến Tăng.
2)- Cho có sự an-lạc đến Tăng.
3)- Để khiển trách những ngơời bơớng bỉnh phá giới.
4)- Cho có sự ở an đến tỳ-khơu trì-giới trong sạch, đáng kính mến.
5)- Để ngăn ngừa các lậu-phiền-não trong đời hiện tại.
6)- Để đẩy lui các lậu-phiền-não trong đời vị lai.
7)- Cho những ngơời chơa tin, phát tâm tín-ngơỡng.
8)- Cho những ngơời đã tin, càng thêm tin.
9)- Cho Phật-pháp đơợc kiên cố lâu dài.
10)- Để hộ trì Tạng Luật.
Chơ tỳ-khơu vui thích trong sự xuất gia, nên ghi nhớ cho rõ các quả vui đều phát sanh do sự thông hiểu Giới luật trơớc cho có đức tin bền chắc trong giới-luật và cần phải thực hành theo cho thuần thục

Ngơời thông hiểu giới luật ví nhơ cha mẹ nhơ nơi nơơng nhờ của tất cả hạng ngơời tín-ngơỡng Phật-pháp. Những ngơời đã thọ Sa-di¸ hoặc Tỳ-khơu giới thực hành theo điều trọng và điều khinh và biết rõ nơi nào nên tới lui, hoặc không nên tới lui 1, cũng đều nơơng theo ngơời thông hiểu "giới-luật "ấy.

Ngơời mà giữ giới trong sạch đáng làm nơi nơơng nhờ cho hàng Phật-tử mong tìm sự an vui, thì hằng đơợïc tơơi tĩnh, nói năng trong khi hội họp, không chút chi e ngại. Ngơời trì-giới có thể cảm hóa kẻ nghịch trở thuận làm cho Phật-pháp đơợc hơng thạnh lâu dài.

Lại nữa Giới-Luật có lợi-ích phát sanh "sự thu thúc" (Samvara).

Thu thúc có lợi ích phát sanh sự "không bất bình "(Vipatisàra).

Không bất-bình có lợi ích phát sanh "sự thỏa thích" (Pàmojja).

Thỏa-thích có lợi ích phát sanh "sự no-lòng" (Pìti). 2

No lòng có lợi ích phát sanh "tâm yên lặng" (Passaddhi).

Yên-lặng có lợi ích phát sanh "điều an-lạc" (Sukha).

An-lạc có lợi ích phát sanh "thiền định" (Samàdhi).

Thiền định có lợi ích phát sanh "sự hiểu biết rõ cả pháp theo chơn lý" (Yathàbhùtannànadassana).

Hiểu biết rõ các pháp theo chơn-lý có lợi-ích phát sanh "sự chán nản đối với chúng sanh và vật" (Nibbidà).

Chán-nản trong chúng sanh và vật có lợi ích phát sanh "sự xa lìa tình-dục" (Viraga).

Xa lìa tình-dục có lợi-ích phát sanh "sự giải thoát khỏi phiền não" (Vimutti).

Giải thoát khỏi phiền não có lợi-ích phát sanh "sự hiểu biết rõ rằng đợợc giải-thoát" (Vimuttinànadassana).

Hiểu biết rõ rằng đợợc giải-thoát có lợi ích phát sanh "sự dứt khổ vì hết cố chấp" (Anupàdàparinibbàna).

Quả báo mà phải đợợc theo thứ tự ấy, đều do sự trì giới-luật cả.

Cớ ấy, hành giả muốn đợợc an-vui tuyệt đối ở cảnh Niết-bàn, chỉ nên tinh tấn vâng giữ giới luật và hết lòng thực hành theo cho chín chắn ắt đợợc nhợ nguyện chẳng sai.

Mong sao cho tất cả thân quyến chúng ta trong vũ-trụ đợợc an vui lâu dài, sớm mau hồi đầu hợớng-thiện qui y Tam-bảo, thọ-trì giới luật, một lòng bất- thối, để tiến bộ trên đợờng giải thoát, đạt đến Niết bàn ngỏ hợởng điều an- vui bất-diệt.

Mong thay Bhikkhu Vansarakkhita (Tỳ-khợu Hộ-Tông). PL 2510 - TL 1966

-ooOoo-

DẪN-TÍCH

Giải về: Nhân quả của sự Trì giới

Từ xợa đến nay, các bậc trí-tuệ hằng thỏa-thích trong sự tiếp dẫn ngợời đời, lánh dữ làm lành, hầu thọ hợởng những hạnh phúc lớn lao và làm cho sự

sống của mình đạt điều lợi ích. Hạng ngợời nhợ thế, đều là bậc cao đẳng, thợờng dứt bỏ gia-tài, danh-vọng và sự vui sợớng trong ngủ-trần, xuất gia tu-hành để dạy bảo ngợời đời noi theo chánh pháp mà tự mình đã giác ngộ. Đến khi có nhiều ngợời sùng bái qui-y, thì đợợc tôn làm "Giáo chủ", lời dạy bảo của bậc "Giáo-chủ", ấy mà thiên hạ tôn ngợỡng thực hành theo, gọi là "tôn-giáo".

Tôn-giáo của Đức Chánh-biến-tri mà đợợc thạnh-hành đến ngày nay là vì ngài giáng sanh nơi nhà vua, dòng Thích-ca tại xứ Trung-Ấn Độ, tên ngài là "Sĩ-đạt-ta" (Silddhattha), phụ vợơng ngài là vua "Tịnh-phạn-vợơng" (Suddhodana) trị vì trong xứ "Ca-tỳ-la-vệ "(Kapilavatthu), mẫu hậu ngài là bà "Mada hoàng-hậu" (Mahàmayàdevi). Khi mới sanh ngài ra, có thầy xem tợớng tiên đoán rằng: "Nếu ngài ở thế thì sẽ đợợc

làm Chuyển-luân-vơơng, bằng đi tu ắt làm một giáo-chủ trong thế gian". Khi ngài đơợc 16 tuổi, phụ- vơơng ngài truyền ngôi cho làm chúa trong nơớc, hoàng-hậu của ngài là bà Bambà.

Làm vua 13 năm, đơợc 29 tuổi ngài bỏ ngôi, xuất-gia đi ẩn tu nơi rừng núi, nhằm ngày mà thái-tử (Rahulà) là con ngài mới ra đời. Xuất-gia rồi, Ngài hằng tinh-tấn tu khổ-hạnh, tìm đơợc vô-thơợng chánh-đẳng chánh giác, hết 6 năm mới đơợc giác-ngộ, rồi ngài ngự đến các nơi để tùy duyên hóa-độ chúng-sanh thoát khỏi vòng khổ ải đến 80 tuổi rồi nhập Niết-bàn.

Pháp và Luật mà ngài đã giảng giải gọi là "Phật-giáo", những ngơời tu theo "Phật giáo" gọi là "Phật-tử ".

Các Phật-tử ấy chia ra làm 4 hạng ngơời là: tỳ-khơu, tỳ-khơu-ni, thiện-nam, tín- nữ. Trong 4 hạng ngơời ấy, các vị tỳ-khơu mà đơợc thọ cụ-túc giới đầu tiên hết là nhóm 5 tỳ-khơu "A-nhã Kiều Trần Nhơ" (Annakondanna).

Đầu tiên, Phật-pháp còn mới, có ít tỳ-khơu, giới-luật là điều nâng-đỡ Chơ- tăng không cần phải có nhiều. Các vị Thinh-văn ấy đều là bậc A-la hán tâm- tánh trong sạch, các ngài thấu rõ Phật-pháp đều đủ và tôn-ngơỡng thật hành theo lý Trung đạo mà Đức Giáo-chủ đã giải bày.

Đến khi Phật-giáo ngày càng thạnh-hành dần dần, số tỳ-khơu càng tăng trơởng rồi ở riêng theo phe, theo đảng. Có hạng tỳ-khơu không đơợc trong sạch, tu hành không đúng đắn, cho nên đức Phật mới chế ra điều học.

-ooOoo-

LỢI ÍCH CỦA SỰ TRÌ LUẬT

Lẽ thơờng, loài ngơời trong thế-gian, ở theo phe, theo đảng, không sao ở cho vừa ý nhau đơợc, nhơn tâm mỗi ngơời mỗi khác, sức không đồng nhau: ngơời có sức lực, cộc-cằn thì hà-hiếp, kẻ yếu-đuối nhu nhơợc phải chịu khổ không đơợc an-vui.

Các đức vua trong nơớc hằng ngự chế hình-luật để ngăn-cấm quốc-dân không cho làm điều hung dữ. Nếu có kẻ phạm nhằm quốc-cấm, sẽ bị nhà vua trừng phạt. Đức vua cũng có ra lịnh khuyên làm những việc lành cho chúng dân đơợc an cơ lạc-nghiệp. Cho đến quân-lính cũng có pháp-luật dạy răn mới có trật-tự nghiêm trang đơợc.

Dầu trong mỗi gia tộc, cũng có phơơng pháp riêng để cho thân quyến hành theo mới có thể ở yên dễ dàng đơợc

Về phần ngơời xuất-gia trong Phật-pháp cũng phải có phép để ngăn ngừa thân khẩu không cho làm dữ, cho tâm đơợc trong sạch. Đức Thích-ca-mâu- ni là giáo-chủ của chúng ta, Ngài là bậc pháp-vơơng tiếp độ các hàng Phật- tử và là cha lành của Chơ-Tăng, Ngài hằng giáo-dục và chăm-nom sự quấy phải của Giáo hội.

Ngài làm hơớng đạo cho 2 điều:

l) Ngài chế điều-học để ngăn-ngừa, không cho hàng "Phật tử "làm quấy. Nếu tỳ-khọu làm sái phép, Ngài ra lịnh rằng: "phạm tội nặng, hoặc tội nhẹ để răn mình chừa cải, luôn đến Chọ-tăng cũng vậy".

2) Ngài dạy làm sự phải, cho chọ tỳ-khọu trau dồi thân khẩu đọợc trang nghiêm, theo các bậc hiền-triết, nhọ các vị đế-vọơng trong nọớc, ngự chế răn cấm quốc-dân không cho làm dữ, dạy phải làm lành, hoặc nhọ cha lành làm chủ trong gia-tộc, chỉ dẫn con cháu ăn ngay ở thật, theo thứ tự trong họ- hàng.

Pháp mà đức Phật cấm-chế và cho phép, dạy hàng Phật-tử lánh dữ làm lành hiệp lại gọi là "Luật" nghĩa là pháp-tắc để trao dồi thân khẩu cho trang- nghiêm.

Pháp-luật ví nhọ soi chỉ xỏ bông làm tràng-hoa, ngọời mà đã xuất-gia theo Phật-pháp nhọ hoa có màu sắc khác nhau, sợi chỉ có thể làm cho hoa đều đặn, cho có màu tọơi tốt, liền-lạc, không cho bời-rời, cũng nhọ "Tạng-Luật" có thể làm cho tỳ-khọu "Tăng" có cách-thức đẹp đẽ, không vụng-về.

Trong những hạng ngọời tu theo Phật-pháp làm Tỳ-khọu hoặc Sa-di chẳng phải do một nhà hoặc một họ mà đến, đều là ngọời ngọời khác dòng khác giống, không đồng bậc (bực cao, bực trung hoặc bực thấp). Có ngọời khác nọớc, khác tiếng nói, khác xứ sở cho nên có thói quen khác nhau. Nếu không có Tạng-luật làm mực thọớc hoặc có mà Tỳ-khọu, Sa-di không học cho hiểu biết, hoặc đã hiểu biết mà không hành theo, ắt thân khẩu và tọ cách hành-vi không sao tề-chỉnh, không đáng là ruộng phọớc của ngọời đời, không làm cho ngọời chọa tin, đọợc tin, ngọời đã tin càng thêm tin.

Nếu các Tỳ-khọu Sa-di hòa-hảo nhau, thỏa-thích nhau, không cố chấp theo phe, theo đảng, không cãi lẽ nhau, hiệp nhứt nhau nhọ nọớc lộn với sữa, liếc xem nhau bằng cặp mắt từ-bi, khuyên nhau tôn-trọng, thực hành theo giới luật đều đủ, không dọ thiếu, mới làm cho phần đông ngọời phát lòng tín- ngọỡng, nhọ các thứ hoa trong vọờn có sắc tốt và mùi thơm khác nhau mà ngọời bẻ đem để chung trong bình bông, không thứ lớp, không có mẹo-mực thành ra vật không đáng thỏa thích. Nếu ngọời bó hoa có trí, lành nghề, họ lấy các thứ hoa nhọ thế đơm cho đều-dặn theo cách thức rồi để trong bình, hoa ấy sẽ thành vật đẹp xem không mỏi mắt. Không cần nói đến hoa đẹp, dầu hoa không đẹp cũng dễ coi, nhờ có mẹo mực làm cho ra vật đẹp đọợc

Đức Thiên-nhân-Soị là Đấng giáo chủ của chúng ta, Ngài thấy điều lợi-ích nhọ thế, cho nên chế ra "Tạng Luật" cho chọ Phật-tử hành theo hầu đọợc sự an vui sự tiến-hóa trong đời này và đời sau.

--- o0o ---

TRUYỀN GIỚI

-ooOoo- BỔN PHẬN LÀM ÔNG THẦY HÒA THƯỢNG

Đức Phật có giải:

Pancahi Bhikkave angehi samannàgatena bhikkhunâapasampàdetabbam.

Nầy các Tỳ-khoṇu! Tỳ-khoṇu có đủ 5 chi 3 mới nên làm ông thầy Hòa~thoṇợng truyền Cụ-túc-giới đến ngoṇời xuất-gia. 5 chi ấy là:

l) Apattim jànàti: biết rằng có phạm tội. 2) Anàpattimjànàti: biết rằng không có phạm tội 3) Lahukam àpattimjànàti: biết rằng có phạm tội nhẹ 4) Garuka màpattim jànàti: biết rằng có phạm tội nặng. 5) Dasavasso và hoti atirekadasavasso và: Tỳ-khoṇu đã tu đoṇợc 10 hạ hoặc trên 10 hạ.

Trong luật Cullaganthimahàvagga có nói bổn phận ông Thầy Hòa-thoṇợng phải có đủ 3 chi nữa là:

1) Manussabhùto: phải thật là loài ngoṇời (không phải thú). 2) Bhikkhubhàvo: đã thọ cụ-túc-giới làm Tỳ-khoṇu đầy đủ. 3) Opajjhàyangasamannàgato: có đủ chi làm ông thầy Hòa-thoṇợng.

Trong 3 chi ấy, chi thứ 3 chia ra có 14 điều:

l) Mallgalàmangalànisamsamjànàti: biết quả báo của các kinh có điều hạnh- phúc, nhứt là Tam-bảo kinh (Ratanasùtra) và quả báo của kinh không có điều hạnh-phúc là kinh Tirokudda. 4

2) Kammakammam jànàti: biết là Tăng-sự hoặc không phải Tăng sự.

3) Sikkhàpadam jànàti: biết cả 227 điều-học trong giới bổn.

4) Sikkhàpadangam jànàti: biết các chi của 227 điều luật ấy.

5) Saranàgamanam jànàti: biết đọc "Tam qui" đúng phép theo Phạn ngữ nhoṇ đọc "Buddham saranam gacchàmi" đọc một cách đừng cho gián đoạn.

6) Uposatham jànàti: biết phép hành lễ phát lồ theo 9 điều:

Càtuddasì Uposatha -- hành lễ phát lồ trong ngày 14 Pannarasì Uposatha -- hành lễ phát lồ trong ngày 15 Samaggi Uposatha -- ngày Tăng làm lễ Tự tứ 5

Sangha Uposatha -- ngày lễ phát lồ tăng đọc giới bổn Gana Uposatha -- 1 vị Tỳ-khoṇu hành lễ phát lồ Duggale Uposatha -- 1 vị tỳ-khoṇu làm lễ phát-lồ Suttuddoesa Uposatha -- từ 4 vị trở lên thì đọc giới bổn giữa tăng Parisuddi Uposatha -- tỏ cho nhau biết về sự trong sạch của mình Adhitthà Uposatha -- nếu chỉ có 1 vị Tỳ-khoṇu hành lễ phát lồ thì nguyện rằng: Ajja me Uposatha (nay là ngày lễ phát lồ sám hối của tôi).

7) Uposathakamman jànàti: biết cách làm lễ phát lồ có 4 cách:

Addhammenavaggam -- phe, không đúng theo phép
Dhammesamaggam -- đồng ý nhau nhoṇng không đúng phép
Addhammenavaggam -- phe đúng theo phép.
Dhammenasamaggam -- đồng ý nhau và đúng theo phép.
8) Nattisampattim jànàti: biết đọc truyền giới trúng phép giữa Tăng.

9) Nuttì vipattim jànàti: biết đọc truyền giới sái phép giữa Tăng.

l0) Akkhara sampattim jànàti: biết cách đọc trúng giọng Pàli (nattisampatti). 11) Akkhara vipattim jànàti: biết cách đọc sái giọng Pàli (nattivipatti). 6

12) Ubhayàpatimokkhàni: biết tụng nằm lòng cả giới-bổn tỳ-khoɳu và tỳ- khoɳu-ni.

13) Dasavasso và hoti atireka dasavasso: đã tu đoɳợc 10 hạ hoặc 10 hạ trở lên.

14) Nàma rùpamjànàti: Thông rõ Tạng Luận, là tâm, tâm sở, sắc, Niết-bàn.

---o0o---

PHÉP TRUYỀN GIỚI SA-DI

Giới tử mặc y phục trang, hai tay boɳng y ca-sa "vàng" theo ông thầy vào đứng giữa Giáo-hội troɳớc mặt Hòa-thoɳợng, bái ngài rồi đọc:

Phạn ngữ Nghĩa

Ukàsa vandàmi bhante sabbam Tôi xin thành kính làm lễ đại đức aparàdhan khamathame bhante maỳa katam punnam sàminà Bạch hoá đại đức, cầu xin đại đức anumoditabbam sàminàkatam tha các tội lỗi cho tôi. Những việc punnam mayham dàtabbam sàdhu lành mà tôi đã làm, xin đại đức nhận sàdhu anumodàmi. lãnh, việc làm mà đại đức đã làm xin chia sớt cho tôi và làm cho điều Ukàsa karunnam katvà pabbajjam lợi ích đoɳợc thành tựu tôi xin hoan detha me bhante hỉ thọ lãnh

Tôi xin thành kính, cầu đại đức từ bi thoɳơng xót đến tôi và phép xuất gia cho tôi.

Ngồi chồm hổm chấp tay để ngay tam tinh (giữa trán) mà đọc:

Phạn ngữ Nghĩa

Aham bhante pabbajjam yàcàmi Bạch hóa đại đức xin đại đức làm phép xuất gia cho tôi Dutiyampi aham bhante pabbajjam yàcàmi. Bạch đại đức xin đại đức làm phép xuất gia cho tôi, lần thứ nhì Tatiyampi aham bhante pabbajjam yàcàmi Bạch đại đức xin đại đức làm phép xuất gia cho tôi lần thứ ba

Rồi đọc bài sau này ba lần dâng y "Ca-sa" cho thầy:

Phạn ngữ Nghĩa

Sabbadukkha nissarananibbàna Bạch hóa đại đức xin đại đức thâu y sacchikara natthàya, imam kàsàvam cà sa vàng này và thoɳơng xót mà gahetvà pabbàjethamam bhante phép xuất gia cho tôi đoɳợc dứt các anukampam upàdàya sự thống khổ và đến Niết Bàn

Rồi đọc bài kệ sau này ba lần xin y ca-sa lại:

Phạn ngữ Nghĩa

Sabbadukkha nissarana nibbàna Bạch hoá đại đức xin đại đức cho sacchikaranatathàya, etam kàsàvam xin y cà sa vàng ấy, và thoɳơng xót datvà pabbàjethamam bhante và làm phép xuất gia cho tôi đoɳợc anukampam upàdàya dứt các sự thống khổ và đến Niết Bàn

Khi giới tử đọc xong ba bận, rồi vị Hòa thoợng đoạ "ca-sa" cho giới tử và dạy phép tham thiền nhoị sau nầy:

Phạn ngữ Nghĩa

Kesà, lomà, nakhà, dantà, taco Tóc, lông, móng, răng, da Taco, danta, nakhà, lomà, kesà Da, răng, móng lông, tóc

Vị Hòa thoợng phải giải sơ về cái thân troợc cho giới tử nghe. Xong rồi, giới tử lui ra, để mặc y ca-sa và trong khi ấy phải suy ngẫm rằng: "Ta mặc y ca- sa đây, để ngừa sự nóng, lạnh, gió, nắng, muỗi, mòng, rắn, rít và tránh sự lỏa thể, chẳng mặc để se sua".

Giới tử đọc:

Phạn ngữ Nghĩa

Ukàsa vandàmi bhante sabbam Tôi xin thành kính làm lễ đại đức. aparàdham khamatha me bhante Bạch hóa đại đức, cầu xin đại đức mayà kàtam punnam sàminà katam tha các tội lỗi cho tôi. Những việc punnam mayham dàtabham sàdhu lành mà tôi đã làm, xin đại đức nhận sàdhu anumodàmi. lãnh. Việc lành mà đại đức chia sớt cho tôi làm cho điều lợi ích đoợc thành tựu, tôi xin hoan hỷ thọ lãnh.

Ukàsa kàrunnam katvà tisaranena Tôi xin thành kính cầu đại đức từ bi sahasilâni detha me bhante thoơng xót mà truyền tam qui và giới cho tôi.

Rồi ngồi chồm hổm chấp tay đọc:

Phạn ngữ Nghĩa

Aham bhante saranasìlam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức truyền Tam qui và giới cho tôi Dutiyampi Aham bhante saranasìlam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức truyền Tam qui và giới cho tôi lần thứ nhì Tatiyampi Aham bhante saranasìlam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức truyền Tam qui và giới cho tôi lần thứ ba

Hòa thoợng đọc:

Phạn ngữ. Nghĩa

Yamaham vadàmitam vadehi Ta đọc lời nào, ngoơi đọc theo lời nấy

Giới tử đọc:

Àma bhante Dạ (tôi xin đọc theo)

Rồi giới tử đọc theo Hòa thoợng:

Phạn ngữ. Nghĩa

Namo tassa bhagavato arahato Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ sammàsambuddhassa Đức Phá-Gá-Qua ấy. Ngài là bậc Á- Rá-Hăng cao thoợng, đoợc chứng quả Chánh biến tri, do ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy (đọc ba lần) [*]

[*] Phá-gá-qua (Bhagava): Tàu dịch là Thế Tôn; Á–rá-hăng (Arahant): Ứng cúng, A-la-hán

Phạn ngữ Nghĩa

1) Buddham saranam gacchàmi 1) Tôi xin hết lòng thành kính, xin 2) Dhammam saranam gacchàmi quy y Phật 3) Sangham saranam gacchàmi 2) Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Pháp 4) Dutiyampi buddham saranam 3) Tôi xin hết lòng thành kính, xin gacchàmi quy y Tăng 5) Dutiyampi dhammam saranam gacchàmi 4) Tôi xin hết lòng thành kính, xin 6) Dutiyampi sangham saranam quy y Phật lần thứ nhì. gacchàmi 5) Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Pháp, lần thứ nhì 7) Tatiyampi buddham saranam 6) Tôi xin hết lòng thành kính, xin gacchàmi quy y Tăng, lần thứ nhì 8) Tatiyampi dhammam saranam gacchàmi 7) Tôi xin hết lòng thành kính, xin 9) Tatiyampi sangham saranam quy y Phật lần thứ ba gacchàmi 8) Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Pháp lần thứ ba 9) Tôi xin hết lòng thành kính, xin quy y Tăng lần thứ ba

Hòa thoợng đọc:

Phạn ngữ. Nghĩa

Tisaranaggahanam paripunam Các thọ pháp Tam quy đều đủ rồi

Giới tử đọc:

Àma bhante Dạ (và lạy)

Hòa thoợng đọc rồi Giới tử đọc theo:

Phạn ngữ Nghĩa

1. Pànàtipàtà veramanì sikkhàpadam 1. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý samàdiyàmi tránh xa sự giết thác lòai sanh mạng

2. Adinnàdânà vera manì 2. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý sikkhàpadam samadiyàmi tránh xa sự trộm cắp

3. Abrahma cariỳa ve ramanìyàmi 3. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thông dâm 4. Musàvàdà veramanì sikkhàpadam samà diyàmi 4. Tôi xin vâng giữ điều học,là cố ý tránh xa sự nói dối 5. Surà meraya majjappamàdatthânà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 5. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự dễ duôi uống roợu 6. Vikàlabhojanà vermanì sikkhàpadam samàdiyàmi 6. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ (từ đúng ngọ 7. Naccagìta vàditavisùkadassanà cho đến mặt trời mọc chẳng đoợc veramanì sikkhapadam sayà diyàmi phép ăn vật chi cả).

8. Màlàgandha vilepanadhàrana 7. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý mandana vibhùsanatthànà veramanì tránh xa sự hát múa sikkhapadam sayà diyàmi 8. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý 9. Uccàsayana mahàsayanà veramanì tránh xa sự trang điểm, đeo tràng sikkhapadam sayà diyàmi bông, thoa vật thơm và dồi phấn

10. Jàtarù parajatapatiggahanà 9. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý veramanì sikkhapadam sayà diyàmi tránh xa chỗ nằm và ngồi quá cao và xinh đẹp

10. Tôi xin vâng giữ điều học, là cố ý tránh xa sự thọ lãnh, cất giữ, hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh, cất giữ vàng bạc châu báu, hoặc cảm xúc đến các vật ấy

Ngài Hòa thoợng đọc tiếp:

Phạn ngữ. Nghĩa

Imàni dassa sikkhàpadàni Tôi xin thọ trì cả 10 điều học ấy samàdiyàmi

Sa-di đọc theo ba bận, rồi lạy, xong đứng chấp tay đọc: Vandàmi bhante ... (nhoị troớc).

Xong rồi, Sa-di phải xin Nissaya, cầm nhang đèn dâng cho vị Hòa thoợng, rồi đứng chấp tay đọc: Vandàmi bhante ... (nhoị troớc).

Sa-di đọc tiếp:

Phạn ngữ. Nghĩa

Ukàsa kàrunnam katvà nissayam Tôi xin thành kính, cầu đại đức dethame bhante thoợng xót mà cho tôi noợng dựa theo

Xong rồi ngồi chồm hổm đọc:

Aham bhante nissayam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức cho tôi noợng dựa theo Dutiyampi Aham bhante nissayam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức cho tôi noợng dựa theo lần thứ nhì Tatiyampi Aham bhante nissayam yàcàmi Bạch đại đức, xin đại đức cho tôi noợng dựa theo lần thứ ba (1 lạy). Upajjàyo me bhante hohi Bạch ngài, ngài là thầy tế độ của tôi

Trong mấy tiếng sau này, Hòa thoợng nói 1 tiếng nào cũng đoợc (Giới tử khỏi đọc theo):

Phạn ngữ. Nghĩa

Sàdhu Ngoợi làm nhoị thế này, là việc thành tựu điều lợi ích trong Phật pháp rồi. Làbu Ngoợi làm nhoị thế là sự nhẹ nhàng, là việc vui sống dễ dàng trong Phật

Pàtirùpam pháp rồi

Opàyikam Ngoợi làm nhoị thế, là đúng theo phoợng pháp đem mình ra khỏi luân Pàsàdikena samàdehi hồi khổ não rồi

Ngoợi xin đức Hòa thoợng nhoị thế, là vừa đến sự tôn kính theo pháp xoợa rồi

Ngoợi hãy làm cho phép Tam học là: giới, định, tuệ, đoợc thành tựu tốt đẹp vì đức tin đi

Xong rồi giới tử đọc:

Phạn ngữ. Nghĩa

Uhàsa sampaticchàmi Bạch đại đức, tôi xin thành kính hết lòng vâng chịu Sampaticchàmi Tôi xin hết lòng vâng chịu Sampaticchàmi Tôi xin hết lòng vâng chịu Ajjataggedàni thero mayham bhàro, ahampi therassa bhàro Kể từ nay tôi phải gánh

vác công việc của đại đức, là phải tôn kính làm các việc mà tôi phải làm, về phần đại đức, đại đức cũng hoan hỉ gánh vác, là nên nhắc nhở, và dạy bảo tôi luôn khi.

Dứt phép truyền Sa-di giới:

Sa-di phải mang bát đứng dậy đi vào, đến giữa Tăng, ngay trợớc mặt Hòa thợợng, rồi vị Yết ma đặt tên tạm cho Sa-di là Nàgo nàma, xong rồi hỏi Sa- di, (đây là khi nào giới tử thọ giới Sa-di rồi xin thọ luôn giới Tỳ Khợu).

---o0o---

PHÉP TRUYỀN TỲ-KHƯU GIỚI

Phạn ngữ. Nghĩa

Hỏi -- Tvam Nàgo nàma Hỏi -- Ngợơi phải là tên Nàgo nàma không?
Đáp -- Àma bhante
Đáp -- Bạch ngài phải
Hỏi -- Tuyham upajjhàyo àyasmà
Tissathero nàma Hỏi -- Thầy của ngợơi, phải chăng là ngài Tissathero Nàma không?
Đáp -- Àma bhante
Đáp - Bạch ngài phải
Xong rồi, ông thầy chỉ mấy ngón sau này, mà hỏi, giới tử trả lời: "Dạ phải"

Phạn ngữ. Nghĩa

Hỏi -- Ayam te patto Hòi -- Đây phải là bình bát của ngợơi không?
Đáp -- Àma bhante
Đáp -- Dạ phải
Hỏi -- Ayam sanghàti
Hỏi -- Đây phải là y Tăng già lê (y
Đáp -- Àma bhante hai lớp) của ngợơi không?
Hỏi -- Ayam anuttarà sangho Đáp -- Dạ phải

Đáp - Àma bhante Hỏi -- Đây, phải là y Huất đà la tăng (y mặc vai trái) của ngợơi không?
Hỏi -- Ayam antaravàsako.
Đáp -- Dạ phải
Đáp -- Àma bhante
Hỏi -- Đây, là y An đà hội (y nội)
Gaccha amumhi okàse titthàni của ngợơi không?
Đáp -- Dạ phải

Nói -- Ngợơi lui ra đứng nơi kia

Giới tử lui ra (khỏi chỗ Tăng ngồi) đứng chấp tay, ngay phía Hòa thợợng ngồi, thầy Kiết ma đọc cho Tăng nghe:

Phạn ngữ. Nghĩa

Sunàtu me bhante sangho nàgo Bạch cùng đại đức Tăng xin Tăng àyasmato tissassa nghe tôi trình: tên Sa-di Nàga đệ tử upasampadàpekkho yadi sanghassa của đại đức Tissa là ngoời nguyện pattakallam aham nàgam tu lên bực cao. Nếu lời ấy đã đúng anusàseyyam theo phép, tôi xin đi day Sa-di tên Nàga

Xong rồi, thầy Kiết ma lui ra đứng troớc mặt giới tử và dạy giới tử những điều sau đây:

Phạn ngữ. Nghĩa

Sunàsi nàga ayante saccakàlo Tên Nàga ngoơi phải nghe hồi này là bhùtakàlo hồi nên nói thiệt

Yamjàtam tam sangha majjhe Những điều gì mà hỏi ngoơi nơi giữa pucchante Tăng

Santam athìti vattabbam asantam Điều gì đã có, ngoơi nói có, điều gì natthìti vattabbam không, ngoơi nói không

Màkho pucchissanti santi te evarupà Ta hỏi ngoơi nhoơ vầy: những tật âbàdhà bịnh nhoơ sau đây, ngoơi có hay không?
Hỏi -- Kuttham?
Hỏi -- Ngoơi có bịnh cùi hay không?
Đáp -- Natthi bhante
Đáp -- Bạch không.
Hỏi - Gando
Hỏi -- Ngoơi có bịnh ung thoơ hay
Đáp - Natthi bhante không?
Hỏi -- Kilàso? Đáp - Bạch không

Hỏi -- Ngoơi có bịnh ghẻ ngứa hay

Đáp - Natthi bhante không?

Hỏi - Soso Đáp - Bạch không

Đáp - Natthi bhante Hỏi -- Ngoơi có bịnh suyển hay không?
Hỏi -- Apamàro?
Đáp - Bạch không
Đáp - Natthi bhante
Hỏi -- Ngoơi có bịnh phong điên hay
Hỏi -- Manussosi? không?
Đáp -- Àma bhante Đáp - Bạch không

Hỏi -- Purisosi? Hỏi -- Ngoơi phải là ngoời hay không?
Đáp - Àma bhante
Đáp -- Bạch phải
Hỏi -- Bhujjissosi?

Hỏi -- ngơi phải là ngời nam hay
Đáp -- Àma bhante không?
Hỏi -- Ànanosi? Đáp -- Bạch phải
Đáp - Àma bhante Hỏi - Ngơi phải là ngời vô sự không?
Hỏi -- Nasi ràjabhato?
Đáp -- Bạch phải
Đáp - Àma bhante
Hỏi -- Ngơi phải là ngời rảnh nợ
Hỏi -- Anunnàtosi màtàpitohi? không?
Đáp - Àma bhante Đáp -- Bạch phải
Hỏi -- Paripunnavìsa Tivassosi? Hỏi -- Ngơi là ngời không mắc việc quan phải không?
Đáp - Àma bhante
Đáp -- Bạch phải
Hỏi -- Paripunnamte patta Civaram?
Hỏi -- Ngơi có phép cha, mẹ cho
Đáp - Àma bhante
Hỏi -- Kinnàmosi? xuất gia hay không?

Đáp - Àma bhante Nàgonàma Đáp -- Bạch phải

Hỏi -- Knàmote upajjàyo? Hỏi -- Ngơi đúng 20 tuổi hay chơa?

Đáp -- Upajjhàyo mebhante àyasmà Đáp -- Bạch phải tissatthero nàma Hỏi- Ngơi có đủ y, bát hay không?

Đáp -- Bạch phải

Hỏi -- Ngơi tên chử là gì?

Đáp -- Bạch tôi tên là Na-go na-ma

Hỏi -- Thầy ngơi tên chi?

Đáp -- Thầy tôi tên là Tissathero

Chờ ông thầy kêu.

Rồi giới tử lại ngồi chổm hổm, chắp tay đọc, khi đọc dạy giới tử, rồi thầy Yết ma trở vào nơi giữa Tăng, đọc tuyên bố và kêu giới tử vào rằng:

Sunàtume bhante sangho nàgo àyasmato tissassa upasampadàpekkho anusitto so mayà yadi sanghassa pattakallam nàgo àgaccheyya àgacchàhiti vattabbo àgacchàhi

Bạch hoá đại đức tăng, xin đại đức tăng nghe tôi trình: Tên Sa-di Nàgo (là đệ tử) của ngài Tissa là ngơi nguyện tu lên bực cao. Tên Sa-di Nàgo ấy, tôi đã dạy bảo rồi. Nếu lễ truyền Tỳ-khơu giới này đã vừa đến giờ hành tăng sự, thì tên Sa-di Nàgo nên vào: Tên Sa-di Nàgo ấy, tôi nên gọi cho vào, "Ngơi vào đi".

Tên Sa-di đi vào ngồi gữa trong Tăng, trợớc mặt ngài Hoà thợợng, làm lễ ngài Hoà thợợng và chợ Tăng, rồi phải ngồi chồm hổm chấp tay, xin tu lên bậc trên bằng lời này:

Sangham bhante upsampadam yàcàmi, ullumpatumam bhante sangho anukampam upàdàya.

Dutiyampi bhante upsampadam yàcàmi, ullumpatumam bhante sangho anukampam upàdàya.

Tatiyampi bhante upsampadam yàcàmi, ullumpatumam bhante sangho anukampam upàdàya.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bậc trên 7.

Bạch hoá đại đức tăng, xin tăng thợơng xót tiếp độ đem tôi lên cho khỏi tợớng mạo Sa-di và để tôi vào hàng Tỳ-khợu.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bậc trên.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng thợơng xót tiếp độ đem tôi lên cho khỏi tợớng mạo Sa-di và để tôi vào hàng Tỳ-khợu lần thứ nhì.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng cho tôi tu lên bậc trên.

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng thợơng xót tiếp độ đem tôi lên cho khỏi tợớng mạo Sa-di và để tôi vào hàng Tỳ-khợu lần thứ ba.

Khi giới từ đã thọ cụ túc giới giữa Tăng, Tăng đều ngồi xa nhau 1 hắc, 1 gang 8 xong rồi thầy Kiết ma đọc bài sau này:

Sunàtume bhante sangho ayam nàgo àyasmato tissassa upasampadà pekkho yadi sanghassa pattakallam aham nàgam antaràyikedhamme pucheyyam

Bạch cùng đại đức tăng, xin Tăng nghe tôi trình: Tên Sa-di Naga, đệ tử của ngài Tissa, là ngợời nguyện tu lên bậc cao nếu việc của tăng làm đây đã đúng theo pháp, tôi xin hỏi Sa-di Nàga các pháp chợớng ngại.

Sunàsi nàga ayante saccakàlo bhùtakàlo:

Tên Nàga, ngợơi phải nghe: Hồi này là hồi nên nói thiệt.

Yamjàtam tam pucchàmi:

Những điều gì có thì ta hỏi ngay đến điều ấy.

Santam atthìti vattabbam asantam natthìti vattabbam:

Điều gì đã có thì ngợời nói có, điều gì không thì ngợời nói không.

Santi te evarùpà àbàdhà:

Những tật bịnh nhợ đây ngợơi có hay không?

Hỏi -- Kuttham Hỏi -- Ngợơi có bịnh chi hay không?

Đáp -- Natthi bhante Đáp -- Bạch không.

Upajjhàyo me bhante àyasmà tissathero nàma: nghĩa nhọ trọớc (xem nơi chọương "Bổn phận làm Hòa thọượng").

Khi thầy Kiết ma hỏi các chọướng ngại giữa Tăng xong rồi, đọc giới bổn lần tiếp theo cho Tăng nghe nhọ vầy:

Sunàtume bhante sangho ayam nàgo àyasmato tissassa upasampadà pekkho parisuddho antaràyikehi dhammehi paripunnassa pattacìvaram nàgo sangham upasampadam yàcati àyasmatà tissena upajjhàyena yadi sanghassa pattakallam sangho nàgam upasampàdeyya àyasmatà tissena upajjhàyena esà natti

Bạch hoá đại đức tăng, xin tăng nghe tôi trình: Tên Sa-di Nàga,là đệ tử của đại đức Tissa, là ngọời nguyện tu lên bậc trên cao đọợc trong sạch, không phạm pháp chọướng ngại, bình bát và ca-sa của Sa-di Nàga này có đều đủ. Sa-di Nàga có đại đức Tissa là hoà thọượng, đã có đến xin Tăng, cho Sa-di ấy tu lên bậc cao. Lời này là lời để trình cho Tăng rõ.

Sunàtume bhante sangho ayam nàgo àyasmato tissassa upasampadà pekkho parisuddho antaràyikehi dhammehi paripunnassa pattacìvaram nàgo sangham upasampadam yàcati àyasmatà tissena upajjhàyena sangho nàgam upasampàdeti àyasmatà tissena upajjhàyena yassàyasmato khamati nàgassa upasampadà àyasmatà tissena upajjhàyena so tunhassa yassa nakkhamati so bhàseyya dutiyampi, etamattham vadàmi:

Bạch hoá đại đức tăng, xin Tăng nghe tôi trình: Tên Sa-di Nàga,là đệ tử của đại đức Tissa, là ngọời nguyện tu lên bậc trên cao đọợc trong sạch, không phạm pháp chọướng ngại, bình bát và ca-sa của Sa-di Nàga này có đều đủ. Sa-di Nàga có đại đức Tissa là hoà thọượng, đã có đến xin tăng, cho Sa-di ấy tu lên bậc cao (là bậc Tỳ-khọu). Nếu sự nhận cho Sa-di Nàga có đại đức Tissa là hoà thọượng tu lên bậc cao này vừa lòng vị đại đức nào, vị ấy nên nín

thinh bằng chẳng vừa lòng vị đại đức nào, vị đại đức ấy đọợc phép cải, tôi đã trình lần thứ nhì rồi.

Sunàtume bhante sangho ayam nàgo àyasmato tissassa upasampadà pekkho parisuddho antaràyikehi dhammehi paripunnassa pattacìvaram nàgo sangham upasampadam yàcati àyasmatà tissena upajjhàyena sangho nàgam upasampàdeti àyasmatà tissena upajjhàyena yassàyasmato khamati nàgassa upasampadà àyasmatà tissena upajjhàyena so tunhassa yassa nakkhamati so bhàseyya tatiyampi, etamattham vadàmi:

Bạch hoá đại đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình: Tên Sa-di Nàga,là đệ tử của đại đức Tissa, là ngọời nguyện tu lên bậc trên cao đọợc trong sạch, không phạm pháp chọướng ngại, bình bát và ca-sa của Sa-di Nàga này có đều đủ. Sa-di Nàga có đại đức tissa là hoà thọượng, đã có đến xin tăng, cho Sa-di ấy tu lên bậc cao. nếu sự nhận cho Sa-di Nàga có đại đức Tissa là hoà thọượng tu lên bậc cao này vừa lòng vị đại đức nào, vị ấy nên nín

thinh bằng chẳng vừa lòng vị đại đức nào, vị đại đức ấy đoợc phép cải, tôi đã trình lần thứ ba rồi.

Sunàtume bhante sangho ayam nàgo àyasmato tissassa upasampadà pekkho parisuddho antaràyikehi dhammehi paripunnassa pattacìvaram nàgo sangham upasampadam yàcati àyasmatà tissena upajjhàyena sangho nàgam upasampàdeti àyasmatà tissena upajjhàyena yassàyasmato khamati nàgassa upasampadà àyasmatà tissena upajjhàyena so tunhassa yassa nakkhamati so bhàseyya.

Bạch hoá đại đức tăng... vị ấy đoợc phép cải... tôi đã trình lần thứ toị rồi.

Upasampanno sanghena nàho àyasmatà tisena upajjhàyena khamati sanghassa tsàm tunhì evametam dhàrayàmi.

Tên Sa-di Nàga này có đại đức Tissa là hoà thoợng là ngoời mà Tăng đã nhận cho tu lên bậc cao rồi. Tôihiểu chắc rằng: Tăng đã bằng lòng, vì sự nín thinh của tăng.

Thầy Kiết ma đọc dứt bổn phận, trình cho Tăng nghe xong giờ nào thì giới tử đoợc lên Tỳ-khoịu giờ ấy (y theo lời của đức Thế Tôn đã giáo truyền).

Những ngoời tu Phật, nếu đã học đủ các phép thọ cụ túc giới theo cách đã giải troớc xong rồi, thì phải nên biết rằng trong các phép ấy chia ra làm 2 phần.

Phần đầu chia ra làm 8 phép:

1) Khi làm lễ nhận Tỳ-khoịu làm thầy tế độ. 2) Khi thầy Kiết ma chỉ bình bát và ca sa. 3) Khi thầy Kiết ma bảo giới tử lui ra khỏi Tăng và trình cho Tăng nghe rõ, để hỏi giới tử. 4) Khi thầy Kiết ma bảo giới tử lui ra khỏi Tăng và trình cho Tăng nghe rõ, rồi trở ra dạy giới tử. 5) Khi thầy Kiết ma trở vô, có dắt giới tử vào chỗ Tăng. 6) Khi giới tử làm lễ choị Tăng và đọc bài thọ cụ túc giới ở giữa Tăng. 7) Khi giới tử đọc bài xin thọ cụ túc giới rồi, thầy Kiết ma sẽ hỏi các pháp choớng ngại. 8) Thầy Kiết ma đã hỏi các pháp choớng ngại giữa Tăng.

Phần sau là từ khi thầy kiết ma Khởi sự đọc bài: Sunàtu me bhante sangho... Trình cho Tăng rõ đến 4 bận.

Phần đầu thuộc về giới tử. Phần sau thuộc về phần của thầy Kiết ma.

Dứt phép truyền cụ túc giới

-ooOoo-

GIỚI LUẬT SA-DI

Những ngoời học Phật troớc khi muốn vào tu bậc Sa-di phải thông hiểu luật Sa-di, nghĩa là phải học luật y theo giáo pháp của đức Phật đã truyền dạy, không đoợc canh cải. Giới luật ấy có 30 điều học chia ra làm 3 phần:

1) Sikkhàpada (phép học có 10 điều học). 2) Dandakamma (phép hành phạt có 10 điều học). 3) Nàsananha (phép trục xuất có 10 điều học).

---o0o---

01) MƯỜI PHÉP HỌC (SIKKHÀPADA)

Phạn ngữ Nghĩa

1. Pânàtipàtà veramanì sikkhàpadam 1. Sát sanh: Tôi xin vâng giữ điều

samàdiyàmi học, là cố ý tránh xa sự giết thác loài sanh mạng 2. Adinnàdànà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 2. Trộm cắp: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp 3. Abrahmacariyà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 3. Thông dâm: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự thông dâm 4. Musàvàdà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 4. Vọng ngữ: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối. 5. Suràmeraya majjapamàdatthànà veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 5. Ẩm tửu: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ duôi uống 6. Vikàla bhojànà veramanì rọợu. sikkhàpadam samàdiyàmi 6. Ăn sái giờ: Tôi xin vâng giữ điều 7. Naccagìta vàditavi sukadassanà học là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ (từ veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi đúng ngọ cho đến mặt trời mọc chẳng đoợc phép ăn vật chi). 8. Màlàgandha vilepanadhàrana mandana vibhù sanatthàna veramanì 7. Múa hát, đờn kèn: Tôi xin vâng sikkhàpadam samàdiyàmi giữ điều học là cố ý tránh xa sự múa hát, đờn kèn và đi xem múa hát nghe 9. Uccàsayana mahàsayana đờn kèn. veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi 8. Trang điểm, thoa vật thơm, dồi 10. Jàtarùparajata patiggahanà phấn và đeo tràng hoa: Tôi xin vâng veramanì sikkhàpadam samàdiyàmi giữ điều học là cố ý tránh xa sự trang điểm, thoa vật thơm, dồi phấn và đeo tràng hoa.

9. Nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa chỗ nằm và ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

10. Thọ lãnh và cất giữ vàng, bạc châu báu: Tôi xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự thọ lãnh và cất

giữ vàng, bạc châu báu hoặc cảm xúc đến các vật ấy.

---o0o---

02) MƯỜI PHÉP HÀNH PHẠT (DANDAKAMMA) 1. Vikàlabhogi hoti 1. Ăn sái giờ.

2. Naccàdivisùkadassiko hoti 2. Múa hát đờn kèn và xem múa hát đờn kèn.
3. Màlàdidhàranàdiko hoti
3. Trang điểm,đeo tràng hoa và thoa
4. Uccàsayanàyiko hoti vật thơm.
5. Jàtarùparaja tapatigganhako hoti 4. Nằm và ngồi nơi quá cao và xinh đẹp 6. Bhikkhùnam alàbhà yàvajìvika parisakkati 5. Thọ lãnh và cất giữ hoặc bảo kẻ khác thọ lãnh, cất giữ và cảm xúc 7. Bhikkhùnam anatthà parisakkhati đến vàng bạc châu báu.

8. Bhikkhùnam ana vàsàya 6. Cố ý làm cho Tỳ-khoợu không có parisakkhati đồ dùng. 9. Bhikkhu akkosati paribbàsati 7. Cố ý làm cho Tỳ-khoợu mất sự hữu ích. 10. Bhikkhu bhikkhùhi bhedeti. 8. Cố ý làm cho Tỳ-khoợu không có chỗ ở.

9. Mắng chọởi Tỳ-khoợu.

10. Làm cho Tỳ-khoṇu bất hoà cùng nhau.

Sa-di phạm 1 trong 10 điều kể trên, thì bị Tỳ-khoṇu hành phạt, nhất là bị bắt gánh noṇớc.

---o0o---

03) MƯỜI PHÉP TRỤC XUẤT (NÀSANANGA) 1. Pànàtipàti hoti 1. Giết loài động vật.

2. Adinnàdàya hoti 2. Trộm cắp.

3. Abrahmacari hoti 3. Thông dâm.

4. Musàvàdi hoti 4. Nói dối.

5. Majjapàyi hoti 5. Uống roṇợu.

6. Bhikhùnam alàbhàya parisakkati 6. Cố ý làm Tỳ-khoṇu không có đồ dùng.
7. Bhikhùnam anatthàya parisakkati
7. Cố ý làm Tỳ-khoṇu mất sự hữu ích.
8. Bhikhùnam anavàsàya parisakkati
8. Cố ý làm Tỳ-khoṇu không có chỗ
9. Bhikhùnam akkosati parisakkati ở.
10. Bhikkhu bhikkhùhi bhedeti 9. Mắng choṇởi Tỳ-khoṇu.

10. Làm cho Tỳ-khoṇu bất hoà cùng nhau.

Sa-di phạm 1 trong 10 điều kể trên, thì bị trục xuất

Bổn phận Sa-di phải học thông thuộc 30 phép đã nói trên và cũng phải thọ trì thêm 75 điều oṇng học pháp.

(Xem trong giới bổn Tỳ-khưu chỗ "Ưng học pháp". Ngoài ra, Sa-di còn phải học thêm những điều học trong Pàtimokkha: phạm tội vì đời khiển trách - lokavajja. Như trong 13 điều Tăng tàn, trừ khi Điều 5, 6, 7...).

--- o0o ---

LỜI DẠY TIẾP (ANUSÀSANA)

Lời chỉ mà đức Chánh Biến Tri chế định cho Tỳ-khoṇu là thầy tế độ dạy bảo đệ tử mới vừa đoṇợc thọ lễ tu lên bậc trên 9 (upasampadà) sau khi đã tụng

tuyên ngôn lần thứ toṇ (natti catuttha kamma vàcà) cho Tỳ-khoṇu mới ấy đoṇợc biết lần lần. Gọi là lời dạy tiếp (anusàsana). Lời dạy tiếp này có 8 điều chia ra làm 2 đoạn: "4 phép noṇơng" (nissaya)10 và "4 sự không nên làm" (akaramìyakicca).

Vật dụng để cho hàng xuất gia dùng gọi là phép noṇơng, có 4:.

- Ddi khuất thực
- Mặc y bẩn thỉu
- Ngụ doṇới bóng cây

- Dùng thuốc ngâm với nọ́ớc tiểu (nọ́ớc tiểu bò đen).
Sự mà hàng xuất gia không nên làm có 4:

- Hành dâm
- Trộm cắp
- Giết ngọ̀ời
- Khoe pháp bậc cao nhơn
---o0o---

TAM HỌC (TRISIKKHÀ)

Các đức mà hàng xuất gia phải tu tập gọi là Học (sikkhà) có 3: Giới (sìla), Định (samàdhi), Tuệ (panna).

Sự thu thúc thân và khẩu cho chơn chánh gọi là "Giới", sự trau dồi làm cho yên lặng gọi là "Định", sự biết rõ trong các sắc tọ́ớng gọi là "Tuệ". PHẠM TỘI (ÀPATTI).

Tội phát sanh vì sự dễ duôi điều học mà đức Chánh Biến Tri đã cấm chế (nghĩa là không cho làm), gọi là "phạm tội". Phạm tội ấy, gọi theo tên có 7:

1. Bất cộng trụ (Pàràjika).
2. Tăng tàn (Sanghàdisesa).
3. Trọng tội (Thullaccaya).
4. Ọ̀ng đối trị (Pàcittiya).
5. Ọ̀ng phát lộ (Pàtidesanìya).
6. Tác ác (Dukkata).
7. Ác ngữ (Dubbhàsita).
Tội Bất cộng trụ mà Tỳ-khọ̀u phạm rồi, chẳng còn làm Tỳ-khọ̀u đọ̀ợc nữa.

Tội Tăng tàn, nếu Tỳ-khọ̀u phạm rồi, phải chịu hình phạt cấm phòng rồi mới khỏi tội.

Còn 5 tội sau, khi Tỳ-khọ̀u đã phạm phải cung xọ̀ng sám hối giữa Tăng, hoặc 2, 3 vị Tỳ-khọ̀u, hoặc 1 vị Tỳ-khọ̀u, rồi mới hết tội. Thể thức phạm tội (àpattàpajjanàkàra).

Thể thức mà Tỳ-khọ̀u phạm các tội có 6:

1. Phạm vì không hổ thẹn (Alajjità). 2. Phạm vì không biết tội (Annànatà) là không biết rằng làm thế này, thế kia mà 3. phạm. 3. Phạm vì hoài nghi mà vẫn làm (Kukkuccapakatatta). 4. Phạm vì tọ̀ởng là nên trong điều không nên (Akappiye kappiya sannità). 5. Phạm vì tọ̀ởng là không nên trong điều nên (Kappiye akappiya sannità). 6. Phạm vì quên (Sati sammosà).

Chú giải: Nguyên nhân phạm tội có 6 điều ấy nhọ̀ vầy:

1) Phạm vì không hổ thẹn tội, là Tỳ-khọ̀u không biết xấu hổ tội, vì lòng riêng tọ̀ thọ̀ơng riêng (chandàgati), giận riêng (dosàgati), lầm riêng (mohàgati), sợ riêng (bhàyàgati), mà phạm các điều học nhỏ, lớn, không biết xấu hổ, nhọ̀ thế gọi là phạm tội vì không biết xấu hổ.

2) Phạm vì không thông luật cấm: Tỳ-khoṇu ngu dốt, không biết rằng điều nào không nên làm rồi lầm lạc, làm điều ấy, điều nào nên làm lại làm sai, quá pháp luật, cho phát sanh tội, hoặc không biết điều học của Phật chế cấm rồi làm nhoṇ thế gọi là phạm tội vì sự không thông.

3) Phạm vì hoài nghi: Tỳ-khoṇu có sự nghi ngờ, không hỏi luật soṇ cầu xin quyết định troṇớc rồi mới nên làm nhoṇ thế, rồi làm theo ý riêng của mình, vì sự nghi nan nên phạm tội. Khi đã nghi rồi, dù làm điều nên hoặc không nên, cũng không khỏi tội; đều đủ mỗi điều học, điều nào về Tăng tàn, Trọng tội,

Oṇng đối trị hoặc Tác ác thì phạm theo điều ấy, nhoṇ thế gọi là phạm tội vì hoài nghi.

4) Phạm do toṇởng trong điều không nên cho là nên: Tỳ-khoṇu toṇởng trong thịt không nên dùng là nhoṇ thịt gấu, coṇp mà toṇởng là thịt heo, hoặc bò, là thịt nên dùng, rồi ăn thì phạm tội, hoặc vật thực không nên dùng, rồi ăn thì phạm tội, hoặc đã chinh xế rồi toṇởng là còn sớm, rồi thọ thực thì phạm tội, nhoṇ thế gọi là phạm tội vì toṇởng trong vật thực không nên cho là nên.

5) Phạm vì toṇởng trong vật nên dùng cho là không nên là: Tỳ-khoṇu toṇởng trong thịt nên dùng, nhoṇ thịt heo, bò, cho là thịt gấu, coṇp không nên dùng, rồi ăn vào thì phạm tội, hoặc ngày còn sớm toṇởng là xế, rồi thọ thực vào thì phạm tội, nhoṇ thế gọi là: phạm tội vì toṇởng trong vật thực nên dùng cho là không nên.

6) Phạm vì quên là: Tỳ-khoṇu nằm ngủ trong nơi lợp, che với ngoṇời choṇa tu lên bậc Tỳ-khoṇu đến 3 đêm, qua đêm thứ toṇ, rồi quên đi nằm, ngủ chung trong nơi lợp, che nữa thì phạm tội hoặc quên, lìa xa 1 trong 3 y nào thì phạm tội; hoặc thọ thuốc (đoṇờng, mật, sữa) rồi cất giữa quá 7 ngày, thì phạm tội; hoặc thọ y doṇ để quên không gởi hoặc không cho đến kẻ khác quá 10 ngày thì phạm tội Oṇng xã đối trị, nhoṇ thế gọi là phạm tội vì quên. Chỗ sanh tội (samutthàna).

Chỗ sanh tội (samutthàna) trong điều học có 6:

1) Thân,
2) Khẩu,
3) Thân và khẩu,
4) Thân và ý,
5) Khẩu và ý,
6) Thân, khẩu và ý.

Tội chỉ sanh nơi thân hoặc chỉ sanh nơi khẩu là 1 chỗ sanh, nhoṇ thế gọi có 1 chi (anga). Sanh nơi thân chung với ý, hoặc sanh nơi khẩu với ý, là 1 chỗ sanh, nhoṇ thế gọi là có 2 chi. Sanh nơi thân chung với khẩu và ý là 1 chỗ sanh, nhoṇ thế gọi là có 3 chi, 3 chỗ sanh troṇớc, thân khẩu, thân và khẩu gọi là chỗ sanh "không cố ý" [*] (acittaka samutthàna), nghĩa là: Chỗ sanh của tội "không cố ý" không lẫn lộn với ý. Ba chỗ sanh sau là: thân khẩu ý, thân, khẩu, ý gọi là chỗ sanh cố ý. nghĩa là "chỗ sanh tội cố ý" lẫn lộc với ý.

[*] không cố ý làm cũng phạm tội

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu dầu không cố ý cũng phạm gọi là "vô ý" (acittaka). Nếu cố ý, gọi là "cố ý" (sacittaka).

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu phạm chỉ vì chỗ sanh thứ toṇ là thân ý, nhoṇ trong điều học "Bất cộng trụ thứ nhất" (dâm dục) (pathama pàràjika); chỉ phạm vì chỗ sanh thứ 5, là khẩu ý nhoṇ trong điều học "thuyết pháp đến phụ nữ" (dhamma desanà sikkhàpada); chỉ phạm vì chỗ sanh thứ 6, là thân khẩu ý nhoṇ trong điều học "chia rẽ Tăng" (sanghabheda sikkhàpada), ba chỗ sanh này gọi là 1 chỗ sanh.

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân) hoặc thứ 4 (thân, ý) nhoṇ trong điều học "Tỳ-khoṇu thọ lông cừu" (elakaloma sikkhàpada); phạm vì tội sanh thứ 2 (khẩu) hoặc thứ 5 (khẩu, ý) nhoṇ trong điều học "dạy kệ đến ngoṇời choṇa tu bậc Tỳ-khoṇu" (upasampanna) (pada dhamma sikkhàpada); phạm vì chỗ sanh thứ 3 (thân khẩu) hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) nhoṇ trong điều học "lễ dâng y thứ nhất" [*] (pathama Kathina); phạm vì chỗ sanh thứ 4 (thân, ý); hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) nhoṇ trong điều học "trốn quan thuế" (theyya sattha sikkhàpada); phạm vì chỗ sanh thứ 5 (khẩu, ý) hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý), nhoṇ trong điều học "Tỳ-khoṇu ni không hỏi troṇớc mà làm lễ xuất gia cho phụ nữ có tội" (cirivutthapana sikkhàpada); 5 điều học này gọi là "có 2 chỗ sanh".

[*] đại lễ dâng y đến Tăng trong 1 năm có 1 kỳ, từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10.

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân), thứ 2 (khẩu), thứ 3 (thân, khẩu) nhoṇ trong điều học "Tỳ-khoṇu nói thiệt pháp cao nhơn" (bhùtàrocana sikkhàpada); phạm tội vì chỗ sanh thứ 4 (thân, ý), thứ 5 (khẩu, ý) hoặc thứ 6 (thân, khẩu, ý) nhoṇ trong điều học trộm cắp (adinnàdàna sikkhàpada). Điều học này gọi là có "3 chỗ sanh".

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân), thứ 3 (thân, khẩu), thứ 4 (thân, ý), thứ 6 (thân, khẩu, ý) nhoṇ trong điều học "Tỳ- khoṇu đi chung đoṇờng xa cùng Tỳ-khoṇu ni" (addhànasikkhàpada); phạm vì chỗ sanh thứ 2 (khẩu), thứ 3 (thân, khẩu), thứ 5 (khẩu, ý), thứ 6 (thân, khẩu, ý) nhoṇ trong điều học "Tỳ-khoṇu ni làm lễ xuất gia cho phụ nữ mà cha, mẹ choṇa cho phép" (ananaunnàta sikkhàpada); 2 điều học này gọi là "có 4 chỗ sanh".

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu phạm vì chỗ sanh thứ 1 (thân), thứ 2 (khẩu), thứ 3 (thân, khẩu), thứ 4 (thân, ý), thứ 5 (khẩu, ý), thứ 6 (thân, khẩu, ý) nhoṇ trong điều học "làm mai dong" (sancarita sikkhàpada); điều học này gọi là "có 6 chỗ sanh".

Tất cả điều học, nói về Chỗ sanh tội (samutthàna) có 13, cả 13 tội ấy có 13 tên, do chỗ sanh theo điều học chế ra lần đầu tiên nhoṇ vầy "chổ sanh điều học Bất cộng trụ thứ nhất" (pathama pàràjika samutthàna), "chỗ sanh điều học trộm cắp" (adinnàdàna samutthàna), "chỗ sanh điều học làm mai dong" (sancarita samutthàna), "chỗ sanh điều học tụng lời khuyên răn" (samanubhàsana samutthàna), "chỗ sanh điều học lễ dâng y lần thứ nhất" (pathama Kathina samutthàna), "chỗ sanh điều học Tỳ-khoṇu thọ lông cừu" (elakaloma samutthàna), "chỗ sanh điều học Tỳ-khoṇu đi đoṇờng xa chung cùng Tỳ-khoṇu ni" (addhàna samutthàna), "chỗ sanh điều học trốn quan thuế"

(theyyasattha samutthàna), "chỗ sanh điều học thuyết pháp đến phụ nữ "(dhammadesanà samutthàna), "chỗ sanh điều học Tỳ-khọu nói thiệt pháp bậc cao nhơn" (bhùtàrocana samutthàna), "chỗ sanh điều học Tỳ-khọu ni làm lễ xuất gia cho phụ nữ mà cha mẹ chọa cho phép" (ananunnàtasamutthàna).

Phạm tội phát sanh trong điều học do thân và ý, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Bất cộng trụ thứ nhất" (pathama pàràjika samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh vì cố ý (3 chỗ sanh phía trọớc), điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học trộm cắp" (adinnàdàna samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do cả 6 chỗ sanh, điều học ấy gọi là chỗ sanh điều học "chỗ sanh điều học làm mai dong" (sancarita samutthàna).

Phạm tội trong điều học chỉ phát sanh do 1 chỗ sanh thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học tụng lời khuyên răn" (samanubhàsana samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 3 và thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học lễ dâng y lần thứ nhất" (pathama Kathina samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 1 và thứ 4, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỳ-khọu thọ lông cừu" (elakaloma samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 2 và thứ 5, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học dạy kệ đến ngọời chọa tu lên bậc Tỳ-khọu" (padaso dhamma samutthàna).

Phạm tội trong điều học chỉ phát sanh do 1 chỗ sanh thứ 5, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học thuyết pháp đến phụ nữ "(dhamma desanà samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do 3 chỗ sanh vô ý phía trọớc, "chỗ sanh điều học nói thiệt pháp bậc cao nhơn" (bhùtàrocana samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 5 và thứ, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỳ-khọu ni làm lễ xuất gia cho phụ nữ có tội" (cirivutthàpana samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do chỗ sanh thứ 2, thứ 3, thứ 5 và thứ 6, điều học ấy gọi là "chỗ sanh điều học Tỳ-khọu ni làm lễ xuất gia cho phụ nữ mà cha mẹ chọa cho phép" (ananunnàtasamutthàna).

Về tiếng gọi là "vì thể thức có chỗ sanh" ấy là nói về: làm (kiriyà), tọởng (sannà), ý (citta), tội (vajja), nghiệp (kamma), tít cá (tikka), dạy ngọời làm (anatti), theo thứ tự nhọ vầy:

Phạm tội trong các điều học vì làm (kiriyà) có 5:

1) Phạm vì làm (kiriyà). 2) Phạm vì không làm (akiriyà). 3) Phạm vì làm và không làm(kiriyà akiriyà). 4) Phạm vì làm cũng có không làm cũng có (siyàakiriyà - siyàakiriyà). 5) Phạm vì làm cũng có và không làm cũng có (siyàkiriyà yàkiriyà kiriyà).

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu phạm do thân hoặc khẩu, nhoṇ trong điều học "Tỳ-khoṇu đào đất" (pathavikhana sikkhàpada), điều học ấy gọi là phạm vì làm (kiriyà).

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu phạm vì không làm, nghĩa là: tự mình phải làm hoặc phải nói mà không làm không nói, nhoṇ trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhất" (pathama Kathina sikkhàpada) không làm dấu và đặt

tên, cất giữ y quá 10 ngày, nhoṇ thế điều học ấy, gọi là phạm vì không làm (akiriyà).

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu phạm vì làm và không làm nhoṇ trong điều học "thọ y nơi tay Tỳ-khoṇu ni không phải bà con" (cìvara patiggahana sikkhàpada) không đổi troṇớc [*] mới phạm tội, điều học này gọi là "phạm vì làm và không làm" (kiriyà akiriyà).

[*] thọ là làm, không đổi là không làm

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu phạm vì làm cũng có và không làm cũng có, nhoṇ trong điều học "thọ bạc vàng châu báu..."(rùpiya patiggahana sikkhàpada), có Tỳ-khoṇu phạm vì làm cũng có là thọ bạc vàng châu báu..., có Tỳ-khoṇu phạm vì không làm cũng có, là không ra dấu ngăn cản bạc vàng, châu báu... mà ngoṇời đem đến dâng cho, điều học này gọi là "phạm vì làm cũng có và không làm cũng có" (siyàkiriyà siyàakiriyà).

Tội trong điều học mà Tỳ-khoṇu phạm vì làm cũng có, vì làm và không làm cũng có nhoṇ trong điều học "Tỳ-khoṇu cất thất tô bằng vôi, hoặc bằng đất sét" (kutikàra sikkhàpada), có khi phạm tội vì vì do Tăng chỉ chỗ, rồi làm thất lớn quá hạn định, điều học này gọi là "phạm vì làm cũng có, vì làm và không làm cũng có" (siyàkiriyà siyàkiriyà kiriyà).

Lại nữa, các điều học nói về ý toṇởng (sannà) có 2 là:.

1) Khỏi phạm vì toṇởng (sannàvimokkha). 2) Không khỏi phạm vì toṇởng (no sannàvimokkha).

Trong điều học khỏi phạm vì toṇởng, là không phạm vì toṇởng, là không phạm tội, nhoṇ noṇớc có côn trùng mà toṇởng rằng không có, rồi uống không phạm tội. điều học này gọi là Khỏi phạm vì toṇởng (sannàvimokkha).

Trong điều học không khỏi tội vì toṇởng, nhoṇ mặt trời đã chinh xế mà toṇởng rằng choṇa mà dùng vật thực thì phạm tội. điều học này gọi là Không khỏi phạm vì toṇởng (no sannàvimokkha).

Lại nữa, các điều học nói về ý có 2: cố ý (sacittaka) và vô ý (acittaka).

Phạm tội trong điều học phát sanh do 3 "chỗ sanh cố ý" (sacittaka samutthàna), "thân ý, khẩu ý, thân khẩu ý", không lầm lộn với "chỗ sanh vô

ý" (acittaka samutthàna). Điều học nhoṇ thế gọi là "chõ sanh cố ý" (sacittaka samutthàna).

Phạm tội trong điều học phát sanh do 3 "chỗ sanh vô ý" (acittaka samutthàna) là thân, khẩu, thân và khẩu. Điều học nhoṇ thế gọi là vô ý (acittaka).

điều học nào gọi là Khỏi phạm vì tọởng (sannàvimokkha), điều học ấy gọi là vô ý (sacittaka).

điều học nào gọi là không khỏi phạm vì tọởng (no sannàvimokkha), điều học ấy gọi là vô ý (sacittaka).

Lại nữa,các điều học nói về tội có 2:

1) Tội vì đời (loka vajja). 2) Tội vì Phật cấm (pannatti vajja).

Phạm tội trong điều học nào, dầu là vô ý,nhọ điều học uống rọợu (suràpana sikkhàpada), ý trong thời phạm về phần vô ý, dầu Tỳ-khọu không biết là rọợu, rồi cho vào khỏi cổ thì phạm tội, ấy là ác tâm về gốc xan tham (lobhamùla). Điều học này gọi là phạm tội vì đời (loka vajja), là tội mà bậc trí tuệ nên lánh, nên khinh khi trong đời.

Còn nói cố ý biết vật không nên dùng, nhọ biết là rọợu rồi uống vì ý tham, không nói về cái ý biết luật cấm là biết rằng không nên, nếu đã biết là không nên mà không tuân lịnh Phật, làm sái điều học vì ý nào, ý ấy (ý bất bình, bực bội) là gốc tội. Cho nên điều học uống rọợu (suràpana sikkhàpada), điều học "Tỳ-khọu đi xem động binh đao" (Uyyutta sikkhàpada) và điều học "Tỳ-khọu đi đến nơi chiến trọờng" (uyyudhika sikkhàpada) mới gọi là vô ý, có tội vì đời. Còn ý biết điều tội trong điều học nào dầu là lành, điều học ấy gọi tội vì Phật cấm, là có tội mà bậc trí tuệ nên lánh vì Phật cấm.

Lại nữa, các điều học, nói về nghiệp có 3: thân nghiệp, khẩu nghiệp, thân và khẩu nghiệp.

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khọu chỉ phạm vì thân môn, nhọ tội phát sanh do chỗ sanh thứ 1 và thứ 4, điều học ấy gọi là "thân nghiệp".

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khọu chỉ phạm vì khẩu môn, nhọ tội phát sanh do chỗ sanh thứ 2 và thứ 5, điều học ấy gọi là "khẩu nghiệp".

Tội trong điều học nào mà Tỳ-khọu chỉ phạm trong thân và khẩu môn, điều học ấy gọi là "thân nghiệp, khẩu nghiệp".

Lại nữa Tikka có 2:

1) Phần tâm có 3: chỉ nói về thiện tâm. 2) Phần thọ có 3: chỉ nói về thọ.

Tỳ-khọu khi phạm tội có tâm lành phạm cũng có, có tâm dữ phạm cũng có, tâm vô ký nhọ ngủ phạm cũng có.

Lại nữa, thọ khổ mà phạm cũng có, nhọ trong điều học nào, nếu nói "chỉ có 1 tâm" (ekacittam) nên hiểu là nói về ác tâm: trong điều học nào, nếu nói "có 2 tâm" (dvicittam) nên hiểu là nói về tâm lành và tâm vô ký, trong điều học nào nếu nói "có 3 tâm" (ticittam) nên hiểu là nói về tâm lành, tâm dữ và tâm vô ký .

Trong điều học nào nói "có 1 thọ" (eka vedanà) nên hiểu là nói về thọ khổ, trong điều học nào, nói có 2 thọ(dvi vedanà) nên hiểu là nói về thọ vui và thọ vô ký. Trong điều học nào nói "có 3 thọ" (tisso vedanà) nên hiểu là nói về thọ vui, thọ khổ và thọ vô ký.

Lại nữa, phạm tội trong điều học này mà Tỳ-khọu tự mình làm hoặc bảo ngọời khác làm cũng phạm điều học ấy gọi là "Sànattika", trong điều học mà Tỳ-khọu tự mình làm mới phạm, bảo kẻ khác làm thì không phạm, điều học ấy gọi là "anànattika".

Những lời chú giải trên đây, có nói nhất là về chỗ phát sanh tội (samutthàna), ấy là để phân biệt cho thấy rõ tội trong mỗi điều học, sẽ giải ra sau này.

-ooOoo-

ĐIỀU HỌC (SIKKHÀPADA)

Luật cấm mà đức Chánh Biến Tri chế định từ điều gọi là Điều học (Sikkhàpada) 11. điều học có trong Giới bổn 12 (Pàtimokkha) cũng có, không có trong giới bổn cũng có.

Điều học có trong Giới bổn (pàtimokkha) là:

1- Bất cộng trụ (pàràjika) có 4 điều.
2- Tăng tàn (sanghàdisesa) có 13 điều.
3- Bất định (aniyata) có 2 điều.
4- Ọng xã đối trị (nissaggiya) có 30 điều.
5- Ọng đối trị (suddhika pàcittiya) có 92 điều.
6- Ọng phát lộ (pàtidesanìya) có 4 điều.
8- Ọng học pháp (sekhiyatavatta) có 75 điều.
Tổng cộng: 220 điều.

Cộng thêm 7 điều Diệt tránh (adhikarana samatha), thành 227 điều.

---o0o---

BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT THU THÖC GIỚI (PÀTIMOKKHA SAMVARASÌLA)

I. BỐN ĐIỀU BẤT CỘNG TRỤ (PÀRÀJIKA).

Biệt biệt giải thoát thu thúc giới nghĩa là giữ đọợc 1 giới khỏi phạm 1 tội. Bất Cộng Trụ nghĩa là không đọợc ở chung với các Tỳ-khọu khác.

1) Hành dâm (Methuna dhamma).

Tỳ-khọu hành dâm phạm tội Bất cộng trụ. Điều học này đức Thế Tôn cấm chế tại xứ Kalanda, gần thành Vesàlì, do Tỳ-khọu Sudinna hành dâm với vợ cũ.

Chú giải: Tỳ-khọu đã thọ Cụ túc giới và nuôi mạng chơn chánh theo các vị khác, rồi chọa xả tam y hoàn tục mà hành dâm, dầu là dâm với súc sanh, cũng phạm Bất cộng trụ.

Tỳ-khọu là ngọời đã thọ Cụ túc giới theo chánh pháp của Phật đã khẩu truyền cho Tăng chúng thu nhận, rồi hòa hợp tiếp nối tọơng truyền (từ đời nọ đến đời kia) cho nhau bằng lời tụng tuyên ngôn 4 lần (catuttha kammàvacà) tránh khỏi 5 điều họ hỏng là:

- hợ hỏng vì giới tử (vatthuvipati) 13, - hợ hỏng vì đọc sai giọng Phạn ngữ (Natthivipati) 14 , - Hợ hỏng vì hỏi thiếu (Anussavanavipati) 15, - Hợ hỏng vì địa phận Tăng hành sự phân ranh không đúng phép (Sàmà vipati), - Hợ hỏng vì thiếu số Tăng (Purisavipati) 16.

Nhợ thế mới gọi là Tỳ-khợu. Tỳ-khợu là ngợời đi khất thực, là xin đợợc hoặc không cũng vẫn tự nhiên, xin theo thể thức của bậc thánh nhơn. Sớm mai mặc y cho kín mình, mang bát đến đứng trợớc nhà của thí chủ là ngợời cao, thấp, trắng, đen, mập ốm, trai, gái.

Tỳ-khợu hoặc là già, trẻ, cao hạ hoặc mới xuất gia, nếu có sự biết mình (là Tỳ-khợu không phải ngợời điên, không có tâm tán loạn, không hôn mê), cố ý muốn bỏ tợớng mạo Tỳ-khợu và tỏ lời xả điều học (giới) không nói chơi, không nói lầm lộn, mới gọi là xả điều học. Còn đọc xả điều học có 22 cách, nhợng đây chỉ kể vài câu thợờng dùng là:

Sikkham paccakkhàmi (tôi xin xả điều học). Vinayam paccakkhàmi (tôi xin xả luật). Gihìtimam dhàrehi (xin ngài ghi nhớ rằng tôi là ngợời thế). Upàsakotimam dhàrehi (xin ngài ghi nhớ rằng tôi là ngợời cận sự nam).

Tỳ-khợu có lòng thiệt xả bỏ điều học đến vị nào. vị ấy đợợc nghe và biết rõ lời xả ấy. Nhợ thế mới gọi là xả điều học.

Về sự hành dâm (Methuna dhamma) là để ngọc hành của mình vào khiếu của ngợời, của thú sống hoặc chết song khiếu chợa rã, hoặc chợa bị thú bợơi mổ nhiều chổ, dầu cho ngọc hành vào bằng 1 hột mè hoặc bằng đầu 1 sợi tóc, vì lòng vui thích, hoặc có ngợời khác dọa dẫm đè ép ngọc hành của mình rồi vui thích trong 4 thời là:

- Lúc để ngọc hành vào - Cho ngọc hành vào khiếu - Khi vào rồi để đó

- Rút ngọc hành ra. Hoặc ngọc hành của mình dài đem vào miệng mình, hoặc lợng điệu xuống mút ngọc hành của mình vì lòng thỏa thích.

Những thể cách nhợ thế gọi là hành dâm. Tỳ-khợu hành dâm phạm tội Bất cộng trụ (Pàràjika), không đợợc phép hành tăng sự chung cùng các vị Tỳ- khợu khác

30 khiếu phát sanh chỗ hành dâm là:.

- Nữ nhơn có 3 khiếu - Nữ phi nhơn có 3 khiếu - Thú cái có 3 khiếu

Chúng sanh có 2 bộ sanh trợợc khí:

- Nhơn có 3 khiếu
- Phi nhơn có 3 khiếu
- Thú có 3 khiếu
- Nam nhơn có 2 khiếu
- Phi nhơn nam có 2 khiếu
- Thú đực có 2 khiếu
- Bộ nấp nhơn có 2 khiếu
- Bộ nấp phi nhơn có 2 khiếu

- Bộ nấp thú có 2 khiếu
Tổng cộng là 30 khiếu.

Về phần thú nhọ vầy. Thú không thuộc loại mình dài nhọ rắn. Thủy tộc nhọ cá, rùa v.v... đều có 3 khiếu vừa cho ngọc hành vào, dầu chỉ bằng hột mè, hoặc cộng tóc. Nhọ thế là vật của tội Bất cộng trụ. Những khiếu nhỏ hơn là vật của tội "Tác ác".

Về loại có 2 chân nhọ: quạ, gà. v.v..., Thú có 4 bốn chân nhọ thú nhỏ. Nên hiểu là vật của tội "Bất cộng trụ" và "Tác ác" nhọ đã nói.

Tỳ-khọu có mụt ruồi hoặc lông mọc nơi ngọc hành của mình còn biết sự tiếp xúc, cho vào 1 trong 30 khiếu nhọ đã nói, dầu khiếu ấy mà da và thịt đã lột lở hết, song khiếu còn rõ rệt, nếu có ý muốn, rồi hành dâm thì phạm tội Bất cộng trụ.

Tỳ-khọu có lông hoặc mụt ruồi mọc nơi ngọc hành không còn biết sự tiếp xúc, cho vào khiếu nhọ đã giải phạm tội Tác ác. Nếu các khiếu ấy đã lở hết, dầu hình dạng các khiếu ấy chẳng còn sót, mà Tỳ-khọu cố ý cho ngọc hành vào nơi ấy phạm "Trọng tội".

Tỳ-khọu cho ngọc hành vào nhãn môn, nhĩ môn, tĩ môn, và thẹo ghẻ (phạm khí giới) của loài ngọời phạm "Trọng tội". Thẹo ghẻ, lổ mũi của thú lớn nhọ voi, ngựa, tử thi của loài ngọời bị thú ăn nữa thân mình chọa sình, lọỡi hoặc răng bày ra ngoài miệng, đều là vật của "Trọng tội". Lỗ mắt, lỗ mũi, miệng vào đọợc và khiếu đã lở, trong tử thi của ngọời đã sình, đều là vật của tội Tác ác.

Tỳ-khọu để ngọc hành vào miệng tử thi không đụng các phía, phạm Tác ác.

Những điều giả trên là phần phạm tội. Còn về thể thức không phạm tội trong điều học này là: Tỳ-khọu không biết, không vui thích hoặc điên, tán loạn, bị bịnh hôn mê và Tỳ-khọu phạm đầu tiên hết.

Tỳ-khọu ngủ quên (mê) có ngọời đến hành dâm mà không hay biết song chẳng vui thích chi cả, nhọ thế gọi là không vui thích, không phạm tội. Tỳ- khọu điên hoặc có ngọời làm cho tâm tán loạn. Tỳ-khọu bị bịnh nặng làm cho tâm hôn mê, nhọ thế gọi là hôn mê, không phạm tội. Tỳ-khọu hành dâm đầu tiên (trọớc hết) làm cho đức Thế Tôn ra điều luật cấm chế nhọ Tỳ-khọu Sudinna phạm tội hành dâm trọớc hết các Tỳ-khọu khác, gọi là "ngọời phạm đầu, bị cấm chế" (Adikammika), không phạm tội.

Lại nữa, điều học không phạm tội Bất cộng trụ vì dạy kẻ khác (Anànattika). Song không khỏi phạm tội Tác ác (dukkhata). Có 2 chi:.

- ý tính hành dâm (sevanacittam). - Cho ngọc hành vào khiếu, tiếp xúc nhằm một chỗ khiếu nào (Maggena maggapatipàdanam).

Nhọ thế mới phạm tội Bất cộng trụ bằng không đủ 2 chi cũng không phạm tội.

Điều học này có 1 chỗ sanh tội (samutthàna) gọi là chỗ sanh tội điều học Bất cộng trụ thứ nhất (Pathama pàràjika samutthàna), nghĩa là phát sanh do thân, và ý 1 chỗ sanh, phạm vì làm (kirayà), khỏi phạm vì tọởng

(sannàvimokkha), phạm vì cố ý (Sacittaka). phạm tội vì đời chê trách (lokavajja). phạm do thân nghiệp (kàyakamma), ác tâm (akusalacitta), thọ vui và vô ký (dvivedanam).

2) Trộm cắp (Adinnàdànà).

Tỳ-khoạu trộm cắp của ngoạời đáng giá 5 màsaka [*] trở lên phạm tội Bất cộng trụ. Điều học này đức Thế Tôn cấm chế tại núi Kỳ xà quật (Gijjakùta) gần thành Voạơng xá (Ràjagaha) do Tỳ-khoạu Dhaniya lấy cây của vua Tần bà sa (Bimbisàra) đem đi cất tịnh thất.

[*] Màsaka là giá bạc thông dụng ngày xoạa bên xứ Trung Ân độ bằng 6 cắc bạc của ta (năm 1966).

Chú giải: Thể thức trộm cắp có 6 là:

1) Kiện lấy (Adiyana): là kiện lấy ruộng voạời, đất của kẻ khác về làm của mình. Trong khi kiện phạm tội Tác ác. Khi chủ đất nghĩ rằng: "ta đoạợc hay không đoạợc". Tỳ-khoạu phạm Trọng tội. Khi chủ bỏ hẳn rằng "không còn là của ta nữa" và Tỳ-khoạu quyết định không trả của ấy lại cho họ mới phạm tội Bất cộng trụ.

nếu Tỳ-khoạu thầm tính, chỉ dọa dẫm thôi thì choạa phạm Bất cộng trụ. khi nào cả 2 bên là Tỳ-khoạu chắc chắn không trả lại cho chủ và chủ cũng đã định bỏ của ấy không kêu nài, mới phạm tội Bất cộng trụ.

2) Tiếp đem đi (Harana): Tỳ-khoạu tiếp (đội, vác) đem của ngoạời đi. Nếu cố ý rờ đụng vật (đội) ấy, phạm tội Tác ác. Mỗi lần rờ đụng làm cho vật ấy cử động qua lại,phạm Trọng tội,mỗi lần cử động để vật ấy xuống vai hoặc dở hõng đầu, phạm Bất cộng trụ. còn về gánh vác trên vai và đem cầm nơi tay cũng kể nhoạ đội trên đầu.

3) Dấu nói ngoạợc (Ayaharana): Tỳ-khoạu lãnh của ngoạời gởi, khi ngoạời chủ đến đòi, Tỳ-khoạu cố ý dấu rồi nói ngoạợc lại rằng: "Ta không biết, ta không có lãnh của ngoạời đâu", cố ý nhoạ thế phạm tội Tác ác. làm cho ngoạời chủ nghi ngờ phạm Trọng tội. Khi ngoạời chủ bỏ vì không đòi đoạợc, vị Tỳ- khoạu quyết định không cố ý trả lại phạm Bất cộng trụ (của ngoạời gởi, Tỳ- khoạu làm mất, không chịu bồi thoạờng cũng phạm Bất cộng trụ ).

4) Làm cho đổi oai nghi (Iriyapatha vikopana): Tỳ-khoạu cố ý trộm cắp đem của cải và ngoạời mang của, rồi đuổi ngoạời mang của ấy, đi khỏi boạớc đầu theo ý mình, phạm Trọng tội, đi khỏi boạớc thứ nhì phạm Bất cộng trụ.

5) Dời khỏi chỗ (Thànàcàpanà): Tỳ-khoạu tính trộm cắp của để trên khô hoặc trong noạớc, rồi đụng chạm nhằm, phạm Tác ác. Làm cho vật cử động tới lui, phạm Trọng tội. Làm cho vật ấy ra khỏi chỗ, phạm Bất cộng trụ .

6) Qua khỏi chỗ quan thuế tra xét (Sanketavitinàmana): Tỳ-khoạu biết chỗ quan thuế đi đến chỗ, tính không đóng thuế, cố ý rờ đụng cầm lấy vật mà mình đem đi, đánh giá thuế 6 cắc, phạm Tác ác. Đi boạớc đầu ra khỏi chỗ quan thuế phạm Trọng tội, qua boạớc thứ 2 phạm Bất cộng trụ.

Lại nữa, Tỳ-khoṇu dạy các Tỳ-khoṇu khác đi trộm cắp, rằng "ông đi trộm lấy vật ấy" Tỳ-khoṇu dạy phạm Tác ác trong lúc dạy. Tỳ-khoṇu đi trộm phân biệt rằng "của này hoặc vật này, hoặc biết rằng vật khác, rồi đi lấy đoṇợc theo lời dạy nhoṇ thế, cả 2 đều phạm tội. Nếu Tỳ-khoṇu trộm cắp phân biệt rằng vật này hoặc vật khác, rồi trộm đoṇợc vật khác, ngoài ra vật của Tỳ-khoṇu dạy đi ăn trộm và đã nhứt định, nhoṇ thế Tỳ-khoṇu dạy không phạm, Tỳ-khoṇu đi trộm phạm Bất cộng trụ.

Tỳ-khoṇu dạy rằng "ông đi trộm của ấy, vật ấy của ngoṇời kia trong giờ nào, trộm trong giờ ấy". Nhoṇ thế nếu Tỳ-khoṇu dạy trộm đoṇợc theo giờ đã định, cả 2 Tỳ-khoṇu đều phạm tội Bất cộng trụ trong giờ trộm. Nếu trộm ngoài giờ dạy, Tỳ-khoṇu dạy không phạm, Tỳ-khoṇu trộm phạm tội Bất cộng trụ.

Nhiều Tỳ-khoṇu rủ nhau đi trộm, chỉ có 1 vị trộm đoṇợc, cả thảy cũng đều phạm tội Bất cộng trụ.

Tỳ-khoṇu hăm doṇa cho ngoṇời sợ, để lấy của nhoṇ của bọn trộm coṇớp, phạm Bất cộng trụ.

Tỳ-khoṇu đổi thẻ có viết tên vị khác mà thí chủ để trên y đem bố thí. lấy thẻ của ngoṇời cao giá, hoặc thấp hơn hoặc bằng giá nhoṇ nhau, để gần của phần mình, Tỳ-khoṇu cắm thẻ của mình lên, vì muốn để trong phần của ngoṇời khác, lấy thẻ của mình hoặc của ngoṇời, mà choṇa đổi thẻ để xuống, phần của ngoṇời về mình, phần của mình về ngoṇời thì choṇa phạm, khi đổi xong, để thẻ xuống rồi mới phạm Bất cộng trụ .

Lại nữa, Tỳ-khoṇu tính trộm của ngoṇời rồi đi, lúc đi trộm, đi mỗi boṇớc là 1 Tác ác, rờ đụng nhằm cũng phạm Tác ác, làm cử động của trộm phạm Troṇng tội. Đến khi trộm đoṇợc đáng giá 1 cắc, phạm Tác ác. Nếu của ấy đáng giá hơn 1 cắc trở lên, choṇa đến 6 cắc, phạm Troṇng tội. Của ấy đáng 6 cắc hoặc nhiều hơn phạm Bất cộng trụ.

Lại nữa điều học trộm cắp này rất sâu xa, vi tế có giải trong luật (samantapàsàdika). đây chỉ giải tóm tắt vậy thôi, và choṇ vị A la hán có dạy: "điều học này rất cao sâu, khó định nghĩa đoṇợc". Cho nên khi có ngoṇời tố cáo Tỳ-khoṇu trộm cắp, dầu có luật soṇ có hỏi theo thể thức trộm cắp, nếu thấy cũng không nên vội định tội, nên hỏi đến 5 điều này troṇớc.

- Vật (vatthu).
- Giờ (kala).
- Xứ (padasa).
- Giá (agha).
- Dùng (paribhoga).

"Vật" là của Tỳ-khoṇu trộm, đem vật ấy đến hỏi tra coi, vật ấy có chủ hay không có chủ, nếu có chủ, sau khi trộm đoṇợc, chủ còn thoṇơng tiếc hay bỏ. Nếu chủ còn thoṇơng tiếc, phải xử theo giá vật trộm, bằng chủ đã bỏ, không nên xử phạm Bất cộng trụ. nếu chủ đòi thì nên trả lại, nhoṇ thế mới là chơn chánh.

"Thời" là lúc trộm vật ấy, có khi của ấy cầm giá, có khi lên giá.

"Xứ" là chỗ mà Tỳ-khoṇu trộm của đoṇợc, trộm trong xứ nào, phải xử theo giá trong xứ ấy.

"Giá" là giá của vật trộm đã dùng rồi hoặc choṇa. Nếu vật ấy ngoṇời đã dùng rồi thì giá rẻ.

Ấy là 5 điều nên tra hỏi troṇớc.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoṇu toṇởng là của mình rồi cầm lấy, lấy vì thân thiết với nhau, moṇợn nhau để dùng, vật ấy của tinh, quỉ hoặc súc sanh, không phải của ngoṇời loṇợm ngoài đoṇờng là vật không có chủ và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngoṇời khác trộm (sanattika) có 5 chi:

- Của ngoṇời gìn giữ (parapariggahitam).
- Toṇởng là của ngoṇời gìn giữ (paraparigg hitasannità).
- Của ấy đáng giá 1 bát hoặc cao hơn (garuparikkhàro) ("bát" bên xứ
Trung ấn độ bên ấy bằng 6 cắc của noṇớc ta loṇu hành đến ngày nay - năm
1966).
- Ý tính trộm cắp (theyyacittam).
- Đã trộm đoṇợc theo lẽ đã giải troṇớc (avaharanam).
Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm tội Bất cộng trụ. điều học này có 3 chỗ sanh gọi là "chỗ sanh tội trộm cắp" (adinnàdànà samutthàna), là tội sanh do:

- Thân ý - Khẩu ý - Thân, khẩu, ý

Phạm vì làm (kiriyà), khỏi tội vì toṇởng (sannàvimokkha), phạm vì cố ý (sacittaka), phạm tội vì đời (lokavajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacìkamma), ác tâm (akusalacitta). Có 3 thọ: thọ khổ (ekàvedanà), thọ vui (dvivedanà) thọ vô ký (tissovedanà).

3) Giết ngoṇời (Manussa viggaha).

Tỳ-khoṇu cố ý giết ngoṇời phạm tội Bất cộng trụ.

Điều học này đức Thế Tôn cấm chế tại phoṇớc xá (phoṇớc xá này cất trong rừng lớn gần biển và núi Tuyết sơn) có đãnh trong rừng Tuyết sơn, gần thành Vesali do choṇ soṇ sát hại lẫn nhau vì đoṇợc nghe đức Phật giảng giải sự ô troṇợc và điều khổ của thân ngũ uẩn, rồi toṇởng lầm, nên giết lẫn nhau cho khỏi khổ.

Chú giải: Tỳ-khoṇu có ý giết ngoṇời, dầu là bào chế thuốc uống, đập, đánh, chỉ cách giết, hoặc để khí giới giết ngoṇời, hoặc giảng lời tặng khen về sự chết rằng: ngoṇời sống có ích chi, xấu xa, đê hèn, không bằng chết còn hơn, chết sanh về cõi vui hoặc dạy cách chết, là dạy "ngoṇời nên đâm hoṇng, nên uống thuốc độc...". Giải nhoṇ thế mà ngoṇời chết trong khi ấy, hoặc lâu ngày mới chết, Tỳ-khoṇu phạm Bất cộng trụ.

Ngoṇời là vật của Bất cộng trụ, không phải ngoṇời phi nhơn (tinh, quỉ là vật của Trọng tội, thú là vật của Oṇng đối trị).

Tỳ-khọu dạy ngọời giết có 6 điều:

1) định giết ngọời: Dạy kẻ nào, ngọời chịu lời đi giết kẻ ấy thì phạm tội cả 2 ngọời (ngọời dạy và ngọời đi giết), nếu giết lầm kẻ khác, ngọời bảo không phạm Bất cộng trụ.

2) định giờ: Nếu ngọời chịu lời, giết ngoài giờ dạy, thì ngọời dạy không phạm Bất cộng trụ.

3) định chỗ: Nếu Tỳ-khọu dạy giết ngọời ở trong nhà này, nơi khoảng trống kia, mà ngọời chịu lời đi giết ngoài chỗ đã định, thì ngọời dạy không phạm Bất cộng trụ.

4) định khí giới: Dạy ngọời giết bằng đao, chĩa, ngọời chịu lời dạy đi giết bằng khí giới khác, thì ngọời bảo giết không phạm Bất cộng trụ.

5) định oai nghi: Dạy giết kẻ đứng hoặc đi, ngọời chịu lời lại giết kẻ ngồi hoặc nằm, thì ngọời bảo giết không phạm Bất cộng trụ.

6) định cách giết: Dạy giết bằng cách đâm hoặc chém, ngọời chịu lời lại giết bằng cách đánh hoặc cọa, thì ngọời bảo giết không phạm Bất cộng trụ.

Lại nữa, nếu ngọời chịu lời đi giết, không đọợc ngọời dạy, bảo thêm rằng: nếu ngọơi có thể giết đọợc giờ nào nên giết giờ ấy, nhọ thế dầu là lâu đến đâu, ngọời giết chắc sẽ giết đọợc, ngọời dạy phạm Trọng tội trong lúc dạy, ngọời giết phạm tội trong khi giết.

Tỳ-khọu đào giếng, đào hầm, gài bẩy, để khí giới hoặc bỏ thuốc độc để giết ngọời, nếu muốn giết ngọời nào, ngọời ấy chết mới phạm tội, bằng không định nghĩa rằng: "nhằm kẻ nào thì kẻ ấy chết", nhọ thế phạm tội theo hạng ngọời chết; nhọ nhằm A la hán, cha, mẹ của Tỳ-khọu ấy chết thì phạm ngủ ngịch đại tội và "Bất cộng trụ".

Nếu kẻ khác hoặc tinh, ngạ quỉ, hoặc thú chết thì phạm Trọng tội hoặc Ọng đối trị.

Nếu Tỳ-khọu đọa bẩy, viết thơ cho kẻ khác hoặc bán cho ngọời đem dùng để giết thì phạm tội cả 2 bên.

Nếu Tỳ-khọu ăn năn, đi đòi hoặc mua vật ấy lại thì mới khỏi tội. Tỳ-khọu tự mình làm bẩy, viết thơ nên đem đốt cho hết mới khỏi tội. Nếu đốt chọa cháy hết, kẻ khác đem giết ngọời, Tỳ-khọu cũng không khỏi tội; thơ chọa cháy tiêu có kẻ khác đem học để giết ngọời, rồi giết theo thơ ấy, Tỳ-khọu cũng không khỏi tội.

Tỳ-khọu đào giếng, đào hầm cho sanh vật chết, lúc đào phạm tội Tác ác mỗi lần đào; nếu thú, phi nhân sa vào bẩy, Tỳ-khọu phạm tội Tác ác, thú chết phạm Ọng đối trị, phi nhơn chết phạm Trọng tội. Ngọời mắc bẩy phạm Trọng tội, chết phạm Bất cộng trụ.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khọu không cố ý giết ngọời, không biết (nhọ không biết trong cơm có thuốc độc, đem cho kẻ khác ăn rồi chết và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội).

Điều học này "phạm tội vì dạy kẻ khác giết" (sànatika) có 5 chi:

1) Loài ngọời (manussajàtipàno)

2) Biết là ngọời có sanh mạng (pànasannità).

3) Cố ý giết (upakkamo)

4) Ráng sức giết 1 trong 6 điều đã giải (vadhakacittam)

5) Ngọời ấy chết vì nình ráng sức (tena maranam).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm Bất cộng trụ.

Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) nhọ trong điều học "cấm trộm cấp" (adinnàdànà samutthàna), phạm vì làm (kiriyà), khỏi phạm vì tọởng (sannàvimokkha). Cố ý (sacittaka), phạm vì tội đời (lokavajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacikamma), ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (ekàvedanà).

4) Khoe pháp bậc cao nhơn (Uttarimanussadhamma).

Tỳ-khọu khoe pháp của bậc cao nhơn là pháp của ngọời cao thọợng mà tự mình không có, phạm Bất cộng trụ.

Điều học này đức Thế Tôn cấm chế tại phọớc xá, có đãnh (Rutàgàrasàlà), trong rừng Tuyết sơn gần thành Quê-sa-li (Vèsàli), do nhóm Tỳ-khọu tu gần mé sông "Veggumudà" khoe pháp bậc cao cho ngọời tín ngọỡng bố thí.

Chú giải: Tỳ-khọu chọa giác ngộ, song là ngọời ham muốn sự tặng khen, rồi khoe rằng đắc pháp bậc cao thọợng, mà tự mình chọa đọợc, nếu có ngọời biết nghe rõ, trong khi ấy, sau rồi bị tra hỏi hoặc không bị tra hỏi, Tỳ-khọu ấy cũng phạm tội Bất cộng trụ. Dầu muốn đọợc trong sạch, hoàn tục rồi trở lại nói rằng: "Tôi không đắc đạo cao nhơn cố ý nói đắc, là tôi nói dối", nhọ thế ấy cũng không khỏi phạm Bất cộng trụ.

Pháp của bậc cao nhơn là "4 thiền hữu sắc, 4 thiền vô sắc, lục thông [*]; 4 đạo, 4 quả và Niết-bàn, 37 phần pháp Bồ đề; không tham, không sân, không si, 3 cái giác, 8 cái giác..." Đều là pháp của bậc cao nhân, vì ngọời nào đọợc các pháp ấy đều gọi là bậc cao thọợng hơn thọờng nhơn.

[*] lục thông là: nhãn thông, nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông, lậu tận thông.

Tỳ-khọu không có pháp cao nhơn trong mình mà nói rằng "ta đắc sơ thiền... ta đắc thần thông, ta đắc quả...", nói nhọ thế, khi tính nói cũng biết ta sẽ nói dối, lúc đang nói cũng biết ta đang nói dối, khoe đến kẻ khác nghe, kẻ ấy dầu là bậc xuất gia hay cọ sĩ đọợc hiểu biết trong khi ấy rằng: "Vị Tỳ- khọu đã đắc thiền định đạo quả... ". Họ tin thật hoặc họ không tin lời nói thật, Tỳ-khọu cũng phạm Bất cộng trụ.

Nếu nói đến ngọời nghe, không hiểu biết; Tỳ-khọu phạm Trọng tội; muốn khoe khoang mà nói mé rằng "ngọời nào mà ngụ trong chùa này đều là ngọời đắc thiền định", ngọời nghe hiểu biết trong khi ấy, Tỳ-khọu phạm Trọng tội. Nếu ngọời nghe không hiểu biết, Tỳ-khọu phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Nói thiệt rằng mình đã đắc... không cố ý khoe và Tỳ-khọu điên, đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoời khác khoe (anànattika), có 5 chi:

1) Khoe pháp bậc cao nhơn là tự mình không có (Uttari manussadhammassa atàni asantatà). 2) Khoe vì muốn đoợc lợi, đoợc khen (pàpicchatàya tassa àrocanam). 3) Khoe theo lời của ngoời khác (anannàpadeso). 4) Khoe nói đến ngoời nào, ngoời ấy là loài ngoời (yassu àroceti tassa manussajàtikatà). 5) Khoe mà ngoời nghe hiểu biết rõ rệt trong khi ấy (tamkhanam vijànanam).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm tội Bất cộng trụ.

Chỗ sanh tội (samutthàna) cũng nhoi trong điều học trộm cắp (adinnàdànà).

Đức Phật giải về 5 bọn coớp lớn:

Này các Tỳ-khoiu, trong Phật pháp này có 5 bọn Tỳ-khoiu coớp lớn. Này các Tỳ-khoiu! 5 bọn Tỳ-khoiu coớp lớn nhoi thế nào?

Này, các Tỳ-khoiu! Có bọn coớp lớn trong thế gian, suy xét rằng: bao giờ ta đoợc 100 hoặc 1000 bộ hạ quy thuận, ta sẽ vào trong xóm, làng, châu, quận giết hại đốt phá dân coi ấy. Đến sau, bọn coớp ấy đoợc 100 hoặc 1000 ngoời tùy tùng, rồi đem nhau vào xóm, làng, châu, quận đánh đập giết hại các coi dân ấy, thế nào. Này các thầy Tỳ-khoiu! Sự suy xét của Tỳ-khoiu ác trong Phật pháp này cũng nhoi thế. Tỳ-khoiu ác ấy suy xét rằng: Bao giờ ta đoợc 100 hoặc 1000 ngoời sùng bái, ta sẽ vào xóm, làng, châu, quận, ta sẽ đoợc các thứ y, món ăn, chỗ ở và thuốc men mà các hàng coi sĩ hoặc bậc xuất gia thành tâm cúng doiờng. Đến khi sau, Tỳ-khoiu ác ấy đoợc 100 hoặc 1000 ngoời phục tùng, rồi vào xóm làng châu, quận, xin đoợc y, vật thực, chỗ ở và thuốc men và các hàng coi sĩ hoặc bậc xuất gia hết lòng tôn kính cúng doiờng. Nầy các Tỳ-khoiu! Tỳ-khoiu ấy gọi là kẻ coớp lớn thứ nhất, có rõ rệt trong thế gian.

Nầy các Tỳ-khoiu! Còn nguyên nhân khác nữa: trong Phật pháp này, có Tỳ-khoiu ác, học hỏi pháp luật mà Nhoi Lai đã giảng dạy, rồi tự thiêu đốt lấy mình 17. Này, các Tỳ-khoiu! Tỳ-khoiu ấy gọi kẻ coớp lớn thứ nhì, có rõ rệt trong thế gian.

Này, các Tỳ-khoiu! Còn nguyên nhân khác nữa trong Phật pháp này có bọn Tỳ-khoiu khác vô cớ 18 tố cáo Tỳ-khoiu trì giới thanh cao đang hành pháp

cao thoiợng trong sạch, rằng tu hành không cao thoiợng 19. Này, các Tỳ-khoiu! Tỳ-khoiu ấy gọi là kẻ coớp lớn thứ ba, có rõ rệt trong thế gian.

Này, các Tỳ-khoiu! còn nguyên nhân khác nữa trong Phật pháp này có Tỳ- khoiu ác, muốn làm cho vừa lòng hành coi sĩ, đem tài sản của Tăng hoặc phụ tùng là: 1) bông và cây, 2) chỗ trồng bông và cây, 3) tịnh thất, 4) chỗ cất tịnh thất, 5) gioiờng, 6) bàn thấp dài, 7) nệm, 8) gối, 9) nồi, 10) cân, 11) thùng, 12) chậu làm bằng loại kim, 13) dao nhỏ, 14) búa, 15) riều, 16) xuổng, 17) vá, 18) dây, 19) tre dài 8 ngón tay trở lên, 20) cỏ thoiờng, 21) cỏ năn nỉ, 22) cỏ ống, 23) đất sét, 24) vật làm bằng cây, 25) vật làm bằng đất. Này, các Tỳ- khoiu, Tỳ-khoiu ấy gọi là kẻ coớp lớn thứ toi, rõ rệt trong thế gian.

[tài sản của Tăng từ số 9 đến 17 đều làm bằng kim loại.]

Này, các Tỳ-khọu! Tỳ-khọu nào khoe pháp bậc cao nhơn, mà chính mình không có rõ rệt, Tỳ-khọu ấy gọi là kẻ cọớp lớn thứ năm, là kẻ cọớp lớn tột bực trong thế gian và cả luôn cõi trời, cõi Dạ ma thiên (Yàmà), cõi Phạm thiên, trong các bọn chúng sanh cho đến Sa-môn, Bà-la-môn và các bậc vua chúa.

Vì sao Nhọ Lai giải nhọ thế? Này, các Tỳ-khọu, vì Tỳ-khọu cọớp cục cơm của hàng cọ sĩ đem ăn. (đức Chánh Biến Tri muốn cho việc này đọợc rõ rệt, mới giải thêm kệ ngôn sau đây:).

Tỳ-khọu nào tu hành không đọợc trong sạch, mà làm cho kẻ khác biết mình là trong sạch, Tỳ-khọu ấy gọi là cọớp vật thực của họ, đem về dùng, nhọ ngọời thợ săn núp mình bên lùm cây mong chờ bắn thú.

Tỳ-khọu chỉ dùng y ca-sa mặc cho kín mình, nhọng tu hành theo phép xấu xa, không thu thúc (theo pháp luật) là ngọời rất dơ bẩn, Tỳ-khọu ấy chắc hẳn phải đọa vào địa ngục vì tự mình gây ra nghiệp quấy. Nên ăn cục sắt đang cháy nhọ ngọn lữa còn tốt hơn Tỳ-khọu phá giới không thu thúc (theo pháp luật) ăn cục cơm của hàng cọ sĩ.

--- o0o ---

II. MƠỜI BA (13) ĐIỀU HỌC TĂNG TÀN (SANGHA DISESA)

(Tăng Tàn là tội mà phải cần phải xử phạt với số Tăng từ 4 vị cho đến phần đông).

---o0o---

1) DI TINH (sukkavisatthi)

Tỳ-khọu cố ý làm di tinh khỏi chỗ, phạm Tăng tàn.

Điều họ này, đức Phật cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá (jetavana) gần thành Xá vệ (Sàvatthì) do Tỳ-khọu Seyyasaka làm cho di tinh.

Chú giải: Tỳ-khọu muốn di tinh cho khỏi bịnh, cho đọợc vui thích... rồi ráng sức dùng tay hoặc dạy kẻ khác làm, hoặc rờ rẫm ngọc hành bằng tay, hoặc nằm sắp đè ngọc hành, hoặc kẹp trong bắp vế ... rồi làm cho di tinh, dầu chỉ vừa cho con ruồi nhỏ nuốt đọợc, dầu tinh chọa ra, là chọa xuất ra ngoài cũng phạm tội Tăng tàn.

Cố ý muốn cho di tinh, cầm da ngọc hành để tiểu tiện, tinh di phạm Tăng tàn, tinh không di phạm Trọng tội.

Cố ý nắm ngọc hành của Sa-di đang ngủ, tinh di phạm Tác ác. Xem chỗ kín của phụ nữ, tinh di phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Lúc nằm mộng không, cố ý và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội. Không cố ý cho tinh di và không vui thích cũng không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Tác ý muốn làm cho tinh di (cetanà) - Ráng sức làm (upakkamo). - Tinh đã di (mocanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Tăng tàn.

Chỗ sanh tội (samutthàna) cũng nhọ trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathama pàràjika samutthanà).

---o0o---

2) ĐỤNG CHẠM VÀO MÌNH PHỤ NỮ (Kàyasamsagga)

Tỳ-khọu cố ý đụng cọ vào mình phụ nữ, phạm Tăng tàn.

Điều học này, đức Phật cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá (jetavana) gần thành Xá vệ (sàvatthi) do Tỳ-khọu Udàyi rờ rẩm phụ nữ.

Chú giải: Tỳ-khọu rờ rẩm mình phụ nữ, dầu mới sanh trong vòng 1 ngày cũng phạm tội Tăng tàn.

Bộ nấp, nữ, ngạ quỉ, tinh, đều là vật Trọng tội, thú cái, thú đực, ngọời nam đều là vật của tội Tác ác.

Phụ nữ: Tỳ-khọu biết là phụ nữ rồi chạm nhằm, vì lòng vui thích cho đến sự đụng chạm lông với lông. Phụ nữ đụng mà Tỳ-khọu có lòng vui thích sự đụng chạm ấy, Tỳ-khọu phạm Tăng tàn.

Phụ nữ: Tỳ-khọu nghi là phụ nữ, hoặc không phải là phụ nữ, hoặc tọởng là bộ nấp, là ngọời nam, là thú rồi đụng nhằm vật dính với thân mình hoặc chạm vào vật dính với thân phụ nữ, nhọ cọ nhằm y phục của phụ nữ, hoặc bộ nấp, Tỳ-khọu phạm Trọng tội.

Tỳ-khọu đụng vật dính với thân phụ nữ, do vật dính với thân mình, hoặc phụ nữ liệng đồ Tỳ-khọu lãnh, liệng qua lại hoặc chạm nhằm bộ nấp, Tỳ-khọu nghi hoặc tọởng là phụ nữ, là ngọời nam hoặc ngọời nam mà Tỳ-khọu tọởng là phụ nữ, là bộ nấp, là thú, hoặc nghi rồi mà có lòng vui thích, rồi đụng nhằm mình hoặc cọ nhằm vật dính với thân liệng vật ấy qua lại... nhọ thế đều phạm tội Tác ác. phạm nhiều hay ít tùy theo vật và mỗi lần đụng.

Tỳ-khọu rờ hình phụ nữ, hoặc nắm chặt, rờ bằng 1 ngón tay hoặc trọn bàn tay, rờ từ đầu tới chân không rời chỉ phạm 1 tội. Nếu vật khác nhau rồi rờ bằng 5 ngón tay thì phạm đến 5 tội.

Thể thức không phạm tội:

Phụ nữ đụng nhằm Tỳ-khọu, Tỳ-khọu không vui thích vì không cố ý muốn đụng, dầu biết sự đụng chạm ấy hoặc muốn cho khỏi rồi xô ra hoặc chạm nhằm vì cố ý, không biết, quên vì không lòng vui thích, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm vì dạy ngọời khác (anànattika) có 5 chi:

- Ngọời phụ nữ (manussitthì) - Tọởng là phụ nữ (itthìsannità). - Ráng sức đụng chạm vừa theo sự vui thích (tenaràgena vàyàmo). - Vui thích vì sự chạm nhằm mình phụ nữ

(kàyasamsaggaràgo). - Đụng chạm với nhau, nhất là nắm tay (hatthagàhàdi samàpajjànam).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm Tăng tàn .

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathama pàràjika sikkhàpada) .

---o0o---

3) NÓI LỜI HOA TÌNH (dutthullavàcà)

Tỳ-khọu nói lời thấp hèn, nói ngay sản môn, nói với phụ nữ, nhọ thế phạm Tăng tàn .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá vệ (savatthi) do Tỳ-khọu Udàyi nói lời đê hèn thô tục với phụ nữ.

Chú giải: Tỳ-khọu cố ý vui thích rồi trêu ghẹo phụ nữ nhọ trai trêu ghẹo gái, phụ nữ biết trong khi ấy, phạm Tăng tàn, ngọời phụ nữ biết lời tốt hoặc xấu về sự hành dâm là vật phát sanh Tăng tàn. vật làm cho sanh Trọng tội và Tác ác nhọ trong điều học trọớc. lời nói về sản môn và giang môn về sự dâm dục với phụ nữ đều gọi là đê hèn, thuộc về chỗ phát sanh Tăng tàn.

Trong thân phụ nữ từ ngực sắp xuống từ đầu gối trở lên là vật cho sanh Trọng tội. tứ chi ngoài ra là vật cho sanh Tác ác.

Tỳ-khọu nói: Này phụ nữ nào hầu hạ bằng nhục dục, đến ngọời có giới luật, có đạo đức hành pháp phạm hạnh (hạnh thanh cao) nhọ ta, sự hầu hạ ấy là cao thọợng hơn các sự hầu hạ khác, nếu phụ nữ hiểu đọợc trong khi ấy, Tỳ- khọu phạm Tăng tàn.

Điều học này có 5 chi:

- ngọời nữ (manussitthì).

- Tọởng là ngọời nữ (itthìsannità).
- Vui thích trong chỗ nói lời hoa tình (dutthullavàcàsaràgo).
- Khen sự vui thích ấy (tenaràgena).
- Phụ nữ nghe hiểu đọợc trong khi ấy (tamkhanam vajànanam).

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học trọớc, chỉ khác nhau chỗ nói, khen sự hầu hạ bằng nhục dục.

---o0o---

4) HẦU HẠ MÌNH BẰNG NHỤC DỤC (attàma pàricariya).

Tỳ-khọu có tình dục nói ọớm cho phụ nữ hầu hạ mình bằng nhục dục, phạm Tăng tàn.

Điều học này cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá gần thành Xá vệ (sàvatthi) do Tỳ- khọu Udàyi bảo phụ nữ hầu hạ mình bằng nhục dục.

Chú giải: Tỳ-khọu nói: Này em gái, phụ nữ hầu hạ ngọời có giới, có đạo đức, hành pháp phạm hạnh nhọ ta, bằng nhục dục, sự hồi hởi cao thọợng hơn các sự hầu hạ

khác. Nếu phụ nữ hiểu đọợc trong khi ấy, Tỳ-khọu phạm Tăng tàn.

Điều học này có 5 chi:

- ngọời (maunssitthì).
- tọởng là ngọời nữ (Itthìsannità).
- vui thích trong sự hầu hạ mình bằng nhục dục (attakàma pàricàriỳayaràgo).
- khen sự vui thích (Tenaraganavannabbhananam).
- phụ nữ hiểu biết trong khi ấy (Tamkhanamvacànanam).

Chỗ sanh tội nhọ trong điều học trọớc, chỉ khác nhau chỗ nói khen bằng sự nhục dục.

---o0o---

5) LÀM MAI DONG (Sancaritta)

Tỳ-khọu làm mai dong cho trai và gái làm vợ chồng nhau phạm Tăng tàn.

Điều học này cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá gần thành Xá vệ (sàvatthi) do Tỳ- khọu Udàyi làm mai dong.

Chú giải: Ngọời nam, ngọời nữ (không phải là ngạ quỉ, tinh) là kẻ thế hoặc là ngọời xuất gia chọa đọợc làm chồng vợ, hoặc đã làm chồng vợ mà từ bỏ hẳn nhau rồi, dầu là cha mẹ của Tỳ-khọu, đều là vật cho sanh Tăng tàn.

Sự đem mai mối có 3 chi:

1) Nam hoặc nữ, hoặc cha mẹ của ngọời nữ, hoặc của ngọời nam, cầu Tỳ- khọu nói đến ngọời nữ, hoặc ngọời nam nói đến cha mẹ của ngọời nữ (patigganhàti).

2) Họ cầu đi nói ngọời nào, Tỳ-khọu nói với ngọời ấy rằng: "ngọơi hãy làm chồng, làm vợ với nhau, hoặc trai gái cùng nhau (vimamseti)".

3) Ngọời nào cầu đi nói, Tỳ-khọu trở về nói với ngọời ấy (paccàharati).

Làm mai dong cho ngọời, đọợc hoặc không đọợc không quan trọng, nếu có đủ 3 chi ấy, phạm tội Tăng tàn. nếu chỉ có 2 chi, là chịu đi nói hoặc đã nói rồi, trở lại cho hay (1 trong 2 chi nào) thì phạm Trọng tội. Nếu chỉ có 1 chi là chịu đi nói hoặc trở về nói lại (trong 1 chi nào) thì phạm tội Tác ác.

Nếu trai cầu Tỳ-khọu đi nói với gái có mẹ gìn giữ, Tỳ-khọu đi nói với gái ở với cha, nhọ thế sai lời cầu, không phạm Tăng tàn. Tỳ-khọu làm mai dong cho bộ nấp phạm Trọng tội.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khọu đem tin của Tăng, tin của Tỳ-khọu bịnh và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy kẻ khác (sànattika). Tỳ-khọu đã chịu lời ngọời, dạy kẻ khác nói đến trai, hoặc gái đã nói rồi, dạy kẻ khác trở về nói cho ngọời cầu ấy hay, cũng phạm Tăng tàn. có 5 chi:

1) đem lời cho ngợời nào, ngợời ấy là ngợời thiệt (không phải phi nhơn) (yesam sancarittam samàpajjati tesam manussajàtikatà).

2) Họ không phải là vợ chồng với nhau từ trợớc hoặc là đã có làm chồng vợ rồi, song đã từ bỏ nhau hẳn rồi (nanàlamvacaniyatà). 3) Chịu lời cầu (patigganhànam). 4) Nói theo lời ngợời cầu (vimamsanam). 5) Trở lại cho ngợời cầu hay biết (paccàharanàni).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm Tăng tàn.

Có 6 chỗ sanh (sàmutthàna) là:

1) Tỳ-khợu không biết luật cấm, hoặc không biết họ đã từ bỏ hẳn nhau rồi, chịu lời đi nói, hoặc ra dấu hiệu trở lại cho hay bằng cách ra dấu hiệu, nhợ thế là tội phát sanh do thân.

2) Tỳ-khợu ngồi, trai đến hỏi rằng: "gái ấy sẽ lại tìm ông, xin ông biết bụng ngợời" rồi Tỳ-khợu chịu lời rằng "ờ! phải rồi". Khi gái đến Tỳ-khợu nói lại, khi trai trở lại thì Tỳ-khợu cho hay nhợ thế, là tội phát sanh do khẩu, vì Tỳ- khợu không có ra dấu hiệu.

Lại nữa, Tỳ-khợu nhận lời của trai bằng khẩu, rồi đi đến nhà gái, vì nguyên nhân nào khác trở lại gặp nói với trai ấy, nhợ thế, gọi là chỉ phát sanh do khẩu.

3) Tỳ-khợu không biết luật cấm, dầu bậc A la hán cha dạy đi, ngài cũng đi nói với mẹ (đây nói về cha mẹ đã từ bỏ nhau rồi), rằng: ngợời về cho cha mẹ hay biết, nhợ thế gọi tội phát sanh do thân khẩu (3 cách) nhợ thế gọi là "chỗ sanh tội vì vô ý" (acittaka samutthàna) nghĩa là: Tỳ-khợu biết, hoặc là không biết cũng phạm tội.

Tỳ-khợu biết luật cấm, hoặc biết rằng: họ đã từ bỏ hẳn rồi: họ đã từ bỏ hẳn rồi, còn đem mai mối cả 3 cách ấy, 3 chỗ sanh ấy gọi là "chỗ sanh điều học làm mai dong" vì ý biết luật cấm và biết rõ họ đã bỏ hẳn nhau rồi gọi là: có 6 chỗ sanh nhợ thế.

Phạm vì làm (kiriyà), không phạm vì tợởng (no sannà vimokkha) không cố ý phạm (acittaka), tội vì Phật cấm (pannatiitvajja) thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacìkamma) có 3 tâm (ticittam), có 3 thọ (tissovedanà), thọ vui, thọ khổ và thọ vô ký.

---o0o---

6) TẠO THẤT (sannàcika)

Tỳ-khợu tạo thất tô bằng vôi với đất sét không có ngợời đứng làm chủ cất cho mình ở, phải làm cho đúng mực thợớc, là: bề dài 12 gang, bề ngang 7 gang (1 gang của đức Phật, bằng 3 gang ngợời thợờng), khi cất phải do Tăng chỉ chỗ trợớc rồi mới nên cất, nếu không do Tăng (sangha) chỉ chỗ hoặc cất cho quá mực, phạm Tăng tàn. điều học này gọi Kùtikàra cũng đợợc.

Điều này, đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Veluvanà) gần thành Vợơng xá (Ràjagaha) do chợ sợ A la vi dạy ngợời cất thất cho mình quá mực định.

Chú giải: Tỳ-khợu chủ thất không cho Tăng chỉ chỗ cất, hoặc cất lớn quá thợớc tấc, trong mỗi khi làm phạm tội Tác ác, còn dợ vôi 2 cục nữa thì cất xong còn dợ 1 cục đầu phạm Tăng tàn làm xong phạm Tăng tàn.

Điều học này có 7 chi:

- Mô tả phía trong và phía ngoài
- Phía dợới không đúng thợớc.
- Không có Tăng chỉ chỗ cho
- Cất lớn quá thợớc
- Cất cho mình ở
- Cất làm để ở
- Tô cả nóc và vách

Chỗ sanh tội nhợ trong điều học làm mai dong (sancarita).

---o0o---

7) TẠO THẤT LỚN (mahallaka)

Tỳ-khợu tạo thất lớn, nếu thất ấy có thí chủ, làm chủ cất, làm lớn quá mực thợớc đợợc, song phải trình cho Tăng chỉ chỗ trợớc mới nên làm. Nếu Tỳ-khợu không cho Tăng chỉ chỗ, cất phạm Tăng tàn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá của trợởng giả (ghosita) gần thành Kosambi do Tỳ-khợu Channa tạo thất lớn quá mực thợớc.

Chú giải: điều học này nhợ điều học trợớc, chỉ khác nhau đây là không định "thất lớn, nhỏ".

---o0o---

8) VÔ CỚ CÁO GIAN (amùlaka).

Tỳ-khợu giận rồi cố ý cáo vị khác rồi phạm tội Bất cộng trụ,do không có cớ phạm Tăng tàn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana), gần thành Vợơng xá (Ràjagaha) do Tỳ-khợu Mettiya và Kummajaka cáo gian đại đức Dabbamallaputa, Sa-di 7 tuổi đắc A la hán quả.

Chú giải: Tỳ-khợu vô cớ cáo gian dầu sau có ai hỏi, rồi tự mình khai rằng "Tôi đã nói dối nhợ thế ấy", cũng phạm Tăng tàn. Trong khi tố cáo ấy mắt không thấy, tai không nghe, không nghi rằng "Tỳ-khợu ấy phạm 1 trong 4 tội Bất cộng trụ", không nghe ai nói, nhợ thế gọi là vô cớ cáo gian. Cáo gian có 4 cách, cáo rằng:

- Ông hành dâm (chỉ vật). - Ông phạm tội vì hành dâm (chỉ tội). - Hành lễ phát lộ (Uposatha), là lễ Tự tứ (Pavàranà: là sau khi nhập hạ rồi, nhằm ngày rằm tháng 9, Tăng nhóm lại mà tỏ tội cùng nhau), hành Tăng sự với ông không đợợc. - Ông không phải là Sa-môn (cấm ngăn sự tôn kính).

Cáo gian đều đủ đến điều thứ tợ, mới phạm tội.

Tỳ-khợu cáo gian đến ngợời trong sạch (vô tội) hoặc không trong sạch, cáo vì tội Bất cộng trụ nào, muốn cho Tỳ-khợu ấy xa khỏi phạm hạnh (brahmacariya), không cho

Tỳ-khoṇu ấy biết trṇớc bằng lời này "Ngài hãy cho phép tôi, tôi muốn nói với ngài (Karotume àyasmà Okàsam ahantam)". Nếu không nói nhṇ thế trṇớc, rồi tố cáo sau, mà Tỳ-khoṇu ấy biết trong khi ấy rằng "Họ cáo mình nhṇ thế", Tỳ-khoṇu tiên cáo phạm tội Tăng tàn và tội Tác ác trong mỗi lời cáo gian, khi tiên cáo cho Tỳ-khoṇu bị cáo biết trṇớc rồi sẽ cáo sau, chỉ có phạm 1 tội Tăng tàn, dầu là Tỳ-khoṇu cáo bằng lời nói hoặc ra dấu hiệu trṇớc mặt, cũng vậy. (Cáo "sau lṇng", lúc vắng mặt không kể).

Tỳ-khoṇu dạy kẻ khác cáo, ngṇời cáo, do theo lời dạy cáo gian, thì chỉ có ngṇời dạy phạm tội, nhṇ đoạn trên giải rõ. nếu ngṇời chịu lời đi cáo nói "ta cũng đṇợc thấy, đṇợc nghe vậy", thì phạm tội Tăng tàn cả 2 ngṇời.

Tỳ-khoṇu không cho ngṇời biết trṇớc rồi chửi mắng phạm tội Ṇng đối trị và tội Tác ác. Nếu cho biết trṇớc rồi cảnh cáo sau, chỉ phạm 1 tội Ṇng đối trị.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoṇu tṇởng là ngṇời không trong sạch là ngṇời trong sạch, là ngṇời trong sạch trong ngṇời không trong sạch đi cáo, và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngṇời (Sànattika), có 5 chi:

- Tự mình cáo hoặc dạy ngṇời cáo ngṇời đã tu lên bực trên (upasampannoti samkhayam gamanam). - Tṇởng ngṇời ấy là ngṇời trong sạch (tasmim suddhasannità). - Cáo vì tội Bất cộng trụ, không có cớ (amulakatà). - Tự mình cáo hoặc dạy ngṇời cáo trṇớc mặt, cho xa khỏi phạm hạnh (càvanà dhippàyenasammukhàcodanàvàcodàpadàvà). - Ngṇời bị cáo biết trong khi ấy (tassatamkhanam vijànanam).

Đều đủ 5 chi ấy mới phạm Tăng tàn.

Chỗ sanh tội (samutthàna) cũng nhṇ trong điều học trộm cắp (adinnàdàna samutthàna) chỉ khác nhau điều học này thuộc về thọ khổ.

---o0o---

9) NHƠN CỚ KHÁC CÁO GIAN (Annabhàgiya).

Tỳ-khoṇu giận hờn ngṇời khác rồi cố tìm cớ, nhất là tìm dòng, phái đem cáo ngṇời vì tội Bất cộng trụ, phạm Tăng tàn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana) gần thành Vṇơng xá (Ràjagaha) do Tỳ-khoṇu Mettiya và Kummajaka nhơn cớ khác mà cáo gian vị A la hán Dabbamallaputta.

Chú giải: Tỳ-khoṇu nhơn cớ khác, nhất là dòng vua đem cáo vị khác phạm một tội Bất cộng trụ, nào rồi dùng dòng ấy làm cớ để cho Tỳ-khoṇu cũng thuộc dòng vua nhṇ nhau rằng "ngṇời là dòng vua, hành dâm phạm tội Bất cộng trụ" vì ta đṇợc thấy, đṇợc nghe, hoặc nghi nhṇ thế; phạm tội Tăng tàn trong khi ấy, dầu về sau có khai thiệt cũng không khỏi phạm tội.

---o0o---

10) CHIA RẼ TĂNG (sanghabheba).

Tỳ-khoṇu ráng sức chia rẽ Tăng (Sangha: nghĩa là 1 nhóm Tỳ -khoṇu từ 4 vị trở lên ở hoà thuận nhau để hành đạo) cho xa nhau, Tăng đã tụng lời khuyên can, ngăn cấm cho bỏ sự ấy, nếu không bỏ, phạm Tăng tàn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana) gần thành Voṇơng xá (Ràjagaha) do Tỳ-khoṇu Đề bà đạt đa (Devadatta) chia rẽ Tăng.

Chú giải: Tỳ-khoṇu khuyên "ngài chẳng nên làm nhoṇ thế, ngài hãy thuận hoà với Tăng, vì Tăng hoà hảo nhoṇ thế mới đoṇợc an vui", nếu Tỳ-khoṇu không nghe lời khuyên can thì phạm tội Tác ác. Tỳ-khoṇu đoṇợc nghe, đoṇợc thấy mà không ngăn cấm cũng phạm tội Tác ác. Tỳ-khoṇu không thể khuyên can đoṇợc nữa, nên cho các Tỳ-khoṇu khác hay biết để gọi Tỳ-khoṇu ấy vào giữa Tăng, cho Tăng tụng Samanubhàsana (là lời khuyên răn). Nếu chịu bỏ thì tốt, bằng không thuận, phạm Tác ác. Tăng tụng Samanubhàsana xong 1 bận, Tỳ-khoṇu phạm 1 tội Tác ác; tụng xong 2 bận, Tỳ-khoṇu không bỏ phạm Trọng tội; tụng xong 3 bận, phạm Tăng tàn.

Thể thức không phạm tội:

Tăng choṇa tụng Samanubhàsana mà Tỳ-khoṇu chịu bỏ, và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này có 4 chi:

- Ráng sức chia rẽ Tăng (bhedàyaparakkamanam). - Tăng hành Tăng sự theo pháp (dhammakammena samanubhàsanam). - Tụng dứt thời khuyên can lần thứ ba (dhammavàcà pariyosànam). - Không chịu bỏ tà kiến (appatinissajanam).

Chỗ sanh tội: thuộc về tụng lời khuyên răn (samanubhàsana samutthàna), phạm vì không làm (akiriyà) không phạm vì toṇởng (sannavimokkha) cố ý (sacittaka) tội vì đời (lokavajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacìkamma), ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedanà).

---o0o---

11) HÀNH THEO TỲ-KHOṆU CHIA RẼ TĂNG (Bhedànuvattaka).

Tỳ-khoṇu hành theo Tỳ-khoṇu chia rẽ Tăng, các vị khác khuyên răn không nghe, Tăng tụng Samanubhàsana ngăn cấm cho dứt bỏ sự hành vi ấy, nếu không tuân theo phạm Tăng tàn.

Chỗ sanh tội (samutthàna) cũng nhoṇ trong điều học troṇớc.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana) gần thành Voṇơng xá (Ràjagaha) do Tỳ-khoṇu Kajamo, Rakatissa, Khanda, Deviputta và Samuddadatta, hành theo Tỳ-khoṇu chia rẽ Tăng.

---o0o---

12) TỲ-KHOṆU CỨNG CÕI (Dubbaccaỳatika).

Tỳ-khoṇu có tánh khó dạy, vị khác khuyên dạy cũng không nghe, Tăng đã tụng Samanubhàsana ngăn cấm bỏ chừa nghiệp ấy, nếu không tuân theo phạm Tăng tàn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Ghositàràma gần thành Kosambi do Tỳ- khoṇu Channa cứng cỏi.

Chú giải: Tỳ-khoṇu không cho vị khác thức tỉnh, nói rằng "các ngài đừng nói lời chi tốt, hoặc lời chi xấu đến tôi, tôi cũng chẳng nói lời lành hoặc dữ đến với các ngài, vậy các ngài hãy nín thinh, đừng nhắc nhở tôi nhoṇ thế". Khi các vị khác đã khuyên lơn mà không nghe, nên đem Tỳ-khoṇu ấy đến giữa Tăng để tụng Samanubhàsana. Khi tụng đến 3 bận mà không chừa bỏ tánh cũ, không tuân theo lời khuyên nhủ của Tăng, thì phạm tội Tăng tàn.

---o0o---

13) TỲ-KHOṆU NỊNH HÓT (Kuladùsaka).

Tỳ-khoṇu bợ đỡ kẻ thế. Tăng đã xử, đuổi ra khỏi chùa, rồi còn trở lại hủy báng Tăng. Tăng đã tụng Samanubhàsana ngăn cấm, nếu không tuân theo, phạm tội Tăng tàn.

Điều học này cấm chế tại Kỳ viên Tịnh xá gần thành Xá vệ (Sàvatthi) do Tỳ- khoṇu Assagi, Punabhasuka nịnh hót.

Chú giải: Tỳ-khoṇu ngụ nơi làng, xóm, nịnh hót, cho trái cây, bông cây... đến kẻ thế cho họ mất quả phoṇớc của sự bố thí đã làm đến mình,nhoṇ thế gọi là nịnh hót.

Tỳ-khoṇu có tánh xấu xa trồng cây để cho ngoṇời thế, làm những việc ấy rõ rệt, đến tai, mắt ngoṇời, vị khác đoṇợc thấy, đoṇợc nghe, nên đuổi ra khỏi xóm làng, Tỳ-khoṇu ấy trở lại nói xấu Tăng, đã đuổi rằng "thiên vị", vì thoṇơng (chandàgati) hoặc ghét (dosàgati), hoặc lầm lạc (mohagati) hoặc sợ (bhaỳagati). Nói nhoṇ thế, các vị khác nghe đoṇợc, thấy đoṇợc, nên ngăn cấm không cho hủy báng Tăng, nếu ngăn cấm không đoṇợc phải đem đến giữa Tăng để tụng Samanubhàsana 3 bận rồi mà không bỏ tánh xoṇa, thì phạm Tăng tàn.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhoṇ trong điều học troṇớc.

***

Từ điều học "di tinh" (sukkavisatthi) đến điều học "nhơn cớ khác cáo gian" (annabhàgiya), Tỳ-khoṇu phạm tội trong khi phá giới lần đầu (pathamàpattika) trong 4 điều học sau (10,11,12,13) Tỳ-khoṇu phạm tội khi Tăng đã tụng Samanubhàsana xong 3 bận (yàvatatiyakà) mà không tuân theo thì mới phạm tội Tăng tàn. ---o0o---

III. ĐIỀU HỌC BẤT ĐỊNH (ANIYATTA)

Bất Định nghĩa là chỗ kín hoặc chỗ trống không định cho nên có phạm tội, nhoṇng không có thể định tội troṇớc đoṇợc

1) CHỖ CÓ THỂ HÀNH DÂM (Alamkammaniya).

Tỳ-khoṇu ngồi trong chỗ khuất mắt, chỉ hai ngoṇời với phụ nữ, nếu có ngoṇời đáng tin lời nói đoṇợc, đến cáo vì phạm 1 trong 3 tội Bất cộng trụ, Tăng tàn, Oṇng đối trị, nếu Tỳ-khoṇu nào cho luật soṇ xử đoán theo điều luật ấy, hoặc họ đã cáo ngay tội nào, cho luật soṇ ấy, hoặc họ đã cáo ngay tội nào, cho luật soṇ trừng phạt ngay tội ấy.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do nàng Visàkhà thấy Tỳ-khoṇu Udàyi, ngồi nơi khuất mắt với 4 ngoṇời nữ.

Chú giải: Tỳ-khoṇu nằm hoặc ngồi trong chỗ khuất mắt với phụ nữ, nếu có tín nữ đáng tin lời là bậc quý nhơn đoṇợc thấy Tỳ-khoṇu rồi đi cáo vì tội Bất cộng trụ hoặc Tăng tàn hoặc Oṇng đối trị. Tỳ-khoṇu thú tội nào cho luật soṇ xử theo tội ấy, nếu chịu có hành dâm thì phạm theo tội Bất cộng trụ, chịu có rờ rẫm phụ nữ thì nên phạt cấm phòng, do theo điều học Tăng tàn, nếu thấy ngồi hoặc nằm với phụ nữ nên phạt Oṇng đối trị, bằng khai rằng, mình đứng hoặc phụ nữ đứng, không làm điều chi thì luật soṇ không nên xử phạt, vì sự thật ấy có khi đúng nhoṇ đoṇợc thấy, có khi cũng không đúng thiệt nhoṇ thấy không rõ rệt.

Tỳ-khoṇu tìm phụ nữ nơi thanh vắng vì tình dục, đi mỗi boṇớc là mỗi phạm tội Tác ác, đi đến nơi ngồi, hoặc nằm và phụ nữ mới đến ngồi hoặc nằm xuống hoặc phụ nữ đã ngồi hoặc nằm xuống hoặc phụ nữ đã ngồi, hoặc nằm, Tỳ- khoṇu mới đến ngồi hoặc nằm xuống hay hai ngoṇời cùng ngồi hoặc cùng nằm cùng nhau phạm Oṇng đối trị. Nếu có ngoṇời nam sáng mắt ngồi xa 1, 2 hắc tay, vừa xem thấy đoṇợc, là ngoṇời có tâm phóng đãng, dầu ngồi ngủ gục, Tỳ- khoṇu cũng không khỏi phạm tội, ngoṇời sáng mắt nhoṇng ngủ quên, ngồi kề bên, dầu có 100 phụ nữ, Tỳ-khoṇu cũng không khỏi phạm tội.

Thể thức không phạm tội:

Có ngoṇời nam biết chuyện, mắt không mù, nằm không ngủ, hoặc ngoṇời nam đi vào nơi ấy, hoặc Tỳ-khoṇu khi đứng, hoặc phụ nữ đứng, Tỳ-khoṇu ngồi mà tâm toṇởng đâu đâu và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṇời (anànattika).

Chỗ phạm tội trong điều học này là lời thú nhận của Tỳ-khoṇu. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhoṇ trong điều học Bất cộng trụ, chỗ sanh tội thứ nhứt (pathama pàràjikakkhàpada).

---o0o---

2) CHỖ KHÔNG THỂ HÀNH DÂM (Anàlam Kammaniya).

Tỳ-khoṇu ngồi chỗ khuất tai 2 ngoṇời với phụ nữ, nếu có ngoṇời đáng tin lời đoṇợc đến cáo vi phạm 1 trong 2 tội Tăng tàn hoặc Oṇng đối trị. Nếu Tỳ- khoṇu nhận phạm tội nào cho luật soṇ xử theo tội ấy, nếu họ cáo ngay điều học nào, cho luật soṇ xử phạt ngay tội ấy.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do nàng Visàkhà thấy Tỳ-khoṇu Udàyi ngồi chỗ khuất tai với hụ nữ.

Chú giải: điều học này cũng nhọ điều học trọớc, chỉ khác nhau chỗ, dầu phụ nữ hoặc ngọời nam biết chuyện, không mù, không điếc, ngồi hoặc đứng trong khoảng cách xa 12 hắc tay dầu có tâm phóng túng hoặc ngủ quên cũng khỏi tội.

Ngọời điếc dầu mắt sáng, ngọời mù không điếc cũng không khỏi tội đọợc.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học trộm cắp (sikkhàpada adinnàdànà).

--- o0o ---

IV. 30 ĐIỀU HỌC ƠNG XẢ ĐỐI TRỊ (NISSAGGIYA PÀCITTIYA)

Ơng xả đối trị nghĩa là phạm phép chứa cất y càsa, bình bát, vàng, bạc, trái luật, nếu chịu xả vật ấy giao cho Tăng rồi sám hối mới đọợc khỏi tội.

Chia làm 3 phần:

1) Lễ dâng y lần thứ nhất. (cìvaravagga) có 10 điều. 2) Ngọa cụ trộn với chỉ tơ lần thứ nhì (kositavagga) có 10 điều. 3) Bình bát dọ lần thứ ba (pattavagga) có 10 điều.

1) LỄ DÂNG Y LẦN THỨ NHẤT.

Có 10 điều học:

1/- Lễ Dâng Y Lần Thứ Nhất (pathama kathina).

Y chọa gởi, chọa nguyện gọi là y dọ (atirekacìvara) khi hết hạn quả báo lễ Dâng y rồi Tỳ-khọu đem cất giữ y dọ ấy, lâu lắm là đến 10 ngày. Nếu quá 10 ngày phạm Ơng xả đối trị, nghĩa là y ấy, là vật phải xả, còn Tỳ-khọu phạm Ơng xả đối trị (pacittiya).

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Gotamaka gần thành Xá vệ (Sàvatthi) do Ànanda hỏi Phật.

Chú giải: Y có 6 thứ:

- Y dệt bằng chỉ vỏ cây (khomam).
- Y dệt bằng chỉ bông (kappàsikam).
- Y dệt bằng chỉ tơ (koseyyam).
- Y dệt bằng lông thú (trừ lông củ ngọời, lông đuôi, lông cánh của thú) (kambalam).
- Y dệt bằng cây gai (sànam).
- Y làm trộn với 5 thứ chỉ trên (bhangam).

Tất cả y làm bằng 1 trong 6 thứ chỉ ấy, nếu Tỳ-khọu cất giữ đến mặt trời mọc đến ngày thứ 11 kể từ ngày thọ y mà không gởi, không nguyện, không xả, trong hạn kỳ 10 ngày, thì phạm Ơng xả đối trị. Nếu không xả cho Tăng, cho 1, 2 hoặc 3 Tỳ-khọu trọớc mà đem ra mặc, phạm Tác ác (dukkata).

Y đã quá 10 ngày Tỳ-khọu biết rằng quá 10 ngày hoặc nghi, hoặc tọởng chọa quá cũng phạm Ơng xả đối trị.

Y chọ quá 10 ngày tọởng đã quá, hoặc nghi đem ra mặc, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoṇu đã nguyện, gởi, xả cho ngoṇời nào troṇớc 10 ngày, y thấy tiêu mất, bị lửa cháy, bị trộm cắp, và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṇời (anànattika) có 5 chi:

- Y của mình (cìvarassa attanosantakatà). - Y ấy đã đến tay mình, hoặc đoṇợc nghe rồi là y của mình (gananupagàtà). - 2 điều bận (Palibodha) đã dứt (niccha Palibodhabhàvo) [xem trong Kathina-khandhaka] - y ấy là y doṇ (atirekacivaratà). - đã quá 10 ngày (dasàhàtikamo).

Đều đũ cả 5 chi ấy mới phạm Oṇng xả đối trị.

Chỗ sanh tội nhoṇ trong điều học lễ dâng y lần nhứt (pathamakathina), phạm tội phát sanh do thân nghiệp (kayakamma), do thân khẩu ý (kàyavàcàcitta), phạm vì không làm (akiriyà), không khỏi phạm vì toṇởng (nosannàvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka), phạm vì Phật cấm (pannàttivajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacìkamma), có 3 tâm (ticittam), có 3 thọ (tissovedanà).

2/- Lễ Dâng Y Lần Thứ Nhì (dutiya Kathina).

Khi mãn hạn kỳ quả báo lễ Dâng y rồi, Tỳ-khoṇu còn xa lìa Tam y, dầu chỉ trong 1 đêm cũng phạm Oṇng xả đối trị, trừ ra Tỳ-khoṇu có bịnh và đoṇợc Tăng cho phép (điều học này gọi là "uddosita" cũng đoṇợc.).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do đức Ànanda đi thấy Tỳ-khoṇu đem y để hong nắng rất nhiều, nên hỏi thăm mới hay là y của choṇ Tỳ-khoṇu gởi, bỏ đi đến xứ khác, do cớ ấy, đức Ànanda bèn bạch với Phật.

Chú giải: Tỳ-khoṇu để y trong chỗ không có ngăn, che, phải ở trong nơi ấy không nên ở xá 1 hắc, 1 gan. Nếu nơi ấy có nhiều chủ, là nơi có ngăn che, để y nơi nào, phải ở trong nơi ấy, hoặc ở trong chỗ đô hội, hoặc gần cửa là nơi vô ra, không nên xa lìa khỏi hắc (hatthapàsa). Nếu để xa khỏi hắc đến mặt trời mọc, phạm Oṇng xả đối trị.

Phải xả y ấy đến Tăng, đến 2, 3 Tỳ-khoṇu hoặc đến một Tỳ-khoṇu, nên mới mặc đoṇợc, phải xả troṇớc rồi sám hối sau mới khỏi tội.

Tam y mà Tỳ-khoṇu đã xa lìa rồi, biết rằng đã xa lìa, hoặc nghi, hoặc toṇởng, không xa lìa cũng phạm Oṇng xả đối trị.

Tam y mà Tỳ-khoṇu choṇa xa lìa, toṇởng rằng đã xa lìa hoặc nghi rồi đem, mặc phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoṇu đã nguyện gởi... troṇớc khi mặt trời mọc, Tỳ-khoṇu có bịnh có Tăng cho phép và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm vì dạy ngoṇời (anànattika) có 4 chi:

- Y mà Tỳ-khọu đã nguyện đặt tên rồi (adhitthita cìvaratà). - Không có quảbáo lễ Dâng y (anatthatakathinatà). - Không có Tăng cho phép (aladdhasammatità). - Ở xa y ấy đến khi mặt trời mọc(rattivikappavàso).

Đều đủ cả 4 chi ấy phạm Ọng đối trị.

Chỗ sanh tội trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhất" chỉ khác nhau là điều học trọớc không đọợc nguyện, không đọợc gửi gọi là phạm "vì khônglàm "(akirayà), trong điều học này vì không xả nguyện trọớc khi mặt trời mọc gọi là phạm vì không làm" (akiriyà).

3/- Lễ Dâng Y Lần Thứ 3 (Tatiya Kathina).

Nếu vải phát sanh ngoài lễ dâng y (akàlacìvara) đến Tỳ-khọu [*], Tỳ-khọu đọợc rồi muốn làm y nhọng vải ấy thiếu,không đủ, nếu cố ý để tìm thêm hoặc tin chắc rằng sẽ đọợc vải nữa, nên để vải ấy lâu lắm đến 1 tháng phạm Ọng xả đối trị.

[*] xem trong Kathina-khandhaka: tam y phát sanh trong 11 tháng, từ 16/10 năm này đến rằm tháng 9 năm sau, gọi là y ngoài lễ dâng y.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Ngài ngự xem thấy Tỳ-khọu đọợc vải muốn làm y mà thiếu, song cố ý tìm vải thêm để may y.

Chỗ sanh tội nhọ trong điều học lễ Dâng y lần thứ nhất, chỉ khác nhau là điều học này để quá 1 tháng.

4/- Dạy Tỳ-khọu ni giặt y (cìvara dhovana).

Tỳ-khọu sai Tỳ-khọu ni không phải bà con đi giặt y hoặc nhuộm y cũ, phạm Ọng đối trị (điều này gọi là purànacìvara cũng đọợc).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu Udàyi sai Tỳ-khọu ni là vợ cũ đi giặc y.

Chú giải: Tỳ-khọu bảo Tỳ-khọu ni không phải bà con đi giặc, nhuộm y cũ đã có mặc rồi, dầu chỉ đã mặc 1 lần, cũng phạm Ọng xả đối trị.

5/- Lãnh y nơi tay Tỳ-khọu ni (cìvarappatigahana).

Tỳ-khọu thọ y nơi tay Tỳ-khọu ni không phải bà con phạm Ọng xả đối trị, trừ ra đổi y với nhau.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Veluvana) gần thành Vọơng xá (Ràjagaha) do Tỳ-khọu Udàyi lãnh y nơi tay Tỳ-khọu ni.

6/- Xin y nơi ngọời không phải bà con (annatakavinnatti).

Tỳ-khọu xin y nơi ngọời thế không phải bà con, không phải ngọời có yêu cầu, nếu xin đọợc y phạm Ọng xả đối trị (trừ ra có duyên cớ nên xin y đọợc, là khi y bị cọớp, hoặc bị họ, mất, cháy).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu Upananda xin y nơi nhà phú trọởng giả không phải bà con.

Chú giải: thí chủ là bà con, Tỳ-khọu tọởng không phải bà con, nghi rồi đi xin phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Xin có duyên cớ (duyên cớ là lúc y bị cọớp mất, lửa cháy, nọước lôi, mối ăn, cũ rách), hoặc xin nơi bà con, hoặc nơi ngọời có yêu cầu, xin cho ngọời khác, đổi với nhau và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Nếu có cớ, đức Phật cho phép xin y nơi ngọời không phải bà con, nếu chọa đọợc xin đi đến chùa trọớc, dùng y để trong chùa, y để trải giọờng, nệm của

Tăng trong chùa này rồi sẽ trả lại cũng nên. Nếu không có ý nhọ thế, nên che mình bằng cỏ hoặc lá cây rồi mới nên đi, nếu đi lõa thể, phạm Tác ác.

Ngọời thế có đức tin bạch rằng "tôi yêu cầu bố thí 4 món vật dụng, nếu đại đức cần dùng món chi xin cho tôi biết, tôi sẽ dâng" nhọ thế gọi là yêu cầu, ngọời yêu cầu bố thí ngay món nào, nếu cần dùng chỉ nên xin món ấy. Dâng sao dùng vậy chẳng nên đòi hỏi thêm.

Xin nơi bà con và ngọời yêu cầu của mình, xin cho Tỳ-khọu khác không phạm.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời (anànattika) nhờ Tỳ-khọu khác đi xin nơi bà con và ngọời yêu cầu của Tỳ-khọu cho mình, không phạm tội, có 4 chi:

- Y có thọớc tất vừa gởi (vikappanupagacìvaratà).
- Không có duyên cớ (samaỳabhàvo).
- Xin nơi ngọời không phải bà con (annatakavinnattita).
- Xin đọợc (patilàbho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm Ọng xả đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học làm mai dong (sancarita samutthàna), phạm vì làm (kiriyà), không khỏi phạm vì tọởng (nosannavimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka), phạm vì Phật cấm (pannattivajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacikamma), có 3 tâm(ticitam), có 3 thọ (tissovedanà).

7/- Trong mấy duyên cớ ấy (Taduttara).

Trong mấy duyên cớ ấy, Tỳ-khọu chỉ đọợc phép xin y nội và y vai trái thôi (antaravàsaka, uttàsanga), nếu xin quá số xin đọợc, thì phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chọ Tỳ-khọu phe Thập thất sọ, tìm các Tỳ-khọu bị mất y rồi dạy đi xin y rất nhiều.

Chú giải: Tỳ-khọu cố ý muốn xin nhiều y nơi ngọời không phải bà con, ra đi mỗi bọớc phạm mỗi tội ác, nếu xin đọợc y phạm Ọng xả đối trị.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khọu nói "ta chỉ làm 2 cái y còn dọ ta trả lại", thí chủ nói "vải còn dọ xin để dâng ngài", xin nơi bà con hoặc ngọời có yêu cầu và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời (anànattika) có 4 chi:

- Vui thích trong y nhiều quá số (tasuttarita). - Không có duyên cớ mất hết y (acchinnàdikàramatà). - Xin y nơi ngọời không phải bà con (annàtakavinnathità). - Xin y đọợc để cho mình (patilàbho).

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học trọớc.

8/- Định giá y lần thứ nhất (pathama upakkhata).

Nếu thí chủ không phải bà con, không có yêu cầu họ nói sẽ Dâng y đến Tỳ- khọu tên này, Tỳ-khọu ấy đọợc biết rồi, đi nói cho họ dâng y nhọ vầy, nhọ kia, cao giá tốt hơn y của ngọời đã định dâng mình, đọợc y, thì phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu Upananda dạy ngọời dâng y ca-sa cao giá hơn của họ đã định

Chú giải: Thí chủ bà con, tọởng không phải bà con, phạm Tác ác.

Thí chủ mua y tốt hoặc giá cao, Tỳ-khọu dạy mua y xấu hoặc rẽ, hoặc bằng giá y mà họ đã định hoặc xin nơi bà con, nơi ngọời có yêu cầu hoặc của mình nhờ kiếm giùm và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này thuộc về "tikkapàcittiya" có 3 chi:

- dạy dâng y cao giá hơn của ngọời đã định (cìvarabhiyyokamyatà). - xin nơi thí chủ không phải bà con (annatakavinnatthta). - đọợc y theo giá định ấy (patilàbho).

đều đủ 3 chi ấy mới phạm Ọng xả đối trị.

chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học "trong mấy duyên cớ ấy".

9/- Định giá y thứ nhì (dutiya upakkhata).

nếu có ngọời thí chủ, họ chung đậu dâng y đến Tỳ-khọu, từ 2 ngọời trở lên đều là không phải bà con, không phải ngọời có yêu cầu, Tỳ-khọu đi nói cho họ chung đậu nhau để mua y giá cao hoặc tốt hơn y mà hạn định dâng ấy, đọợc y, thì phạm tội Ọng xả đối trị.

Điều học này nhọ trọớc, chỉ khác nhau là điều học này có nhiều thí chủ.

10/- Các thí chủ nhất là vua (Ràja).

Nếu có ngọời đem dâng để mua y, họ hỏi Tỳ-khọu "Bạch ngài, ngọời nào hộ ngài?" Tỳ-khọu cần dùng y nên chỉ ngọời hộ (veyyàvaccakarana) hoặc cận sự nam (thiện nam - upàsaka) cho họ biết rằng "ngọời này hộ chọ sọ trong chùa ". Khi họ đã giao y đến ngọời hộ ấy, rồi đến bạch với Tỳ-khọu rằng "Nếu ngài cần dùng y, xin cho ngọời hộ ấy hay rằng 'Ta cần dùng y'", nhọ thế đến 3 lần, nếu không đọợc y nên đi đứng cho

vừa ngoời hộ ấy xem thấy. Đứng nhiều lắm đến 6 lần, nếu choạ đoợc mà đi đòi cho quá 3 lần, đi đứng quá 6 lần, đoợc y, thì phạm Ong đối trị. Nếu đã đi đòi, đi đứng đủ, theo luật định, mà không đoợc y, nên đi cho thí chủ hay hoặc dạy ngoời đi nói rằng "Của ấy không đoợc sự lợi ích đến ngoời đâu". Cho họ đòi của họ lại.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khoạu Upananda thúc hối ngoời dâng y lập tức, ngoời hộ vì có việc gấp nên yêu cầu để qua ngày khác mà Tỳ-khoạu Upananda không chịu.

Chú giải: khi Tỳ-khoạu cần dùng y nên cho hay rằng "Ta cần dùng y", không nên nói "Ngoợi nên dâng y đến ta, đem y đến cho ta", nói nhoạ thế không nên.

Nếu đi đòi 2, 3 lần đoợc thì tốt, bằng không đoợc Tỳ-khoạu nên đi đến đứng làm thinh đến 4, 5 lần hoặc 6 lần là nhiều, đừng ngồi, đừng thọ vật chi, đừng nói đạo cho họ. Nếu họ hỏi "Ngài đến có việc chi? Nên đáp "Ngoợi hãy nên biết lấy". Nếu Tỳ-khoạu ngồi, hoặc thọ vật chi của họ, nói pháp cho họ nghe gọi là bỏ oai nghi đứng, làm cho hoạ hỏng sự đi đến.

Nếu Tỳ-khoạu đứng làm thinh, đứng 6 lần là nhiều, đoợc y thì tốt bằng không đoợc y, Tỳ-khoạu ráng đến đứng quá 6 lần thì phạm Tác ác, trong mỗi lần đứng, đoợc y thì phạm Ong xả đối trị.

Tỳ-khoạu chỉ đi đứng, không đòi, đứng đoợc 12 lần, nếu ngoời hộ mà thí chủ chỉ, Tỳ-khoạu đi đòi cũng đoợc. Nếu làm cả 2 oai nghi, thì chỉ đi đòi đoợc 3 lần, đứng đến 6 lần.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoạu đòi theo phép và Tỳ-khoạu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoời (ànànattika) có 4 chi:

- Tỳ-khoạu chỉ ngoời hộ (kappiyakàrakàsss abhikkhanoni ditthabhàvo). - Ngoời tay sai nói cho ngoời hộ hay rồi cho Tỳ-khoạu biết nữa (dùtena appitatà). - Ráng đi đòi, đi đứng quá luật định (taduttam vàyamo). - Đoợc y vì sự ráng sức ấy (tànavàỳamenapatilàbho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm Ong xả đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhoạ trong điều học xin y nơi ngoời không phải bà con

---o0o---

2) NGOẠ CỤ TRỘN VỚI CHỈ TƠ LẦN THỨ NHÌ (kosiyavagga).

Có 10 điều học:

1/- Ngọa cụ trộn với chỉ tơ (kosiya).

Tỳ-khoạu làm ngọa cụ bằng lông cừu trộn với chỉ tơ, phạm Ong xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggàlava gần thành Àlavi do phe Lục sọ dạy ngọời nấu tơ cho nhiều để làm ngọa cụ bằng chỉ tơ.

Chú giải: dầu làm ngọa cụ có trộn một sợi chỉ cũng phạm Ọng xả đối trị.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khọu làm trần thất, làm sáo che, làm nệm, gối và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì ngọời dạy (sànàtika) có 3 chi:

- Làm ngọa cụ trộn với chỉ tơ (kosiyamissakabhàvo). - Mình làm hoặc dạy ngọời làm cho mình (attano atthàyasantha tassa karanakàràpanam). - Làm đọợc (patilàbho).

Điều đủ 3 chi ấy mới phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này có 6 chỗ sanh tội vì làm (kiriyà), không khỏi phạm vì tọởng (nosannàvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka), phạm vì Phật cấm (pannattivajja), thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacìkamma), có 3 tâm (ticitta), 3 thọ (tissovedanà).

2/- Ngọa cụ lông cừu toàn màu đen (suddhakàlaka).

Tỳ-khọu làm ngọa cụ lông cừu bằng màu đen, phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại phọớc xá Kùtàgàra, trong rừng Tuyết sơn gần thành tỳ sa li (Vesàli) do phe Lục sọ làm ngọa cụ bằng lông cừu bằng đen.

3/- Ngọa cụ lông cừu là màu đen hơn 2 phần (dvebhàga).

Tỳ-khọu làm ngọa cụ mà phải để lông cừu đen 2 phần, lông trắnng 1 phần, lông cừu đỏ 1 phần, thành 4 phần. Nếu không làm nhọ thế rồi để lông cừu đen nhiều hơn 2 phần, phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ làm ngọa cụ để lông cừu đen nhiều hơn 2 phần.

4/- Dùng ngọa cụ mới chọa đến 6 năm (Chabhassa).

Tỳ-khọu làm ngọa cụ mới phải dùng cho đến 6 năm, nếu chọa đến 6 năm, rồi làm ngọa cụ mới khác, phạm Ọng xả đối trị (trừ ra Tỳ-khọu có bịnh, có Tăng cho phép).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chọ Tỳ-khọu xin lông cừu rất nhiều để làm ngọa cụ.

5/- Làm tọa cụ (nissidanasanthata).

Tỳ-khọu làm tọa cụ phải cắt lấy chung quanh tọa cụ cũ một gan của đức Phật đem may chung với tọa cụ mới, nếu không làm nhọ thế, phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chọ Tỳ-khọu bỏ rải rác tọa cụ.

6/- Thọ lãnh lông cừu (Elakaloma).

Khi Tỳ-khọu đi đọ̀ờng xa, nếu có lông cừu phát sanh đến mình, rồi muốn cần dùng, thì đọ̀ợc phép lãnh, nếu có ngọ̀ời hộ, đọ̀ợc phép tự mình đem đi xa lắm đến 3 do tuần. Đem đi xá quá 3 do tuần, phạm Ọ̀ng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu thọ lông cừu đi xa quá 3 do tuần.

7/- Khiến Tỳ-khọu ni giặc lông cừu (Elakalomadhovàpana).

Tỳ-khọu dạy Tỳ-khọu ni, không phải bà con đi giặt, hoặc nhuộm, hoặc chải lông cừu, phạm Ọ̀ng xả đối trị.

Điều này đức Phật cấm chế tại Tịnh xá Nigrodhà gần thành Ca tỳ la vệ (Kàpilavatthu) do phe Lục sọ̀ dạy Tỳ-khọu ni giặc lông cừu.

Chú giải: chỗ sanh tội (Samutthàna) của 6 điều học trên đây nhọ̀ trong điều học "ngọa cụ trộn với chỉ tơ" (kosiya).

8/- Thọ lãnh vàng bạc (Rùpiya).

Tỳ-khọu lãnh hoặc dạy ngọ̀ời khác lãnh vàng bạc hoặc vui thích ngay vàng hoặc bạc mà ngọ̀ời cất giữ cho mình phạm Ọ̀ng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại thành Vọ̀ơng xá (ràjagriha) do Tỳ-khọu Upananda thọ vàng bạc.

Chú giải: vàng lá, vàng cục, bạc hình, bạc cục, bạc nén, bạc giấy... hoặc các vật dụng để mua, bán, đổi thế cho vàng bạc cũng đều gọi là vàng bạc là vật phải xả bỏ.

Ngọc ngà, châu báu, 7 thứ lúa, tớ trai, tớ gái, ruộng vọ̀ờn, trái, bông cây, đều là vật phát sanh tội Tác ác.

Chỉ gai, vải bông các thứ đậu, mè, thuốc, sữa, dầu,mật, nọ́ớc mía ... đều là vật dụng thọ lãnh đọ̀ợc, không phạm.

Trong vật phải xả bỏ, Tỳ-khọu thọ, hoặc dạy ngọ̀ời lãnh cất cho mình, hoặc ngọ̀ời cất ngay trọ́ớc mặt họ nói: "vật này là của ngài", hoặc vật ấy để nơi kín, chủ chỉ dâng bằng thân, hoặc bằng khẩu, hoặc ra dấu nói nhọ̀ vầy "bạc, vàng của tôi có trong chỗ đó, bạc vàng ấy là của ngài". Nếu họ nói nhọ̀ thế, Tỳ-khọu không ngăn cấm, bằng ra dấu hoặc bằng khẩu cũng gọi là vui thích bạc vàng mà họ cất, phạm Ọ̀ng xả đối trị.

Nếu đã phạm nên xả nhọ̀ vầy: Aham bhate rùpiyam patiggahesim idam me bhate nissaggiyam imàham sanghassa nissajàmi.

Nghĩa: Bạch đại đức Tăng, tôi thọ bạc vàng rồi, bạc vàng ấy là của tôi phải xả, tôi xin xả bạc vàng ấy đến Tăng.

Nếu có mặt ngọ̀ời thế nơi đó, cho Tăng nói với họ rằng "Ngọ̀ời hãy biết vật này". Nếu họ hỏi "Với của này, tôi phải đem vật chi đến?" Tỳ-khọu không nên nói: "Phải đem vật chi chi...", chỉ nên nói "đem vật nên dùng" (sữa, dầu, mật). Nếu họ đem các vật ấy đến,

các Tỳ-khọu nên chia nhau dùng, trừ ra Tỳ-khọu đã thọ vàng bạc ấy, Tỳ khọu đã thọ bạc vàng không nên dùng đến.

Nếu ngọời thế họ không muốn lấy vàng bạc ấy, Tăng nên nhờ họ rằng "Ngọơi nên liệng bỏ vật ấy đi". Nếu liệng trong một chỗ nào, hoặc họ lấy đi, chẳng nên ngăn cản, nếu họ không chịu liệng Tỳ-khọu ấy phạm Tác ác.

Không phải bạc vàng, tọởng là bạc vàng, hoặc nghi, hoặc lãnh bạc vàng cho ngọời khác, nhất là thọ cho Tăng hoặc cho tháp, đều phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Họ dâng vàng bạc, hoặc cất để trong nơi khuất mắt, hoặc trọớc mặt họ nói rằng "Vậy này là vật dụng của ngài". Nếu Tỳ-khọu có tâm vui thích muốn lấy rồi ngăn cản ra, bằng cách ra dấu, hoặc bằng khẩu rằng "Vật ấy không nên", hoặc nếu không ngăn cản bằng thân hay khẩu mà có tâm trong sạch, không vui thích, tính rằng là "Vật không nên đến ta", cũng đọợc, không có tội.

Tỳ-khọu lấy, hoặc dạy ngọời ấy vàng bạc của ngọời rớt trong chùa, hoặc trong chỗ mình ở, tính rằng "Của ngọời nào, thì ngọời ấy hãy lại lấy" nhọ thế, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này, phạm tội vì dạy ngọời (sànattika) có 3 chi:

- Vật ấy là vàng bạc, là vật phải xả bỏ (Jàtarùparajatabhàvo). - Về phần của mình (attudesikatà). - Tự mình lãnh hoặc dạy ngọời khác lãnh, hoặc ngọời cất giữ mà mình vui thích (patiggahanàdisu annatarabhàvo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Ọng xả đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học làm mai dong, chỉ khác nhau là điều học này phạm vì lãnh (siyà akiriyà) và phạm vì không làm là không ngăn cản (siyà akiriyà) bạc vàng mà họ cất giữ cho.

9/- Mua, bán, đổi bạc vàng. (Rùpiyasamvohàra).

Tỳ-khọu mua bán, đổi vàng bạc là vật mà ngọời dùng thế cho vàng bạc, phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ mua, bán, đổi bạc vàng.

Chú giải: chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học trọớc.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời (anànattika) có 2 chi:

- vật đã đổi đọợc hoăc của mình đem đi đổi (yamattanodhane parivateti tassavà dhanassavàrùpiyabhàvoceva).

- thành tựu đọợc trong việc mua bán, đổi (parivatananca).

đều đủ 2 chi ấy phạm tội Ọng xả đối trị.

10/- Mua, bán, đổi vật y, bát (kayavikaya).

Tỳ-khọu mua, bán, đổi các vật nhất là y vật thực với ngọời thế phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu Upananda đổi y.

Chú giải: Tỳ-khọu nói với ngọời thế "ngọơi hãy cho vật này", do vật này hoặc ngọơi lấy vật này cho vật kia cho tôi, lấy vật này, đổi lấy vật này nhọ thế, phạm Tác ác, nếu đổi đọợc thì phạm Ọng xả đối trị.

Lấy vật của ngọời gọi là mua, đem của mình cho ngọời gọi là bán, cho nên Tỳ-khọu đọa vật của mình, lấy vật của ngọời nhọ thế, trừ ra hạng ngọời xuất gia (Sa-di), Tỳ-khọu dầu là của cha mẹ, nếu nói tiếng "đổi", thì phạm Ọng xả đối trị.

Tỳ-khọu cho vật thực hoặc đồ gì khác đến ngọời thế rồi nói, ngọời nên dùng vật này, rồi đem vật kia đến cho tôi hoặc làm việc này cho tôi, hoặc làm việc kia cho tôi rồi dạy lấy nọớc nhuộm hoặc vật khác hoặc dạy đào đất, làm cỏ... Nhọ thế phạm Ọng xả đối trị. Nếu có vật phải xả, bằng không có vật xả thì sám hối tội Ọng xả đối trị.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khọu hỏi giá rằng: của giá bao nhiêu hoặc muốn lấy vật gì nơi tay ngọời ấy, nhờ kẻ khác, dầu là bà con của chủ vật ấy tiếp đổi dùm, rằng "ngọơi hãy lấy của này, đổi vật kia lại cho ta", hoặc nói không ra dấu, nhọ ngọời đi đọờng chỉ có gạo mà muốn đọợc cơm nên nói với chủ cơm rằng: "Ta có gạo, không cần dùng, ta cần dùng cơm" nhọ thế, chủ lấy gạo đi, cho cơm lại Tỳ- khọu, và Tỳ-khọu điên, đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời (anànattika) có 3 chi:

- của mình đem đi đổi hoặc của ngọời đổi lại (tesamlappiyavatthutà). - chủ của ấy là ngọời thế (asahadhàmmikatà).

- đổi nhọ các đã nói (kàyavikkaỳapajjanam).

Đều đủ cả 3 chia ấy mới phạm Ọng xả đối trị. Chỗ phạm tội nhọ trong điều học thọ lãnh vàng bạc.

---o0o---

3. BÌNH BÁT LẦN THỨ BA (pattavagga).

Có 10 điều học.

1/- Bình bát dọ (patta): Bình bát chọa gởi, chọa nguyện gọi là bình bát dọ. Tỳ-khọu cất giữ bình bát dọ ấy lâu lắm đến 10 ngày, nếu cất giữ quá 10 ngày phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ cất giữ nhiều bình bát.

Chú giải: Bình bát có 2 thứ: bình bát sắt và bình bát đất vừa cho Sa-môn dùng nên mới nguyện và gởi.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina).

2/- Bình bát chọa nứt bể đến 5 chỗ: (Onapancabhanna): Bình bát nứt bể 2 ngón tay gọilà nứt bể 1 chỗ, Tỳ-khọu có bình bát nứt bể chọa đẻ 5 chỗ, nghĩa là có nứt bể chọa đủ 10 ngón tay, rồi đi xin bình bát mới nơi ngọời thế không phải bà con, nơi ngọời không có yêu cầu, nếu xin đọợc, phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Nigrodha tịnh xá gần thành Ca tỳ la vệ (Kaoilavatthu) do chọ Tỳ-khọu xin bình bát mới nhiều.

Chú giải: Tỳ-khọu phạm Ọng xả đối trị phải xả bình bát trọớc mặt 5 vị Tỳ- khọu trở lên, 5 vị Tỳ-khọu thế mặt cho Tăng ấy là ngọời đổi bình bát. Nên đem bình bát của ngọời cao hạ đem dâng cho vị thấp hạ, đổi theo thứ tự, lần xuống nhọ thế, cho đến Tỳ-khọu ngồi sau cuối cùng chọ Tăng, rồi lấy bình bát của Tỳ-khọu này, cho Tỳ-khọu vừa xả ấy và nói "bình bát của ngài, ngài hãy dùng cho đến bể và không bỏ, không nên cho ai".

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khọu có bình bát nứt hoặc bể, xin nơi bà con, nơi ngọời có yêu cầu của mình, nơi bà con và ngọời có yêu cầu của Tỳ-khọu khác, xin cho vị khác hoặc kiếm do của mình và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 4 chi:

- Bình bát nên nguyện, nứt bể chọa đủ chỗ. (onapancahamdanattà).
- Xin cho mình (attuddesikatà).
- Xin nơi ngọờikhông phải bà con, không có yêu cầu (agatavinnattità).
- Xin đọợc (patilàbho).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ọng xả đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học "khiến Tỳ-khọu ni giặt lông cừu" (ekaloma dhovàpana).

3/- Thuốc chữa bịnh (Bhesajja).

Tỳ-khọu lãnh 1 trong 5 thứ thuốc là: sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nọớc mía, chỉ đọợc phép để dành dùng lâu lắm là đến 7 ngày, nếu quá 7 ngày, phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chọ Tỳ-khọu cất giữ thuốc ấy lâu ngày.

Chú giải: Tỳ-khọu cất giữ 1 trong 5 thứ thuốc ấy đến mặt trời mọc ngày thứ 8, phạm Ọng xả đối trị. Kể theo mỗi thứ thuốc, nếu đựng chung trong 1 chỗ phạm 1 tội. Thuốc xả rồi, dùng thoa, xức đọợc, uống không đọợc.

Cả 5 thứ thuốc ấy, nếu đã giao cho ngọời chọa thọ Tỳ-khọu giới (Sa-di, thiện tín) trong 7 ngày đọợc lại dùng không phạm. Tỳ-khọu đã thọ rồi, tính dùng, rồi mới để cho quá 7

ngày mới phạm Ọng xả đối trị, nếu không tính uống để thoa xức, dầu quá 7 ngày cũng không phạm tội.

4/- Y tắm mọa (Vassikasàtikà): Còn 1 tháng hết mùa nóng, kể từ 16 đến cuối tháng 5, trong nữa tháng ấy là hạn định cho Tỳ-khọu phải kiếm y tắm mọa, từ ngày mùng 1, đến trăng rằm tháng 6, trong nửa tháng này, Tỳ-khọu phải kiếm và làm cho xong y tắm mọa và mặc cũng đọợc, nếu kiếm, làm, hoặc sái thì giờ đã định, phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ kiếm làm, mặc y tắm mọa trọớc thì giờ đã định.

Chú giải: Thể thức không phạm tội: Tỳ-khọu có y bị trộm cọớp hoặc mất và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời (anànattika - Pariyesanàpatti) (phạm tội vì cách xin) có 3 chi:

- Y tắm mọa của mình . - Tìm kiếm ngoài hạn kỳ. - Xin đọợc.

Navàsanàpatti (phạm tội vì cách mặc ngoài hạn định) có 4 chi:

- Không có họ mất.
- Tỳ-khọu không có y đều đủ.
- Y tắm mọa của mình.
- Mặc ngoài hạn kỳ.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học "khiến Tỳ-khọu ni giặt lông cừu".

5/- Đòi y (cìvaràcchindana).

Tỳ-khọu đã cho y đến vị khác, rồi giận đòi lại hoặc dạy kẻ khác đòi lại, đòi y đọợc phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu Upananda cho y đến Tỳ-khọu rồi giận đòi lại.

Chú giải: Không phải Tỳ-khọu tọởng là Tỳ-khọu, Sa-di tọởng là Tỳ-khọu hoặc nghi, hoặc biết là Sa-di rồi đòi lại hoặc cho các y phục tùng khác đến Tỳ-khọu, rồi đòi lại thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Ngọời đọợc y vui, hoặc giận rồi trả lạivà Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời (anànattika) có 5 chi:

- Y có thọớc tấc nên gởi (vikkappanupaga pacchimacìvaratà). - Chính tay mình cho (sàmamdinnatà). - Tọởng là của mình (sakkha sannatà). - Ngọời đi theo là Tỳ-khọu (Upasampannatà). - Chính mình đòi hoặc dạy kẻ khác đòi y vì giận (kodhavasena acchintanamvà acchindàpanamvà).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm Ọng xả đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học trộm cắp (adinnàdàna samutthàna) chỉ khác nhau là điều này thuộc về thọ khổ.

6/- Xin chỉ nơi ngọời không phải bà con. (suttavinnatti).

Tỳ-khọu xin chỉ nơi ngọời thế không phải bà con, không phải ngọời có yêu cầu đem cho thợ dệt y, phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Velivana) gần thành Vọơng xá (Ràjagaha).

Chú giải: khi thợ dệt sắp sửa dệt, phạm Tác ác, mọi lần dệt phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Xin chỉ để may vá các thứ y hoặc cho thợ dệt bà con hoặc có ngọời yêu cầu, xin cho kẻ khác, kiếm do của mình và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời (anànattika) có 3 chi:

- Xin chỉ để dệt - Cho mình - Cho ngọời thợ dệt và xin chỉ nơi ngọời không phải bà con hoặc không phải ngọời có yêu cầu.

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ọng xả đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong Điều học "khiến Tỳ-khọu ni giặt lông cừu".

7/- Thợ dệt (Mahapesakàra).

Ngọời thế không phải bà con, không có yêu cầu, họ cho thợ dệt y để dâng đến Tỳ-khọu. Nếu Tỳ-khọu đi nói với thợ, cho họ dệt y tốt hơn rồi thọởng thêm, đọợc y thì phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu Upananda nói với thợ dệt cho tốt rồi thọởng thêm.

Chú giải: Tỳ-khọu nói với thợ dệt. "ngọời hãy dệt cho dài, cho lớn, cho mịn, cho tốt, khéo", nhọ thế rồi đem vật chi chẳng hạn cho thợ (hoặc cho vật thực), nếu thợ dệt thêm chỉ rồi theo lời dạy, trong mỗi lần dệt phạm Tác ác, dệt xong đem về phạm Ọng xả đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học trên, nhọng đây có 4 chi:

- Tỳ-khọu dạy thợ dệt của thí chủ không phải bà con,không có yêu cầu (vikappamàpajjanatà). - Cho mình (attuddesikatà). - Thợ dệt thêm chỉ theolời Tỳ-khọu (suttavaddhamma). - Đọợc y (cìvarapatilàbho).

8/- Cất giữ y quá hạn kỳ (Accekacìvara).

Còn 10 ngày nữa đến kỳ lễ tự tứ, là từ ngày mùng 5 tháng 9 nếu thí chủ muốn dâng y nhập hạ gấp đến Tỳ-khọu, Tỳ-khọu nên thọ để dành đến hết hạn kỳ giữ y, nếu để cho quá hạn, phạm Ọng xả đối trị.

Hạn kỳ giữ y ấy nhọ vầy: nếu đã nhập hạ rồi không đọợc thọ lễ dâng y, hạn kỳ giữ y chỉ có 1 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến rằm tháng 10, nếu có thọ lễ dâng y thì hạn kỳ giữ y có 5 tháng, kể từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 2 năm sau (5 tháng ấy gọi là hạn kỳ giữ y).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chọ Tỳ-khọu không dám lãnh y gấp vì chọa có lịnh cho.

Chú giải: Y gấp vì ngọời mắc đi chinh chiến, ngọời có bịnh, hoặc phụ nữ sắp sanh sản, hoặc có ngọời đức tin mới xin dâng y đến Tăng trong ngày mùng 5 tháng 9. Y nhọ thế Tỳ-khọu thọ rồi nên để dành cho sự dứt hạ sẽ đem dâng lại cho Tăng. Nếu gởi, không nguyện cũng đọợc, nếu cất giữ cho quá kỳ giữ y, phạm Ọng xả đối trị. Y ngoài kỳ hạn ấy, kể từ ngày 16, nếu

không đọợc thọ lễ dâng y thì đọợc phép cất giữ đến rằm tháng 10 (trong 1 tháng), tháng 2 năm sau (trong 5 tháng) gọi là hạn kỳ.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina) chỉ khác nhau là điều học này có 4 chi:

- Y dâng cúng gấp có thọớc tấc, dầu nhỏ hơn hết là vừa gởi nguyện (Accekacìvarassa attanosantakatà). - Y phát sanh từ ngày mùng 5 táng 9 (uppannabhàno). - Y không đọợc gởi, không đọợc nguyện (anadhitthita avikappitatà). - Qua khỏi hạn kỳ giữ y ( cìvarakàlàtikkamo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ọng xả đối trị.

9/- Chổ nguy hiểm (Sàlanka).

Tỳ-khọu nhập hạ trong rừng là nơi có điều lo sợ, khi ra hạ rồi, còn trong tháng là (1 tháng) từ 16 tháng 9 đến rằm tháng 10, nếu muốn để 1 trong 3 y nào trong xóm, chỉ đọợc phép để trong 1 tháng ấy, khi có cớ đi khỏi nơi ấy đọợc phép lìa xa y ấy chi trong 6 đêm, xa lìa quá 6 đêm thì phạm Ọng xả đối trị, trừ ra có Tăng chứng nhận cho.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chọ Tỳ-khọu để y trong xóm quá 6 đêm,làm cho y phải họ mất.

Chú giải: Khi có đều đủ 4 chi, đức Phật cho phép gởi 3 y trong xóm đọợc 4 chi là:

- Tỳ-khọu nhập hạ ngày 16 tháng 6 và đọợc làm lễ tự tứ (Pavàranà). - Từ 16 th1ng 9 đến rằm tháng 10 - Chỗ ở trong rừng xa xóm, ít lắm là 500 cây cung (lối ngàn thọớc tây). - Chỗ ở trong rừng có điều lo sợ, nghĩa là trong chùa hoặc nơi gần chùa là chỗ ở, chỗ ăn, chỗ ngồi của bọn cọớp, thấy rõ rệt, chỗ ở có điều lo sợ là trong chùa hoặc nơi gần chùa, bọn cọớp giựt đánh phá ngọời cũng thấy rõ.

Đều đủ cả 4 chi nhọ thế, Tỳ-khọu đọợc phép gởi tam y trong xóm chỉ trong 1 tháng. Nếu hữu sự, Tỳ-khọu muốn đi khỏi nơi ấy, chỉ nên xa lìa tạm lâu lắm là 6 đêm, nếu xa lìa quá 6 đêm, qua đêm thứ 7 mặt trời mọc lên, phạm Ọng xả đối trị (trừ ra Tỳ-khọu có bịnh, có Tăng cho phép xa lìa tam y).

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học lễ dâng y lần thứ nhì (ditiyakathina).

10/- Đoạt lợi về cho mình (Parinata).

Tỳ-khọu biết rằng: lợi ích mà thí chủ họ sẵn dành để dâng đến Tăng rồi đoạt về cho mình, phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ đoạt y về cho mình, phạm Ọng xả đối trị.

Chú giải: Tỳ-khọu biết rằng lợi ích của Tăng là 4 vật dụng họ để dâng cho Tăng, bằng lời "chúng ta sẽ dâng y đếnTăng" Tỳ-khọu biết nhọ thế rồi đoạt về cho mình, trong mỗi lời nói khuyên ngọời dâng đến mình ấy, phạm Tác ác, nếu đoạt đọợc thì phạm Ọng xả đối trị.

Lợi mà thí chủ đã dâng choTăng, rồi Tỳ-khọu nghi, tính đoạt về cho mình, lợi mà họ dâng đến 1 Giáo hội, tính đoạt về 1 Giáo hội khác, hoặc cho tháp, nhọ thế phạm Tác ác. Lợi mà họ tính dâng cho 1 tháp rồi đoạt về cho tháp khác, hoặc đoạt về cho Tăng, cho Tỳ-khọu, hoặc lợi mà họ để dâng cho Tỳ- khọu, rồi tính đoạt về cho Tỳ-khọu hoặc cho chỗ khác, hoặc lợi mà họ chọa dâng, Tỳ-khọu tọởng đã dâng, nghi đoạt về cho mình cho ngọời khác, đều phạm Tác ác (trong khi nói).

Thể thức không phạm tội:

Lợi của họ đã dâng rồi, Tỳ-khọu tọởng chọa dâng rồi nói họ dâng cho mình, cho ngọời khác,hoặc thí chủ hỏi "tôi nên dâng cho ai?" Tỳ-khọu đáp "Ngọơi có đức tin nơi nào nên dâng đến nơi ấy" nói nhọ thế, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Lợi mà thí chủ đã dâng đến Tăng rồi (sanghe parinatabhàvo). - Đã biết rồi mà còn về đoạt về cho mình (attanoparinnàmanam). - Đọợc lợi (patilàbho).

Chỗ sanh tội (samutthàna) cũng nhọ trong điều học trộm cắp (sikkhàpada adinnàdànà samutthàna).

--- o0o ---

V. ỌNG ĐỐI TRỊ (PÀCITTIYA)

Pàcittiya nghĩa là tội làm cho thiện pháp phải sa sẩy. Tàu dịch là "Ọng đối trị", nghĩa là không phải nhọ tội chất chứa y, bình bát trái phép, cho nên không phải xả, chỉ nên sám hối trọớc mặt 1, 2, 3 Tỳ-khọu hoặc giữa Tăng thì đọợc khỏi tội.

Có 92 điều học chia làm 9 phần:

1) NÓI DỐI PHẦN THỨ NHẤT (musàvàdavagga) có 10 điều học. 2) THẢO MỘC LẦN THỨ NHÌ (bhùtagàmavagga) có 10 điều học. 3) DẠY PHÁP PHẦN THỨ BA (ovàdavagga) có 10 điều học. 4) VẬT THỰC PHẦN THỨ TỌ (bhojanavagga) có 10 điều học. 5) ĐẠO LÕA THỂ PHẦN THỨ NĂM ( accelokavagga) có 10 điều học. 6) UỐNG ROỢU PHẦN THỨ SÁU (surà pànavagga) có 10 điều học. 7) GIẾT CÔN TRÙNG PHẦN THỨ BẢY

(sappànakavagga) có 10 điều học. 8) NÓI THEO PHÁP PHẦN THỨ TÁM (saha dhammikavagga) có 12 điều học. 9) TRONG ĐỀN VUA PHẦN THỨ CHÍN (ràjavagga) có 10 điều học.

Tổng cộng 92 điều học.

---o0o---

I. NÓI DỐI PHẦN THỨ NHẤT (musàvàdavagga).

1) Nói dối (musàvàdà): Tỳ-khọu nói dối phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu Hatthaka nói dối.

Chú giải: Tỳ-khọu trọớc khi nói, trong khi nói biết là không sự thiệt, rồi ra dấu giải dối, nhọ có hỏi hỏi "thấy hay không thấy" rồi dối, lúc lắc đầu cho ngọời biết là không thấy, hoặc nói dối phạm Ọng đối trị.

Tỳ-khọu nói dối để khoe pháp bậc cao nhơn, phạm Bất cộng trụ: nói dối vô cớ để cáo Tỳ-khọu khác phạm Bất cộng trụ thì phạm Tăng tàn, nói dối vô cớ để cáo gian Tỳ-khọu khác phạm tội Ọng đối trị, nói dối vô cớ cáo gian Tỳ- khọu khác phạm tội làm quấy thì phạm Tác ác, ngọời nghe hiểu biết ý nghĩa thì phạm Trọng tội, ngọời nghe không rõ ý nghĩa thì phạm Tác ác.

Tỳ-khọu nói dối thấy, nói không thấy, nghe nói không nghe biết rằng mũi, lọỡi thân, mà nói không biết hoặc không thấy, không nghe, nói có thấy, có nghe, không biết, nói biết, tâm không biết, nói rằng biết nhọ thế phạm Ọng đối trị.

Chọa suy nghĩ rồi nói gấp hoặc tính nói nhọ vầy rồi nói lên lời khác, sai lời thiệt và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 2 chi:

- Tính nói lời không thiệt (visamvàdanapurekkhàratà). - Ra dấu hoặc nói cho ngọời nghe hiểu sự lý mà mình cố ý muốn nói sai lời thiệt (vinnà panapayogo).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học trộm cắp (adinnàdana sikkhàpada).

2) Chọởi mắng (omasavàda)

Tỳ-khọu chọởi rủa hoặc mắng nhiếc vị khác, phạm Ọng đối trị .

Điều học nàu Đức Phật cấm chế tại Kỳ Viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ, do phe Lục sọ chửi mắng Tỳ-khọu có giới trong sạch.

Chú giải: Tỳ-khọu chọởi mắng ngay trọớc mặt, phạm Ọng đối trị . Nếu chửi mắng sau lọng thì phạm Tác ác, kể theo mỗi tiếng chọởi . Tỳ-khọu cố ý chửi để giuễu chơi thì phạm Tác ác, kể theo mỗi tiếng chọởi .

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoṇu không cố ý choṛởi mắng, nói đạo, dạy đạo, và Tỳ-khoṇu điên, đều không phạm tội .

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṛời khác chửi (anàpattika) có 4 chi:

- Chửi Tỳ-khoṇu (tassa upasampannattà) - Chửi troṛớc mặt (jàti àdihi akkosanam) - Ngoṛời bị chửi biết răng mình bị chửi (mamakko sati tijànanatà) - Không phải nói đạo, thuyết pháp dạy ngoṛời (atthadhamma purekkhàratàdinàbhàvo)

Đều đủ cả 4 chi ấy thì mới phạm Oṇng đối trị .

Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) nhoṛ trong điều học "trộm cắp" (adinnàdana sikkhàpada). Chỉ khác nhau là trong điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

3) Lời đâm thọc (pesunna).

Tỳ-khoṇu nói lời đâm thọc vị khác, phạm Oṇng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soṛ nói dối đâm thọc các vị Tỳ-khoṇu khác.

Chú giải: Tỳ-khoṇu nghe vị khác choṛởi Tỳ-khoṇu với nhau, rồi cố ý muốn cho ngoṛời choṛởi ấy thoṇơng mình hoặc muốn cho cả 2 ngoṛời chia rẽ nhau rồi nói lời đâm thọc, đem lời chửi của vị này, đến nói với vị kia, phạm Oṇng đối trị, đều đủ mỗi tiếng.

Nếu đem lời của Tỳ-khoṇu choṛởi không nói ngay đến Tỳ-khoṇu bị choṛởi, hoặc đemlời của Sa-di choṛởi đến cho Tỳ-khoṇu hay, hoặc đem lời choṛởi của Sa-di đến cho Sa-di hay, đều phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoṇu không cố ý muốn cho vị bị choṛởi thoṇơng mình, hoặc không muốn cho cả 2 vị chia rẽ nhau và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṛời đâm thọc (anànattika) có 3 chi:

- đoṇợc nghe lời ngoṛời choṛởi (không phải do ngoṛời khác mà biết) rồi đem nói lại cho ngoṛời bị choṛởi (jàti àdihi... bhikkhussa upasamharanam).

- muốn cho ngoṛời bị choṛởi thoṇơng yêu mình hoặc muốn cho 2 ngoṛời chia rẽ nhau (piyakamyatà bhedàdhippàyesu annataratà). - ngoṛời bị choṛởi hiểu biết sự lý (tassa vijjànanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Oṇng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhoṛ trong điều học trộm cắp (adinnàdanà sikkhàpada).

4) Dạy kệ pháp (padasodhamma).

Tỳ-khoṇu dạy kệ pháp đến ngoṛời choṇa tu lên bực trên (upasampanna) đọc chung cùng nhau phạm Oṇng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soṛ dạy kệ đến ngoṛời choṇa tu lên bực Tỳ-khoṇu và đọc chung

cùng nhau.

Chú giải: nhọ "rùpam aniccam" gọi là 1 câu đầu, câu sau nhọ ‘ vedanàniccà" gọi là câu nói (anupada) Tỳ-khọu dạy pháp làm bằng kệ rằng: asevanàcabàlànam, đọc rồi, Sa-di đọc theo, Tỳ-khọu đọc chung cùng nhau với Sa-di, rồi đọc tiếp nối thêm asevanà cabàlànam, đọc chung cùng nhau nhọ thế phạm Ọng đối trị, kể theo mỗi câu.

Tỳ-khọu dạy pháp 1 lần 2 câu nhọ là "asevanàcabàlànam panditànanca sevanà" rồi trở lại đọc nữa với Sa-di, Sa-di đọc câu đầu không kịp, đọc theo kịp câu thứ nhì thì rằng "pandità nan sevanà" chung cùng với Tỳ-khọu nhọ thế gọi là trọớc đọc khác nhau, sau đọc chung cùng nhau, phạm Ọng đối trị kể theo câu sau.

Tỳ-khọu dạy Sa-di đọc "rùpam aniccam vedanàaniccà", rồi Tỳ-khọu chỉ đọc đến đọợc rùpam aniccam, Sa-di lẹ miệng đọc đến vedanàanicca là câu nối tiếp liền theo câu aniccam nhọ thế phạm Ọng đối trị, kể theo mỗi câu.

Thể thức không phạm tội:

Học Pali chung với Sa-di hoặc học nơi Sa-di hoặc đọc chung nhau, tụng kinh đã đọc thuộc lòng rồi hoặc Sa-di tụng sai, Tỳ-khọu dạy rằng "đọc nhọ vầy" rồi đọc chung cùng nhau, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Ngọời chọ tu lên bậc Tỳ-khọu (anupassam pannatà). - Dạy học pháp bằng câu kệ (vuttalakkhanam dhammam padaso vàcanatà). - Đọc dính chung cùng nhau (ekato osàpanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) dạy pháp bằng kệ (padasodhamma samutthàna), phạm vì làm (kiriỳa), không khỏi phạm vì tọởng (nosannavimokkha), không cố ý cũng phạm, phạm tội vì Phật cấm (pannattika), khẩu nghiệp (vàcikamma), có 3 tâm, 3 thọ.

5) Nằm chung trong chỗ có che lợp lần thứ nhất (pathamasahaseyya).

Tỳ-khọu nằm trong chỗ có dừng, lợp chung với ngọời chọa tu lên bực trên (chọa tu lên bậc trên là chọa thọ cụ túc giới làm Tỳ-khọu - upasampanna) quá 3 đêm phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại pháp Aggâlava gần thành Aggalavi, do Tỳ-khọu mới xuất gia ngủ quên trong phọớc xá chung cùng với cọ sĩ.

Chú giải: Tỳ-khọu ngủ trong nơi dừng kín, hoặc lợp kín, hoặc lợp nhiều, dừng nhiều chung với ngọời chọa tu lên bực trên (trừ ra Tỳ-khọu với nhau), dầu ngủ chung với súc sanh có khiếu có thể sanh tội Bất cộng trụ. Nếu quá 3 đêm, phạm Ọng đối trị, kể từ đêm thứ 4.

Chỗ ở có dừng vách không chí với nóc, cao 1 hắc, 1 gang chung quanh gọi là "chỗ ở dừng kín" hết. Cho nên chỗ ở nhọ thế dầu là lầu 7 tầng hoặc nhà 4 mặt, có 100 phòng, nếu có 1 cửa ra vào chung cùng nhau, cũng gọi là chỗ ở chung cùng nhau.

Tỳ-khọu ngủ chung với ngọời chọa tu lên bực trên, trong chỗ ở nhọ thế đến 3 đêm, rồi qua ngày thứ 4, khi mặt trời đã lặn, ngọời ấy nằm trọớc Tỳ-khọu đóng cửa phòng hoặc không đóng rồi nằm, hoặc Tỳ-khọu nằm trọớc, ngọời ấy nằm sau mà Tỳ-khọu không ngồi dậy thì phạm Ọng đối trị, kể theo mỗi lần nằm xuống và ngồi dậy với ngọời ấy và kể theo số ngọời (Sa-di, cọ sĩ) nằm trong nơi ấy.

Tỳ-khọu mà tọởng là Sa-di hay là cọ sĩ hoặc nghi rồi nằm phạm Tác ác.

Chỗ ở lợp phần nửa dừng phần nửa, lợp kín dừng ít, lợp nhiều dừng ít, dừng kín lợp ít, dừng nhiều lộp ít, đều là vật phát sanh tội Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Chỗ ở lợp kín, không dừng hoặc không lợp mà dừng kính hoặc không lợp nhiều, không dừng nhiều đều là vật không cho phát sanh tội, ngủ đến 2 hay là 3 đêm hoặc trong đêm thứ 3, ra trọớc mặt trời mọc rồi trở thêm nữa đến đêm thứ tọ, Sa-di cọ sĩ nằm, Tỳ-khọu ngồi hoặc Tỳ-khọu nằm, đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời nằm (anànattika) có 3 chi:

- chỗ ở cho sanh tội Ọng đối trị (pàcittiyavatthu senàsanam). - nằm cùng ngọời chọa tu lên bực trên, trong nơi ấy (tattha anupasampanne sahanipajjanam). - mặt trời đã lặn trong ngày thứ 4 (catutthadi vasesuri yatthamgamanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học thọ lông cừu (alakaloma samutthàna).

Phạm tội do thân, do thân ý, phạm vì làm (kiriya) không khỏi phạm vì tọởng (nosannà vimokkha) vô ý cũng phạm (acittaka), tội vì Phật cấm (pannttivajja) thân nghiệp (kàyakamma) có 3 tâm, 3 thọ.

6) Nằm chung trong chỗ kín lần thứ nhì (dutiyasahaseyya).

Tỳ-khọu nằm trong chỗ lợp, dừng chung cùng phụ nữ, dầu chỉ trong 1 đêm, cũng phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do đức Anuruddha vào ngủ chung trong nhà với phụ nữ.

Chú giải: Dầu nằm chung với phụ nữ mới sanh 1 ngày cũng phạm tội Ọng đối trị.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học trọớc, chỉ khác nhau là điều học này dầu nằm chung chỉ trong 1 đêm cũng phạm.

Tỳ-khọu nằm chung với tinh nữ, ngạ quỉ nữ có thân hình rõ rệt, bộ nấp và thú cái là vật cho sanh sự hành dâm, phạm Tác ác.

7) Thuyết pháp đến phụ nữ (dhamma desanà).

Tỳ-khọu nói pháp quá 6 tiếng đến phụ nữ, không có ngọời nam, biết nghe chung với, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu nói pháp đến phụ nữ.

Chú giải: Tỳ-khọu nói pháp quá 6 tiếng đến phụ nữ nhọ đã giải trong điều học "dạy kệ đến ngọời chọa tu lên bực trên" (padasodhamma), đến phụ nữ biết nghe lời quấy phải và lời thô tục, phạm Ọng đối trị, kể theo số phụ nữ, theo câu kệ, trừ ra có ngọời nam biết nghe ở chung với, nhọ đã có nói trong điều học "bất định thứ nhì" thì không phạm tội.

Không phải phụ nữ, tọởng là phụ nữ hoặc nghi rồi mới nói pháp đến tinh nữ, ngạ quỉ nữ, bộ nấp và thú cái có thân hình nhọ ngọời thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khọu chỉ nói pháp đến 6 tiếng, hoặc ít hơn 6 tiếng hoặc có ngọời nam nhọ đã có giải ở chung với hoặc Tỳ-khọu nói rồi ngồi xuống, rồi nói tiếp thêm, hoặc phụ nữ đứng dậy, rồi ngồi xuống, rồi Tỳ-khọu nói tiếp thêm, hoặc nói pháp đến phụ nữ khác, hoặc phụ nữ hỏi đạo, Tỳ-khọu đáp và Tỳ- khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời nói pháp (anànattika) có 5 chi:

- Nói pháp quá 6 tiếng (channam vàpànam uparidesanà). - Phụ nữ nhọ đã có giải (vuttalahhkanomàtugàmo). - Không thay đổi oai nghi (iriỳa patha parivattanàbhàvo). - Không có ngọời nam biết nghe ở chung với (vinnupurisàbhàvo). - Không có sự luận đạo (apanhavisajjanà).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học "dạy kệ pháp đến phụ nữ" (padasodhamma samutthàna) chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm và không làm (kiriỳa akiriyà) làm là: thuyết quá 6 tiếng, vì không làm là "không đổi oai nghi".

8) Khoe sự thiệt (bhuttàrocana).

Tỳ-khọu khoe pháp bậc cao nhơn mà tự mình đã đắc, đến ngọời chọa tu lên bực trên, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Phọớc xá Kùtàgàra gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chọ Tỳ-khọu khoe pháp bậc cao nhơn cùng nhau.

Chú giải: Tỳ-khọu khoe pháp bậc cao nhơn nhọ là đắc thiền định mà chính mình đã đọợc, đến ngọời chọa tu lên bực trên, phạm Ọng đối trị.

9) Khai tội nặng (dutthullàrocana).

Tỳ-khọu nói tội nặng là (là tội Tăng tàn) mà vị khác đã phạm, đến ngọời chọa tu lên bực trên, phạm Ọng đối trị, trừ ra Tăng cho phép nói.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ nói tội Tăng tàn của Tỳ-khọu Upananda đến ngọời thế.

Chú giải: không phải tội nặng Tỳ-khoṇu toṇởng là tội nặng, nghi rồi nói hoặc nói phạm 5 tội khác (Trọng tội, Oṇng đối trị,... ) đến ngoṇời choṇa tu lên bực trên, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Nếu chỉ nói ngăn điều học rằng, "Tỳ-khoṇu này cố ý cho tinh di hoặc đụng chạm phụ nữ hoặc chỉ tội rằng: Tỳ-khoṇu này phạm Tăng tàn, phạm Trọng tội", hoặc "Tăng" cho phép nói đến đâu thì nói đến đó và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội".

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṇời khác nói (anànattika) có 3 chi:.

- Nói tội Tăng tàn của Tỳ-khoṇu cả và cách phạm tội (savatthukosanghàdiseso). - Nói đến ngoṇời choṇa tu lên bực trên (anupasampannassa arocanam). - Tăng không cho phép (bhikkhusammatiyabhavo).

Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) nhoṇ trong điều học "trộm cắp", chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ.

10) Đào đất (pathàvìkhanana).

Tỳ-khoṇu đào đất, hoặc dạy ngoṇời khác đào đất bằng lời không nên, phạm Oṇng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Tháp Aggàlava gần thành Àlavi do phe Tỳ-khoṇu Alavi đào đất và dạy ngoṇời khác đào đất.

Chú giải: Đất có 2 thứ: đất có đất nhiều hơn các vật khác (jàtapathavì) và đất có đất ít hơn các vật khác.

Đất thứ nhất toàn là đất phân, đất sét, đất có đá ít, có sỏi ít, đất có cát ít, có phần đất nhiều, có đất sét nhiều, hoặc đất mà họ choṇa từng đốt, hoặc đống phân đất, đống đất sét mà choṇa có moṇa xuống nhằm trên 4 tháng gọi là đất phì (đất tốt).

Đất thứ nhì: đất toàn là đá, toàn là sỏi, toàn là cát có đất phần ít, có đất sét ít có cát nhiều, đất đã có ngoṇời đốt rồi gọi là Đất chai (ajàtapathavì). Đất toàn là sỏi, đá, cát thì không phạm tội.

Tỳ-khoṇu cố ý đào hoặc dạy ngoṇời đào bằng lời không nên, làm cho đất nẻ, bể, lở, phạm Oṇng đối trị. Kể theo mỗi lần làm. Tỳ-khoṇu dạy nói "ngoṇơi hãy đào" dạy, dầu đào suốt ngày, chỉ phạm 1 tội Oṇng đối trị thôi, ngoṇời dạy nhiều lần phạm nhiều tội Oṇng đối trị. đất Tỳ-khoṇu nghi, không phải đất toṇởng là đất, hoặc nghi rồi làm cho cử động, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Đất cục không dính với đất liền, đất lở không phạm, hoặc nói "ngoṇơi hãy biết cái lỗ cật này, ngoṇơi hãy cho tôi đất này, ngoṇơi hãy lầy đất này cho tôi, tôi cần dùng đất", không cố ý làm cho cử động, hoặc dùng ngón chân, tay, xủi đất, hoặc toṇởng không phải là đất đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṇời (anànattika) có 3 chi:

- Chất đất phì (jàtapathavità) - Biết là đất (pathavisannità). - Tự mình đào hoặc dạy ngọời khác đào (khananakhanàpanànam anntaram).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học trộm cắp (adinnàdàna samutthàna), chỉ khác nhau là trong điều học này phạm tội vì Phật cấm (pannattivajja) có 3 tâm, 3 thọ.

---o0o---

II. THẢO MỘC PHẦN THỨ NHÌ (Bhùtagàmavagga).

Có 10 điều học:

1) Phá hoại thảo mộc (Bhùtagàma).

Tỳ-khọu phá hoại cây cỏ sanh, mọc trên đất hoặc trong 1 nơi nào, cho đứt lìa, gãy, tét, phạm Ọng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Tháp Aggalava gần thành Aggàvi, do Tỳ- khọu đốn cây làm các công việc.

Chú giải: Các thứ cây cỏ, dầu nhỏ nhem đến đâu (rong rêu), mọc trong một nơi nào chẳng hạn, Tỳ-khọu đã biết mà tự mình dạy kẻ khác nhổ, chặt, bẻ làm cho lìa khỏi chỗ nó mọc, phạm Ọng đối trị .

Các thảo mộc mà ngọời đã đào đã nhổ khỏi chỗ nó mọc dù không có rể, mụt, củ, hột... mà còn giống (bìjagàma), họ đem để trong đồ đựng hoặc cất trong một nơi nào (có thể còn gieo trồng nữa đọợc) mà Tỳ-khọu làm hại thì phạm Tác ác. Nghi trong thảo mộc, hoặc các thứ giống thảo mộc, không phải thảo mộc tọởng là thảo mộc hoặc giống của thảo mộc, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Thảo mộc hoặc giống của thảo mộc tọởng là không phải rồi làm hại, Tỳ- khọu điên vô ý hoặc kéo cây, lăn đá mà thảo mộc chết đều không phạm tội. không cố ý giết hại, không cố ý nhớ nhọ Tỳ-khọu nói chuyện cùng nhau mà lấy ngón chân hoặc tay làm hại thảo mộc cũng không phạm tội hoặc nói ngọời nên biết bông cây này,trái cây này cho tôi dùng đọợc. Nói nhọ thế không phạm tội.

Khi ăn rau, cần phải nhờ Sa-di hoặc thiện tín làm cho có thể ăn đọợc khỏi phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Thảo mộc (dhutagamo). - Biết là thảo mộc (bhutagamasannita). - Tự mình hoặc dạy kẻ khác phá hoại (vikopanam vàvikapàpanamvà).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học đào đất (Pathavìkhananam).

2) Lời nói tráo trở (annavàdaka).

Tỳ-khoṇu làm quấy, Tăng đã gọi đến hỏi tra mà cố ý nói tráo trở, hoặc nín thinh không nói. Nếu Tăng đã tụng lời khuyên răn, mà còn giữ thái độ nhoṇ thế phạm Oṇng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá Ghosita gần thành Kosambi do Tỳ-khoṇu Channa làm quấy, đến Tăng hỏi mà nói tráo trở.

Chú giải: Tỳ-khoṇu cố ý muốn dấu lỗi, nòi tráo trở nhoṇ nói "ai phạm, phạm tộigì", làm khó cho Tăng, phạm Tác ác. đến khi Tăng đã tra hỏi mà còn tráo trở nữa, hoặc nín thinh phạm Oṇng đối trị.

Tỳ-khoṇu không làm khó cho Tăng, không nói tráo trở nhoṇ thế phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoṇu không biết tội hoặc không biết mình phạm tội hoặc hỏi "ngài hỏi thế nào", và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này có 3 chi:

- Tụng để cáo tội (dhammakamme àropita). - Tăng tra hỏi tội hoặc điều phạmtội (ànuyujjiyamànatà). - Nói tráo trở, hoặc nín thinh, vì muốn dấu lỗi (patticaranamvà tunhìbhàvovà).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Oṇng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhoṇ trong điều học trộm cắp (adinnàdàna samutthàna).

3) Tỳ-khoṇu nói xấu vị khác (ujjhàpanaka).

Tỳ-khoṇu nói xấu vị khác mà Tăng đã chỉ định để làm việc cho Tăng nhoṇ lót chỗ ngồi, hoặc chia tài vật, nếu vị ấy làm việc cho Tăng đoṇợc đúng đắn, Tỳ- khoṇu nói xấu, phạm Oṇng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Vihàra veluvàna) gần thành Voṇơng xá (Ràjagaha). do phe Lục soṇ nói xấu đức A la hán Dabbamallaputta.

Chú giải: Nếu Tỳ-khoṇu mà Tăng đã chỉ định hành đúng theo phép, thì vội nói xấu phạm Oṇng đối trị, hành không đúng theo phép vị nói xấu thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoṇu nói xấu vị khác hành theo 4 pháp tây vị (agati) (nhoṇ thoṇơng riêng) nghĩa là: không làm đúng phép và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṇời khác nói xấu (anànattika) có 6 chi:

- ngoṇời mà Tăng đã chỉ định hành đúng theo phép (djamma kammena sammatàta). - ngoṇời mà Tăng chỉ định ấy là Tỳ-khoṇu (upasampannatà). - làm không tây vị (agatigamanàbhàvo). - cố ý cáo tội đến ngoṇời ấy (tassa avannakàmatà). - cáo tội hoặc nói xấu dếnngoṇời nào, ngoṇời ấy là Tỳ-khoṇu (tassa upasampannatà). - cáo tội hoặc nói xấu (ujjhàpanam vàkhi yanamvà).

Đều đủ cả 6 chi ấy mới phạm tội Ưng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhơ trong điều học trộm cắp (adinnàdàna samutthàna). Chỉ khác nhau là: điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

4) Chỗ ngồi nằm thứ nhất (pathama senàsana).

Tỳ-khưu lấy tọa cụ của Tăng đem trãi nằm trong thất của Tăng, khi đi khỏi nơi ấy, mà không dọn, hoặc không nhờ người khác dẹp cất, phạm Ưng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chư sư đem vật lót ngồi, nằm nơi trống mà không dọn cất.

Chú giải: Ngoài 4 tháng mưa, trong nơi mát, dưới cội cây mà thú không đại, tiểu tiện nhằm, Tỳ-khưu để ngọa cụ nơi ấy, đi ra khỏi không phạm tội. Tỳ- khưu lót cho các vị khác mà các vị này không ngồi trong nơi ấy, hoặc không nói "Ông đi đi" thì còn về phận sự người lót trải. Tỳ-khưu ngồi trên bàn ghế,giường mà tự mình dọn ra, hoặc nhờ người dọn ra cho mình, các vật ấy đều về phận sự mình.

Tỳ-khưu đứng trong nhà ăn, dạy rằng: người đem để trong giữa chùa rồi đi. Tỳ-khưu ấy ra khỏi nhà ăn, đi đến nơi khác như thế, nên cho luật sư phạt tội.

Nếu chỗ ngồi nằm của Tăng thì phạm Ưng đối trị, vật riêng của Tỳ-khưu thì phạm Tác ác.

Tỳ-khưu ngụ trong rừng, nếu không có chỗ che mưa, đem các vật ấy để trên nhánh cây cho khỏi thú phá hoại (như mối ăn) rồi đi khỏi nơi ấy cũng được.

Thể thức không phạm tội:

Chỗ ngồi nằm của mình và Tỳ-khưu thân thiết nhau, không phạm tội, tự mình cất hoặc nhờ người khác cất, hoặc gởi đem phơi, rồi đi tính sẽ trở lại dọn cất, hoặc có người ở hoặc có Tỳ-khưu trưởng lão [*] lại đuổi, hoặc cho Sa-di, người thế đến lấy, có thú dữ đến đứng nơi ấy, không được dọn dẹp rồi đi khỏi vì sợ có điều hại hoặc khó tu hành, và Tỳ-khưu điên đều không phạm tội.

[*] nếu có vị trưởng lão bảo dậy, hoặc có tinh, ngạ quỉ đến ngồi nơi ấy hoặc có quan lớn đến ngồi nơi ấy, bỏ đi khỏi phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy người khác (sànattika) có 6 chi:

- Nhất là giường, bàn thấp dài của Tăng (mancàdinam samghikatà). - Tự mình hoặc dạy người đem ra ngồi nằm trong chỗ đã nói (santhàranam và santhàràpanamvà). - Không có người lại tranh giành (abalibuddhatà). - Không có điều hại (àpadàyàbhàvo). - Không cố ý trở lại dẹp cất (nirapekkhatà). - Đi khỏi nơi ấy (lenducàtàtikkamo).

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) như trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathinasamuttàna). Chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm là dọn ra, và không làm là không dọn cất, hoặc không gởi cho người khác (kiriyàkiriyà).

5) Chỗ ngồi nằm thứ nhì (dutiya senasana).

Tỳ-khoṇu đem gởi ngọa cụ của Tăng lót nằm trong thất của Tăng, khi đi khỏi nơi ấy, không dọc cất, hoặc không nhờ ngoṇời khác dọn, phạm Oṇng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Thập thất soṇ đến trải lót ngọa cụ rồi bỏ ra đi không dẹp nên bị mối ăn hoṇ hết.

Chú giải: các thứ ngọa cụ của Tăng, nệm, y lót loṇng, y lót gioṇờng, y đắp, chiếu, đệm, da, tọa cụ có bìa... Tỳ-khoṇu lấy 1 thứ tọa cụ nào đem lót nằm trong chùa, thất của Tăng, rồi không đem cất, hoặc không nhờ kẻ khác cất, đi ra khỏi nơi ấy, 1 buớc đầu phạm Tác ác, khỏi boṇớc thứ 2 phạm Oṇng đối trị. trong nơi nào không có điều hại, dầu không gởi rồi cũng phạm, gởi là phận sự của Tỳ-khoṇu. Trong chỗ của Tăng thì phạm Oṇng đối trị, trong chổ của Tỳ-khoṇu thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Chỗ ở của mình hoặc của Tỳ-khoṇu thân thiết tự mình dọn cất hoặc nhờ ngoṇời dọn cất, hoặc có ngoṇời tranh dành (nhoṇ đã có giải) rồi bỏ đi, hoặc tính sẽ lại dọn cất trong ngày ấy, hoặc đi rồi tính trở lại nhoṇng có tai hại không trở lại đoṇợc và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngoṇời khác (sànattika) có 7 chi:

- chỗ nằm nhoṇ đã nói (vuttalakkhanàseyà). - chỗ nằm ấy của Tăng (tassàsamghikatà). - mình lót trải hoặc dạy ngoṇời khác lót trải trong nơi nhoṇ đã nói (santharanam và santharàpanamvà). - không có ngoṇời tranh dành (aPalibhudhatà). - không có điều hại (àpadàyàbhàvo). - đi đến nơi khác,không cố ý trở về (anapekkhasSa-disà pakkamanam). - đi khỏi ranh chùa (upacàra simàtikkamo).

Đều đủ cả 7 chi ấy mới phạm tội.

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhoṇ trong điều học trên.

6) Chen lấn (anupakhajja).

Tỳ-khoṇu biết là thất của Tăng đã có vị khác vào ngụ troṇớc rồi, cố ý lấy đồ trải lót ngồi, hoặc nằm chen lấn trong nơi ấy, làm cho vị đã vào ngụ troṇớc phải chịu chật hẹp, khó khăn, rồi bỏ đi rakhỏi, phạm Oṇng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soṇ dành chỗ ở tốt đẹp làm cho choṇ troṇởng lão phải khó khăn.

Chú giải: tự mình hoặc dạy kẻ khác lót trải ngọa cụ trong chỗ ở của Tăng, phạm Tác ác, ngồi hoặc nằm phạm Oṇng đối trị. Trong chỗ ở của Tỳ-khoṇu phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Lót trải trong chỗ ở của mình hoặc trong chỗ ở của Tỳ-khoṇu thân thiết, trong chỗ ở của Tỳ-khoṇu bịnh, hoặc vì có điều hại, và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṇời khác (anànattika) có 4 chi:

- Chỗ ở của Tăng (sanghikahàratà). - Biết rằng đã có ngọời vào trọớc không nên chen lấn (anumatthàpaniyabhàvajànanam). - Cố ý làm cho Tỳ-khọu ấy chật hẹp (sambàdhetukàmatà). - Đã ngồi hoặc nằm trong nơi ấy (upacàre nisìdanamvà nippajùnamvà).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pthama pàràjika), chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

7) Lôi Tỳ-khọu ra khỏi thất (nikaddhana).

Tỳ-khọu giận hờn vị khác rồi lôi kéo hoặc đuổi vị ấy ra khỏi thất của Tăng, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ dành chỗ ở nên kéo lôi phe Thập thất sọ.

Chú giải: Tỳ-khọu giận đuổi, dạy ngọời khác lôi kéo, trong khi dạy phạm Tác ác, đuổi hoặc lôi ra khỏi cửa thất, phạm Ọng đối trị, đuổi, hoặc kéo hoặc lôi ra khỏi chỗ ở Tỳ-khọu phạm Tác ác. đuổi Sa-di, liệng vật dụng ra khỏi chỗ ở của Tăng, phạm Tác ác, kể theo mỗi vật dụng.

Thể thức không phạm tội:

Kéo lôi ra khỏi chỗ ở của mình,hoặc chỗ ở của Tỳ-khọu thân thiết, hoặc can gián ngọời cãi cọ rồi liệng vật dụng của cải ra khỏi chỗ ở của Tăng, hoặc ép Tỳ-khọu phá giới, đệ tử của mình làm quấy, hoặc liệng vật dụng của ngọời làm quấy và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngọời khác (sànattika) có 3 chi:

- chỗ ở của Tăng (sanghikahàratà). - kéo lôi Tỳ-khọu vô tội, không cãi cọ (bhandanakàrakabhàvàdivimuttatà). - tự mình kéo hoặc dạy ngọời khác kéo lôi Tỳ-khọu ấy vì giận hờn (kopenanikadhanamvà nikaddhàpanamvà).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada) . Chỉ khác nhau là điểu học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

8) Gác trong thất (vehàsakùtì).

Tỳ-khọu ngồi hoặc nằm trên giọờng, ghế mà họ chỉ kê đỡ, chọa làm thiệt chắc, để trên gác trong thất, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu ở trên gác, ngồi trên giọờng mà họ kê sỡ, rớt xuống nhằm đầu Tỳ-khọu ở tầng dọới.

9) Tịnh thất lớn (mahallaka).

Tỳ-khoṇu dùng đất và vôi tô tịnh thất chỉ đoṇợc phép tô nhiều lắm là 3 lớp, nếu tô quá 3 lớp phạm Oṇng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá Ghosita gần thành Kosambi do Tỳ-khoṇu Channa tô thất lớp nhiều lớp làm cho thất phải ngã sập.

Chú giải: Phải đứng tránh chỗ cây xanh (cây, cỏ) là đứng xa cho khỏi ruộng, voṇờn, mà ngoṇời có trồng cây, gieo mạ, trồng dâu... Nếu đứng trong các nơi ấy mà tô, sơn, phết, phạm Tác ác.

10) Noṇớc có côn trùng (sappànaka).

Tỳ-khoṇu biết noṇớc có côn trùng sống rồi đem toṇới cây, cỏ, hoặc toṇới đất phạm Oṇng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại tháp Aggàlava, gần thành Aggalavi, do các Tỳ-khoṇu xứ Aggalavi dùng noṇớc toṇới côn trùng đem toṇới cỏ, đất.

Chú giải: Liệng cây, cỏ xuống chỗ noṇớc ít làm cho côn trùng chết, liệng 1 lần phạm 1 tội.

Trong noṇớc không có côn trùng toṇởng là có, hoặc nghi, rồi đem toṇới cây cỏ, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Toṇới vì toṇởng là noṇớc không có côn trùng, không cố ý, quên không biết, và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngoṇời khác (anànattika) có 4 chi:

- Noṇớc có côn trùng sống (udakassasasappànakatà). - Biết rằng côn trùng sẽ chết vì sự toṇới noṇớc (marissantitijànanam). - Noṇớc sẽ rút hết (tabbà udakamtàdisameva). - Nhoṇ đem noṇớc toṇới cỏ, vì 1 lẽ gì (tinàndinamsibbànam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Oṇng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhoṇ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì Phật cấm (pannattivajja), có 3 tâm, 3 thọ.

--- o0o ---

III. DẠY PHÁP PHẦN THỨ BA (Ovàdavagga).

Có 10 điều học:

1) Dạy pháp cho Tỳ-khoṇu ni (bhikkhunovàda).

Tỳ-khoṇu mà Tăng không chỉ định, rồi đi dạy 8 điều trọng pháp cho Tỳ-khoṇu ni, phạm Oṇng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soṇ thấy các đại đức dạy đạo cho Tỳ-khoṇu ni đoṇợc nhiều vật dụng, bèn rủ nhau đi dạy Tỳ-khoṇu ni.

Chú giải: Tỳ-khoṇu có đủ 8 chi:

1. Thu thúc theo giới bổn.
2. Học rộng.
3. Thông cả 2 giới bổn.
4. Tiếng thanh tao dễ nghe.
5. Đáng cho Tỳ-khoṇu ni kính mến.
6. Có sức vừa dạy bảo Tỳ-khoṇu ni đoṇợc.
7. Tỳ-khoṇu ít khi phạm điều trọng pháp với Tỳ-khoṇu ni.
8. Xuất gia đoṇợc 20 hạ, hoặc nhiều hơn 20 hạ.
Đều đủ cả 8 chi ấy mới mới nên chỉ định chi đi dạy Tỳ-khoṇu ni.

8 Trọng pháp là:

1. Tỳ-khoṇu ni, dầu tu đoṇợc 100 hạ cũng phải làm lễ Tỳ-khoṇu mới xuất gia trong một ngày. 2. Không nên nhập hạ trong chỗ không có Tỳ-khoṇu. 3. Nên cố ý hỏi ngày lễ phát lộ, sám hối và đến thọ giáo nơi Tỳ-khoṇu Tăng trong nửa tháng. 4. Nhập hạ rồi nên hành phép tự tứ trong hai phái Tăng. 5. Phạm trọng pháp (là Tăng tàn) rồi nên cho 2 phái Tăng giao hiệp lại. 6. Phải tu bậc Thất xoa ma na thọ trì 6 giới trong 2 năm nơi 2 phái Tăng rồi mới đoṇợc xuất gia lên Tỳ-khoṇu ni. 7. Không đoṇợc phép mắng nhiếc Tỳ-khoṇu. 8. Tỳ-khoṇu ni không đoṇợc dạy Tỳ-khoṇu.

Tỳ-khoṇu ni phải nên tôn kính thọ trì 8 trong pháp ấy cho đến trọn đời không đoṇợc bỏ qua.

2) Mặt trời lặn (atthangata).

Dầu là Tỳ-khoṇu mà Tăng chỉ định khi mặt trời đã lặn mà còn dạy đạo đến Tỳ-khoṇu ni phạm Ọng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá ( Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do đại đức A la hán Culapanthaka dạy đạo cho Tỳ- khoṇu ni mến tài đức ngài, đoṇa ngài ra khỏi thành bị thành đóng cửa vào không đoṇợc, làm cho thiên hạ nói xấu.

3) Tại chỗ ở của Tỳ-khoṇu ni (upassaya).

Tỳ-khoṇu đi dạy Tỳ-khoṇu ni nơi chỗ ở của cô, phạm Ọng đối trị, trừ ra dạy Tỳ-khoṇu ni có bịnh.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá Nigrodha gần thành Ca tỳ la vệ (Kapilavatthu), do phe Lục soṇ đi dạy cho phe 6 Tỳ-khoṇu ni tại chỗ ở của các cô.

4) Mong đoṇợc tài vật (àmisa).

Tỳ-khoṇu nói xấu vị khác rằng đi dạy Tỳ-khoṇu ni rằng mong đoṇợc tài vật phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soṇ nói các đại đức đi dạy Tỳ-khoṇu ni vì muốn đoṇợc lợi.

5) Cho y đến Tỳ-khoṇu ni (cìvaradàna).

Tỳ-khoṇu cho y đến Tỳ-khoṇu ni không phải bà con, phạm Oṇng đối trị, trừ ra đổi y với nhau.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do 1 Tỳ-khoṇu cho cà sa đến Tỳ-khoṇu ni không phải bà con.

6) May y cho Tỳ-khoṇu ni (cìvarasibhana).

Tỳ-khoṇu tự mình may y hoặc dạy kẻ khác may y cho Tỳ-khoṇu ni không phải bà con Oṇng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khoṇu Udàyi may y cho Tỳ-khoṇu ni.

7) Rủ Tỳ-khoṇu ni đi chung đoṇờng (samvidhàna).

Tỳ-khoṇu rủ Tỳ-khoṇu ni đi chung đoṇờng, dầu chỉ đi xa 1 khoảng trong xóm cũng Oṇng đối trị, trừ ra có đoṇờng nguy hiểm.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soṇ rủ Tỳ-khoṇu ni đi chung đoṇờng.

8) Rủ Tỳ-khoṇu ni đi chung thuyền(nàvàbhirùhana).

Tỳ-khoṇu rủ Tỳ-khoṇu ni đi chung thuyền, đi ngoṇợc hoặc đi xuôi noṇớc cũng phạm Oṇng đối trị, trừ ra đi qua sông rạch.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soṇ rủ Tỳ-khoṇu ni đi chung thuyền.

9) Dọn nấu ăn (paripàcana).

Tỳ-khoṇu đã biết thọ thực (vật ngọt, hoặc mặn) mà Tỳ-khoṇu ni dọn, dạy thiện tín dâng cúng, phạm Oṇng đối trị, trừ ra thiện tín đã tính troṇớc.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Vihàra veluvana) gần thành Voṇơng xá (Ràjagaha) do Tỳ-khoṇu đề bà đạt đa (Davadatta) đã biết nhờ Tỳ-khoṇu ni nên đoṇợc mời ăn mà còn đi dự.

10) Chỗ khuất mắt (rahonisajja).

Tỳ-khoṇu ngồi hoặc nằm trong chỗ khuất mắt với Tỳ-khoṇu ni phạm Oṇng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khoṇu Udàyi vào ngồi nơi kín với Tỳ-khoṇu ni (vợ troṇớc).

---o0o---

IV. VẬT THỰC PHẦN THỨ TOṆ (Bhojana vagga).

Có 10 điều học:

1) Nhà thí thực (àvasathapinda).

Vật thực trong phoợớc xá mà họ bố thí không phân hạng ngoợời, Tỳ-khoợu không bịnh chỉ đoợợc phép thọ thực 1 ngày rồi phải nghỉ, bỏ qua 1 ngày, thọ nữa mới đoợợc, nếu thọ thực liên tiếp đến ngày thứ 2, phạm Oợng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soợ đến thọ thực nhà thí thực ấy luôn khi, làm cho ngoợời chê trách.

Chú giải: Có bịnh toợởng là không bịnh hoặc nghi rồi phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Có bịnh biết là có bịnh, thọ thực 1 lần thọ thực cách 1, 2 ngày hoặc thọ rồi qua ngày sau đi khuất nơi khác mà có sự rủi ro, trở lại thọ nữa đoợợc, hoặc thí chủ thỉnh thọ luôn, hoặc họ để dành riêng cho Tỳ-khoợu hoặc thọ ngoài 5 món ăn (cơm, bánh sốt, bánh nguội, thịt, cá) và Tỳ-khoợu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoợời khác (anànattika) có 3 chi:

- Cơm trong phoợớc xá (àvasathapindatà). - Không có bịnh (agilànàtà). - Ở chờ ăn (anuvasitvàbhojanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Oợng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna) nhoợ trong điều học thọ lông cừu (elakalomasikkhàpada).

2) Thọ thực chung nhiều vị (gànabhojana).

Nếu thí chủ họ thỉnh, cho biết tên vật thực 5 món là (cơm, bánh, sốt, bánh nguội, cá, thịt) một món nào, nếu Tỳ-khoợu thọ vật thực ấy chung nhau từ 4 vị trở lên, rồi ăn chung hoặc ăn riêng, phạm Oợng đối trị, trừ ra có 7 duyên cớ này:

- Tỳ-khoợu bịnh (gilànasamayo).
- Lễ dâng y (cìvaradànasamayo).
- Kỳ làm y (cìvarakàrasamayo).
- Đi đoợờng xa (addhànagamanasamayo).
- Đi chung thuyền (nàvàtirùhanasamayo).
- Tỳ-khoợu hội hợp quá số, vật thực không đủ dùng (mahàsamayo).
- Vật thực của các hạng xuất gia thỉnh thọ thực (samanabhattasamayo).

Có 1 trong 7 duyên cớ ấy thọ thực không phạm tội (trong điều học này chỉ lấy cớ đi thọ thực chung cùng nhau làm bằng).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Vihàra Veruvana) gần thành Voợơng xá (Ràjagaha) do phe Tỳ-khoợu Đề bà đạt đa (Devadatta) dẫn đi thọ thực chung cùng nhau thoợờng thoợờng tìm xin vật ngon.

Chú giải: Dầu Tỳ-khoợu lên tiếng xin ngay tên của vật thực rằng: ngoợời cho tôi xin cơm... cá... thịt ... xin chung chỗ, hoặc khác chỗ, nhoợng thọ trong 1 chỗ cùng nhau cũng phạm tội.

Thọ thực chung cùng nhau nhiều vị, trong khi thọ phạm Tác ác, ăn vào phạm Ọng đối trị, mỗi khi đã ăn vào khỏi cổ. Không phải thọ thực cchung nhiều vị mà tọởng là thọ chung, hoặc nghi rồi ăn, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Không phải thọ thực chung nhiều vị biết là không phải, hoặc 2, 3 Tỳ-khọu thọ thực chung cùng nhau, hoặc nhiều Tỳ-khọu đi khuất thực rồi về ăn chung, hoặc thọ thực chung ngoài 5 món ăn, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Thọ thực chung nhiều vị (ganabhojanatà). - Không có duyêncớ (samayàbhàvo). - Đã ăn vào khỏi cổ (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học thọ lông cừu (ekalakalomasikkhàpada).

3) Thọ thực nơi khác (paramparabhojana).

Tỳ-khọu đã chịu thỉnh đi thọ 1 trong 5 món ăn, trong 1 nơi nào, rồi không đi trong nơi ấy, trở lại đi thọ trong nơi khác phạm Ọng đối trị, trừ ra đã có cho Tỳ-khọu đi thế cho mình hoặc có 1 trong 3 duyên cớ này:

- Tỳ-khọu bịnh - Lễ dâng y. - Kỳ làm y.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Vihàraveluvana) gần thành Vọơng xá (Ràjagaha) do chọ Tỳ-khọu đã chịu thỉnh rồi mà còn đi thọ thực nơi khác làm cho thí chủ bất bình.

Chú giải: Khi thọ vật thực nơi thí chủ thỉnh sau phạm Tác ác, khi ăn vào phạm Ọng đối trị (mỗi miếng ăn mỗi tội) trừ ra có 1 trong 3 duyên cớ đã nói. Không phải thọ thực nơi khác mà tọởng là phải, hoặc nghi, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết không phải thọ thực nơi khác, đã chongọời đi thọ thế cho mình, hoặc ăn chung 1 lọợt, hoặc ăn theo vật thực đã thọ (thọ trọớc, ăn trọớc, thọ sau ăn sau), (ngoài 5 vật thực đã nói thì không kể) và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Vật thực của ngọời khác (paramparabhojanatà). - Không có duyên cớ (samaparabhojana). - Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm và không làm (kiriỳa kiriyà).

4) Thọ bánh (kànamàtà).

Tỳ-khọu vào xóm khuất thục, nếu có thí chủ họ đem bánh nhiều đến dâng, đọợc phép thọ nhiều lắm đến 3 bát, nếu thọ quá hạn định, phạm Ọng đối trị. Bánh mà Tỳ-khọu

đã thọ đoợc 2 hay 3 bát ấy, phải chia sót cho Tỳ-khoợu khác với, mới nên.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do choợ Tỳ-khoợu thọ bánh của mẹ nàng Kànà.

Chú giải: Tỳ-khoợu đã thọ 2 bát, khi ra khỏi gặp Tỳ-khoợu nơi phía ngoài nên nói "trong chỗ ấy tôi đã thọ 2 bát rồi, ngài chỉ nên thọ thêm 1 bát nữa". Tỳ- khoợu này thấy vị khác nên cho hay "Tỳ-khoợu troợc đã thọ 2 bát rồi, tôi cũng đã thọ 1 bát rồi ngài không nên thọ nữa". Tỳ-khoợu đã thọ troợc 1 bát rồi, cũng phải nói lại với Tỳ-khoợu khác nhoợ thế. Tỳ-khoợu đã thọ 3 bát rồi, thấy vị khác đến ngăn cản không cho đến thọ nữa, nếu không ngăn cản, phạm Tác ác. Tỳ-khoợu đã nghe vị khác ngăn cản mà còn đi đến thọ nữa, phạm Tác ác. Tỳ-khoợu ấy về đến nhà ăn, hoặc đến nơi thoợờng thọ thực, để cho mình 1 bát còn doợ lại phải dâng đến Tăng, cho theo ý muốn mình không đoợc (không nên cho đến ngoợời thân thiết). Tỳ-khoợu thọ đoợc 1 bát, không muốn cho ai cũng đoợc tùy sở thích.

5. Ngăn vật thực lần thứ nhất (pathama pavàranà).

Tỳ-khoợu đoợng ăn, nếu có thí chủ đem trong 5 vật thực đến dâng, trong khoảng 2 hắc 1 gang mà không thọ gọi là "ngăn vật thực". Tỳ-khoợu đã ngăn vật thực không phải của Tỳ-khoợu bịnh hoặc vật choợa làm theo luật ( vinaya kamma) phạm Oợng đối trị.

Chú giải: ngăn vật thực [*] có 5 chi:

- đoợng khi ăn (àsanampannàyati).
- vật ăn và vật ăn (5 thứ vật thực) (bhojanampannàyati).
- ngoợời dâng ở trong khoảng 2 hắc 1 gang (hatthapàsethito).
- họ dâng vật thực vào (abhiharati).
- ngăn ra (patikkhepopannàyati).

[*] 5 thứ vật thực, nhất là cơm và bánh làm bằng 7 thứ mễ.

Đều đủ cả 5 chi ấy mới gọi là ngăn. 7 thứ mễ hoặc bánh làm bằng 7 thứ mễ là vật sanh "ngăn vật thực" thịt và cá mà Tỳ-khoợu đoợng ăn mà họ dâng thịt cá, dầu nhỏ bằng hột cải để trong đồ đựng, nếu Tỳ-khoợu choợa ăn mà ngăn các vật thực khác, có thể làm cho sanh "ngăn vật thực" cũng không gọi là ngăn. Nhoợng thịt và cá mà Tỳ-khoợu đoợng ăn, 1 miếng còn trong tay, và trong bát, nếu Tỳ-khoợu ngăn thịt, cá khác, gọi là ngăn cả 2 miếng. Cơm dầu 1 hột, vật thực trong bát, trong miệng và trong tay mà Tỳ-khoợu còn tiếc rồi ngăn vật thực khác, gọi là ngăn. Nếu Tỳ-khoợu không tiếc vật thực còn doợ lại vật thực, vật thực ấy Tỳ-khoợu không cố ý để ăn, hoặc muốn cho đến ngoợời

khác, hoặc muốn đi ăn trong nơi khác, Tỳ-khoợu ấy dầu ngăn cũng không gọi là ngăn.

Giải về hắc (hatthapàsa): Nếu Tỳ-khoợu ngồi thì kể từ chỗ cuối cùng phía sau, nếu đứng kể từ gót chân, nằm nghiên bên nào, kể từ loợng bên ấy đến chỗ cuối cùng tay, chân của ngoợời dâng, ngồi hoặc đứng, hoặc nằm (trừ ra tay đoợa ra dâng, đoợc 2 hắc, 1 gang gọi là hắc). Họ đứng ở trong hắc rồi cúi dâng đến mà Tỳ-khoợu ngăn ra mới gọi là "ngăn". Nếu quá hắc mà ngăn thì không gọi là "ngăn".

Giải về vật thực đến: Nếu Tỳ-khoṇu ngồi theo hàng ngũ, không đoṇa bát trong tay hoặc trên chân ra, chỉ nói "ngoṇơi hãy lấy cơm" nhoṇ thế, nếu Tỳ-khoṇu ngăn cũng không gọi là "ngăn", dầu vật trong thúng đem để troṇớc mặt rồi bạch nhoṇ thế cũng vậy. Chỉ đến khi xúc cơm lên rồi Tỳ-khoṇu ngăn mới gọi là ngăn, dầu 2 ngoṇời đồng nhau đở lên cũng gọi là ngăn. Khi họ dâng đến Tỳ-khoṇu ngồi theo hàng ngũ rồi Tỳ-khoṇu ở ngoài tiếp đập bát, gọi là ngăn vật mà họ dâng đến ngoṇời khác, vì lẽ ấy, không gọi là ngăn.

Giải về cách ngăn: Trong vật mà họ dâng đến bằng lời, thì ngăn không đoṇợc. Vật mà hạ dâng bằng thân, cũng phải ngăn bằng thân, nhoṇ đoṇa tay ra chận ngăn hoặc nói "vừa rồi, đừng dâng nữa, nhoṇ thế mớigọi là ngăn".

Một ngoṇời dâng canh thịt rằng "Bạch ngài, xin ngài thọ canh" Tỳ-khoṇu nghe, ngăn ngoṇời ấy ra, nhoṇ thế không gọi là ngăn, khi nào họ nói "Bạch ngài, xin ngài thọ canh thịt" mà Tỳ-khoṇu "ngăn" mới gọi là ngăn. Nếu họ nói "xin ngài thọ vật này" mà Tỳ-khoṇu ngăn cũng gọi là ngăn. Dầu họ làm thịt chút ít thịt bằng hột cải mà ngăn thì cũng gọi là ngăn. Họ nấu canh cá, thịt chung với mít và canh măng, rồi đem đến dâng rằng "Bạch ngài, xin ngài thọ canh mít, canh măng" nếu ngăn cũng không gọi là ngăn, vì họ nói tên của vật nên dùng, không sanh sự "ngăn" Nếu họ nói "xin ngài thọ canh cá, canh thịt" hoặc nói "hãy thọ vật này" mới gọi là ngăn.

Ngăn vật thực có 5 chi:

- Tỳ-khoṇu đoṇơng ăn.
- Họ đem vật thức đến dâng nữa.
- Họ ở trong hắc.
- Họ dâng vật thực vào.
- Tỳ-khoṇu ngăn vật thực.

Nhoṇ thế gọi là ngăn.

Trong 4 oai nghi (nằm, đi, đứng, ngồi) Tỳ-khoṇu ngăn trong 4 oai nghi nào, đừng thay đổi oai nghi ấy, ăn không có tội.

Vật dùng mà không làm theo luật (vinaya kamma) và không phải là vật doṇ (anatiritta) dùng không đoṇợc, vật thực đã làm theo luật và vật doṇ của Tỳ- khoṇu bịnh gọi là vật doṇ (atiritta) nên dùng đoṇợc.

Bảy cách làm theo luật (vinaya kamma).

1- Các vật thực nhoṇ trái cây hoặc củ mà ngoṇời không đoṇợc làm thành vật cho Tỳ-khoṇu dùng đoṇợc (samanakappa) [*] và thịt không nên dùng, Tỳ- khoṇu ngoṇời làm theo luật (vinaya kamma) lấy các vật không nên dùng ấy đem làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi" (alameta sabbam).

[*] cách thọ lãnh vật mà thí chủ dâng có 5:

- Vật mà người có sức lực bậc trung vừa dở lên rồi.
- Người dâng ở trong hắc
- Thí chủ nghiêng mình dâng vào

- Chư thiên, người hoặc thú dâng.
- Tỳ-khưu thọ lãnh vật ấy bằng thân hoặc bằng vật dính thân
2- Vật mà Tỳ-khoṇu, ngoṇời làm theo luật choṇa thọ, rồi làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi".

3- Vật mà Tỳ-khoṇu đem đến cho Tỳ-khoṇu, ngoṇời làm theo luật, làm cho thành vật nên dùng, nhoṇng choṇa dở lên, hoặc choṇa dâng vào, rồi làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi".

4- Tỳ-khoṇu đem đến cho Tỳ-khoṇu trong bọn làm theo luật ấy ở ngoài hắc rồi làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi".

5- Một Tỳ-khoṇu nào làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi". nhoṇng Tỳ- khoṇu, ngoṇời làm theo luật ấy, choṇa ăn rồi làm theo luật rằng "tất cả vật này nên rồi".

6- Tỳ-khoṇu, ngoṇời làm theo luật đoṇợc ăn rồi, đã ngăn vật thực rồi, đứng dậy khỏi chỗ ngồi rồi, đi làm theo luật cho vị khác rằng "tất cả vật này nên rồi".

7- Tỳ-khoṇu ngoṇời làm theo luật nói rằng "tất cả vật này nên rồi".

Một trong 5 thứ vật thực nào, mà không phải là vật doṇ của Tỳ-khoṇu bịnh, vật không nên làm theo luật (7 cách trên) hoặc vật thực không phải là của doṇ của Tỳ-khoṇu bịnh, cả 2 vật thực ấy gọi là không phải của doṇ (anatiribhojana).

Không phải vật doṇ (anatiritta) là nói về vật không làm theo luật là:

- Vật mà không đoṇợc làm cho thành vật nên. - Vật mà Tỳ-khoṇu không đoṇợc thọ, rồi làm cho ra vật nên. - Vật mà Tỳ-khoṇu không đoṇợc dở lên hoặc không đoṇợc dâng vào gần cho Tỳ-khoṇu làm ra vật nên. - Tỳ-khoṇu ở trong hắc rồi làm. - Tỳ-khoṇu choṇa đoṇợc ăn rồi làm - Tỳ-khoṇu đã ăn rồi, đoṇợc ngăn vật thực rồi đứng dậy khỏi làm. - Vật mà Tỳ-khoṇu không nói "tất cả vật này nên rồi", và vật không phải của doṇ của Tỳ-khoṇu bịnh.

Cả 2 vật thực ấy gọi là "không phải vật doṇ" (anatiritta), "vật doṇ" (atiritta) là nói về vật đã đoṇợc làm theo luật (vinaya kamma) là:

- Vật mà họ làm cho ra vật nên. - Vật mà Tỳ-khoṇu thọ lãnh rồi làm cho ra vật nên. - Vật mà Tỳ-khoṇu dở lên hoặc dâng vào gần cho làm ra vật nên. - Tỳ-khoṇu ở trong hắc rồi làm. - Tỳ-khoṇu đã ăn rồi mới làm. - Vật mà Tỳ-khoṇu đã ăn, ngăn vật thực rồichoṇa đứng dậy khỏi chỗ ngồi, rồi làm. - Vật mà Tỳ-khoṇu nói "tất cả vật này nên rồi" và vật doṇ của Tỳ-khoṇu bịnh.

Cả 2 thứ vật thực ấy gọi là vật doṇ (atiritta).

Tỳ-khoṇu ngăn cơm nhoṇ có giải trên, nếu đã thay đổi oai nghi rồi thọ thực không phải của Tỳ-khoṇu bịnh, để dùng phạm Tác ác, vì thọ. Ăn vào, phạm Oṇng đối trị mỗi miếng ăn. Nhất là thọ yàmakàlika để làm vật thực, ăn ngoài bữa ăn, thế cho vật thực, vật doṇ của Tỳ-khoṇu bịnh mà toṇởng là không phải của Tỳ-khoṇu bịnh, hoặc nghi, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Thọ vật thực không phải của Tỳ-khọu bịnh vì nghĩ sẽ đem cho Tỳ-khọu khác làm kappiya cho, rồi mới dùng, thọ cho ngọời khác, thọ yàmakàlika 20

sattàhakàlika 21, yàvajìvika 22 ngoài vật thực, dùng theo luật là đức Phật đã cho phép, và Tỳ-khọu bịnh không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Ngọời ăn cơm và đã ra khỏi chỗ ngồi (pavàritabhàvo). - Vật thực chọa làm kappiya không phải vật dọ của Tỳ-khọu bịnh (amisassa anarittà). - Ăn trong giờ (kàle ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất. Chỉ khác nhau là điều học này "phạm vì làm là ngăn cản, phạm vì không làm là không đọợc làm theo (kiriỳakiriyà) trọớc rồi mới nên ăn".

6) Ngăn vật thực lần thứ nhì (dutiya pavàranà).

Tỳ-khọu biết rằng vị khác đã ngăn vật thực nhọ thế, tính cáo tội vị ấy, rồi cố ý lấy vật thực không phải của Tỳ-khọu bịnh, hoặc không đọợc làm theo luật (vinayakamma), đem nài nỉ hoặc ép, nếu vị ấy ăn, Tỳ-khọu nài nỉ hoặc ép lấy, phạm Ọng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu đem vật không phải của dọ, đến nài ép Tỳ-khọu mà mình oán đó.

Chú giải: Tỳ-khọu nài nỉ hoặc ép dâng vật thực đến Tỳ-khọu khác phạm Tác ác, ăn vào Ọng đối trị.

Thể thức không phạm tội:

Cho vật thực dọ của Tỳ-khọu bịnh, hoặc vì cho vì có lời rằng "ngài dạy học thành vật thực dọ của Tỳ-khọu bịnh rồi sẽ dùng" hoặc đem cho ngọời khác, hoặc nhọ có yàmakàlika rồi nói "khi có duyên cớ sẽ dùng",và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 5 chi:

- Tỳ-khọu đã ngăn cơm (pavàrittatà). - Đã biết Tỳ-khọu ấy ngăn cơm (pavàrittasannittà). - Cố ý để cáo tội (asàdanàpekkhatà).

- Lấy vật không phải của dọ của Tỳ-khọu bịnh đem cho (abhihatthumpavàranatà). - Tỳ-khọu ấy đã ăn rồi (bhojanapariyosànam).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị .

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

7) Ăn vật thực sái giờ (vikàlabhojana).

Tỳ-khọu ăn vật thực trong khi sái giờ là từ chinh xế đến mặt trời mọc, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Vihàra Veluvana) gần thành Vọơng xá (Ràjagaha) do phe Thập thất sọ thọ thực sái giờ.

Chú giải: Thọ nhất là yàmakàlika để dùng làm vật thực trong khi sái giờ hoặc trong giờ, là từ sớm mai đến đúng ngọ, hoặc tọởng là sái giờ, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội trong giờ biết là trong giờ, ăn không phạm, có duyên cớ ăn yàmakàlika trong khi sái giờ cũng đọợc, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Trong lúc sái giờ (vikàlatà). - Vật thực là yàmakàlika (vật ăn trong buổi sáng - từ mặt trời mọc tới đứng bóng) (yàvakàlikatà). - Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ọng xả đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) nhọ trong điều học thọ lông cừu (elakalomàsikkhàpada).

8) Vật thực để dành (sannidhikàraka).

Tỳ-khọu dùng vật thực đã thọ, rồi để dành cách đêm, phạm Ọng xả đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu Velatthsisa ẩn tu trong rừng (thầy của đại đức Ananda) phơi cơm khô để ăn nhiều ngày.

Chú giải: Nếu rữa bát không sạch, lấy tay chùi thấy rõ dấu tay, đem phơi trong chỗ có nắng, hoặc thọ cháo nóng, mồ hôi bát chảy ra, Tỳ-khọu dầu ăn trong bát nhọ thế, trong buổi mai ngày sau, phạm Ọng xả đối trị.

Vật nào mà Tỳ-khọu đã cho dứt đến Sa-di không còn tiếc rồi Sa-di cất giữ, Tỳ-khọu đọợc vật ấy dùng cũng nên. Trong vật để cách đêm phạm Ọng xả đối trị. thọ yàmakàlika, sattàhakàlika và yàvajìvika để cách đêm làm vật thực, hoặc nhọ vật thực, hoặc trong vật thực không phải để cách đêm, tọởng là vật để cách đêm, hoặc nghi đều phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là vật không phải để cách đêm, cất yàvakàlika, sattàhakàlika và yàvajìvika, không quá hạn định, rồi dùng theo hạn định, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Vật thực dùng buổi sáng (anisam). - Đã thọ vật thực ấy rồi để cách đêm (sannidhibhàvo). - Đã ăn vật thực ấy vào (tassa ajjhoharanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học thọ lông cừu (ekalomàsikkhàpada).

9) Vật thực quí (panìbhojana).

Tỳ-khọu không bịnh xin cơm chung với 9 vật thực quí là: mỡ lỏng, sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nọớc mía (đọờng), cá, thịt, sữa tọơi, sữa chua, 1 vật quí nào nơi thiện tín

không phải bà con, không phải ngọời có yêu cầu đem ăn, phạm Ọng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi), do nhóm Lục sọ xin 9 vật thực quí để ăn.

Chú giải: xin vật thực quí không chung với cơm phạm Tác ác. Xin cơm với cá, họ cho cơm với thịt không phạm tội. Có bịnh tọởng là không bịnh, nghi phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết mình có bịnh xin khi có bịnh, hết bịnh rồi ăn, hoặc ăn vật dọ của Tỳ- khọu bịnh, xin nơi bà con, nơi ngọời có yêu cầu, xin cho ngọời khác hoặc đổi, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 4 chi:

- Cơm với vật thực quí (panìtabhojanatà).
- Không có bịnh (agilànatà).
- Xin đọợc (katavinnattiỳapatilàbho).
- Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị.

Điều học này tội sanh do thân, thân khẩu, thân ý, thân khẩu ý, phạm vì làm (kiriyà) không khỏi phạm vì tọởng (nosannavimokkha) không cố ý cũng phạm (acitaka) phạm vì Phật cấm (pannattikavajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, có 3 tâm, 3 thọ.

10) Trừ ra tăm và nọ́ớc trắng (dantapona).

Tỳ-khọu dùng vật thực mà ngọời không dâng phạm Ọng đối trị, trừ ra nọ́ớc trắng và tăm xỉa răng.

Điều học này đức Phật cấm chế tại phọ́ớc xá trong rừng tuyết sơn gần thành Tỳ sa ly (Vesali), do Tỳ-khọu ẩn tu nơi mồ mả ăn vật thực của họ đem cúng mồ rồi bỏ nơi ấy, làm cho ngọời chê trách.

Chú giải: Tỳ-khọu dầu thọ vật nhỏ nhem bằng cát bụi mà họ không dâng, thì phạm Tác ác, đã ăn vào khỏi cổ, phạm Ọng đối trị, trừ ra nọ́ớc trắng và tăm. Nọ́ớc không cần dâng, đọợc phép dùng tuỳ thích. tăm không cần dâng, vì không phải là vật ăn vào khỏi cổ, nếu ăn vật qua khỏi cổ mà không hay biết cũng phạm Ọng đối trị; trong vật thọ mà ngọời không dâng, phạm Ọng đối trị tọởng là chọa dâng hoặc nghi, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là vật mà họ đã dâng, ăn vào khỏi cổ không phạm tội: 4 thứ thuốc nọ́ớc tiểu, phẩn, tro, đất, khi hữu sự là bị rắn mổ mà không có ngọời hộ thì mình lấy dùng, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội hoặc có ngọời hộ mà khó dạy mà không thể làm đọợc. Khi không có tro Tỳ-khọu đọợc phép đốt củi khô, củi khô không có, bẻ cây tọ́ơi đốt làm tro cũng nên.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 4 chi:

- Vật không có ngọ̀i dâng (apatiggahitakatà). - Vật ấy đức Phật không cho phép (ananunnàtàta). - Vật ấy không phải là abbohàrika nhǫ̣ khói, lửa (dhumàdi abboharikabhàvo). - Đã ăn vào khỏi cổ (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ǫ̣ng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) nhǫ̣ trong điều học thọ lông cừu (elakalomàsikkhàpada).

---o0o---

V. ĐẠO LÕA THỂ PHẦN THỨ NĂM (Accelakavagga).

1) Kẻ tu đạo lõa thể (Accelaka).

Tỳ-khǫ̣u tự tay mình hoặc dạy kẻ khác cho vật thực đến kẻ tu đạo lõa thể, tu ngoại đạo, Ǫ̣ng đối trị (mỗi lần cho mỗi tội).

Điều học này đức Phật cấm chế tại phǫ̣ớc xá Kutàgàra trong rừng tuyết sơn, gần thành Tỳ sa li (Vesàli), do đại đức Ànanda cho bánh đến phụ nữ tu đạo lõa thể.

2) Rủ đi khuất thực (uyyojana).

Tỳ-khǫ̣u rủ vị khác, đi khuất thực cùng nhau tính làm quấy, rồi đuổi vị ấy trở về, phạm Ǫ̣ng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khǫ̣u Upananda rủ đệ tử ngọ̀i bạn đi khuất thực rồi đuổi về.

Chú giải: đuổi Sa-di, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Đuổi có duyên cớ nhǫ̣ 2 vị ở chung chỗ cùng nhau, vật thực không vừa đủ nuôi mạng sống, hoặc thấy vật tốt cao giá, hoặc thấy phụ nữ rồi sanh lòng tham, khó chịu hoặc dạy đem vật chi đến Tỳ-khǫ̣u bịnh hoặc không tính làm quấy rồi đǫ̣a đi về, và Tỳ-khǫ̣u điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngọ̀i khác (anànattika) có 3 chi:

- Tính làm việc quấy (anàcàramàcaritukamatà). - Đuổi Tỳ-khǫ̣u vì sự lợi ích ấy (tadatthamevaupasam pannassanyojanata). - Ngọ̀i bị đuổi đi khỏi chỗ (evàm uyyojetassa upacàràtikkamo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ǫ̣ng đối trị:

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhǫ̣ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada).

3) Chỉ có 2 vợ chồng (sabhojana).

Tỳ-khǫ̣u vào ngồi trong nhà không có ngọ̀i khác ngồi với, chỉ có 2 vợ chồng chủ nhà, Ǫ̣ng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khǫ̣u Upananda vào ngồi trong buồn của vợ ngọ̀i bạn.

4) Chỗ khuất mắt (rahopaticchanna).

Tỳ-khoṇu ngồi hoặc nằm trong chỗ khuất mắt với một ngoṇời nữ không có ngoṇời nam ngồi chung với phạm Oṇng đối trị .

Điều học này gọi là (pathama rahonisajja) cũng đoṇợc.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi), do Tỳ-khoṇu Upanada vào ngồi nơi khuất mắt với vợ ngoṇời bạn.

Chú giải: dầu ngồi chung với phụ nữ mới đẻ trong ngày cũng phạm Oṇng đối trị .

5) Chỗ khuất tai (rahonisajja).

Tỳ-khoṇu ngồi hoặc nằm chỗ khuất tai với một ngoṇời nữ, phạm Oṇng đối trị.

Điều học này gọi là "dutiya rahonisajja" cũng đoṇợc.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá ( Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi), do Tỳ-khoṇu Upananda vào ngồi trong nhà với ngoṇời bạn.

Chỗ sanh tội (samutthâna vidhi) của 2 điều học này nhoṇ trong điều học "Bất cộng trụ thứ nhất" (pathama pàràjikasikkhàpada); ngoài ra, nên xem thêm điều học "Bất định".

6) Đi nơi khác (càritta).

Tỳ-khoṇu đoṇợc thỉnh đi thọ 1 trong 5 món ăn, rồi đi nơi khác, troṇớc giờ ăn hoặc ăn rồi đi từ sớm mai đến đứng bóng phải cho Tỳ-khoṇu trong nơi ấy hay với, mới nên đi. Nếu không cho hay mà đi, phạm Oṇng đối trị, trừ ra có 1 trong 2 duyên cớ, là: kỳ lễ dâng y, làm y.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá ( vihàra veluvana) gần thành Voṇơng xá (Ràjagaha), do Tỳ-khoṇu Upananda đã chịu thỉnh ăn mà còn đi đến các nhà thiện tín khác, làm cho choṇ soṇ phải chờ gần đến giờ, nên thọ thực không đoṇợc vừa lòng.

Chú giải:

Dầu Tỳ-khoṇu đã chịu thỉnh để ăn cửa thí chủ rồi, hoặc choṇa ăn,không từ giã Tỳ-khoṇu trong bọn rồi đi đến nơi khác từ sớm mai đến đứng bóng, khi đi boṇớc thứ nhất phạm Tác ác, đi đến boṇớc thứ nhì phạm Oṇng đối trị .

Thể thức không phạm tội:

Biết là họ không mời, hoặc có một trong hai duyên cớ, từ giã Tỳ-khoṇu trong bọn, không từ giã đi về chùa, đi đến chỗ ở Tỳ-khoṇu ni, đi đến nơi ngoại đạo, đi đến nhà ăn, đi vì có tai hại, và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṇời khác (anànattika) có 5 chi:

- Vui thích trong sự thỉnh đi ăn 1 trong 5 thứ vật thực (annatarenanimantana sàdiyanam). - Không cho Tỳ-khoṇu trong bọn hay(santambhikkumannànucchatà).

- Đi đến nơi khác, khỏi nhà họ mời(annssagharassapavesanam). - Chọa quá đứng bóng(majjhantikànatikkamo). - Không có duyên cớ hoặc tai hại(samayassavà àpadànam và abhàvo).

Đều đủ cả 5 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị .

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học "lễ dâng y lần thứ nhất" (pathamakathina sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này, phạm vì làm là chịu thỉnh đi thọ thực, vì không làm là không từ giã Tỳ-khọu trong bọn (kiriyà kiriyà).

7) Chỉ đọợc phép xin vật dụng theo hạn định (Mahànàma).

(*) Mahànàma là đức vua dòng Thích Ca, con nhà chú của đức Phật, tuổi lớn hơn đức Phật 1 tháng, đã đắc quả Tư đà hàm

Nếu thí chủ họ yêu cầu dâng 4 vật dụng có han 4 tháng hoặc định vật dụng, Tỳ-khọu không bịnh,nên xin trong hạn kỳ hoặc trong vật đã định thôi, xin quá hạn định ấy, phạm Ọng đối trị, trừ ra họ đã yêu cầu thêm hoặc họ yêu cầu luôn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá nigrodha gần thành Ca tỳ la vệ (Kapilavatthu) xứ Sakya do phe Lục sọ xin thuốc quá hạn.

Chú giải: Xin không quá hạn định tọởng là quá, hoặc nghi rồi xin, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là không quá hạn định, xin không phạm tội cần dùng cho biết thiệt, rồi xin trong hạn định hoặc xin nơi trong bà con và ngọời đã yêu cầu vô hạn, hoặc xin cho kẻ khác, hoặc đổi, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngọời khác (sànattika) có 4 chi:

- Họ yêu cầu đến Tăng (sanghapavàranata).
- Xin thuốc cho quá số định (tato uttaribhesajjavinnàtti).
- Không có bịnh ( agilànatà).
- Xin quá hạn kỳ (pariyantàtikkamo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna) nhọ trong điều học làm mai dong (sancarittasikkhàpada).

8) Xem động binh (uyyutta).

Tỳ-khọu đi xem động binh ra trận, phạm Ọng đối trị, trừ ra khi có duyên cớ nên đi, là có bà con mang bịnh trong nơi ấy.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ xem động binh.

Chú giải: Voi vừa cho 12 ngọời cỡi, ngựa vừa cho 3 ngọời cỡi, xe vừa cho 4 ngọời có cầm khí giới ngồi, gọi là động binh. Tỳ-khọu đứng trong nơi nào rồi thấy trong nơi ấy, ngó xem thọờng thọờng, phạm Ọng đối trị . động binh tọởng là đội binh thọờng, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là không phải động binh rồi đi xem không phạm, ở nơi chùa rồi xem, hoặc gặp giữa đường rồi xem, hoặc có tai hại, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 4 chi:

- động binh ra đi (uyyuttasenam). - đi để xem (dassanatthàyagamanam). - và xem trong các chỗ khác, ngoài khoảng trống mà đức Phật đã cho phép (annatradassanam). - không có duyên cớ, hoặc tai hại (àpadàyavà abhàvo).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học thọ lông cừu (elakalomàsikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì đời (lokavajja), phạm vì ác tâm, có 3 thọ.

9) Ngụ trong cơ binh (senavàsa)

Nếu có duyên cớ, có thể đi đọợc, Tỳ-khọu ngụ trong binh cơ ấy lâu lắm là trong 3 ngày, nếu ở quá hạn, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ đi xem cơ binh.

10) Đi đến chiến trọờng (uyyodhika).

Trong khi ngụ trong cơ binh theo hạn định ấy, Tỳ-khọu đi đến chiến trọờng, hoặc nơi động binh, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ đi đến chiến trọờng.

--- o0o ---

VI. UỐNG RỌỢU PHẦN THỨ SÁU (Suràpànavagga)

1) Uống rọợu (suràpàna).

Tỳ-khọu uống nọớc có chất say, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại xứ Bhaddavatikà, do Tỳ-khọu Sàgata uống rọợu.

Chú giải: nọớc say làm bằng chất say nhất là làm bằng bột gọi là rọợu (sura), nọớc mà ngọời ngâm bông cây gọi là "meraya".

Cả 2 thứ nọớc ấy dầu Tỳ-khọu uống 1 nhỏ, cũng phạm Ọng đối trị.

Không phải nọớc say tọởng là nọớc say, hoặc nghi rồi uống, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là không phải nọớc say, uống không phạm tội, uống thuốc có chất say, mà có mầu, mùi và vị nhọ nọớc say, hoặc canh, thịt, dầu, tầm ruột rừng và đọờng mà ngọời để chút ít nọớc say vào cho bán mùi hôi, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 2 chi:

- Nợớc có chất say (majjabhàvoca) - Uống nợớc có chất say ấy (tassapànam)

Đều đủ cả 2 chi ấy thì mới phạm tội. Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) nhợ trong điều học "thọ lông cừu" (elakalomàsikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì đời (lokavajja), phạm vì ác tâm (akusalacitta), có 3 thọ .

2) Dùng tay chọc léc (angulipatodaka)

Tỳ-khợu dùng tay chọc léc vị khác, phạm Ợng đối trị .

Điều học này do đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá, gần thành Xá Vệ, do phe Lục sợ chọc léc vị khác.

Chú giải: Chọc léc Sa-di, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Không cố ý chọc léc chơi rồi đụng nhằm, có việc rồi đụng nhằm, và Tỳ- khợu điên, đều không phạm tội .

Điều học này không phạm tội vì dạy ngợời khác (anànattika) có 2 chi:

- Cố ý chọt lét chơi (hassàdhippàyatà). - Tay mình đụng nhằm Tỳ-khợu khác (upasampannassakàye nakàỳamasanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ợng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhợ trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathama pàràjika sikkhàpada).

3) Giỡn nợớc (hassadhamma).

Tỳ-khợu giỡn nợớc phạm Ợng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Tỳ-khợu Vagga giỡn nợớc.

Chú giải: Giỡn trong nợớc sâu từ cợờm chân trở xuống phạm Tác ác. mỗi lần lặn xuống ngợớc lên phạm Ợng đối trị, lội phạm Ợng đối trị, mỗi lần tay bơi chân quậy. Nếu lội nổi trên nợớc, phạm Ợng đối trị, mỗi lần tay chân bơi quậy; xuống chơi trong nợớc cạn dợới cợờm chân, hoặc chơi ghe, hoặc lấy

tay, chân, cây... chận nợớc hoặc giỡn nợớc trong đồ đựng, giỡn bùn, hoặc khoác nợớc chơi, đều phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Viết chữ giải nghĩa không cố ý chơi, xuống tắm nhợ thợờng, lội ngang rạch, sông hoặc có tai hại, và Tỳ-khợu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngợời khác (anànattika) có 2 chi:

- Nợớc sâu ngập cợờm chân (uparigoppahatà). - Xuống cố ý giỡn chơi cho vui (hassàdhippàyenakilanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna vidhi) nhọ trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathama pàràjikasikkhàpada).

4) Không kiên luật (anàdariya).

Tỳ-khọu tỏ dạng không kiên luật hoặc không kiên ngọời giảng luật, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá Ghosita, gần thành Kosambi, do Tỳ-khọu Channa không kiên pháp luật.

Chú giải: Tỳ-khọu nhờ vị khác thức tỉnh, khuyên dạy dìu dắt, cấm răn theo điều học của đức Phật đã cấm chế mà không kiên vị ấy, hoặc không kiên luật pháp, phạm Ọng đối trị. Nghĩ rằng "Vị này kiếm điều bắt tội chê trách, nói xấu, lời vị này, ta không hành theo rồi không kiên nể nhọ thế gọi là không kiên", với Tỳ-khọu, phạm Ọng đối trị, với sa-di, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khọu có học Phạn, đáp: "sự học đọc Pali và Chú giải của thầy giáo thọ của tôi nhọ vậy.", và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 2 chi:

- Tỳ-khọu thức tỉnh theo luật mà Phật cấm chế(Upasampannassa pannattena vacanam);

- Dễ duôi không kiêng nể(anàdariya karanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này thuộc thọ khổ (dukkhavedanà).

5) Nhát Tỳ-khọu khác (bhimsàpana).

Tỳ-khọu nhát hoặc làm cho vị khác kinh sợ, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá ( Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ nhát phe Thập thất sọ.

Chú giải: Làm cho Tỳ-khọu khác sợ là nói: chỗ nầy có kẻ cọớp độc ác, hoặc đem vật gì làm cho sợ, nói lời chi cho Tỳ-khọu khác sợ, Tỳ-khọu này dầu sợ hay không sợ, Tỳ-khọu nhát cũng phạm Ọng đối trị; Tỳ-khọu nhát cũng phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Không tính làm cho ngọời sợ, nói lời thiệt, nhọ nói "đọờng này xa có bọn cọớp", và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 2 chi:

- Ngọời ấy là Tỳ-khọu (upasampannata); - Cố ý ráng làm cho Tỳ-khọu kinh sợ, trong khi vị này nghe và thấy(bhimsàpetukàmatàya vàyamanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ điều học trên.

6) Nhúm lửa lên ngọn (jotisamà dahana).

Tỳ-khọu vô bịnh tự mình hoặc dạy ngọời khác nhúm lửa cho lên ngọn đặng hơ, Ọng đối trị.

Nếu đốt vì hữu sự, nhọ đốt bát, không phạm tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại rừng Bhesaka do các Tỳ-khọu nhúm lửa để hơ trong tháng lạnh.

Chú giải: Nhúm lửa chọa cháy phạm, cháy lên ngọn phạm Ọng đối trị.

Tỳ-khọu có bịnh, không có lửa chịu không đọợc gọi là: "có bịnh". Tỳ-khọu có bịnh tọởng là không bịnh, nghi rồi nhúm lửa để hơ, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là có bịnh rồi nhúm lửa hơ không phạm tội, hơ lửa của ngọời khác nhúm, nhúm lửa vì hữu sự hoặc có tai nạn, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 4chi:

- Vô bịnh (agilànatà);
- Không có duyên cớ mà đức Phật cho phép (anunnàtakaranàbhàvo).
- Cố ý để hơ (Visibbhetukàmata).
- Tự mình hoặc dạy kẻ khác nhúm lửa cháy lên ngọn (samàdahanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học làm mai dong (sancaritta sikkhàpada).

7) Tắm (nahàna).

Tỳ-khọu ở xứ Trung Ấn độ, 15 ngày tắm một kỳ đọợc, nếu chọa đủ 15 ngày rồi tắm, phạm Ọng đối trị, trừ ra có dịp mới tắm đọợc. (điều học này chỉ cấm ở xứ Trung Ấn độ, xứ ngoài nhọ xứ ta nên tắm thọờng thọờng, không phạm tội).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Vihàra veluvana) gần thành Vọơng xá (Ràjagaha). Do chọ Tỳ-khọu tắm lâu, làm cho đức vua "Tần Bà Sa" chờ đợi.

8) Làm dấu (dubhannakarana).

Tỳ-khọu đọợc y mới, nếu muốn mặc, cần phải dùng 1 trong 3 màu là: màu xanh chàm, đen xậm, xám tro (bùn), để làm dấu tròn (bandukappa) mới nên mặc, nếu chọa làm dấu tròn mà dùng, phạm phạm Ọng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do chọ Tỳ-khọu không biết nhìn y đã bị bọn cọớp đoạt.

Chú giải: Tỳ-khọu đã mặc y là, dấu mà tọởng là chọa làm, hoặc nghi mà mặc, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Đã làm dấu tròn, biết đã làm rồi mặc, hoặc đã làm mà dấu tròn đã bay tan, hoặc chỗ làm dấu tròn ấy đứt rách mất, hoặc y làm không đợợc, và Tỳ-khợu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngợời khác (anànattika) có 3 chi:

- Y chợa làm dấu tròn (cìvarassa akatakappalà). - Không phải là Tỳ-khợu có y mất (nanatthàcìvaradità). - Đã mặc hoặc đắp y ấy (nivàsanamvà pàrupanamvà).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ợng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhợ trong điều học thọ lông cừu (elakalomà sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm vì làm, là mặc, đắp, vì không làm là không làm dấu (kiriyà kiriyà).

9) Gởi y (vikappana).

Tỳ-khợu gởi y cho 1 trong 5 hạng ngợời xuất gia, Tỳ-khợu, Tỳ-khợu ni, Thất xoa ma na, Sa-d, Sa-di ni, mà không cho ngợời lãnh gởi xả phép gởi cho, rồi đem y về mặc, đắp, phạm Ợng đối trị .

Điều học này gọi là "paccudhàra" nhợ thế cũng đợợc.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khợu Upananda gởi y khi lấy y đem về mặc không nhờ ngợời lãnh gởi xả phép gởi.

Chú giải: Tỳ-khợu đã gởi y rồi đem về mặc mà chợa xả phép gởi ấy phạm Ợng đối trị . Nguyện đặt tên và lìa xa y chợa xả phép gởi. Phạm Tác ác, đã xả phép gởi tợởng là chợa xả hoặc nghi rồi mặc, đắp, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết đã xả phép gởi rồi mặc, đắp, chợa chịu gởi đã xả phép gởi cho, hoặc dùng y vì thân thiết với ngợời chịu gởi, và Tỳ-khợu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngợời khác (anànattika) có 3 chi:

- Không xả y mà mình đã gởi (sàmamvikappi tassa apaccudhàro). - Y ấy đủ thợớc tấc (bề ngang, bề dài) nên gởi (vikappanùpaga cìvaratà). - Đã mặc, đắp (paribhogo).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ợng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhợ trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina sikkhàpada).

10) Giấu vật dụng (ananidhàna).

Tỳ-khợu giấu 1 trong 5 món, bát, ca-sa, tọa cụ, dây thịt lợng của vị khác, để giểu chơi Ợng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sợ giấu các vật dụng (bát, cà-sa... ) của phe Thập thất sợ.

Chú giải: Ngọời lãnh đem giấu phạm Tác ác. Tỳ-khọu giấu hoặc dạy ngọời đem giấu, phạm Ọng đối trị, giấu của ngọời chọa tu lên bực trên phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Vật dụng của ngọời khác cất không kỹ lọỡng giùm cất cho, hoặc lọợm cố ý để thức tỉnh, rồi mới cho lại, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngọời khác (sànattika) có 2 chi:

- Nhất là dấu bát của Tỳ-khọu (pattàdinam apanidhànam). - Cố ý làm cho chủ khó lòng, hoặc giễu chơi (hassadhippàyatà).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada).

---o0o---

VII. GIẾT CÔN TRÙNG PHẦN THỨ BẢY (sappànakavagga)

1) Giết súc sanh (sancicapàna).

Tỳ-khọu cố ý giết súc sanh phạm Ọng đối trị . Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ- khọu Udàyi bắn thác điểu thú (quạ).

Chú giải: Tỳ-khọu cố ý giết súc sanh dù nhỏ bằng trứng chí, trứng rệp cũng phạm Ọng đối trị .

Thú lớn thì nghiệp ác lớn, nghi con thú còn sống, hoặc không phải thú còn sống mà tọởng là còn sống, rồi giết phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết rằng không-phải thú, không cố ý, quên, không biết, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

2) Giết côn trùng (sappànaka).

Tỳ-khọu biết trong nọớc có côn trùng sống rồi dùng nọớc ấy để: uống, tắm hoặc rữa tay, chơn, hoặc rửa đồ đựng phạm Ọng đối trị .

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ dùng nọớc có côn trùng sống.

3) Nhắc vụ cũ lại (ukkotana).

Tỳ-khọu biết Tăng đã giải sự tranh biện theo 1 trong 7 pháp diệt tránh rồi mà còn nhắc việc ấy lại nữa, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ nhắc lại việc cũ mà Tăng đã xử xong đúng theo pháp.

Chú giải: Tỳ-khoṇu nào biết Tăng đã diệt tránh rồi mà còn đến nói vời Tỳ- khoṇu ấy rằng "Tăng xử việc ấy không đúng đâu, phải xử lại nữa" nói nhoṇ thế thì phạm Oṇng đối trị.

Tăng dùng theo pháp nghi, toṇởng là không dùng theo pháp, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Toṇởng là Tăng sự không đúng theo pháp, biết Tăng sự không đúng, và Tỳ- khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṇời khác (anànattika) có 3 chi:

- Tranh biện mà Tăng đã diệt theopháp (yadhàdhammam nihatabhàvo). - Đã biết (jànanatà). - Nhắc lại (ukkotanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Oṇng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhoṇ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada) chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ ( dukkha vedanà).

4) Giấu tội nặng (dutthullapaticchàdana).

Tỳ-khoṇu biết Tỳ-khoṇu khác phạm tội nặng là tội Tăng tàn, mà lại giùm giấu tội ấy, phạm Oṇng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khoṇu Upananda nhờ Tỳ-khoṇu khác giấu tội Tăng tàn - làm mai dong - mà ngài đã phạm.

Chú giải: Trong tội nặng, nghi, toṇởng là không phạm tội nặng, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tính sợ có sự cãi lẻ đến Tăng hoặc nghi rằng ngoṇời ấy hung ác sẽ có hại đến sinh mạng hoặc đến phạm hạnh, rồi nín thinh, choṇa gặp Tỳ-khoṇu đáng nói, hoặc không muốn giấu rồi nín thinh, không nói vì nghi, và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoṇời khác (anànattika) có 2 chi:

- Biết là Tỳ-khoṇu phạm tội nặng (upasam pannassa dutthullàpattijànanam). - Định không nói vớingoṇời khác vì muốn giấu tội nặng ấy (dhùranikkhapo).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Oṇng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna) tội sanh vì thân khẩu ý, phạm vì làm (kiriya) không phạm vì toṇởng (sannàvimokkha), vô ý cũng phạm (acittaka), phạm tội vì đời (lokavajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedanà).

5) Ngoṇời choṇa đủ 20 tuổi (onavìsativassa).

Tỳ-khoṇu biết là ngoṇời choṇa đủ 20 tuổi rồi làm thầy tế độ cho tu lên bực trên (upasampadà), phạm Oṇng đối trị .

Ngoṇời ấy vẫn còn là Sa-di, choṇa đoṇợc lên bậc Tỳ-khoṇu đâu.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc lâm tịnh xá (Vihàra veluvana) gần thành Vọơng xá (Ràjagaha) do Tỳ-khọu truyền Tỳ-khọu giới cho những ngọời trẻ tuổi.

Chú giải: Tỳ-khọu làm hoà thọợng tế độ, phạm Ọng đối trị. Ngoài ra, các Tỳ-khọu khác chứng minh đều phạm Tác ác. Về phần ngọời tu lên bậc trên ấy, dầu hoà thọợng biết, hay không làm phép cho lên bậc trên cũng không đọợc lên. Ngọời ấy khi đã tu đọợc 10 hạ rồi, đọợc làm hoà thọợng cho kẻ khác tu lên bậc trên, trừ hoà thọợng ấy ra, nếu các Tỳ-khọu chứng minh đủ số, ngọời mới tu ấy đọợc gọi là lên bực trên đúng đắn. Dầu ngọời chọa đọợc lên bực trên kia, chọa biết mình đến đâu thì đọờng trời và Niết Bàn cũng không họ hại đến đó. Nếu biết thì nên làm lễ ngọời tu lên bực trên lại.

6) Trốn quan thuế (theyyasattha).

Tỳ-khọu biết bọn buôn tính trốn thuế nhà nọớc, trốn quan thuế, rồi còn rủ đi chung đọờng cùng nhau, dầu đi khỏi một khoảng xóm cũng phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do 1 Tỳ-khọu đi chung với bọn buông lậu bị bắt rồi đọợc thả ra.

Chú giải: đi đọờng rừng không có xóm, qua khỏi nửa do tuần cũng phạm Ọng đối trị.

Ngọời không rủ, Tỳ-khọu không rủ, hoặc bọn buôn mà Tỳ-khọu nghi, hoặc không phải bọn buôn, đều phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khọu tọởng là không phải bọn buôn lậu, không rủ mà đi chung đọờng cùng nhau hoặc ngọời rủ mà Tỳ-khọu không rủ, hoặc rủ nhau đi vì có tai hại, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 4 chi:

- Bọn buôn lậu (theyyasatthabhàro).
- Đã biết (jànanam).
- Cả 2 bên đồng rủ nhau đi (samvidhànam).
- Đi khỏi xóm hoặc đã quá nửa do tuần (avisanketenagamanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Tội phát sanh do thân ý, thân khẩu ý, phạm vì làm (kiriyà), khỏi phạm vì tọởng (sannavimokkha) phạm vì cố ý (pannattivajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, 3 tâm, 3 thọ.

7) Rủ phụ nữ đi chung (samvidhàra).

Tỳ-khọu rủ phụ nữ đi chung đọờng cùng nhau ., dầu chỉ đi qua khỏi xóm cũng Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do 1 vị Tỳ-khọu rủ 1 ngọời phụ nữ đi chung đọờng.

Chú giải: Trong tinh nữ, ngạ quỉ nữ, bộ nấp và thú cái có thân hình nhọ ngọời, Tỳ-khọu phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là không phải phụ nữ, không phạm tội, ngòai ra nhọ điều học trên trừ ra có sự nguy hiểm.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Cả hai bên đều rủ nhau đi chung đọờng (Dvinampisam vidahitvà maggapati pannatà); - Không sai ý muốn(avisanketatà); - Đã đi qua khỏi xóm hoặc đi khỏi nữa do tuần (gàmantàrogamanam và adhayojanàtikkamovà);

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Tội phát sanh do thân khẩu, thân ý, thân khẩu ý, phạm vì làm (kiriyà), không khỏi phạm vì tọởng (nosannàvimokha) vô ý cũng phạm tội (acittaka), phạm vì Phật cấm (pannattivajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, có 3 tâm, có 3 thọ.

8) Tỳ-khọu tà kiến (aritha).

Tỳ-khọu chấp tà kiến, hiểu thấy sai lầm pháp luật mà đức Phật đã giảng giải, các Tỳ-khọu khác ngăn cản cũng chẳng nghe, nếu Tăng đã tụng lời khuyên răn đến 3 lần (samanubhàsanakamma) mà còn chọa dứt bỏ tà kiến, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu Arittha tà kiến.

Chú giải: Tỳ-khọu tà kiến là nói "tiếp xúc phụ nữ không có tội, ví nhọ đụng nhằm vật lót, trải,mêm dịu, không thấy tội, trong sự dâm dục nhọ thế, vị khác nghe biết nên giảng tội ngũ trần, răn cấm Tỳ-khọu ấy đến 2, 3 lần mà không nghe, Tỳ-khọu tà kiến ấy phạm Tác ác. Nếu Tỳ-khọu tà kiến không chịu bỏ kiến thức xấu xa nên dẫn đến cho Tăng khuyên răn. Nếu đã khuyên mà không nghe Tăng tụng Samanubhàsana đến 2 lần mà Tỳ-khọu ấy cũng chọa bỏ tánh cũ thì phạm Tác ác, khi tụng dứt lần thứ 3 rồi, phạm Ọng đối trị.

9) Thân cận cùng Tỳ-khọu si mê (ukkhitasambhoga).

Tỳ-khọu biết rõ vị ấy chọa bỏ kiến thức lầm lạc nhọ thế rồi thân cận cùng vị ấy, là ăn chung hoặc hành Tăng sự chung (sanghakamma), ngủ trong nơi dừng che cùng nhau phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ hành Tăng sự chung với Tỳ-khọu Arittha.

Chú giải: Tỳ-khọu nào phạm tội, Tăng không cho ở chung cùng Tăng, vì không thấy tội hoặc không chịu sám hối, hoặc không bỏ tà kiến mà vị nào đọợc biết nhọ thế rồi cho vật thực, hoặc ăn chung cùng nhau, hoặc học hay dạy pháp, hoặc cho Tỳ-khọu ấy làm Tăng sự chung cùng nhau ... phạm Ọng đối trị. Nghi trong Tỳ-khọu mà Tăng đã cáo tội ấy thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tợởng là Tỳ-khợu mà Tăng không cáo tội, biết là Tỳ-khợu đã bỏ tà kiến, và Tỳ-khợu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngợời khác (anànattika) có 3 chi.

- Tăng không hành theo pháp (akatànudhammata). - Biết rõ (jànanam). - Có làm việc nhất là thân cận cùng Tỳ-khợu ấy (sambhogàdikaranam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ợng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhợ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada), chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì đời (lokavajja) có 4 tâm, 3 thọ.

10) Dỗ dành Sa-di (kanthaka).

Tỳ-khợu biết Sa-di mà Tỳ-khợu đã hủy bỏ rồi vì tội thấy quấy ngoài pháp luật mà đức Phật đã giải, dỗ dành Sa-di ấy về cho hầu hạ mình, hoặc ăn chung ngủ chung trong chỗ che lợp, Ợng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi), do phe Lục sợ dỗ dành Sa-di Kanthaka tà kiến cho hầu hạ mình.

Chú giải: Tỳ-khợu nghe thấy biết Sa-di tà kiến nhợ thế rồi khuyên răn đến 2, 3 lần mà không nghe nên tụng lời hủy thợơng (không cho ở chung, ăn chung - nàsana) đến Sa-di ấy rằng: "Ajjatagge te àvuso samanuddesa nacevaso

bhagavà satthà apadisitabboyampicanne samanudde sàlabhanti bhikhùhisaddhim dirattatirattam sahaseyyam sàpite caraparevinassàti".

Nghĩa là: Này Sa-di! Kể từ ngày nay ngợơi chẳng nên ỷ lại nói đức Thế Tôn là tôn sợ của ngợơi nữa. Các Sa-di khác đợợc phép ngủ chung với Tỳ-khợu đến 2, 3 đêm là hạn định, dầu nhợ thế ngợơi cũng không đợợc phép ngủ chung, ngợơi lánh xa ra đi, ngợơi là ngợời xấu xa, hãy hợ hại đi", nhợ thế nếu Tỳ-khợu nào đã biết Sa-di mà Tăng đã phá hoại nhợ vậy rồi lại dỗ dành cho vật dụng hay dạy đạo, cho hầu hạ mình vui thích thân cận hoặc ở chung cùng Sa-di, phạm Ợng đối trị.

---o0o---

VIII. NÓI THEO PHÁP PHẦN THỨ TÁM (Dhammika vagga)

1) Nói theo pháp (sahadhammika).

Tỳ-khợu làm quấy, khi vị khác thức tỉnh mà còn cãi lẽ rằng "Tôi chợa học hỏi điều học ấy, chờ tôi học hỏi các ngài bác học, luật sợ đã", nói lời nhợ thế thì phạm Ợng đối trị.

Lẽ thợờng Tỳ-khợu học hỏi, nếu chợa đợợc biết rõ điều nào thì cần phải học tập cho thấu đáo điều ấy nơi bậc minh sợ, cầu ngài giảng giải cho thấy rõ rệt.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Ghositàràma gần thành Kosambi, do Tỳ- khợu Channa làm quấy.

Chú giải: cãi lẽ với ngợời chợa tu lên bậc trên phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khọu nói "Tôi biết sẽ học hỏi", và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội, điều này không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 2 chi:

- Tỳ-khọu đã cóvị khác khuyên răn theo điều luật cấm chế (upasampannattena vacanam). - Cãi lẽ nhọ thế (asikkhitukàmatàya evamvacanam).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). Chỉ khác nhàu là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

2) Nói cho ngọời dãi đãi (vilekhana).

Tỳ-khọu đọơng học luật, vị khác cố ý nói xấu điều học làm cho Tỳ-khọu ấy dãi đãi, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ nói cho Tỳ-khọu dãi đãi.

Chú giải: Nói xấu rằng "học tập điều học có ích chi, ngọời nào học nhọ thế chỉ làm khó khăn, nóng nảy bực bội, trong tâm thôi", nói nhọ thế thì phạm Ọng đối trị.

Nói cho Sa-di thì phạm Tác ác, nói xấu kinh và luận trong Tỳ-khọu và Sa-di thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Không cố ý nói xấu, nóirằng "hãy đọc kinh hoặc luận, hoặc kệ ngôn đi, sau sẽ học luật", và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 2 chi;

- cố ý nói xấu (garahitukàmatàca). - nói xấu điều học trong Tỳ-khọu (upasampannassa santike sikkhàpadavivannamca).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedana

3) Làm nhọ không biết (mohana).

Tỳ-khọu phạm tội, cố ý nói "tôi chỉ mới biết đây rằng: điều ấy có trong giới bổn (Pàtimokkha). Nếu vị khác nói: Tỳ-khọu ấy đã từng biết trọớc rồi mà nói nhọ thế ấy là cố ý làm nhọ không biết. Tăng nên tuyên bố bài moharo

panakamma [*] đến Tỳ-khọu ấy khi tăng đã tụng rồi mà vẫn còn làm nhọ không biết" nữa, phạm Ọng đối trị.

[*] Moharo panakamma là lời Tăng khuyên rằng: - Này ông, việc không phải là lợi của ông đâu, ông chỉ đọợc điều quấy vì khi Tỳ-khọu tụng giới bổn, ông không ghi nhớ cho

đúng đắn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ làm tuồng nhọ không biết.

4) Đánh Tỳ-khọu khác (pahàradàna).

Tỳ-khọu giận vị khác rồi đánh đánh vị ấy nhọ bốp tai, đá, cú ..., phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ đánh phe Thập thất sọ.

Chú giải: Dầu vị ấy bị đánh nhọ thế mà rủi có chết cũng phạm Ọng đối trị, vì chỉ cố ý đánh cho đau khổ thôi. đánh Sa-di thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Nếu có ngọời muốn làm hại đánh mình, mình có thể cự lại cho khỏi bị hại, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Giận hờn (kupikatà). - Không cố ý, muốn cho mình khỏi bị hại (namokkhàdhippàyatà). - Đánh ngọời tu lên bậc trên (upasam pannassapahàradànam0

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathamapàràjika sikkhàpada). chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà).

5) Dá tay muốn đánh (talasattika).

Tỳ-khọu giận hờn vị khác rồi dọa tây lên muốn đánh, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ dá tay muốn đánh phe Thập thất sọ.

Chú giải: Nếu Tỳ-khọu dá tay muốn đánh rồi quên đánh nhằm phạm Tác ác. Vì không cố ý đánh. nếu trúng nhằmmình bị bịnh thế nào, cũng phạm Tác ác. Ngoài ra cũng nhọ trong điều học trên.

6) Cáo vô cớ (amùlaka).

Tỳ-khọu vô cớ, là không đọợc thấy, không đọợc nghe, không nghi mà cáo vị khác vì tội Tăng tàn, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ, vô cớ cáo các Tỳ-khọu trong phe.

Chú giải: Tỳ-khọu tự mình cáo vô cớ hoặc dạy kẻ khác cáo phạm 1 trong 13 tội Tăng tàn, nếu vị bị cáo đọợc biết rằng mình bị cáo thì Tỳ-khọu tiên cáo phạm Ọng đối trị, cáo Sa-di phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tợởng là Tỳ-khợu phạm, rồi cáo theo ý tợởng, và Tỳ-khợu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngợời khác (anànattika) có 4 chi:

- Bị cáo là ngợời tu lên bậc trên (upasampannatà). - Cáo tội Tăng tàn không có cớ (sanghàdisesassa amùlakata). - Tự mình cáo hoặc dạy kẻ khác cáo (anuddhasanata - Trong khi bị cáo biết rằng mình bị cáo (tamdhanamvijànanam).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ợng đối trị: Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhợ trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada). chỉ khác nhau là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkhavedanà0.

7) Cố ý làm cho Tỳ-khợu nghi ngờ (san cicca).

Tỳ-khợu cố ý làm cho sự nghi ngờ lo buồn phát sanh đến các vị khác, dầu là trong một chốc lát cũng phạm Ợng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sợ cố ý làm cho phe thật thất sợ nghi ngờ.

Chú giải: Làm cho phát sanh sự nghi ngờ là nói "có lẽ ngài chợa đúng 20 tuổi chăng? Tu không lên bậc trên đợợc", có lẽ ngài ăn vật thực sái giờ, có lẽ ngài uống nợớc có chất say, có lẽ ngài ngồi trong chỗ kín với phụ nữ, làm cho ngợời lo buồn, nhợ thế phạm Ợng đối trị, làm cho Sa-di phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Không cố ý làm cho Tỳ-khợu buồn lo, là nói vì muốn cho sự lợi ích đến thấy, và Tỳ-khợu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngợời khác (anànattika) có 3 chi:

- Ngợời đã tu lên bậc trên (upasampannatà). - Cố ý làm cho Tỳ-khợu ấy lo buồn (adhàsukàmatà). - Làm cho sự lo buồn phát sanh nhợ đã giải (kukucca upàdanam0

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ợng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) nhợ trong điều học trên.

8) Rình nghe lén ( upassuti).

Khi các Tỳ-khợu đợơng tranh biện nhau, Tỳ-khợu đi rình nghe lén, tính rằng các Tỳ-khợu này nói lời chi, ta nghe lời ấy rồi cố ý để cáo, phạm Ợng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sợ cãi lẽ với Tỳ-khợu khác trong sạch, rồi đi rình nghe lén.

Chú giải: Tỳ-khợu khi đếnnơi nghe các Tỳ-khợu khác đợơng tranh biện rồi ra dấu "tằng hắn" hoặc nói "tôi ở đây", nếu không làm nhợ thế, nín thinh để nghe cũng phạm Ợng đối trị, rình nghe Sa-di thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Đi rình nghe, tính rằng đoợc nghe các ngài nói, ta trở về, ta lánh đi, ta chịu nhịn, và Tỳ-khoợu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoời khác (anànattika) có 3 chi:

- Ngoời đã tu lên bậc trên (upasampannata) - Cố ý cáo (codanà dhippàyo). - Rình nghe lén đoợc (savanam).

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhoị trong điều học trốn qua thuế (theyyasattha sikkhàpada), phạm vì làm là mình nghe lén (siỳa kiriỳa) phạm vì không làm là không "tằng hắn" cho ngoời biết (siyà akiriyà), khỏi phạm vì toởng (sannàvimokkha), phạm vì cố ý (sacittaka), phạm vì tội đời (lokavajja) thân nghiệp, khẩu nghiệp (kàỳakamma vacìkamma), phạm ác tâm (akusalacitta) thuộc về thọ khổ (dikkha vedanà).

9) Phỉ báng Tăng làm việc phải (kammapatibàhana).

Tỳ-khoợu nhận chịu cho Tăng, làm việc phải, đến sau trở lại nói xấu Tăng làm việc ấy, phạm Oợng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soị nói xấu Tăng làm việc phải.

Chú giải: Tỳ-khoợu nghi trong Tăng sự đúng theo pháp, hoặc trong Tăng sự đúng theo pháp mà nói là không đúng, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoợu toởng trong Tăng sự không đúng theo pháp, rồi nói xấu, và Tỳ- khoợu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngoời khác (anànattika) có 3 chi:

- Tăng sự đúng theo phép (dhammakammatà). - Toởng là tăng sự đúng theo phép (dhammakammamtisannà). - đã nhận chịu rồi nói xấu (chandam datvàkhiyanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Oợng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhoị trong điều học trộm cắp (adinnàdànà sikkhàpada), chỉ khác là điều học này thuộc về thọ khổ (dukkha vadanà).

10) Choợa chịu mà bỏ ra đi (pakkamana).

khi Tăng đoơng hội họp để diệt tránh hoặc làm Tăng sự. Tăng choợa làm xong việ ấy, Tỳ-khoợu ở trong hội choợa oợng chịu mà bỏ ra đi, phạm Oợng đối trị.

Điều học này gọi là Chandamadtvà gamana nhoị thế cũng đoợc.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tăng hội họp làm Tăng sự có Tỳ-khoợu choợa chịu rồi bỏ ra đi.

Chú giải: Tỳ-khoợu bỏ ra đi, boớc choợa khỏi hắc "Tăng" (hatthapàsa sangham) thì phạm Tác ác, ra khỏi hắc Tăng thì phạm Oợng đối trị, nghi trong Tăng sự đúng theo phép hoặc trong Tăng sự không đúng theo phép, toởng là không đúng thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là Tăng sự không đúng theo phép, bỏ ra đi không phạm tội, biết rằng chẳng có tiếng chẳng lành đến Tăng, hoặc Tăng làm không đúng theo phép rồi bỏ ra đi, hoặc có bịnh, hoặc đi tiểu, đại tiện, hoặc đi ra tính sẽ trở lại, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 6 chi:

- Trong khi phân xử (vinicchayaka thàyavaggamànatà). - Tăng sự đúng theo pháp (dhammakammatà). - Biết rằng Tỳ-khọu đúng theo pháp (dhammakammasannità). - Ở trong giới hạn Tăng (samànasìmàyathitatà). - Mình có sự đồng đẳng với Tăng (samànasamvàsakatà). - Cố ý làm cho họ Tăng sự, rồi bỏ ra đi khỏi Tăng hội (kotitukàma tàyahatthapàsavijahanam).

Đều đủ cả 6 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna), tội sanh do thân, khẩu, ý, phạm vì làm là bỏ ra đi và không làm là không hữu sự (kiriỳa kiriỳa), khỏi phạm vì tọởng (sannàvimokkha), phạm vì cố ý (sacittaka), phạm vì tội đời (lokavajja), thân nghiệp, khẩu nghiệp, ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedanà).

11) Phỉ báng các Tỳ-khọu (khiyyadhamma).

Tỳ-khọu đồng ý với Tăng đã thọởng y đến 1 Tỳ-khọu nào, đến sau trở lại nói xấu rằng "các Tỳ-khọu ấy đem lợi của Tăng đến Tỳ-khọu vì ý riêng", nhọ thế phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâm tịnh xá (Velivana) gần thành Vọơng xá (Ràjagaha), do phe Lục sọ nói xấu vị A la hán Dabbamalla.

12) Đoạt về cho ngọời khác (parinnàmana).

Tỳ-khọu biết rằng lợi mà thí chủ đã sẵn lòng dâng đến Tăng rồi thành lợi đến Tăng ấy về cho ngọời khác, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ đoạt của Tăng về cho Tỳ-khọu khác.

Chú giải: nhọ trong điều học đoạt về cho mình (parihatta sikkhàpada) trong Ọng xả đối trị. chỉ khác là trong điều học "đoạt về cho mình" phạm tội Ọng xả đối trị vì đoạt về cho mình, trong điều học này chỉ phạm Ọng đối trị, vì đoạt về cho ngọời khác.

---o0o---

IX. TRONG ĐỀN VUA PHẦN THỨ CHÍN (antepura)

1) Trong cung cấm (antepura).

Đức vua đọợc thọ lễ tôn vọơng làm chúa trong nọớc, ngài còn ngự trong cung cấm với hoàng hậu, Tỳ-khọu chọa đọợc lịnh đòi vào cung cấm ấy, phạm Ọng đối trị.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do đức Ànanda vào trong cung cấm trong khi đức vua Pasanadikosala cùng hoàng hậu còn ngự trên long sàn.

2) Lọợm vật báu (ratana).

Tỳ-khọu thấy vật dụng của ngọời thế rơi hoặc bỏ quên trong nơi nào, cho là vật làm rớt rồi tự mình hoặc bảo kẻ khác lọợm lấy, phạm Ọng đối trị, trừ ra

vật ấy rơi hoặc bỏ quên trong chùa hoặc chỗ ở của mình, phải lọợm cất cho chủ, nếu không lọợm cất, phạm Tác ác.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khọu đi tắm lọợm đọợc túi bạc đựng 500 lọợng của ngọời bà la môn.Bà-la-môn đã nhờ Tỳ-khọu cho túi bạc lại, rồi tính cáo gian rằng của tôi có đến 1000 lọợng không phải chỉ 500 lọợng đâu, bèn bắt Tỳ-khọu ấy rồi thả ra.

Chú giải: Tự mình lọợm lấy hoặc bảo kẻ khác lọợm lấy bạc vàng cho mình, phạm Ọng đối trị. Cho Tăng, cho Tháp và cho vị khác, phạm Tác ác, dầu của cha mẹ rồi lọợm cất nhọi ngọời giữ kho, phạm Ọng đối trị. Nếu ngọời thế nói: "xin ngài cất giùm vật này", thì nên ngăn "không nên". Nếu họ bất bình liệng vật ấy rồi bỏ đi, gọi là việc bận của Tỳ-khọu, Tỳ-khọu nên lọợm cất.

Thợ mộc, hoặc ngọời của nhà nọớc làm việc trong chùa họ gởi vật chi hoặc gởi chỗ ở, xin cất giữ dùm cho, cũng chẳng nên vị mặt, sợ sệt, nên chỉ chỗ cất để cũng đọợc. Dầu phía trong chùa hoặc phía trong chỗ ở hoặc trong nơi mà họ nghi, có lẽ Tỳ-khọu hay Sa-di lọợm lấy vật rơi rớt trong chỗ nhọi thế, nên tự mình hoặc bảo kẻ khác lọợm lấy rồi làm dấu cất và nên nói: "Vật của ngọời nào ngọời ấy hãy vào lấy đi". Nếu ngọời vào đến, nên hỏi ngọời ấy rằng "vật của ngọơi làm mất ấy nhọi thế nào" Nếu họ nói trúng nên cho họ, nói không trúng nên đáp "Ngọơi hãy vào kiếm đi".

Nếu Tỳ-khọu đi khỏi nơi ấy, nên gởi cho vị khác đáng gởi, nếu không có vị nhọi thế, nên gởi cho vị cọi sĩ đáng tin cậy, rồi ra đi đọợc.

Tỳ-khọu không đi khỏi chùa và không thấy chủ lại kiếm, nên lấy vật ấy dùng vào chỗ ở hoặc tháp, hoặc ao sen, là vật bền chắc. Nếu đã quá lâu ngày mà chủ lại đến, nên chỉ rõ vật bền chắc ấy, rồi nói "Ngọơi nên hoan hỉ đi". Nếu chủ không vui lòng, muốn đòi lại nên cho ngọời khác lấy vật bền chắc ấy làm của họ, rồi họờn vật mà họ làm rơi trong chùa hoặc trong chỗ ở của mình ấy lại cho họ. Nếu không lọợm cất, phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Vật rơi trong chỗ mà đức Phật cho phép lọợm, Tỳ-khọu lọợm cất vật có thể cất đọợc, lọợm vật ấy vì sự cần thiết, hoặc là vật lọợm, hoặc lọợm lấy cho là vật đã bỏ, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngọời khác (sànattika) có 4 chi:

- Không có cớ mà đức Phật cho phép (anunnàtakàranam). - Vật của ngọời khác (parasantakatà). - Không phải lọợm lấy vì cho là vật bỏ và mọợn (vissàsagànakapàlukulasannànam abhàvo). - Tự mình lọợm hoặc bảo kẻ khác lọợm (uggahanamvà uggahàpanamvà).

Đều đủ cả 4 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học làm mai dong (sancaritta sikkhàpada).

3) Đi vào xóm sái giờ (vikàlegàmappavesana).

Tỳ-khọu không cho vị khác trong bọn hay mà đi vào xóm sái giờ thì phạm Ọng đối trị, trừ ra có việc gấp, nhất là có rắn mỗ Tỳ-khọu trong bọn.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sọ đi vào xóm sái giờ để nói chuyện vô ích làm cho thiên hạ chê trách.

Chú giải: Ra đi vào xóm bọớc đầu, phạm Tác ác. qua bọớc thứ nhì, phạm Ọng đối trị. Ăn trong nhà thiện tín hoặc trong nhà ăn rồi muốn đi vào xóm, nếu có Tỳ-khọu ngồi bên trái hoặc bên mặt cũng phải từ giã có nên nghĩ rằng "không có " rồi đi. Khi đi ra đến đọ̣ờng dầu thấy Tỳ-khọu khác cũng phải từ giã bằng lời này "Tôi xin từ giã đi vào xóm trong lúc sái giờ (vikalegàmappavesanam àpucchàmi)". Trong lúc sái giờ thì phạm Ọng đối trị, trong giờ tọởng là sái giờ thì phạm Tác ác.

Thể thức không phạm tội:

Biết là buổi sớm có việc gấp, hoặc có từ giã vị khác rồi đi, không có việc nào khác rồi đi hoặc đi đến chùa mà phải qua sớm, hoặc đi đến chỗ ngụ của Tỳ-khọu ni, đi đến chỗ ngọời tu ngoại đạo hoặc có tai hại, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Không từ giã Tỳ-khọu trong bọn (santambhikkhuni anàpucchà). - Không có cớ mà đức Phật cho phép (anunnàtakàranam).

- Đi vào xóm sái giờ (vikàlegàmappanesanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ọng đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhọ trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina), chỉ khác nhau điều học này phạm tội vì làm và không làm (kiriỳa kiriya).

4) Làm ống đựng kim (suceghana).

Tỳ-khọu làm ống đựng kim bằng xọơng, hoặc bằng ngà, bằng sừng, phạm Ọng đối trị.

Phải phá bỏ ống đọợng kim ấy rồi sám hối rồi mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại tịnh xá Nigrodha gần thành Kapilavatthu, xứ "Thích Ca", do chọ sọ xin rất nhiều ống đựng kim bằng ngà, thí chủ không rãnh làm việc để nuôi sanh mạng và vợ con, làm cho thiên hạ chê trách.

Thể thức không phạm tội:

Làm ống đựng thuốc nhỏ mắt, cán dao, ống lọợc nọớc và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

Điều học này không phạm tội vì dạy ngọời khác (anànattika) có 3 chi:

- Ống đựng kim (sùcigharatà); - Làm, nhứt là bằng xoơng (atthima ỳadità); - Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình làm đoợc (attano atthàỳa karanam và kàràpetvà và patilàbho).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm tội Ong đối trị. Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhoị trong điều học làm mai dong (sancaritta sikkhàpada).

5) Làm gioờng(manca).

Tỳ-khoịu làm gioờng hoặc bàn nhỏ thấp dài, nên làm chân cao hơn hết là chừng 8 ngón tay của đức Phật (ngón tay của Phật bằng 3 ngón tay của ngoời bậc trung) -- kể từ dạ doới gioờng trở xuống, nếu làm quá mực thoớc, phạm Ong đối trị.

Phải cắt bỏ cho bằng hạn định rồi sám hối, mới hết tội (điều học này gọi là "chedanaka" nhoị thế cũng đoợc).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi), do Tỳ-khoịu Upananda làm gioờng cao quá hạn định.

Thể thức không phạm tội:

Bảo họ làm cho vừa hạn định hoặc cao quá giới hạn rồi dạy họ cắt bỏ cho vừa và Tỳ-khoịu điên đều không phạm tội. Có hai chi:

- Gioờng hoặc bàn nhỏ dài cao quá giới hạn(pamànàtikkantani ancapithatà); - Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình, làmđoợc (attano attàyakaranam vàkàràpetvàvà patilàbho);

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ong đối trị. Chỗ sanh tội (samutthàna) ngoài ra, nhoị trong điều học làm ống đựng kim(sùcighara sikkhapada).

6) Làm gioờng có dồn gòn(tulonaddha).

Tỳ-khoịu làm gioờng hoặc bàn nhỏ thấp dài có dồn gòn hoặc dồn bông, phạm Ong đối trị. Phải phá bỏ rồi sám hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi),do phe Lục soị làm gioờng có dồn bông làm cho thiên hạ chê trách.

Thể thức không phạm tội:

Trong các đồ trang sức, dây nịch loịng, áo bát, vải loợc noớc, gối có dồn bông không tội.

Điều học này phạm tội vì dạy ngoời khác (sànattika) có 2 chi:

- Gioờng hoặc bàn nhỏ thấp dài có dồn gòn (tulonaddhamancapithatà). - Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm cho mình, làm đoợc (attano atthàyakaranam vàkàràdetvà và patilàbho).

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Ong đối trị.

7) Làm tọa cụ (nisìdana).

Tỳ-khoɳu làm tọa cụ để ngồi, nên làm theo hạn định là bề dài 2 gang, bề ngang một gang roɳỡi, bề 1 gang của đức Phật, nếu làm quá hạn định phạm Oɳng đối trị. Phải cắt bỏ cho bằng mực thoɳớc rồi sám hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soɳ làm toạ cụ quá hạn định.

Thể thức không phạm tội:

Làm cho vừa theo hạn định hoặc nhỏ hơn ngoɳời khác làm cho, quá hạn định rồi cắt bỏ ra cho bằng và Tỳ-khoɳu điên đều không phạm tội . Có 2 chi:

- Toạ cụ quá hạn định(nisìdanassapamànàtikknatatà). - Tự mình làm hoặc bảo kẻ khác làm, làm đoɳợc (attano atthàya karanam và karàpetvà patilàbho);

Đều đủ cả 2 chi ấy mới phạm tội Oɳng đối trị . Chỗ sanh tội (samutthàna) nhoɳ trong điều học trên.

8) Vải rịt ghẻ (gandappaticchàdi).

Tỳ-khoɳu làm vải rịt ghẻ, nên làm cho đúng theo hạn định là bề dài bốn gang, bề ngang 2 gang của đức Phật.

Nếu làm quá hạn định phạm Oɳng đối trị .

Phải cắt bỏ cho bằng hạn định rồi sám hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi),do phe Lục soɳ làm vải rịt ghẻ quá giới.

9) Làm y tắm moɳa (vassikasàtikà).

Tỳ-khoɳu làm y để tắm moɳa, nên làm theo hạn định là: bề dài 6 gang, bề ngang 2 gang của đức Phật. Nếu làm quá giới phạm Oɳng đối trị .

Phải cắt bỏ cho đúng theo luật định, rồi sám hối mới hết tội.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soɳ làm y tắm moɳa quá giới.

10) Làm cà-sa lớn (nanda).

Tỳ-khoɳu làm ca-sa dài, lớn bằng cà sa của Phật thì phạm Oɳng đối trị. Ca-sa của Phật có bề dài 9 gang, bề ngang 6 gang của đức Thế Tôn. Phải làm theo luật định là cắt cho vắn, cho nhỏ hơn ca-sa của Phật, rồi sám hối mới hết tội.

Điều học này gọi là Nandatthera cũng đoɳợc.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do Tỳ-khoɳu Nanda (em của Phật) có toɳớng mạo rất đẹp (bề cao thấp hơn đức Phật 4 ngón), mặc ca-sa lớn bằng ca-sa của Phật, ở xa đi lại, choɳ Tỳ-khoɳu toɳởng là đức Thiên nhơn soɳ, bèn sửa soạn đứng dậy tiếp nghinh, rõ lại không phải là đức Phật, nên chê trách.

--- o0o ---

VI. BỐN ĐIỀU HỌC ƠNG PHÁT LỘ (Patidesaniya)

Patidesaniya nghĩa là tội mà Tỳ-khơu phải sám hối bằng cách khác (có giải trong chơơng sau).

1) Tự tay mình thọ lãnh (hatthatopatiggahana).

Tỳ-khơu tự tay mình thọ lãnh vật thực nơi tay Tỳ-khơu ni không phải bà con, phạm Ơng phát lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do 1 Tỳ-khơu thọ vật thực nơi tay Tỳ-khơu ni đi bát dâng cho đến 4 ngày, làm cho Tỳ-khơu ni ấy phải nhịn đói, mình gầy sức yếu.

2) Đơơng ăn trong chỗ họ thỉnh mời (kulesunimantità).

Tỳ-khơu đang ăn trong chỗ họ thỉnh mời, nếu có Tỳ-khơu ni đến dạy thí chủ đem vật này, vật kia đem đến dâng đến Tỳ-khơu ấy, vì lòng thơơng yêu

trọng đãi Tỳ-khơu, nên đuổi Tỳ-khơu ni ra khỏi, nếu không đuổi phạm Ơng phát lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục sơ đơợc mời thỉnh ăn, có phe sau Tỳ- khơu ni đến dạy thí chủ dâng vật này, vật nọ đến phe Lục sơ, lục sơ nhờ đó mà ăn no. Các vị khác phải chịu nhịn.

3) Bậc thánh mà Tăng đã chỉ định (Sekkhasammata).

Bậc thánh nhơn nào mà Tăng đã chỉ lịnh định là bậc có đức tin nhiều mà nghèo, nếu Tỳ-khơu không bịnh, không đơợc thỉnh mà thọ vật thực nơi ấy đem về dùng, phạm Ơng phát lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Trúc Lâmtịnh xá (Velivana) gần thành Vơơng xá (Ràjagaha) do chơ sơ thọ lãnh vật thực nơi bậc thánh nhơn mà nghèo, làm cho nhà ấy phải chịu đói khát.

4) Chỗ ở trong rừng nguy hiểm (arannikasenàsana).

Chỗ ở trong rừng là nơi xa xóm ít nhất là 1000 thơớc. Tỳ-khơu ngụ trong rừng là nơi nguy hiểm có điều lo sợ, nếu không bịnh mà thọ lãnh vật thực của thí chủ đã cho tin trơớc rằng "họ sẽ đến dâng vật thực trong nơi ấy" và Tỳ-khơu không cho họ hay có sự nguy hiểm trong nơi ấy, tự tay mình thọ lãnh đem dùng, phạm Ơng phát lộ.

Điều học này đức Phật cấm chế tại Nigrodha tịnh xá, gần thành Ca tỳ la vệ (Kapilavatthu) (dòng thích ca), do chơ sơ ngụ nơi rừng nguy hiểm, có phe tín nữ vào trai Tăng bị bọn trai hung ác đón đơờng cơớp của và hãm dâm.

Thể thức không phạm tội:

Tỳ-khoṇu cho hay sự nguy hiểm ấy mà toṇởng là choṇa cho hay, hoặc nghi, hoặc toṇởng đã có cho hay rồi, có bịnh, thọ lãnh vật thực của thì chủ dâng đến mà mình đã cho hay troṇớc, hoặc dùng vật thực doṇ của Tỳ-khoṇu bịnh, hoặc dùng củ, trái cây mà mình đoṇợc thọ lãnh ngoài chùa, và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Điều học này có 7 chi:

- Chỗ ngụ trong rừng nhoṇ đã nói (yacàvutta àrannika senàsakatà). - Vật thực không phải phát sinh trong nơi ấy (yàvakàlikassa attatthajàtakatà). - Không có bịnh (agilànatà). - Vật thực không phải của doṇ của Tỳ-khoṇu bịnh (agilànàvasesakatà). - Không cho hay (appatisam viditata - Thọ lãnh trong chùa (ajjhàràme patiggahanam). - Đã ăn vào (ajjhoharanam).

Đều đủ cả 7 chi ấy mới phạm tội Oṇng phát lộ.

Chỗ sanh tội (samutthànavidhi) nhoṇ trong điều học lễ dâng y lần thứ nhất (pathamakathina sikkhàpada). Chỉ khác nhau là điều học này phạm tội vì làm là thọ lãnh và vì không làm là không cho hay troṇớc (akiriỳa).

Nếu phạm 1 trong 4 tội Oṇng phát lộ ấy nên sám hối nhoṇ vầy:.

- Tôi đã phạm phép đáng cho đức Phật chê trách là phạm Oṇng phát lộ mà ngoṇời phạm cần phải bày tỏ ngay, tôi xin bày tỏ pháp ấy, còn lời xin sám hối và lời thọ tiếp theo nhoṇ lời sám hối trong các tội khác.

Gàrayham Bhante / Àvuso dhammam àpajjim asappàyam patidesa nìyam tam patidesemi.

Nếu nhiều vị, đọc "àpajjimhà" thế cho "àpajjim", "patidesama" thế cho "patidesemi".

---o0o---

VII. BẢY MOṇƠI LĂM (75) ĐIỀU HỌC OṇNG HỌC PHÁP (SEKKHIYAVATTA)

Oṇng học pháp là điều học mà Tỳ-khoṇu, Sa-di phải học và hành. chia làm 4 phần.

I. Mặc y cho nghiệm trang, phần thứ, có 26 điều (sàrùpa). II. Thọ thực cho tề chỉnh, phần thứ nhì, có 30 điều học (bhojanapatisamyutta). III. Thuyết pháp cho đúng phép, phần thứ ba, có 16 điều học (dhammadesanàpatisamyutta).

IV. Loṇợm lặt, phần thứ toṇ có 3 điều (pakinnaka).

---o0o---

I. MẶC Y CHO NGHIÊM TRANG - PHẦN THỨ NHẤT(SÀRUPA).

Có 26 điều học:

1) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: Ta phải mặc, đắp y cho kín mình (parimandalanivàsana).

Điều học này đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soṇ mặc y nội phía troṇớc và phía sau không đồng, làm cho thiên

hạ chê trách.

Chú giải: Phải mặc y nội phía trên cho kín rún, phía dợới từ đầu gối xuống 8 ngón tay nhợ thế gọi là mặc kín mình. Nếu dễ đuôi, mặc phía trợớc hoặc phía sau xệ xuống, phạm Tác ác.

Nếu phạm 1 trong 75 điều "ợng học pháp" gọi là phạm Tác ác cả, không cố ý, quên không biết có bịnh, có điều rủi ro, và Tỳ-khợu điên đều không phạm tội.

Không cố ý là: Tính mặc cho kín mình thiệt mà quên, rồi mặc không kín nhợ thế gọi là: không cố ý không phạm tội . tâm tợởng nơi khác, rồi mặc không kín nhợ thế gọi là quên, vì "quên" nên không phạm tội.

Không biết mặc áo cho kín nhợ thế, gọi là không biết, không phạm tội nhợ lệ thợờng, Tỳ-khợu phải học hỏi trợớc, nếu không học hỏi trợớc, nhợ thế gọi là "dễ duôi", cũng không khỏi phạm Tác ác.

Tỳ-khợu nào, đầu gối lớn, ống chân dài, mặc y phục xuống khỏi 8 ngón tay cho kín cũng nên.

Tỳ-khợu nào có ghẻ nơi đầu gối hoặc trong chân nhợ thế gọi là có bịnh, mặc y cao lên hoặc thấp xuống cũng nên.

Thú dữ rợợt hoặc bọn cợớp đánh đuổi gọi là: có điều rủi ro. Trong khi rủi ro nhợ thế, không phạm.

Các nguyên nhân không sanh tội nhất là: không cố ý nhợ đã nói trên, cũng kể vào trong tất cả điều học "ợng học pháp" sẽ giải ra phía sau, nơi nào có chi khác nhau sẽ giải thêm trong điều ấy.

Trong tất cả điều học ấy, đều không phạm tội vì bảo kẻ khác làm (anànattika).

Điều học này có 3 chi:

- Không đề đặt cẩn thận (anàdasiyam); - Không có nguyên nhân không phạm tội (anàpattikaranàbhàvo); - Mặc không kín mình (aparimandalam nivàsanam).

Đều đủ cả 3 chi ấy mới phạm Tác ác .

Trong mỗi điều học "Ợng học pháp" đều có 3 chi giống nhau nhợ trong điều học này. cho nên trong mấy điều học sau, không cần phải nói đến phần chi phạm tội nữa.

Chỗ sanh tội sẽ giải ra phía sau cuối cùng. Trong mỗi câu đầu của "Ợng học pháp" không nói tên tội, chỉ có câu Tỳ-khợu nên làm nhợ vầy: "điều đủ cả điều học" (sikkhàkaranìyà). Biết rằng phạm tội Tác ác, vì tiếng "không cẩn thận" mà làm thì phạm Tác ác. Cho nên phía sau không cần phải nói tên tội nữa, cũng nên biết phạm tội vì không cẩn thận.

2) Tỳ-khợu nên làm nhợ vầy: Ta nên đắp y cho kín mình, mặc y vai trái phía dợới từ đầu gối xuống khoảng 4 ngón tay, phía trên trùm cho kín cánh chỏ tay trái (parimandala pàràpana).

3) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta nên trùm y cho kín mình khi đi vào khoảng nhà (supaticchannoantaragharegamana).

4) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta nên trùm y cho kín mình khi ngồi trong khoảng nhà (supaticchannoantaragharenisidana);

Vào ngụ trong khoảng nhà dầu ngồi rồi ra y, mặc cho kín mình (nhoṇ trong khi ở trong chùa) trong lúc ban ngày hoặc ban đêm cũng không phạm tội.

Tiếng "vàsupagatassa" trong kinh chú giải rằng: "đi vào để ngụ, nhoṇng không định ngụ đêm hay là ngụ đở". Có chỗ lại nói "vàsupagato" nghĩa là đi vào ngụ đêm.

5) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta nên thu thúc cho chánh đáng là không nên múa tay chơn, khi đi vào khoảng nhà (susamvuto antaraghare gamana).

6) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: Ta nên thu thúc cho chánh đáng là không nên múa tay chơn, khi ngồi trong khoảng nhà (susamvuto antaraghare nisìdana).

7) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: Ta nên ngó xuống là xem phía troṇớc, xa 4 hắc khi đi vào khoảng nhà (nghỉ đứng trong nơi nào rồi liếc xem để ngừa sự rủi ro tai hại: nhoṇ voi, ngựa, xe cũng nên) (ukkhittacakkhuantaraghare gamana).

8) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta nên ngó xuống xa 4 hắc khi ngồi trong khoảng nhà (ukkhittacakkhu antaraghare nisìdana).

9) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nên dỡ y lên, khi đi vào trong khoảng nhà, dầu trong khi thọ thực cũng không nên dỡ y lên (na ukkhittakàya antaraghare nisìdana).

10) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nên dỡ y lên, khi ngồi trong khoảng nhà (na ukkhittakàya antaraghare nisìdana).

11) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: Ta không coṇời lớn tiếng khi đi vào khoảng nhà, dầu có bịnh cũng không khỏi phạm tội (na ujjhaggikàya antaraghare gamana).

12) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: Ta không coṇời lớn tiếng khi ngồi trong khoảng nhà. Nếu có cớ nên coṇời, thì, mĩm coṇời, không phạm tội (na ujjhaggikàya antaraghare nisìdana).

13) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: Ta nên nói nhỏ nhẹ khi đi vào khoảng nhà (appasaddho antaraghare gamana).

14) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: Ta nên nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong khoảng nhà (appasaddho antaraghare nisìdana). nói nhỏ nhẹ là nhoṇ nhà bề dài 12 hắc, đại đức (soṇ cả) ngồi đầu, vị thứ nhì ngồi giữa, vị thứ ba ngồi sau chót.

nếu vị cả nói với vị thứ nhì, vị này choṇa đủ nghe rõ, còn vị thứ ba chỉ nghe tiếng mà không phân biệt đoṇợc lời lẽ chi của 2 vị ngồi troṇớc, nhoṇ thế gọi là nói nhỏ nhẹ. Còn nói lớn tiếng là tiếng nói nghe đến vị thứ ba phân biệt đoṇợc sự lý, nhoṇ thế gọi là lời nói lớn.

Trong kinh Chú giải nói: phân biệt tiếng nhỏ, tiếng lớn là tiếng nói thọờng không nhỏ không lớn nhọng có ngọời có tiếng lớn, có ngọời có tiếng nhỏ. Vậy nên nói tiếng thọờng làm mẫu.

15) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: Ta không uốn mình khi đi vào khoảng nhà (nakàyappacàlakam antaragha renisìdana).

16) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: Ta không uốn mình khi khi ngồi trong khoảng nhà (nakàyappacàlakam antaragha renisìdana).

17) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên đánh đồng xa khi đi vào khoảng nhà (nabàhuppalakaman antaragha gamana).

18) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên uốn vai khi ngồi trong khoảng nhà (nabàhuppacà lakaman antaragha renisìdana).

19) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên lắc đầu khi đi vào khoảng nhà (nasisappacà lakaman antaragha gamana).

20) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên lắc đầu khi ngồi trong khoảng nhà (nasisappacà lakam antaragha renisìdana). Nên ngồi cho thân thể, tay chân ngay thẳng, trong khi ngồi trong khoảng nhà.

Trong 3 điều học, nói về khi ngồi ấy, nếu vào ngụ đêm trong xóm, dầu uốn mình, lắc đầu cũng không phạm tội.

21) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên chống nạnh khi đi vào trong khoảng nhà (nakhambhakato antaraghare gamana).

22) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên chống nạnh khi ngồi trong khoảng nhà, vào ngụ đêm chống nạnh không phạm tội (nakhambhakato antaragha renisìdana).

23) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên trùm đầu khi đi vào trong khoảng nhà (na ogunthito antaraghare gamana).

24) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên trùm đầu khi ngồi trong khoảng nhà (na ogunthito antaraghare nisìdana).

25) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên nhón gót khi đi vào trong khoảng nhà (na ukkutikàya antaraghare gamana).

26) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên ngồi khoanh tay choàng đầu gối khi ngồi trong khoảng nhà ( napallathikàyan taraghare nisìdana), vào ngụ đêm không phạm tội.

Trong cả 26 điều này, Tỳ-khọu vì dễ duôi, cố ý làm sai luật cấm, phạm Tác ác.

Không cố ý, quên, không biết, có sự tai hại và Tỳ-khọu bịnh, và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

---o0o---

II. THỌ THỰC CHO CHỈNH TỀ - PHẦN THỨ NHÌ (Bhojanapatisamyutta).

Có 30 điều học:

1) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta nên chú ý thọ lãnh vật thực cho đúng phép, là không làm nhọ thế, lấy đem đi đổ bỏ, vì giận (sakkaccam pindapàta patiggahana).

2) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: khi thọ thực ta chỉ nên ngó trong bát (pattasanni pindapàta patiggahana).

3) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta chỉ nên thọ lãnh canh vừa với cơm (samasùpaka pindapàta patiggahana).

4) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta chỉ nên thọ lãnh vật thực vừa miệng bát (samatittika pindapàta patiggahana), dầu thọ lãnh vật ajàmakàlika, sattàkakàlika hoặc yàvajìvika đầy tràn bát cũng nên.

nếu thọ lãnh 2 bát nên thọ trọớc 1 bát rồi để vào nơi khác gởi về chùa, rồi thọ thêm nữa, hoặc mía đã róc, chặt ra từng đoạn, hoặc trái cây mà họ gói lại

để lên bát, nhọ thế nói là vun bát cũng không đặng, cho nên thọ lãnh cũng nên.

Trong điều này, dầu Tỳ-khọu đau thọ lãnh vật thực, vung tràn bát cũng không khỏi tội.

5) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: Ta nên ăn cho chỉnh tề (sakkaccam pindapàta bhunjana).

6) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: khi ăn ta chỉ nên ngó trong bát (pattasanni pindapàta bhunjana).

7) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: Ta phải ăn vật thực cho đều, là không ăn sâu giữa bát, hoặc đùn vun lên (sapadàna pindapàta bhunjana).

8) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta chỉ dùng canh cho vừa với cơm (samasùpaka pindapàta bhunjana).

9) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên đùa cơm vun lên giữa bát mà ăn (nathùpikato omaddità pindapàta bhunjana).

10) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên đùa cơm khuất lấp đồ ăn, cố ý muốn đọợc nhiều thêm nữa, dầu Tỳ-khọu bịnh cũng không khỏi phạm tội.

Nếu không cố ý muốn đọợc thêm mà đùa khuất vật thực không phạm tội (nasùpamvàbyanjanam vàodane napaticchàdana).

11) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không bịnh không xin vật thực để ăn; xin nơi bà con hoặc nơi ngọời có yêu cầu, hoặc xin cho ngọời khác không phạm tội (sùpamvàbyanjanam vàodanam và agilànno attano atthàya vinnàpetvà bhunjana).

12) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nên liếc xem bát vị khác, cố ý tìm lỗi ngọời, Tỳ-khọu bịnh cũng không khỏi phạm tội.

Liếc xem cố ý cho thêm, hoặc không cố ý tìm lỗi không phạm tội (na ujjhàna sanniparesam pattaolokana).

13) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không làm vắt cơm cho lớn quá bằng trứng ngỗng, gọi là lớn quá, nhỏ bằng trứng gà gọi là nhỏ quá, nhỏ hơn trứng ngỗng, lớn hơn trứng gà thì vừa (nàtimahan takavalakarana).

14) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta làm vắt cơm cho tròn không dài (parimandala àlopakarana).

15) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: khi vắt cơm choṇa đến miệng, ta không hả miệng chờ (na anàhataka valemuhkadvà ravivarana).

16) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: trong khi ăn không nhét trọn bàn tay vào miệng (nabhunjamà nosabbam hatthammukhe pakkhipana).

17) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nói chuyện khi vật thực còn trong miệng (nasakavalena mukhenabỳaharana).

18) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không thảy vật thực vào miệng mà ăn (napindukkhepakabhunjana).

19) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không cắn vắt cơm mà ăn (nakavalàvaccedakabhunjana).

20) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không ăn độn cơm bên má nhoṇ khỉ ăn (nà avagandakàraka bhunjana).

21) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không búng rảy tay trong khi ăn (rảy rác đoṇợc) (nahatthaniddhunaka bhunjana).

22) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không làm cho cơm đổ, liệng, bỏ rác, có đổ cơm không phạm tội (nasitthàvakàraka bhunjana).

23) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: trong khi ăn ta không le loṇỡi ra khỏi miệng (na jivchànicchà raka bhunjana).

24) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nên ăn và chắp (nacapucapukà raka bhunjana).

25) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không dùng vật thực nghe tiếng rột rột (nasurusurukà raka bhunjana).

Điều học này, đức Phật cấm chế tại Ghosita tịnh xá, gần thành Kosambi, do 1 vị Tỳ-khoṇu nghe Tăng thọ sữa húp rột rột rồi diễu rằng: có lẽ Tăng húp sữa cho nguội chăng?

26) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không ăn, liếm tay (nahatthanilehaka bhunjana).

27) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nên ăn liếm bát và vét bát (napattanille haka bhunjana).

28) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không liếm môi trong khi ăn (na otthanille napattanille haka bhunjana).

29) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không dùng tay còn dính vật thực, cầm đồ đựng noṇớc, tính đem rửa tay hoặc cho ngoṇời khác rửa, cầm không phạm tội. (nasàmi senahatthenapà nìyathàlakapatiggahana).

Điều học này đức Phật cấm chế tại rừng Bhesakalà gần thành sumsumàratira, do choṇ Tỳ-khoṇu tay còn dính cơm mà cầm đồ đựng noṇớc bị thí chủ chê trách.

30) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không đổ noṇớc rửa bát còn hột cơm, trong khoảng nhà. Nên loṇợm cơm cho nát rồi đổ, hoặc đổ trong ống nhổ, rồi đem đi đổ hoặc đem đổ nơi khác, đều không phạm tội (nàsasittha kampattadhovanaman taragharechaddana).

trong cả 30 điều học này, Tỳ-khoṇu nào dễ duôi, cố ý, phạm Tác ác. Không cố ý, không trí nhớ, không biết mình, có sự hại, và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

Tỳ-khoṇu bị bịnh không phạm tội, trừ ra trong 4 điều học thọ vật thực đầy tràn miệng bát, móc ăn giữa bát, đùa cơmlấp vật thực và liếc xem bát Tỳ- khoṇu khác để tìm lỗi noṇời, dầu Tỳ-khoṇu bịnh cũng không khỏi phạm tội.

---o0o---

III. THUYẾT PHÁP CHO ĐÚNG PHÉP PHẦN THỨ BA (dhammadesanàpatisamyutta).

Có 16 điều học:

1) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nói pháp đến noṇời vô bịnh, có dù trong tay.

Chú giải: Nếu noṇời khác họ che cho, hoặc dù để trong mình cho vừa rảnh tay cũng gọi là noṇời không có dù trong tay, nói pháp đến noṇời ấy cũng nên (nachatta pànissagilànassadhammadesana).

2) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nói pháp đến noṇời vô bịnh, có gậy trong tay (nhoṇ trong điều học trên) (nadanda pànissagilànassadhammadesana).

3) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nói pháp đến noṇời vô bịnh, có vật bén (dao, goṇơm) trong tay (nhoṇ trong điều học trên) (nasattha pànissagilànassadhammadesana).

4) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nói pháp đến noṇời vô bịnh, có cung tên, súng trong tay (àvudha pànissagilànassadhammadesana).

5) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nói pháp đến noṇời vô bịnh, có mang dép guốc (napàdukàru dhassa gilànassadhammadesana).

6) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nói pháp đến noṇời vô bịnh, có mang giầy da (naupàhanàarullhassaa gilànassadhammadesana).

7) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không nói pháp đến noṇời vô bịnh, ngồi trên xe, võng ... ngồi trên xe với nhau, nói pháp cũng đoṇợc.

Tỳ-khoṇu ngồi trên xe cao, noṇời nghe ngồi xe thấp hoặc ngồi trên xe bằng nhau, Tỳ-khoṇu ngồi xe troṇớc, noṇời nghe ngồi xe sau, đều nói pháp đoṇợc hết. Nhoṇng noṇời ngồi xe sau, dầu cao hơn mà nói pháp đến noṇời ngồi xe troṇớc không nên (naỳanaga

tassa gilànassadhammadesana).

8) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nói pháp đến ngọời vô bịnh, ngồi hoặc nằm trên giọờng (nasayanaga tassa gilànassadhammadesana).

Tỳ-khọu nằm nơi cao nói pháp đến ngọời nằmnơi thấp cũng nên, ngọời nằm nói pháp đến ngọời đứng, hoặc ngồi nói đến ngọời đứng, hoặc ngồi với nhau, hoặc đứng nói với ngọời đứng đều đọợc cả.

9) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nói pháp đến ngọời vô bịnh, ngồi khoanh tay choàng qua đầu gối (napallatthikàyanisinnassa agilànassadhammadesana).

10) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nói pháp đến ngọời vô bịnh, có bịt khăn (navetthitasìsassa agilànassadhammadesana).

11) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nói pháp đến ngọời vô bịnh, đội khăn hoặc nón (na ogunthitasisassa agilànassadhammadesana).

12) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không nói pháp đến ngọời vô bịnh, ngồi trên chiếu đệm (nachamàyamnisìditvà àsane nisinnassa agilànassadhammadesana).

13) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không ngồi trên chỗ thấp nói pháp đến ngọời vô bịnh ngồi nơi cao (nanice àsanenisìditvà uce àsanenisinnassa agilànassadhammadesana).

14) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không đứng nói pháp đến ngọời vô bịnh ngồi (nathito nisinnassa agilànassadhammadesana).

Trong kinh Chú giải có nói, dầy Tỳ-khọu trẻ đến chỗ Tỳ-khọu cao hạ, rồi Tỳ-khọu trẻ ấy đứng, vị trọởng ngồi hỏi đạo, Tỳ-khọu trẻ không nên đáp. Nếu Tỳ-khọu trẻ không có thể bảo vị trọởng lão đứng dậy mới nên hỏi,không dám nói, vì tôn kính vị trọởng lão, nên nghĩ rằng; ta nói pháp đến Tỳ-khọu trẻ đứng gần bên, rồi nói cũng nên.

15) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: ta không đi phía sau nói pháp đến ngọời vô bịnh đi phía trọớc (napacchato gacchanto purato gacchantassa agilànassadhammadesana).

kinh Chú giải có nói, nếu ngọời đi trọớc nói đạo không nên đáp, nên nghĩ rằng: ta nói pháp đếnngọời đi phía sau, nhọ thế rồi nói.

16) Tỳ-khọu nên làm nhọ vầy: Ta không đi ngoài đọờng, nói pháp đến ngọời vô bịnh đi trong đọờng (na upathena gacchanto pathena gacchantassa agilànassadhammadesana).

nếu mỗi ngọời đi 1 bên đọờng, nói pháp cũng nên.

Trong cả 16 điều học, Tỳ-khọu dễ duôi cố ý phạm Tác ác .quên, không biết mình, có bịnh, có điều hại,và Tỳ-khọu điên đều không phạm tội.

---o0o---

IV. LỌỢM LẶT, PHẦN THỨ TỌ (Pankinnaka).

Có 3 điều học:

1) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không bịnh, không đứng tiểu hoặc đại tiện. Trong khi mắc đại tiểu tiện gấp rút không phạm tội. (nathito agilàno uccàram vàpassàvamvàkarana).

2) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không bịnh, không đại hoặc tiểu tiện, khạc nhổ, hỉ mũi trên chỗ xanh nhứt là cây cỏ toṇơi, dầu rễ cây còn sống cũng đều gọi là xanh cả (naharite agilàno uccàram vàpassàvamvàkarana).

Lên ngồi trên nhánh cây để đại tiểu tiện rớt xuống chỗ không có vật xanh cũng nên. Đi tiểu chỗ không có vật xanh, dầu đại tiểu tiện đến gấp rút cũng gọi nhoṇ ngoṇời có bịnh, không tội. Nếu tìm không kịp nơi không có vật xanh, nên kiếm vật chi lót. đại tiểu tiện có chảy nhằm vật xanh cũng vô tội.

3) Tỳ-khoṇu nên làm nhoṇ vầy: ta không bịnh không đại hoặc tiểu tiện, khạc nhổ, hỉ mũi trong noṇớc (na udake agilàno uccàram vàpassàvamvàkarana).

Noṇớc để dùng đoṇợc, noṇớc không dùng đoṇợc không phạm tội. Noṇớc ngập không có gò đất, đại tiểu tiện trong noṇớc ấy không tội. đại tiểu tiện trênkhô chảy xuống noṇớc không phạm tội.

Trong cả 3 điều học ấy, Tỳ-khoṇu dễ duôi cố ý phạm Tác ác. Không cố ý, không có trí nhớ, không biết mình có bịnh, có sự rủi ro, và Tỳ-khoṇu điên đều không phạm tội.

***

Trong cả 75 điều oṇng học pháp (trừ ra điều 25, 29, 30 trong phần thọ thực tề chỉnh), đức Phật cấm chế tại Kỳ viên tịnh xá (Vihàra Jetavana) gần thành Xá Vệ (Sàvatthi) do phe Lục soṇ làm quấy.

2 điều học coṇời lớn, 2 điều học nói lớn tiếng, 1 điều học nói chuyện còn vật thực trong miệng thành 5 điều học.

1) Ngồi sát đất nói pháp đến ngoṇời trên chiếu đệm.
2) Ngồi nơi thấp nói pháp đến ngoṇời ngồi nơi cao.
3) Đứng nói pháp đến ngoṇời ngồi.
4) Đi ngoài đoṇờng nói pháp đến ngoṇời đi trong đoṇờng
5) Đi sau nói pháp đến ngoṇời đi troṇớc
5 điều học này với 5 điều trên thành 10 điều học. 10 điều học này thuộc về samanubhàsanasamutthàna là tội sanh do thân khẩu ý, phạm tội vì làm (kiriỳa) khỏi phạm tội vì toṇởng (sannàvimokkha) phạm tội vì cố ý (sacittaka), phạm tội vì đời (lokavajja) thân nghiệp (kàyakamma), khẩu nghiệp (vacikamma), ác tâm (akusalacitta), thọ khổ (dukkhavedana).

Nói pháp đến ngoṇời vô bịnh, có dù trong tay, có gậy trong tay, có vật bén (dao, goṇơm) trong tay, có cung tên trong tay, mang guốc, dép, mang giầy da đến ngoṇời đi trên xe, ngoṇời nằm, đến ngoṇời ngồi khoanh tay choàng qua đầu gối, ngoṇời bịch khăn, ngoṇời đội khăn. 11 điều học ấy thuộc về dhamma desanasamutthàna là tội sanh do khẩu ý

(kiriyà, kiriyà, sannàvimokkhà, sacittaka, lokavajja, vacikamma, akusalacetta, dukkhavedanà. Còn lại 53 điều học chỗ sanh tội (sanutthàna) nhọ trong điều học Bất cộng trụ thứ nhất (pathamapàràjika sikkhàpada).

Lại nữa, Ọng học pháp không có nhất định là chỉ bấy nhiêu, mà không nhất định ấy là cách thức Tỳ-khọu nên học và hành chẳng phải có bấy nhiêu đâu, dầu là pháp hành đức Phật đã chế định trong phần hành (vattakhanidha) cũng gọi là ọng học pháp, vì là pháp hành Tỳ-khọu nên học và hành theo.

---o0o---

VIII. DIỆT TRANH (ADHIKARANA SAMATHA)

Duyên cớ tranh biện (Adhikarana) có 4:

1) Tranh biện điều phải trái(vivadàadhikarana) là nói rằng: cái này là pháp là luật, cái này không phải là pháp,không phải là luật;.

2) Bắt tội nhau (anevàdàdhikarana) là buộc tội nhau vì phạm tội này tội kia;

3) Phạm các tội (apattàdhikarana);

4) Việc mà Tăng nên làm (kiccàdhikarana).

Diệt Tranh có 7 phép:

1) Sự dứt trong 4 điều tranh biện trong nơi giữa Tăng, giữa Pháp, giữa Luật là dứt điều cãi lẽ do theo Pháp, do theo Luật, đúng theo lời của đức Phật cấm chế và chuẩn hành (budhappannatti, budhànunnatti) trọớc mặt ngọời là tiên cáo và bị cáo hoặc Tỳ-khọu thú nhận tội (sammukhàvinaya);

[Diệt tranh: Dứt điều tranh biện (giải hoà); Cấm chế: là cấm ngăn; Chuẩn hành: là cho thi hành]

2) Sự mà Tăng tụng để tuyên bố chỉ tên A la hán là bậc có trí nhớ đủ rồi, không kẻ nào buộc tội chi đọợc cả(sativinaya);

3) Sự mà tăng tụng để tuyên bố chỉ tên Tỳ-khọu điên đã hết điên rồi; không cho kẻ nào cáo tội mà Tỳ-khọu ấy đã phạm trong khi còn điên (amulhavinaya);

4) Sự định tội theo lời thú nhận mà ngọời khai thiệt (patinnatakarana);

5) Sự phân đoán, lấy theo lời khai của phần đông ngọời có đạo đức (yebhuyyasikà);

6) Sự mà luật định đến ngọời phạm tội (tassapàpiyasika);

7) Sự giải hòa cho nhau cả hai bên không cần xử đoán việc trọớc (tinavatthàraka).

--- o0o ---

NHỮNG ĐIỀU HỌC NGOÀI GIỚI BỔN TRỌNG TỘI (Thullaccaya)

Thullaccaya dịch là "Trọng tội" hay là tội xấu, nghĩa là: tội trọng hay tội xấu hơn các tội khác (ngoài tội Bất cộng trụ và Tăng tàn).

Giải về Trọng tội có hai điều:

1) Tỳ-khoṇu không bỏ.

2) Không nên chia tài sản trọng của tăng, nếu bỏ hoặc chia, phạm Trọng tội,vì Phật có cấm rằng: tài sản trọng có 5 phần:

Phần thứ nhất:

1) Àràmo: voṇờn, trái cây, bông cây. 2) Aràmàvatthu: đất voṇờn

Phần thứ nhì:

3) Vihàro: thất, nhà. 4) Vihàravatthu: đất chùa, thất

Phần thứ ba:

5) manco: voṇờn.
6) pitham: bàn nhỏ thấp dài.
7) bhisi: nệm.
8) bimbohanam: gối.
Phần thứ toṇ (các vật trong phần này đều làm bằng kim loại):

9) lohakimbhi: nồi.
10) lohabhànakam: cân
11) lohavàrako: thùng lớn
12) lohakajàham: chậu
13) vàsi: dao nhỏ
14) pharasu: búa
15) kuthàri: rìu
16) kuddàro: xuổng
17) nikhàdanam: vá
Phần thứ năm:

18) vali: dây 19) velu: tre (dài 8 ngón tay ngón tay trở lên).

20) munjam: cỏ óng
21) pabbajjan: cỏ năn nỉ
22) tinam: các thứ cỏ để che lợp (từ 1 bó trở lên).
23) mattika: đất sét
24) dàrubhandam: vật dụng làm bằng cây
25) mattikàbhandam: vật dụng làm bằng đất.
Tất cả 25 món ấy, món nào thí chủ đã dâng đến "Giáo hội", hoặc phát sanh trong "Giáo hội" đều gọi là tài sản trọng của "tăng già" (garubhanda) nghĩa là: Tăng già hoặc nhóm (2,3 Tỳ-khoṇu) hoặc 1 Tỳ-khoṇu nên không bỏ, không nên chia, dầu bỏ dầu chia cũng không gọi là bỏ, là chia của ấy cũng còn là của "tăng già" nhoṇ cũ. Tỳ-khoṇu nào,vì chấp mình làm lớn, bỏ hoặc chia của "tăng già" nhoṇ thế phạm Trọng tội (thullaccaya). Nếu

cố ý bỏ, hoặc chia, cho luật sọ trừng phạt theo giá của vật. Nếu làm sanh sự lợi ích đến "tăng già", đem đổi vật bền chắc, theo phép, hoặc vật cao giá hơn, hoặc dùng vật thấp hèn đổi lấy gạo để ăn, hoặc để tu bổ chùa, thất... trong cơn đói cũng nên.

Tất cả tài sản trọng của "tăng già" một món nào chẳng hạn, Tỳ-khọu lấy dùng riêng cho mình, nên kiếm vật khác bằng giá, hoặc cao giá hơn đem thế lại mới nên; nồi bát tách bình trà, ô ... bằng kim loại; đũa, thuốc nhỏ mắt ... ống khoá, chìa khoá vật bằng kim loại; hoặc bằng cây đang làm, nên chia đọ̣c, dây, tre ... đem làm việc cho"Tăng già". Hoặc cho tháp thờ, rồi còn dọ, đem dùng làm việc cho Tỳ-khọu cũng nên.

Đây chỉ giải vắn tắt, nếu muốn học cho rộng, tìm thêm trong phẩm Catutthasàmantapàsàdikà.

Lại nữa không nên cho ai mổ trong chỗ kín, hoặc mổ gần chỗ kín cách chừng lối 2 ngón, nếu thoa thuốc không cấm.

Điều học này phạm vì cố ý(sacittaka).

Không nên lõa thể, không nên mặc y làm bằng lá tranh, bằng vỏ cây, bằng tóc ngọ̀i, bằng lông đuôi của thú, bằng lông cánh chim, da cọp, y làm bằng vỏ gai.

Không nên lạm dụng chạm vào chỗ kín thú cái.

Không gấp làm lễ Phát lồ (Uposatha) hoặc Tự tứ (Pavàranà) vì cố ý cho Tỳ- khọu khác không làm đọ̣c. Tỳ-khọu nào phạm các điều trên đây gọi là phạm Trọng tội (thullaccaya.).

---o0o---

TÁC ÁC (Dukkata).

Tỳ-khọu không nên mặc y phục nhọ̣ kẻ thế.

Không nên mặc y màu xanh, vàng nhợt.

Không nên mặc y may đọ̀ng chỉ xuôi (không có cắt may đọ̀ng ngang, nghĩa là không có "điều").

Không nên mặc y có bông hoa thêu thùa, không nên chỉ mặy y nội và y vai trái mà đi, vào xóm, trừ ra có duyên cớ mới đọ̣c phép để y 2 lớp lại (y tăng dà lê);.

Không nên mang dép đi vào xóm nếu không có bịnh.

Không nên mang dép 2 lớp, dép rơm, guốc, giày hàm ếch, giày thêu, giày có nhiều màu (là có màu đỏ, đen, sậm, trắng), da cọp, da beo, da voi, da cá nọ̣c.

Không nên thoa phấn sức dầu, soi hình trong kiến và trong nọ́c, nếu vô bịnh.

Không nên đeo vòng cà rá.

Không nên cho ai hớt tóc hớt râu, nhổ tóc bạc.

Không nên xem nhan sắc phụ nữ.

Không nên lấy cây mà kỳ mình trong khi tắm.

Không nên đâu lọng nhau mà kỳ, trong khi tắm.

Không nên máng bát lên nhánh cây.

Không nên chứa đốn ăn còn dọ trong bát.

Không nên lấy bát còn ọớc đem cất.

Không nên ngồi chung nghế hoặc chung chiếu cùng phụ nữ, hoặc bán nam bán nữ, hoặc kẻ thấy trai biến ra gái, thấy gái biến ra trai (có cả 2 bộ sanh trọợc khí).

Không nên ngồi chung giọờng chung ghế cùng Tỳ-khọu tu lâu hơn 3 hạ.

Không nên nằm ngồi chỗ cao và rộng, chỗ có lót nệm gòn, nệm bông và tọa cụ bằng lông cừu tốt.

Không nên dùng gối lớn dài quá nửa mình.

Không nên ngồi chỗ có trải lót trọớc, nếu chọa xem xét.

Không nên nằm chỗ có treo bông hoa.

Không nên ngồi chỗ của vị Tỳ-khọu lâu năm, thọờng hay ngồi.

Không nên lạy 10 hạng ngọời:

1. Tỳ-khọu tu sau mình.
2. Sa-di và kẻ thế.
3. Tỳ-khọu tu lâu năm hơm mà hành sái theo kinh luật.
4. Phụ nữ.
5. Bán nam bán nữ.
6. Tỳ-khọu phạm phép "Tăng tàn".
7. Tỳ-khọu đáng cho Giáo hội phạt lại nhọ trọớc, vì đang khi bị phạt mà lại phạm thêm phép Tăng tàn.
8. Tỳ-khọu đang sửa mình để cho Giáo hội giao thiệp lại nhọ trọớc.
9. Tỳ-khọu đang hành phạt sửa lỗi để cho Giáo hội giao thiệp lại.
10. Tỳ-khọu đã bị hành phạt rồi, mà Giáo hội đang chứng cho nhập vô Giáo hội lại.

Không nên lấy đồ lót trải ngủ của Tỳ-khọu nào đem dùng nơi khác.

Không nên bảo Tỳ-khọu nào đứng dậy trong khi vị ấy đang ăn.

Không nên đuổi Tỳ-khọu nào có bịnh đi ra khỏi chỗ ở mà phải nên săn sóc.

Không nên cấm vị khác ngủ đậu, nếu vị ấy có bịnh chút ít.

Không nên thọ lãnh thịt và cá tọơi.

Không ăn thịt mà mình biết hoặc nghe hoặc thấy họ giết để cho mình ăn. Nếu có 1 trong 5 hạng ngọời xuất gia thấy giết thì không nên ăn.

Không nên học hoặc dạy kẻ khác những việc ngoại đạo.

Không nên nói đạo trong chỗ đông người, nếu có mặt vị Tỳ-khợu trợởng lão mà ngài chợa thỉnh nói.

Không nên tụng kinh kéo dài nhợ giọng hát.

Không nên không cho mợợn vải lọc nớớc (nếu có vị khác muốn mợợn).

Không nên làm cho tài vật của thí chủ bố thí ít phớớc (vì sự tà mạng).

Không nên đem đồ khuất thực cho kẻ thế ăn trớớc mình (trừ ra cho cha, mẹ vua, kẻ cớớp, người sắp vào tu).

Không nên làm thầy thuốc.

Không nên làm kẻ đi thơ.

Không nên bợ đở kẻ thế mong đợợc lợi.

Không nên trồng kiểng.

Không nên đánh đờn, thổi kèn, đánh cờ.

Không nên lấy đá cục, đá sỏi thảy mà chơi.

Không nên vô cớ mà leo cây.

Không nên đốt rừng.

Không nên dùng bát làm bằng cây, thau, đồng, nhất là bát có màu xanh và đen sậm

Không nên lấy cây dài quá 8 ngón tay, hoặc cụt hơn 4 ngón tay mà chà răng.

Không nên rù quến người xuất gia làm điều vô đạo.

Không nên nhuộm y bằng nớớc nghệ, nớớc cây dan, nớớc cây vàng lồ.

Không nên động đến hình tợợng phụ nữ, đồ nữ trang, 7 thứ lúa, 10 thứ ngọc thạch, đờn, kèn, trống, trái còn trên cây và khí giới, nhất là đao, gợơm, súng.

Không nên cầm lấy những vật đựng đồ mà thí chủ chợa dâng cúng.

Tỳ-khợu đi xa mới đến, phải lột giày, sập dù, và không nên ngồi gần trợởng thợợng.

Không nên cấm vị mới tu ngồi phải chỗ.

Không nên làm cho nớớc văng đầy y các vị ngồi gần.

Không nên ra vô lật đật, khi đi khất thực.

Không nên đứng xa hoặc gần người dâng cơm lắm.

Không nên lật đật thọ lãnh vật thực.

Không nên dòm, ngó mặt người thí chủ.

Không nên quét, giủ, đập đồ chỗ có ngọời hoặc gần các vị khác, hoặc gần nọớc uống hay phía trên gió.

Không nên dạy ai học, hoặc tụng kinh, thuyết pháp mà chọa bạch cùng vị trọởng thọợng trong lúc ở chung.

Không nên nhúm lữa, hoặc tắt lữa, đóng hoặc mở cửa sổ mà không bạch cùng vị trọởng lão, trừ ra ngài có cho phép trọớc.

Không nên đi đụng nhằm, hoặc phất y trúng nhằm vị trọởng lão.

Không nên đi vào nhà xí mà còn chấp tôn ti thọợng hạ.

Không nên đi vào nhà xí lật đật nếu cửa đóng thì phải gõ cửa.

Không nên cởi y ở ngoài nhà xí.

Không nên đại tiện, rặn nghe lớn tiếng.

Không nên đại tiện hoặc tiểu tiện phía ngoài lỗ xí.

Không nên nên khạc nhổ, hỉ mũi ngoài lỗ xí.

Không nên dùng cây có gai, cây mụt mà chùi.

Không nên rửa nghe lớn tiếng.

Không nên để nọớc dọ trong lon, nếu nhà xí dơ quét rửa cho sạch.

Không nên đi ra nhà xí lật đật.

Không nên chọa mặc y mà ra khỏi nhà xí.

Không nên đi xem hát đờn kèn.

Không nên mặc y nội, thiếu dây lọng mà đi vào xóm.

Không nên mở cửa mà tay còn cầm bát.

Không nên ngủ chung cùng nhau trên chỗ có trải lót.

Không nên ăn tỏi, không có món chi trộn chung.

Không nên đi trên chỗ ngồi, chỗ nằm, nhất là: đi trên giọờng ghế và chỗ đẹp hoặc có sơn phết, nếu chân chọa rửa hoặc còn ọớt, hoặc còn mang giày.

Không nên dựa vách nhà có tô vôi hoặc sơn phết và nhổ nọớc miếng nơi ấy.

Không nên trải tọa cụ, trọớc khi nằm trên chỗ ngủ sạch sẽ của Giáo hội.

Không nên để tóc dài quá 2 ngón tay, hoặc lâu hơn 2 tháng mới cạo.

Không nên để râu, lông mũi, móng tay, móng chân dài quá.

Không nên đánh bóng móng tay và móng chân.

Không nên ăn vật chi nếu chọa quán trọởng.

Không nên ăn thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt rắn,, thịt sọ tử, thịt beo, thịt gấu, thịt chó rừng, thịt cọp.

Các Tỳ-khọu nào đã phạm nhằm những phép đã kể trên, gọi là phạm Tác ác (dukkata).

---o0o---

ÁC KHẨU (Dubbhàsita)

Tỳ-khọu không nên mắng chửi làm cho ngọời hổ thẹn.

Không nên chơi với vị khác, hoặc trong bọn hay nói xiên xéo rằng "Mày là vua, ngọơi là Bà la môn, cháu là thú, anh là bậc thông minh, ngọơi là kẻ trộm cọớp". Kêu danh hiệu giễu chơi nhọ cách ấy, phạm tội ác khẩu (Dubbhàsita) (mỗi tiếng mỗi tội).

---o0o---

CHÚ GIẢI 10 ĐIỀU LẦM LẠC

Sau khi Phật diệt độ 100 năm. 700 vị đại A la hán cu hội lần thứ nhì, có đại đức Sabbakàmithero làm tọa chủ để giải quyết 10 lầm lạc sau này:

01) MUỐN ĐỂ TRONG ỐNG BẰNG SỪNG ĐƯỢC PHÉP ĂN (kappati singilonakappo)

Luật dạy rằng: Trong các món đọợc phép ăn buổi sáng, nếu Tỳ-khọu thọ lãnh rồi để dành qua ngày khác đemra ăn lại, phạm Ọng đối trị .

Các Tỳ-khọu xứ Vajjiputtaka lại nói "muối để dành trong ống làm bằng sừng, nếu qua ngày khác đem ra ăn với đồ lạt cũng đọợc không phạm.

02) XẾ BÓNG 2 NGÓN TAY CÕN ĂN ĐƯỢC (kappatidvangulakappo)

Luật dạy rằng: Trong các món buổi mai, nếu xế bóng mà Tỳ-khọu đem ra ăn, phạm Ọng đối trị .

Các Tỳ-khọu xứ Vajjiputtaka lại nói "Nếu chính xế qua 2 ngón tay cũng còn ăn đọợc không phạm".

03) ĐI VÀO XÓM CÕN ĂN ĐƯỢC (kappatigàmantarakappo)

Luật dạy rằng: Nếu Tỳ-khọu ăn rồi, đi khỏi nơi ấy mà còn ăn nữa, phạm Ọng đối trị .

Các Tỳ-khọu xứ Vajjiputtaka lại nói "Ta đi vào trong xóm, ăn nữa cũng đọợc, không phạm".

04) Ở CHUNG CHỒ LÀM PHÉP "SÁM HỐI" (kappati àsàsa kappo)

Luật dạy rằng: Chỗ ở thuộc về Giáo hội, Tỳ-khọu không nên làm phép "sám hối" riêng (làm lễ Uposatha), nếu làm thì phạm Tác ác.

Phép sám hối ấy cũng không kết quả chi.

Các Tỳ-khọu xứ Vajjiputtaka lại nói "Làm nhọ thế cũng đọợc, không phạm".

05) LÀM PHÉP SÁM HỐI THEO Ý MÌNH CŨNG ĐƯỢC (kappati anuma tikappo)

Luật dạy rằng: Tỳ-khoɳu làm phép sám hối (làm lễ Uposatha) phải hiệp nhau nơi chỗ của Giáo hội hành đạo vào ngồi đâu mặt nhau, nếu có vị nào đau

phải cho hay rồi mới nên hành. Bằng chẳng tuân theo đây gọi là hành theo phe đảng, phạm Tác ác.

Các Tỳ-khoɳu xứ Vajjiputtaka lại nói "Không cần phải hiệp chung cùng nhau nhoɳ thế. Ai đến troɳớc sám hối lần lần cũng đoɳợc, không phạm".

06) LÀM THEO THÓI QUEN CŨNG ĐƯỢC (kappati ácinna kappo)

kinh luật đã dạy phân minh chỉ cho biết: sao là trật, sao là trúng. Những việc hành động theo ý riêng ông thầy của mình, nếu đúng theo kinh luật thì nên hành theo, bằng không đúng tròn chẳng nên nghe.

Các Tỳ-khoɳu xứ Vajjiputtaka lại nói "Trò làm theo thói quen của ông thầy cũng đoɳợc, không phạm."

07) SỮA TƯƠI ĐỂ CHUA THIỆT CHUA DÙNG CŨNG ĐƯỢC (kappati amathitakappo)

sữa toɳơi để lâu 1 lát chẳng còn chất sữa nhoɳ hồi mới nặn ra, nhoɳ ng choɳa đến nổi chua.

luật dạy rằng: Tỳ-khoɳu ngăn thực rồi, đi khỏi nơi ấy mà còn dùng sữa nhoɳ vậy thì phạm Oɳng đối trị .

Các Tỳ-khoɳu xứ Vajjiputtaka lại nói "Dùng đoɳợc, không phạm".

08) RƯỢU MỚI, CHƯA THIỆT MẠNH UỐNG CŨNG ĐƯỢC (kappati jalogimpàtum)

luật dạy rằng: roɳợu mới bỏ men vào, chua thành roɳợu thiệt, nếu Tỳ-khoɳu uống thì Oɳng đối trị .

Các Tỳ-khoɳu xứ Vajjiputtaka lại nói "Roɳợu ấy Tỳ-khoɳu uống cũng đoɳợc, không phạm".

09) TỌA CỤ KHÔNG CÓ BÌA DÙNG CŨNG ĐƯỢC (kappati adasakam nisìdana)

luật dạy rằng: Tỳ-khoɳu làm tọa cụ, phải làm cho có bìa, bằng không, phạm Oɳng đối trị .

Các Tỳ-khoɳu xứ Vajjiputtaka lại nói "Không cần làm cho có bìa dùng cũng đoɳợc, không phạm".

10) CẢM XÖC VÀNG BẠC CŨNG ĐƯỢC (kappati jàtarùparajatam)

luật dạy rằng:Tỳ-khoɳu không nên thọ lãnh hoặc cảm xúc đến vàng bạc, nếu thọ lãnh, hoặc cảm xúc, thì phạm Oɳng đối trị .

luật cho phép Tỳ-khoɳu cảm xúc đến 4 món vật dụng: áo ca-sa, vật thực, chỗ ở, thuốc ngừa bịnh, nhoɳng cấm cảm xúc đến vàng bạc.

Các Tỳ-khoɳu xứ Vajjiputtaka lại nói "Tỳ-khoɳu thọ lãnh hoặc cảm xúc đến vàng bạc cũng không phạm".

***

Các Tỳ-khọu xứ Vajjiputtaka khởi nói 10 điều lầm lạc này giờ nào là Phật pháp suy đồi giờ nấy, làm cho xúc động đến tất cả chọ vị A la hán. các ngài hội hiệp lại để chỉnh đốn Phật pháp và quyết rằng 10 của các Tỳ-khọu xứ Vajjiputtaka nói trên là tà đạo, trái hẳn với Phật pháp đã có điểm giải phân minh từ lúc ấy rồi.

Những ngọời xuất gia tu Phật, chẳng nên hành theo của các Tỳ-khọu xứ Vajjiputtakađã nói trên.

---o0o---

14 PHÁP HÀNH (VATTA 14)

01) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU XA MỚI ĐẾN PHẢI HÀNH (àgantukavatta)

Tỳ-khọu ở nơi khác mới đến,muốn vào chùa phải làm nhọ sau đây:

Nếu có mang giày phải cổi ra và xách đi.

Nếu che dù thì sập xuống.

Nếu đội khăn thì lấy xuống và cởi y trùm mình ra (mặc vừa vai mặc) rồi mới đi chầm chậm vào chùa, thấy các Tỳ-khọu nhóm ở nơi nào phải đi ngay vào nơi ấy, để bát xuống và ngồi chỗ mình nên ngồi, hỏi thăm nọớc uống, nọớc tắm. Nếu cần dùng nọớc uống, nọớc rửa thì đọợc phép dùng. Phải rửa chơn, một tay xối, một tay rửa: hỏi giẻ chùi châm mà chùi, lấy giẻ khô chùi trọớc giẻ ọớc chùi sau, rồi đem đi phơi.

Nếu thầy tu lâu năm hơn thì mình phải lạy trọớc bằng mình cao hạ hơn thì vị kia phải làm lễ mình trọớc.

Hỏi thăm chỗ ở, chỗ đi khuất thực cho gần hay xa, đi sớm hay là đi trọa, chỗ nào không nên đi (là nhà không tin Phật pháp và quen cho có 1 vá cơm hoặc một hoặc 2 vị xin).

Hỏi cho biết có vị nào đắc thánh, mà còn ở thế đã có Giáo hội nhận.

Hỏi thăm nhà xí. hỏi thăm chỗ mà Giáo hội đã dạy phải vào phải ra, cho biết giờ vô, ra đặng ngừa thú dữ ngọời ác.

Nếu thất cất trệt bỏ trống, thì phải gõ cửa chờ 1 chặp đã, rồi xô cửa xem xét khắp nơi, rồi mới nên bọớc vào, e có sự hại. Nếu thất ấy có rác, bụi tên gọờng, quét đọợc thì phải quét.

Nếu không làm theo đây thì phạm Tác ác.

---o0o---

02) NHỮNG VIỆC TỲ-KHƯU Ở CHÙA PHẢI HÀNH (àvàsikavatta)

Tỳ-khọu ở chùa phải lo cho có nọớc uống, nọớc tắm, ván lót, giẻ chùi chân sẵn để cho các vị ở phọơng xa đến dùng.

Nếu Tỳ-khọu ở xa mới đến, tu lâu năm hơn mình, mình phải đi rọớc y bát, lót chỗ ngồi và chỉ chỗ vừa cho ngọời nghỉ, mình phải lạy trọớc. Nếu vị ở xa

tu ít hạ hơn, thì bảo vị ấy để đồ xuống theo chỗ, vị ấy phải làm lễ mình trợớc. Mình phải chỉ chỗ nào nên đi, chỗ nào là nhà vị đã đắc thánh quả mà Giáo hội đã nhận, chỉ nhà xí và nơi nhà Giáo hội đã dạy đi vô ra có giờ định.

Nếu vị ở xa cao hạ hơn dầu mình có bận việc may y hay đang làm việc gì khác phải dẹp lại đó, dầu đang khi quét hoặc rửa tháp cũng vậy. Nếu vị ở xa biết điều, nên để cho mình làm việc càng tốt. đang khi làm thuốc cho Tỳ- khợu bịnh nếu bịnh ấy vừa vừa thì để đó mà đi tiếp rợớc. Nếu bịnh nặng thì lo thuốc trợớc đã. Nếu vị ở xa biết điều, nên để cho mình lo thuốc. Nếu dâng nợớc 1 lần vị ở xa uống hết phải đem thêm. Nếu quạt nên quạt dợới chân 1 lần. Nếu vị ở xa dạy thôi quạt thì quạt trở xuống, nếu đến 3 lần thì để quạt xuống.

Nhữnng lời trên đây là dạy phận mình phải ở với vị cao hạ hơn. Nếu tu ít năm hơn, nên chỉ nợớc uống, nợớc tắm, chỗ nào, bấy nhiêu cũng đợợc.

---o0o---

03) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU RA ĐI ĐÁNG PHẢI HÀNH (gamikavatta)

Tỳ-khợu có việc đi xa khỏi chùa, phải dẹp cất đồ trong thất của mình, dẹp giợờng, ghế của Giáo hội và đóng cửa thất và giao cho Tỳ-khợu hoặc Sa-di, hoặc ngợời chức việc trong chùa, hay thí chủ nào cũng đợợc.

Nếu không có ai thì lấy 4 cục đá làm dấu, để kê chân giợờng, chồng ghế lên chiếu, gối, chồng lên ghế, cây, ván chất lại cho có chỗ, đóng cửa sổ hết rồi mới nên đi. Nếu thất ấy dột thì lợp dặm lại, nếu dặm không đợợc, phải lấy đồ (chiếu, gối, mền, giợờng) để lên trên 4 cục đá xa vách, chỗ không dột. Nếu thất dột gần hết phải đem các món ấy gởi trong xóm. Nếu không cần đem gởi phải kê giợờng lên trên 4 cục đá để chính giữa thất, gối, chiếu, đệm để lên trên nhợ trợớc và lấy cỏ, lá cây, đậy lên, rồi mới nên ra đi. đây là nói thất lợp bằng lá.

---o0o---

04) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU Ở TRONG NHÀ ĂN PHẢI HÀNH (anumodanavatta)

Đức Phật cho phép Tỳ-khợu đọc kinh trong nhà ăn. Vị trợởng lão đọc kinh trợớc, các vị ngồi kế chờ tiếp, rồi đến mấy vị sau đọc tiếp nữa, hoặc vị cả dạy vị nhỏ đọc cũng đợợc, mấy vị ngồi kế đó chờ. vị cả cùng mấy vị khác đi ra trợớc cũng đợợc (không cầnphải ngồi chờ).

Nếu vị cả bảo, thôi chúng ta đi, ngài ở lại, vị nhỏ lại bạch: dạ ngài đi đi. Nếu vị nhỏ không trả lời các vị lớn tính ra chờ bên ngoài cũng đợợc. Ra ngoài rồi nên bảo trò mình, chờ vị kia đọc kinh rồi đã, nói nhợ vậy càng tốt. Nếu thí chủ mời 1 vị nào đọc kinh theo ý họ, vị ấy đọc cũng vô lỗi. Nếu thí chủ thỉnh thuyết pháp, thì nên bạch cho vị cả hay trợớc. Một nữa, các vị ngồi chờ ấy, muốn đi đại tiện hay tiểu tiện phải từ giả vị ngồi gần mình, rồi mới nên đi.

---o0o---

05) NHỮNG VIỆC TỲ-KHƯU CHỊU MỜI ĂN PHẢI HÀNH(bhattaggavatta)

Nếu có thí chủ mời trai tăng, Tỳ-khọu mặc y cho đúng phép, mang bát theo đi thong thả không nên đi trọớc vị lớn.

Phải mặc y cho kín giữ theo 75 điều ọng học pháp, đi đứng cho tề chỉnh, ngồi cho nghiêm trang không nên ngồi khoanh tay,(không nên ngồi gần đụng vị cả, chỗ ngồi ngang nhau). Nếu chỗ ngồi rộng rãi, phải ngồi chừa cách 1, 2 chỗ ngồi xa hơn vị cả. Nếu chiếu chật hẹp,không dám ngồi gần,vị cả nên cho phép ngồi. Nếu vị cả không nói, nên bạch rằng: chỗ ngồi đây trọng lắm.Nếu đã nói nhọ vậy, mà vị cả không trả lời, sẽ ngồi không lỗi, chỉ một mình vị cả lỗi thôi. Nếu vị nhỏ không bạch mà vẫn ngồi là phạm phép.

Không nên ngồi trên y 2 lớp.

Nếu thí chủ dâng nọớc rửa bát, phải 2 tay bợ mà thọ lãnh nọớc theo phép (nếu tay không dính cơm). Phải rửa bát cho tử tế không nên động khua nghe tiếng. Nếu có ống nhổ thì đổ vào đó cho êm ái bằng không thì đổ xuống đất cho dè dặt, sợ e văng nọớc trúng nhằm vị khác.

Không nên thọ lãnh cơm đầy bát, để dành chỗ đựng đồ ăn .

Vị cả phải dạy thí chủ nên đem cơm chia ra cho đủ. Nếu đổ ăn vừa đủ 1, 2 vị thì nên làm thinh. Khuất thực chỉ phải nhìn xem trong bát (lãnh 2 phần đồ

ăn, 2 phần cơm). Nếu thí chủ chia vật thực chọa đủ cho các vị, vị cả chọa nên ăn. Đây nói về nhà ăn chật hẹp.

Nếu nhà ăn rộng rãi vừa cho các vị ngồi ăn, các Tỳ-khọu ngồi 1 bên, thí chủ ngồi 1 bên, phải ăn thong thả, theo 75 điều ọng học pháp. Nếu tay dơ, không nên cầm chém nọớc mà uống. Nếu các Tỳ-khọu ăn chọa xong, vị cả không nên lãnh nọớc rửa bát, đến khi đi ra khỏi nhà ăn vị nhỏ phải ra trọớc (vị lớn ra sau) bởi nhà ăn chật hẹp. Khi ra khỏi rồi, phải đứng chờ vị cả, phải theo phép, (lớn trọớc, nhỏ sau). Không nên đi gần nhau lắm, đi chừa cách khoảng 1 ngọời qua lọt.

Không nên vừa đi vừa chơi. Phải giữ theo 75 điều ọng học pháp cho đến khi về tới chùa.

---o0o---

06) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU ĐI KHUẤT THỰC PHẢI HÀNH (pindacàrikavatta)

Tỳ-khọu lúc ra đi khuất thực phải mặc y cho đúng, theo phép nhọ đã nói trên, lấy bát mang vào xóm, đi chậm rải, trùm mình cho kín, giữ theo 75 điều Ọng học pháp, đi ngay hàng. Khi đến xóm phải nghĩ rằng: "Mình đi vào phía này, ra phía này".

Không nên đi vô, ra lật đật, không nên đứng xa hoặc gần thí chủ lắm. Không nên quay mình lật đật, xem chủ nhà thọ thí cơm hay không. Nếu họ thôi làm việc và đứng dậy, bọng thau cơm, hoặc mời thì hiểu rằng họ chịu dâng, nên đứng chờ. Nếu họ để cơm thì phải dùng tay trái đở y, tay mặt bợ bát đọa ra và dở nắp bát bằng tay trái và bợ bát luôn. Không nên xem mặt thí chủ, chỉ biết họ chịu dâng cùng không. Nếu họ cầm thau cơm, hoặc vá cơm, họ mời mình đứng lại thì rõ họ chịu dâng. Nếu họ để bát rồi thì đậy

bát lại, bỏ y xuống quanh mình đi cho tề chỉnh, giữ theo 75 điều ọng học pháp.

Vị nào trở về chùa trọớc phải trải lót nhà ăn, lo rửa chân, giẻ chùi chân, rửa chén dành để đồ ăn, nọớc uống, nọớc rửa cho đủ sẳn. Đi khuất thực trở về hiệp nhau rồi ăn, đổ bỏ đồ ăn dọ nơi trống, hoặc đổ xuống nọớc nào không có côn trùng (sợ nó chết). Quét nhà ăn cho sạch, vị nào thấy nọớc uống, nọớc xài, hoặc nọớc trong nhà xí không có, nên gánh đổ cho đầy, gánh 1 mình không nổi, gọi vị khác tiếp với.

---o0o---

07) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU ẨN TU TRONG RỪNG PHẢI HÀNH (àrannikavatta)

Tỳ-khọu ẩn tu nơi rùng phải thức cho sớm, sửa soạn mang bát vào xóm, mang y vai trái, đóng cửa thất rồi ra đi. Gần đến xóm, nếu có mang dép, phải lột ra gỏ đất cho tử tế, trùm mình cho kín theo phép. Đến khi trở về, nếu ngoài xóm không có nọớc thì ăn trong xóm. Nếu có nọớc ngoài xóm, nên ăn ngoài xóm, rồi rửa bát cho sạch, mang bát và đắp y vai trái, mang dép vào mà đi (đây nói trong rừng vắng vẻ không ai thấy, nếu đi vào xóm thì không nên). Mặc nhọ vậy, trong phải có lót mồ hôi, rồi trở về rừng.

Lại nữa, Tỳ-khọu ở trong rừng phải xách nọớc uống, nọớc xài để dành nếu không có lu, lấy ống tre mà đựng và phải nhúm lửa để dành (ngừa khi hữu sự), có ống quẹt thì không cần, ở rừng hoặc đi đàng xa cũng phải vậy. Nếu có bạn, không có lửa cũng không cần, chỉ có gậy, phải biết xem phọơng họớng (ngừa sự lạc đọờng).

---o0o---

08) NHỮNG VIỆC CỦA TỲ-KHƯU Ở THẤT PHẢI HÀNH (senàsanavatta)

Tỳ-khọu ở chùa, ở thất, nếu dơ phải quét. Khi quét phải lấy y bát để có nơi và đem tọa cụ, chiếu, nệm, giọờng ra ngòai cho tử tế. Nếu trong thất có rác, váng nhện, phải quét ở tên trọớc, vách cửa làm bằng cây có sơn phết, nên rửa chùi cho sạch, đổ rác cho có nơi. Không nên đập quét bụi bay gần thất vị khác, gần nọớc uống, nọớc xài, không nên giũ đập trên gió; đệm có đóng móc phải phơi cho hết rồi đem vào để chỗ cũ. Giẻ chùi chân cũng phải đem phơi, phải chùi giũ giọờng, ghế cho sạch; chiếu gối tọa cụ cũng vậy.

Đem y bát cất cho có nơi, gió thổi bụi vào phía nào đóng cửa phía ấy. Mùa lạnh trọa phải mở cửa, tối phải đóng; mùa nóng khi ngủ mở cửa cho mát. Sân nhà ăn, nhà bếp có rác nhiều phải quét cho sạch. Không có nọớc uống nọớc sài phải gánh cho có, nọớc rửa nhà xí cũng vậy. Trong thất có Tỳ-khọu lớn tuổi, nếu muốn đọc kinh, nói kinh, hoặc làm việc khác (trừ ra mở cửa cái) phải bạch với vị trọởng lão mới nên làm. Bạch 1 lần mà vị cả cho phép, không cần bạch nữa cũng đọợc.

---o0o---

09) CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH Ở NHÀ BẾP (jantaghararavatta)

Tỳ-khọu nào nhóm lữa trong nhà bếp, nếu có vị trọởng lão cấm không cho chất củi nhiều mà chẳng vâng theo thì phạm Tác ác. Không nên đóng cửa nhà bếp và ngồi chờ, nếu không vâng lời thì phạm Tác ác. Vị nào đến nhà bếp trọớc thấy tro nhiều phải hốt đổ . Có rác phải quét cho sạch. Thiếu nọớc phải đổ cho đầy rồi mới nên vào nhà bếp.

Không nên ngồi gần đụng vị trưởng lão; nếu siêng bóp mình cho ngài. Đi ra nên lấy ghế đem ra, đóng cửa trước, sau rồi mới nên đi. Không nên tắm trước vị trưởng lão và tắm phía trên gió; không nên đi trước ngài, nhà bếp dơ phải quét rồi tắt lữa rồi mới nên đi ra.

Phật cho phép hơ mình nếu có bịnh.

---o0o---

10) CÔNG VIỆC PHẢI HÀNH TRONG NHÀ XÍ (vaccakutivatta)

Phật dạy Tỳ-khưu, đi đại tiểu tiện mà không rửa thì phạm Tác ác. Nếu có nước mà không có chỗ kín, thì múc nước đem đến chỗ kín mà rửa. Không có đồ múc phải lấy bát mà múc. Không có bát thì mới gọi là không đồ múc. Nếu nơi ấy trống trải lắm thì đi kiếm nơi kín khác. Đi tới trước mà không có nước, gần đến giờ khuất thực nên kiếm cây mà chùi, rồi đi khất cũng được.

Lại nữa Tỳ-khưu vào nhà xí, không nên câu chấp tôn ti, thượng hạ, câu chấp phạm Tác ác. Phật cho phép ai đến trước vào trước, đến sau vào sau. Đi đến nhà xí phải lên tiếng (tằn hắn hoặc ho). Nếu có ai ở trong phải tằn hắn trả lời. Vào nhà xí phải máng y khuất đà la tăng ở ngoài.

Không nên đi vào lật đật.

Không nên cổi y trước khi vào.

Không nên rặn lớn tiếng.

Không nên đại tiểu tiện và xỉa răng.

Không nên đại tiện hay tiểu tiện ngoài lỗ xí.

Không nên khạc nhổ, hỉ mũi ngoài lỗ xí.

Không nên dùng cây nhọn, cây mục, cây gai, cây có lỗ mà chùi.

Không nên bỏ cây chùi vào lỗ xí, chùi đứng dậy mặc y lại không nên đi ra lật đật.

Không nên chưa mặc y mà đi.

Không nên để dư nước lại trong ống, nếu có uống thuốc xổ để giành nước trong ống thì không sao.

Nhà xí dơ phải quét cho sạch, có nước không có đồ múc, hoặc có đồ múc mà không có nước mới gọi là không có chi. Nếu có giỏ đựng cây chùi thì đem đi đổ. Nhà xí hàng ba, hoặc sân nhà xí dơ, phải quét cho sạch, phải gánh nước để trong nhà xí.

---o0o---

11) BỔN PHẬN TRÕ ĐỐI VỚI THẦY HOÀ THƯỢNG (upajjhàyavatta)

Tỳ-khưu hoặc Sa-di phải giữ cho tròn bổ phận đối với ông thầy hoà thượng. Sớm mai thức dậy, nếu có mang dép lột ra và mặc y chừa vai trái, lấy tăm xỉa răng, nước rửa mặt dâng cho thầy, dọn dẹp chỗ ngủ và chỗ ngồi.

Có cháo phải đem cho thầy dùng: phải dâng và dọn dẹp đồ ăn, phải thủ lễ theo phép (không nên khua chén bát) và dâng nọ́ớc rửa. Thầy muốn đi vào xóm, phải lấy y vai trái, y 2 lớp và dây lọ́ng đem dâng. Thầy muốn cho trò đi theo, trò phải mặc y theo phép và đi theo sau. Không nên đi theo gần hoặc xa lắm, đi vừa cho thầy kêu nói. Bát của thầy đầy cháo hoặc cơm, phải đổi bát cho mình.

Thầy đang nói chuyện không nên nói xía vào. Thầy nói gần phạm lỗi, phải nhắc thầy bằng cách này: "Bạch thầy! Nói vậy có phạm lỗi chăng?" Chẳng nên cãi bằng lời vô lễ. Lúc trở về, trò phải về trọ́ớc dọn dẹp chỗ ngồi, múc nọ́ớc rửa chân, kiếm cây kê để rửa chân. Thầy về đến phải ra rọ́ớc bát, lấy y

đem cho thầy đổi và đem ra hong 1 lát rồi xếp cất; phải xếp vắn 1 lớp, lớp sau xếp cho bằng lại (bìa 1 bên, xếp qua chừa 4 ngón tay, rồi xếp lớp sau cho bằng nhau). Lấy dây lọ́ng xế để vào y vai trái.

Nếu có cơm mà thầy muốn ăn, phải dâng nọ́ớc rồi mới dâng đồ ăn và ngồi xem chừng, ngừa thiếu thốn. Thầy ăn rồi dọn bát cất cho có nơi không nên động khua. Lấy nọ́ớc rửa chùi cho khô, đem phơi 1 lát đừng phơi lâu và đem y, bát cất cho tử tế. Thầy đi ra khỏi rồi dọn dẹp chỗ ăn. Thầy muốn tắm, phải lo cho có sẳn nọ́ớc. Thầy muốn tắm nọ́ớc lạnh phải có nọ́ớc lạnh, nọ́ớc nóngphải có nọ́ớc nóng. Thầy muốn vào nhà bếp, đem ghế cho thầy ngồi, lấy y cất cho có nơi và đi theo vào bếp. Phải đấm bóp cho thầy. Lúc thầy trở ra cũng phải làm y theo phép (xem trong việc nhà bếp). Thầy tắm phải xối nọ́ớc, kỳ cho thầy tắm rồi lấy y dâng lên, chùi lau cho thầy, dâng y cho thầy, lấy ghế đem cất, xem chừng nọ́ớc rửa chân,giẻ chùi chân có sẵn. Nếu muốn học chữ Phạn, phải bạch thầy cho, thất của thầy có rác, phải quét cho sạch.

Thầy buồn muốn hoàn tục, phải khuyên thầy đi chỗ này chỗ nọ cho thầy giải buồn hoặc nói kinh cho thầy nghe. Nếu thầy bất bình phải khuyên lơn thầy, hoặc kiếm Tỳ-khọ́u khác khuyên dùm cũng đọ́ợc. Thầy làm theo tà kiến phải thức tỉnh thầy hoặc cậy các Tỳ-khọ́u khác khuyên dùm. Thầy phạm lỗi nặng (Tăng tàn), bị phạt cấm phòng hoặc phạm lỗi nhỏ, phải lo tính chừng để cho Giáo hội đuổi thầy. Tính cho thầy ở lại, xin Giáo hội phạt tội nhẹ. Nếu Giáo hội phạt rồi nên liệu tính cho thầy hành đạo cho mau đọ́ợc tấn hoá, đừng để cho Giáo hội phạt nữa.

Y dơ thì giặc cho sạch, nhuộm, giủ, chải. Khi nhuộm phải trở qua, trở lại cho đều, phơi phải xem chừng, khô đem cất. Muốn đem y bát hoặc vật gì cho 1 vị nào, hoặc muốn cạo tóc cho ai, đều phải bạch cho thầy hay trọ́ớc. Không nên thọ lãnh y, bát hoặc vật gì của ai mà mình chọ́a bạch cùng thầy hay biết. Không nên theo 1 bên vị nào khác cũng chẳng nên để cho ai theo 1 bên mình. Không nên đem đồ ăn cho ai. Không nên đi theo ai nghịch với thầy mình. Muốn vào xóm phải bạch với thầy, rồi mới nên đi. Không đi lâu. Đi khuất thực, phải bạch với thầy, thầy cho phép mới nên đi.

Những việc nói trên đây, thầy cho phép thì việc chi cũng đọ́ợc, bằng không cho, phải nài nỉ đến 3 lần, thầy cho thì đi bằng không thì thôi. Lại nữa, nếu thầy dốt nát không thông đạo lý, trò muốn học chữ Pali hoặc phép tham thiền mà thầy không biết, chỉ biết ngăn cấm, thầy nhọ́ vậy, dầu có cấm đến đâu, cãi lời cũng đọ́ợc. Thầy đau phải nuôi

cho trọn đời, không nên bỏ thầy. Nếu có vị khác ở nuôi, phải đi kiếm thuốc cho vị ấy, để chữa bịnh cho thầy.

---o0o---

12) BỔN PHẬN CỦA THẦY HÕA THƯỢNG PHẢI Ở CÙNG TRÒ (saddhimvihàrikavatta)

bổn phận của thầy phải đối với trò là phải dạy cho trò học kinh luật, học phép thiền định. Phải thọờng khuyên lơn nhắc nhở trò. Nếu y, bát hoặc các vật dụng nào mà thầy có dọ phải chia cho trò. Phải giúp đở cho trò mau đọợc tấn hoá trên đọờng đạo đức. Trò có bịnh, thầy phải hết lòng chăm nom, y nhọ lúc trò chăm sóc cho thầy vậy. Trừ ra khi đi ra khỏi chùa không cần phải cho trò hay.

---o0o---

13) BỔN PHẬN CỦA TRÕ PHẢI Ở CÙNG VỊ A XÀ LÊ LÀ THẦY NƯƠNG TỰA (àcariyavatta)

Trò phải làm cho tròn bổn phận cùng thầy mà mình nọơng tựa, y theo các mà mình cùng ông thầy hoà thọợng vậy.

---o0o---

14) BỔN PHẬN CỦA VỊ A XÀ LÊ Ở CÙNG TRÒ (Anteväsikavatta)

Ông thầy mà mình nọơng tựa cũng phải ở cùng trò, nhọ hòa thọợng đối với trò vậy.

Trong 14 phép hành kể trên, nếu vị nào không tuân theo, thì phạm điều Tác ác (phạm nhằm 1 điều là 1 tội).

--- o0o ---

UPOSATHA - BỐ-TÁT

Uposatha, Tàu dịch là lễ Phát lồ, nghĩa là: khai cái tội để sám hối. Đức Phật có dạy "Nhọ Lai chế định phải tụng giới bổn trong ngày Uposatha" (anujànàmi bhikkhave Uposatha Pàtimokkha addissilum).

Ngày lễ Uposatha có 3 ngày là: 14 (càtuddasì Uposatha) 23, ngày 15 (pannaràsi Uposatha)24, và ngày Tăng hoà hợp (samaggi Uposatha); Tăng chia rẽ nhau và sự cãi lẽ nhọ chọ Tỳ-khọu trong xứ Kosambi, đến kỳ không làm lễ Uposatha không làm Pavàranà rồi trở lại hoà hảo nhau, định giải hoà trúng ngày nào, ngày ấy gọi là hoà hợp (samaggi Uposatha) rồi làm Uposatha trong ngày ấy.

Lại nữa, nói về ngọời hành lễ Uposatha có 3:

- Tăng Uposatha là từ 4 vị Tỳ-khọu trở lên hội hợp tụng giới bổn. - Nhóm (gana Uposatha) 2, 3 vị Tỳ-khọu tỏ cho nhau biết sự trong sạch của mình. - Ngọời (puggala Uposatha) là 1 vị Tỳ-khọu nguyện sự trong sạch của mình.

Tăng hành lễ Uposatha phải tụng tuyên ngôn Sunàtu me bhante sangho... rồi đọc giới bổn.

2, 3 vị Tỳ-khọu hành lễ Uposatha là khi đến ngày lễ Uposatha là khi đến ngày lễ nhọ có 3 Tỳ-khọu hội hợp nhau, Tỳ-khọu thông hiểu nên tụng tuyên ngôn:

Sunàtu me bhante àyasmanto ajjuposattho catuddaso / pannaraso yadàyas mantànam pattakallam mayam annamannam àrisuddhi uposatham kareyyàma.

Nghĩa là:.

xin các ngài nghe tôi trình. Nay là ngày 14 / 15 ngày là ngày lễ Uposatha, nếu sự đã đến kỳ cho các ngài rồi, chúng ta nên làm Pàrisuddhi Uposatha chung cùng nhau.

Rồi vị cao hạ mặc y chừa vai mặc, ngồi chồm hổm chấp tay, đọc 3 bận tỏ sự trong sạch của mình đến các vị khác rằng "Parisuddho aham àvuso parisuddho ti mam dhàrethi" nghĩa là: Này các ngài, tôi là ngọời trong sạch, xin các ngài nhớ rằng, tôi là ngọời trong sạch.

Vị thấp hạ đọc tiếp 3 bận, tỏ sự trong sạch của mình "Parisuddho aham bhante parisuddho ti mam dhàrethi" (nghĩa nhọ trên).

Nếu chỉ có 2 vị, thì vị cao hạ đọc 3 bận "Parisuddho aham bhante parisuddho ti mam dhàrehi".

Vị thấp hạ đọc tiếp 3 bận "Parisuddho aham bhante parisuddho ti mam dhàretha".

tỏ sự trong sạch của mình Parisuddhi với Tỳ-khọu có 2 cách, là tò với Tỳ- khọu hành lễ Pavàranà rồi và nói với Tỳ-khọu chọa hành lễ Pavàranà.

Tỳ-khọu nhập hạ sau (pacchimikàvassà: nhập hạ ngày 16 tháng 6) nhọng dứt hạ, đến ngày (parisuddhi) với Tỳ-khọu hành lễ pavaranà rồi. rằng:

Parisuddho aham àvuso / bhante Parisuddhotimam dhàretha / dhàrehi

trong các ngày khác, ngoài ngày Pavàranà, Tỳ-khọu trong chùa hành lễ Uposatha dứt rồi, chọa đứng dậy hoặc đã đi ra khỏi chùa rồi, có Tỳ-khọu ở xa lại, số Tỳ-khọu khác bằng nhau hoặc ít hơn số Tỳ-khọu trong chùa, Tỳ- khọu ở phọơng xa ấy nên tỏ sự Parisuddhi với Tỳ-khọu trong chùa đã hành lễ Uposatha rồi, nhọ đã có giải, nhọ thế gọilà Parisuddhi Uposatha.

adhithàna Uposatha là, nếu chỉ có 1 Tỳ-khọu thì nên làm pubba karana (quét tịnh xá, trải đệm, chiếu, đèn, nọớc) rồi ngồi chờ Tỳ-khọu khác phọơng xa đến, nếu chắc không có vị nào đến, nên adhitthàna rằng "Ajjame Uposatha" nghĩa là "Nay là ngày Uposatha của tôi".

Trong kinh, Chú giải dạy addhithàna theo ngày rằng:

Ajja me Uposatha Catuddasati / Pannarasoti adhitthàmi

Nếu đến ngày Uposatha, ngày Pavàranà, Tỳ-khọu không hành lễ Uposatha, không hành lễ Pavàranà, ra khỏi chùa đi đến nơi không có chùa, không có Tỳ-khọu hoặc có Tỳ-khọu mà là nơi không đồng đẳng, phạm Tác ác, trừ ra ở chung với Tăng hoặc có điều nguy hiểm.

Sự phải làm trợớc khi hội hợp (pubbakarana) để hành lễ Uposatha, Pavàranà có 4:

- Quét tịnh xá. - Nếu tối phải đốt đèn. - Dự trữ nợớc, nợớc uống, nợớc rửa.

- Lót trải chiếu, đệm.

Tỳ-khợu trẻ, không bịnh, nếu vị trợởng lão dạy bảo mà không làm pubbakarana ấy phạm Tác ác.

Sự phải làm trợớc khi tụng giới bổn có 5:

- đem lời (channa) của Tỳ-khợu bịnh. - đem parisuddhi Pavàranà của Tỳ-khợu bịnh. - tỏ thời tiết, là mùa này, tên này, ngày Uposatha trong mùa này đã qua rồi đợợc bao nhiêu đây, ngày Uposatha, ngày Uposatha còn lại bao nhiêu đây. - số Tỳ-khợu hội họp hành lễ bây nhiêu đây - dạy bảo Tỳ-khợu ni.

Tỳ-khợu ở trong ranh chùa có bịnh hoặc có đại sự đến hội họp tại tịnh xá không đợợc, đến ngày hành lễ Uposatha phải cho Channa, cho Parisuddhi, đến ngày Pavàranà phải cho Channa, cho Pavàranà đến 1 vị Tỳ-khợu. cách cho Channa ấy để hành lễ Uposatha đợợc thành tựu. Cho nên, sự cho Parisuddhi, cho Pavàranà, cho Channa, nhợng hiện thời nếu ranh tịnh xá nhỏ, Tỳ-khợu ở trong vòng ranh,không xa khỏi hắc (hatthapàsa) với nhau, sự đem Channa, đem Parisuddhi, đem Pavàranà, cũng không cần làm, Tỳ-khợu ni hiện nay cũng không có, cho nên dạy bảo (ovàda) Tỳ-khợu ni cũng không cần. hành lễ Uposatha pavà ranà phải có đủ 4:

1) Phải là ngày Uposatha, ngày Pavàranà (ngày 14, 15, ngày Tăng hoà hợp, 1 trong 3 ngày ấy).

2) Tỳ-khợu nên hành lễ sangha Uposatha, gana Uposatha và sangha Pavàranà, gana Pavàranà đợợc. Các Tỳ-khợu ấy không ngồi xa khỏi hắc (hatthapàsa) cùng nhau, khi hành lễ trong ranh tịnh xá.

3) Không phạm tội giống nhau (sabhàgàpatti) (nhợ Tăng không dùng vật thực sái giờ).

4) Vajjanìya puggala [*] không có trong hắc Tăng.

[*] có 21 hạng nợời : 1. Nợời thế, 2. Tỳ-khợu ni, 3. Thất xoa ma na (sikkhàmana), 4. Sadi, 5. Sadi ni, 6. Nợời đã xả giới hoàn tục, 7. Tỳ-khợu mà Tăng đã cấm không cho ở chung vì không thấy tội (antimavatthu), 8. Tỳ- khợu mà Tăng đã cấm không cho ở chung vì không chịu sám hối, 9. Tỳ-

khợu mà Tăng đã cấm không cho ở chung vì không bỏ kiến thức xấu xa, 10. Bộ nấp, 11. Nợời giả tu, 12. Nợời hành theo ngoại đạo, 13. Thú, 14. Phạm atimavatthu, 15. Nợời giết mẹ, 16. Nợời giết cha, 17. Nợời giết A la hán, 18. Nợời dâm Tỳ-khợu ni, 19. Nợời chia rẽ Tăng, 20. Nợời chích máu Phật, 21. Nợời có 2 bộ sanh thực khí. Nếu có 1 trong 21 hạng này trong hắc Tăng hành sự thì phạm Ợng đối trị.

Uposatha Pavàranà đều đủ 4 chi ấy mới nên hành, mới nên nói: Pattakallam đợợc.

Hành lễ Uposatha có 4 cách:

- theo phe mà không đúng theo pháp - đồng ý nhau mà không đúng theo pháp - theo phe mà đúng theo pháp - đồng ý nhau và đúng theo pháp

Trong 1 chùa, có 4 Tỳ-khọu, đem channa, đem parisuddhi của 1 Tỳ-khọu đi, nhọng 3 Tỳ-khọu hành parisuddhi Uposatha hoặc còn 3 Tỳ-khọu đem channa parisuddhi, đem channa parisuddhi của 1 Tỳ-khọu đi nhọng 2 vị tụng giới bổn nhọ thế gọi là "theo phe mà không đúng theo pháp" (adhammena vaggam).

Nếu 4 vị hội hợp nhau hành Parisuddhi Uposatha hoặc 2 vị hoặc 3 vị đọc giới bổn, nhọ thế gọi là "đồng ý nhau mà không đúng theo pháp" (adhammena saggam).

Nếu 4 vị Tỳ-khọu ở chung chỗ cùng nhau hội hợp tụng giới bổn, có 3 vị hành parisuddhi Uposatha hoặc có 2 vị tỏ parisuddhi với nhau nhọ thế gọi là "đồng ý nhau và đúng theo pháp" (dhammena samaggam), 3 cách trên là điều không nên hành, chỉ nên hành theo thứ 4.

Lại nữa, Tỳ-khọu tụng giới bổn, cố ý làm cho Tăng không nghe đọợc, phạm Tác ác. Không cố ý, không tội. Tỳ-khọu mà vị trọởng lão chọa thỉnh, tung giới bổn giữa Tăng, phạm Tác ác.

Nếu không có 1 trong 10 điều nguy hiểm mà tụng giới bổn tóm tắt, phạm Tác ác.

10 điều nguy hiểm là khi chọ Tỳ-khọu hội họp làm lễ Uposatha có:.

- Đức vua đến
- Bọn coớp đến.
- Lữa cháy đến.
- Noớc lụt đến.
- Nhiều ngoời đến.
- Tinh, ma phá Tỳ-khọu.
- Thú dữ đến.
- Rắn mổ Tỳ-khọu.
- Tỳ-khọu bịnh hoặc tịch.
- Ngoời đến níu kéo hoặc bắt Tỳ-khọu hoàn tục.

Nếu có 1 trong 10 điều nguy hiểm ấy nên tụng giới bổn tóm tắt (là Tỳ-khọu tuyên bố tụng hết điều học Bất cộng trụ ... ). Nếu không có điều nguy hiểm nào, nên tụng cho hết giới bổn, không hành lễ Uposatha phạm Tác ác.

Nếu hành lễ Uposatha ngoài ngày 14, 15 (ngày rằm và 30 hoặc 29 VN, nếu tháng thiếu), ngày Tăng hoà hợp, phạm Tác ác. đức Phật có dạy, tụng ngày Uposatha, vị trọởng lão phải hội trọớc - kinh Chú giải nói, nếu vị trọởng lão không hội trọớc thì phạm Tác ác.
VASSÀ - AN CƠ

Vassà dịch là Hạ hoặc Nhập hạ, nghĩa là chọ vị Tỳ-khọu phải nghỉ trong 1 nơi, không đọợc ra khỏi chỗ ngụ trọớc mặt trời mọc trong 3 tháng mọa (trừ khi hữu sự).

Đức Phật có dạy "Nhơ Lai cho phép nhập hạ trong mùa mơa" (anujànàmi bhijkkhave vassàne vassam upagantum... ). nhập hạ có 22 kỳ:

- Nhập kỳ trơớc (purimikàvassupanàyikà) là nhập hạ ngày 16/6. - Nhập hạ kỳ sau (pacchimikàvassupanàyikà) là nhập hạ ngày 16/7

Đến kỳ nhập hạ nên quét dọn trong ranh chùa. chứa nơớc uống nơớc rửa ... làm lễ Tam bảo xong rồi, nên đọc 3 bận Imasmim vihàre imam temàsam vassam upemi (ta nhập hạ trong nơi này hết 3 tháng) [nếu không có chùa, thì đọc Àvàse thế chữ Vihàre].

Nếu Tăng đã định (nhơng quên không đọc câu kinh nhập hạ) ở trong chỗ của Tăng mà mình đã xin rồi cũng gọi là nhập hạ chơn chánh. Đến ngày mà không muốn nhập hạ, cố ý đi đến chỗ này nơi kia, phạm Tác ác.

Nếu nhập hạ không có chỗ ở hoặc chỗ ở không có dừng che lợp, không có cửa đóng kín phạm Tác ác.

Nếu đã nhập hạ rồi mà đi khỏi chỗ ở trơớc mặt trời mọc, phạm Tác ác -- Trừ ra các hữu sự đơợc phép đi 7 ngày thì không phạm tội.

Trong khi nhập hạ nếu có 7 hạng ngơời: Tỳ-khơu, Tỳ-khơu ni, Sikkhamànà (Thức xóa ma na), Sa-di, Sa-di ni, cha, mẹ hữu sự cho hay hoặc không cho hay, Tỳ-khơu đươc phép đi ra khỏi chỗ nhập hạ trong khoảng 7 ngày. Nếu đi quá ngày thứ 8, mặt trời mọc lên, phạm Tác ác.

Ngoài 7 hạng ngơời kể trên, nếu có cơ sĩ hữu sự muốn làm phơớc cho ngơời đến thỉnh Tỳ-khơu cũng đơợc phép đi 7 ngày, bằng họ không thỉnh, không nên đi.

Cách thức đi trong khoảng 7 ngày(sattàhakicca) ấy nhơ vầy:.

Tỳ-khơu hoặc Sa-di trong hạ trơớc khi đi ra đơờng xa phải nguyện: "Ta sẽ trở về trong khoảng 7 ngày" nhơ thế rồi đi, không cần phải đọc Pali cũng đơợc. Nếu muốn đọc Pali cho chắn chắn,c àng thêm tốt, song nên đối trơớc 1 Tỳ-khơu hoặc 2, 3 vị hoặc giữa Tăng mà đọc hay là đọc trơớc "kim thân" hoặc xá lợi Phật cũng đơợc. Phải đọc nhơ vầy:

"Sace me amtaràyyo natthi, sattàhabbhantare aham puna nivattisàmi". "Dutiyampi... ". "Tatiyampi...

Nghĩa là "Nếu không có sự rủi ro đến tôi, tôi sẽ trở về trong khoảng 7 ngày"; "Lần thứ nhì..."; "Lần thứ ba... ".

Sattàhakicca ấy có 2 cách là:

1) Nhập hạ đơợc 1 hay 2 ngày hoặc trong ngày mới nhập hạ ấy, đã nhập từ buổi chiều cho đến rạng đông, trtơớc khi mặt trời mọc, nếu có việc thì đơợc phép đi trong khoảng 7 ngày, khi đi rồi đã làm xong việc của mình hết 6 ngày, cần phải trở về cho kịp trơớc khi mặt trời mọc ngày thứ 7.

Phải tính ngày, đi ra là 1 ngày, rồi trở về chỗ nhập hạ cho kịp trong buổi tối trơớc mặt trời mọc, nghĩa là mặt trời mọc lên thì kể là ngảy thứ 7. Nếu mới

nhập hạ trong buổi chiều rồi,nguyện đi liền thì không nên, phải chờ đến gần sáng mới đi đoợc nhoị thế gọi là "việc phải làm trong khoảng 7 ngày thứ nhất" (pathamasattàha).

2) Còn 7 ngày nữa ra hạ, là ngày mùng 9 tháng 9 25 hoặc mùng 9 tháng 10 26, nếu có việc thì đoợc phép đi trong 7 ngày; nhoing phải nguyện trở lại cho kịp trong khoảng 7 ngày. đi rồi có thể làm xong công việc trong không 7 ngày, sẽ làm Pavàranà chung với Tỳ-khoiu nơi chùa khác gần đó cũng đoợc, không cần phải trở về, cũng không đứt hạ. Nhoing troớc, không nên nguyện rằng "Ta sẽ không trở về" nhoị thế đứt hạ, từ khi đi ra khỏi chùa đến boớc thứ 2, nhoị thế gọi là "Việc phải làm trong khoảng 7 ngày cuối cùng".

Kinh Chú giải có nói rõ rằng "Navamito patthàya gantum vattati, àgacchatu và, magacchatu và, anàpatti na dukkatàraho và hoti".

Nghĩa là: "Nếu chỉ còn 7 ngày nữa sẽ ra hạ Tỳ-khoiu có việc nguyện đi trong 7 ngày, nếu không cò thể đoợc không trở về cũng không sao, không phạm Tác ác."

Nguyên nhân đứt hạ, nhoing không phạm tội có 4:

- Tăng chia rẽ nhau.
- Choị Tỳ-khoiu muốn chia rẽ Tăng.
- Có sự rủi ro đến sanh mạng;
- Có sự rủi ro đến phạm hạnh.

Lại nữa, nếu nhập hạ có thú dữ, khó đi khất thực, kẻ coớp hoặc ma quỉ phá hại, hoặc chỗ ở bị lửa cháy noớc lụt, hoặc khó nuôi sanh mạng, thiếu thuốc ngừa bịnh, thiếu ngoời hộ độ, đoợc phép đi ra khỏi nơi ấy không phạm giới, nhoing đứt hạ. Nếu có phụ nữ trêu ghẹo, có ngoời xin gả con, có thể làm cho hoị phạm hạnh, bỏ đi khỏi chỗ ấy, không phạm tội.

Lại nữa, nếu thấy hoặc nghe tin có Tỳ-khoiu chia rẽ Tăng, cố ý chia rẽ Tăng, mình tính đi đến có thể hoà giải đoợc, bỏ đi nhoị thế cũng vô tội, nhoing đứt hạ.

Nếu có thí chủ thỉnh nhập hạ 3 tháng, mình đã nhận chịu rồi mà lại bỏ đi, phạm Tác ác, hoặc có Tỳ-khoiu rủ nhập hạ cùng nhau để học Pali trong 1 chỗ, đã oing thuận rồi bỏ đi, phạm Tác ác.

Lại nữa, câu "Imasmim vihàre imam temàsam vassam upemi" để đọc nhập hạ ấy, không phải là Phật ngôn, chỉ là lời chú giải của các A la hán. Cho nên Tỳ-khoiu nếu tâm đã quyết định nhập hạ rồi không cần đọc câu Pali ấy cũng đoợc. Phải nên phân ranh chỗ nhập hạ và nên biết mặt trời: mặt trời đỏ đã mọc rồi, nếu phải ra khỏi chùa thì phải vào cho kịp troớc khi có ánh sáng đỏ mặt trời. PAVÀRANÀ - TỰ tứ

Pavàranà dịch là Tự Tứ, là sau khi đã nhập hạ 3 tháng (từ 16 tháng 6 đến rằm tháng 9), choị vị Tỳ-khoiu nhóm lại mà tỏ tội cùng nhau.

Đức Phật có dạy "Nhoị Lai cho phép Tỳ-khoiu đã nhập hạ 3 mãn mùa moịa rồi phải hành lễ Pavàranà theo 3 điều:

- Vì đoợc thấy; - Vì đoợc nghe; - Vì đoợc nghi."

Pavàranà là sự tỏ cho nhau, thức tỉnh cho nhau, cho khỏi phạm tội để làm goơng cho nhau và cho kẻ hậu lai noi theo.

Choợ Tỳ-khoợu nên hành lễ Pavàranà nhoợ vầy: cho Tỳ-khoợu thông hiểu tuyên bố cho Tăng biết rằng:

Sunatume bhante sangho ajja pavàranà. Pannarasì / Catuddasì yadi sanghassa pattakallam sangho pavàreyya.

(Bạch đại đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình, ngày nay là ngày Pavàranà 15 / 14 nếu lễ Pavàranà đến kỳ cho choợ Tăng, choợ Tăng nên hành lễ Pavàranà.).

Rồi vị troợởng lão nên mặc y chừa vai một bên ngồi chồm hổm chấp tay đọc:

Sangham àvuso pavàremi ditthena và sutena và parisankàya và vadantu mamàyasmanto anukampam upadàya passanto patikarissàmi. Dutiyampi... Tatiyampi...

Nghiã:

Này Ngài, tôi xin Pavàranà với Tăng nếu có thấy, nghe hoặc nghi, xin các ngài đem lòng tiếp độ thức tỉnh tôi, khi đoợc biết tôi sẽ hành theo. lần thứ nhì... lần thứ ba...

Rồi vị thấp hạ đọc:

Sangham bhante pavàremi ditthena và sutena và parisankàya và vadantu mamàyasmanto anukampam upadàya passanto patikarissàmi. Dutiyampi... Tatiyampi...

Nhoợ thế gọi là lễ Pavàranà.

Ngày Pavàranà có 3: ngày rằm, 30 hoặc 29 tháng thiếu, và ngày choợ Tăng hòa hợp (samaggi).

Nếu nhập hạ kỳ troợớc phải hành lễ Pavàranà trong ngày rằm tháng 9, nhập hạ kỳ sau phải hành lễ Pavàranà trong ngày rằm tháng 10, nhoợ đã có giải trong lễ Uposatha.

Lại nữa Pavàranà nói về ngoợời hành có 3:

- Tăng Pavàranà. - Gana Pavàranà. - Puggala Pavàranà.

Tỳ-khoợu từ 5 vị trở lên gọi là Sangha (Tăng) Pavàranà, nêu hành trì nhoợ đã có giải troợớc. Tỳ-khoợu 2, 3, 4 vị gọi là Gana Pavàranà. Nếu có 3 hay 4 vị, nên cho vị thông hiểu tụng tuyên ngôn:

Sunàtume ayasmamto ajja pavàranà pannarasì / catuddasì yadàyasmantànam pattakallam mayam annamannam pavàreyyàma,.

Rồi vị cao hạ nên mặc y chừa vai 1 bên ngồi chồm hổm chấp tay troợớc mặt các vị khác đọc:

Aham àvuso àyasmanto pavàremi ... patikarissàmi. Dutiyampi... Tatiyampi...

Rồi vị thấp hạ đọc:

Aham bhante (àyasmanto) pavàremi ... patikarissàmi. Dutiyampi... Tatiyampi...

Nếu chỉ có 2 vị, không nên đọc tụng tuyên ngôn, hội họp nhau rồi vị cao hạ nên mặc y chừa vai 1 bên ngồi chồm hổm chấp tay trợớc mặt các vị thấp hạ đọc:

Aham àvuso àyasmantam pavàremi vadamtumam ayasmà... patikarissàmi. Dutiyampi... Tatiyampi...

Vị thấp hạ đọc:

Aham bhante...

Nhợ thế gọi là Gana Uposatha.

Nếu có 1 vị, khi đến ngày Pavàranà nên hành Adhitthàna rằng:

Ajja me pavàranà.

Trong kinh Chú giải dạy rằng: phải để thêm ngày nhợ vầy:

Ajja me avàranà catuddasì / pannarasì adhitthàmi.

Nhợ thế gọi là Puggala Pavàranà.

Trong kỳ lễ Pavàranà có nhiều vị, không nên đọc Pavàranà chung cùng nhau, phải đọc mỗi vị 3 bận, trừ ra có duyên cớ nhợ: thí chủ đợơng bố thí, Tỳ-khợu đợơng nghe pháp, đêm gần tàn hành Pavàranà, mỗi vị 3 bận không kịp, hoặc 10 điều nguy hiểm, không thể hành Pavàranà, mỗi vị đọc 3 bận không kịp, thì đọc mỗi vị 2 bận, nếu mỗi vị đọc 2 bận không kịp, thì đọc mỗi vị 1 bận, nếu mỗi vị đọc 1 bận không kịp, thì đọc chung cùng nhau với những vị đã nhập hạ chung một kỳ, nhợng phải tụng tuyên ngôn trợớc nhợ vầy:

Sunàtu me bhante sanghoayam brahma cariyantaràyo sace sangho tevàcikam pavàressati appavàrito và sangho bhavissati yadi sanghassa pattakallam sangho (devàcikam) ekavàcikam (samà navassikam) pavàreyya.

Đọc xong rồi nên Pavàranà nhợ trợớc.

Nghĩa là:

Bạch đại đức Tăng, xin Tăng nghe tôi trình, ấy là điều nguy hiểm đến phạm hạnh, nếu Tăng pavàranà 3 bận chắc không kịp, điều nguy hiểm đến phạm hạnh ấy ắt sẽ phát sanh lên không sai. Nếu Tăng sự vừa đến Tăng rồi, Tăng nên Pavàranà (2 bận), (1 bận) cho Tỳ-khợu nhập hạ chung 1 kỳ nhau đều Pavàranà chung cùng nhau (samànavassikà Pavàranà).

---o0o---

VẬT DÙNG THEO THỜI (Kàlika).

Vật dùng theo thời có 4:

- Vật để dùng trong buổi sáng (yàvakàlika).
- Vật để dùng trong 1 ngày, 1 đêm (yàmakàlika).
- Vật để dùng trong 7 ngày (sattàhakàlika).
- Vật để dùng cho đến hết (yàvajìvika).

I. YÀVAJIVÌKA

Giải về yàvajìvika trợớc cho dễ bề phâm biệt.

Đức Phật cho phép dùng 5 thứ thuốc.

- Rễ cây
- Nợớc cốt cây.
- Lá cây
- Trái cây
- Nợớc nhựa cây, trái, múi, và bông, vỏ cây.

Các món ấy đều là vật để dùng cho đến hết. đã thọ các vật ấy, khi có bịnh đem ra dùng, đợợc phép cất giữ cho đến hết. không bịnh mà dùng, phạm Tác ác.

(Tanipatiggahetvà yàvajìvam pariharitum satipaccaye paribhunnitum asatipaccaye paribhunnatassa àpatti dukkatassa).

---o0o---

II. YÀVAKÀLIKA

5 món ăn: cơm, bánh sốt, bánh nguội, cá, thịt gọi là bhojana (vật thực).

Ngoài bhojana, yàvajìvika, sattàhakalika và yàvajìvika ra, các món ăn khác gọi là vật nhai ăn (khàdanìya) các thứ bánh làm bằng gạo, nếp, đậu, mè không cần phải kể, dầu là rễ cây, khoai, củ, cộng, đọt lá, vỏ, bông, trái... cũng đều gọi là khàdanìya

Tóm lại, vật để làm thuốc gọi là yàvajìvika, vật ăn không gọi là yàvajìvika đợợc.

Vỏ mía còn vị ngọt gọi là món ăn, ngòai ra các thứ vỏ cây khác đều thuộc về yàvajìvika cả.

Các thứ lá nhợ lá khoai, lá đậu, lá cải, lá xoài không gọi là thuốc đợợc. Các thứ bông cũng vậy.

Các thứ trái nhợ: mít, sa kê, thốt nốt, dừa, xoài và những trái khác dùng để làm món ăn không gọi là yàvajìvika đợợc, các thứ hột cũng vậy.

Bột làm bằng 7 thứ mể, đậu, mè, mít, sa kê đều là vật vật thực. Các thứ nợớc nhựa, chỉ nợớc mía là vật sattàhakàlika, ngoài ra đều là món thuốc, đợợc phép để dùng cho đến hết.

5 thứ bhojana và các món khàdaniya là vật chỉ đợợc phép để dùng, từ khi mặt trời mọc cho đến đúng ngọ, dùng ngoài giờ ấy phạm Ợng xả đối trị. Thọ lãnh để dành qua ngày sau cũng phạm Ợng xả đối trị.

---o0o---

III. YÀMAKÀLIKA

Có 8 thứ nọ́ớc:

- nọ́ớc làm bằng xoài sống hoặc chín (ambapànam).
- nọ́ớc làm bằng trái diêm phù (jambupànam).
- nọ́ớc làm bằng chuối có hột (pocapànam).
- nọ́ớc làm bằng chuối không hột (mocapànam).
- nọ́ớc làm bằng trái cà na (madhupànam).
- nọ́ớc làm bằng trái thị hoặc trái nho (muddikàpànam).
- nọ́ớc làm bằng rễ cây hoặc ngó sen (sàlukapànam).
- nọ́ớc làm bằng trái nhãn, chôm chôm (phàtùsa kapànam).

8 thứ nọ́ớc làm bằng trái cây ấy gọi là vật chỉ đọ́ợc phép chỉ dùng trong 1 ngày 1 đêm.

Giải về các làm nọ́ớc bằng trái xoài: Nên để xoài vào trong nọ́ớc rồi đâm, xong đem ra phơi nắng cho chín, lọ́ợc lấy nọ́ớc, thêm mật ong hoặc đọ́ờng vào rồi dùng. Nếu tự mình làm thì chỉ đọ́ợc dùng trong buổi sáng. Ngọ́ời chọ́a tu lên bậc trên làm, đọ́ợc phép để đến 1 ngày 1 đêm, nếu đem dùng chung với cơm cũng đọ́ợc nhọ́ng không nên để quá ngọ.

Các thứ nọ́ớc trái cây khác cũng làm nhọ́ thế. Không nên nấu (phơi nắng cho chìn thì đọ́ợc). Đức Phật có dạy "Nhọ́ Lai cho phép dùng vị các thứ trái cây trừ ra 7 thứ mể. Nhọ́ Lai cho phép dùng vị của các thứ lá cây, trừ ra các lá để ăn và luộc chín. Nhọ́ Lai cho phép dùng vị của các thứ bông cây, trừ ra bông cà na. Nhọ́ Lai cho phép dùng vị của nọ́ớc mía ròng (anu... sabbam phalarasam thapetvà dhannaha lasaram - anu... sabbam pattarasam thapetvà dàkarasam - anu... sabbam puppharasam thapetvà madhuka puppharasam - anu... ucchurasam).

Các thứ lá cây đều để thuốc về vật để dùng cho đến hết. Nếu làm cho chín, chung lộn với vật nào, chỉ đọ́ợc phép để dùng theo vật ấy (vật ăn buổi sáng, vật dùng, 1 ngày, 1 đêm, hoặc vật dùng trong 7 ngày). Nấu với nọ́ớc lã thì thuộc về vị thuốc. Các thứ lá sống hoặc luộc chín là vật ăn chung trong bữa cơm. Lá vò với nọ́ớc mát, hoặc phơi nắng cho chín để làm thuốc cũng nên. Các thứ bông, trừ ra bông cà na, nên làm thuốc đọ́ợc cả.

Các yàmakàlika, nếu thọ rồi để dùng quá 1 ngày 1 đêm, đến mặt trời mọc, phạm Tác ác.

---o0o---

IV. SATTÀHAKÀLIKA

Sữa lỏng (sappi), sữa đặc (navanitam), dầu (telam), mật ong (madhu), nọ́ớc mía (phànitam) đều là vật để dùng đến 7 ngày. Đến ngày thứ 8 mặt trời mọc lên, phạm Ọ́ng xả đối trị, ăn vào, phạm Tác ác.

Sữa bò, sữa dê, sữa trâu, các thứ thịt của loài thú mà đức Phật không cấm [*], sữa của loài thú ấy gọi là sữa; về phần mỡ cũng vậy.

[*] 10 thứ thịt cấm: thịt ngoời, voi, ngựa, soị tử, cọp, beo, gấu, chó, rắn, chó sói.

Sữa bò, sữa dê, sữa trâu,... gọi là sữa toợi (khìram). Sữa ấy để lâu, đến chua gọi là sữa chua (dadhi) [cũng gọi là sữa đặc, sữa lỏng]. Bơ đặc ấy họ thắng lại nữa gọi là bơ lỏng (sappi).

Sữa toợi, chua, dầu thuộc về yàmakàlika, là vật dùng trong buổi sáng. Sữa đặc, bơ lỏng là món để dùng đến 7 ngày (sattàhalika).

Dầu, mật ong, noợc mía, sữa đặc, sữa lỏng mà Tỳ-khoợu đã thọ trong buổi sáng dùng làm vật ăn đoợc, nhoợng quá ngọ rồi, không nên. Nếu để dùng ngoài buổi ăn sáng, đoợc cất đến 7 ngày, quá 7 ngày thì phạm Oợng xả đối trị, kể theo mỗi vật và đồ đựng.

Dầu mè, dầu đu đủ, dầu cà na là vật ăn buổi sáng. Các thứ dầu khác nhoị dầu hột cải đều thuộc về yàmakàlika.

Thọ lãnh dầu mè, buổi sáng, ăn chung trong buổi cơm cũng đoợc, nhoợng quá ngọ rồi, không nên dùng ngoài bữa ăn, đoợc cất đến 7 ngày, để làm thuốc đoợc phép dùng cho đến hết. Dầu có lộn chút ít noợc, hoặc hâm nóng, chỉ nên dùng trong buổi sáng. Thọ dầu chung với vật thực cũng vậy, dùng để ngoài da, đoợc phép thoa cho đến hết.

Thọ hột mè, hột đu đủ, làm dầu trong ngày. Nếu qua ngày thứ 2 mới thắng dầu, đoợc dùng đến 6 ngày, thắng trong ngày thứ 3, thứ 4 hoặc thứ 6, nên để đến 5, 4 hoặc 2 ngày. Làm trong ngày thứ 7 chỉ đoợc dùng trong ngày ấy thôi.

Thọ hột mè, hột đu đủ để quá 7 ngày, phạm Tác ác.

Thọ dầu dừa, dầu hột cải và các thứ dầu khác, thứ dầu không có kể trong Pali, để quá 7 ngày, phạm Tác ác; khác nhau với dầu có nói trong Pali.

Thọ mỡ trong buổi sáng, thắng trong buổi sáng, dùng ngoài bữa ăn, đoợc phép để đến 7 ngày. Thọ sái giờ thắng loợc sái giờ, đem dùng, phạm 3 tội Tác ác. Thọ trong giờ, thắng loợc sái giờ, đem dùng, phạm 3 tội Tác ác. thọ trong giờ, thắng trong giờ, loợc ngoài giờ, đem dùng, phạm 1 tội Tác ác. Thọ trong giờ, thắng trong giờ, loợc trong giờ, không phạm tội.

Thọ trong giờ đem dùng với cơm cũng nên (không đoợc để quá ngọ). Thọ sái giờ chỉ nên dùng ngoài bữa cơm và đoợc phép để đến 7 ngày. Quá 7 ngày, phạm Oợng xả đối trị.

Thọ noợc mía (sống hoặc chín) không lộn với xát (cái) đoợc phép dùng nhoị mật ong.

Thọ đoờng thẻ, đoờng tán, đoờng phèn làm bằng noợc mía, mà họ dâng trong buổi sáng đem dùng với cơm cũng nên. tự mình là chỉ dùng đoợc ngoài buổi sáng. các thứ đoờng ấy là vật sattàhakàlika, dầu có bịnh hoặc không cũng dùng đoợc đến 7 ngày.

Đức Phật cho phép:

- đối với ngoời bịnh.
- đối với ngoời.
- đối với thì giờ.

- đối với dịp.
- đối với xứ.
- đối với mỡ.
- đối với vị thuốc.

Đối với ngọời có bịnh nhọ: Ngài đã cho phép Tỳ-khọu ni ma nhập đọợc ăn thịt tọơi, máu tọơi (trừ ra thịt ngọời), ăn trong buổi sáng hoặc buổi chiều cũng đọợc.

Cho phép đối với ngọời, nhọ: ngọời ăn hay ợ cơm trở ra khỏi cổ, rồi nuốt vào không phạm tội.

Cho phép đối với thì giờ, nhọ: Tỳ-khọu bị rắn cắn đọợc phép dùng 4 thứ thuốc: nọớc tiểu, phẩn, tro, đất, nếu không có ai dâng, tự mình lấy dùng cũng nên.

Cho phép đối với dịp, nhọ: cho phép Tỳ-khọu dùng vật thực nhiều vị trong khi có dịp, ngoài ra không nên dùng.

Cho phép đối với xứ, nhọ: cho Tỳ-khọu ngoài xứ Trung Ấn độ, từ 5 vị trở lên đọợc phép truyền Tỳ-khọu giới.

Cho phép Tỳ-khọu thọ mỡ: thắng, lọợc trong giờ, chỉ nên dùng mỡ lỏng. cho phép cần dùng mỡ lỏng làm bằng các thứ mỡ của loài thú.

Cho phép đối với thuốc, nhọ: sữa lỏng, sữa đặc, dầu, mật ong, nọớc mía, mà Tỳ-khọu đã thọ rồi đọợc phép dùng tuỳ thích trong buổi sáng ngày ấy. Quá ngọ, nếu có bịnh nên dùng đến 7 ngày, nhọng các thứ đọờng cứng (đọờng thẻ, đọờng sắc, đọờng om, đọờng tán, đọờng phèn) nếu có bịnh thì đọợc phép nhai, không bịnh nên dùng chung với nọớc. Cả 5 thứ thuốc ấy, dùng đến 7 ngày, còn dọ nên cho đến ngọời khác hoặc để thoa bó cũng đọợc.

Giải về: Yavakàlika, yàmakàlika; sattahakàlika và yàvajìvika, để lộn chung cùng nhau rằng.

"Yàvakàlikena bhikkhave yàmakàlikam tadahu patiggahitam... sattàhàkàli kantenakappati".

nghĩa là: "Này các Tỳ-khọu! Yàmakàlika sattàhakàlika, yàvajivika, 1 trong 3 vật ấy mà Tỳ-khọu thọ kãnh chung với yàvakàlika, chỉ nên dùng trong buổi sáng ấy, quá ngọ rồi thôi". Thọ 1 trong 2 vật sattàhakàlika và yavajivika, chung với yàmakàlika, chỉ nên dùng trong 1 ngày, 1 đêm thôi. Thọ "yàvejivika" chung với "sattàhakàlika", chỉ nên để đến 7 ngày; qua ngày thứ 8 cho đế ngọời khác ấy là nói về vật có lộn chung cùng nhau.

Nếu thọ 1 trong 8 thứ nọớc yàmakàlika chung lộn với dừa, lấy dừa ra 8 thứ nọớc yàmakàlika dùng ngoài giờ đọợc. Thọ sữa cục với cơm nguội, lkấy sữa ra cất dùng đến 7 ngày cũng nên; mật ong đọờngcũng vậy.

Vật yàmakàlika, sattàhakàlika và yàvajivika trộn lộn với vật thực, nếu có thể lấy ra làm cho thật sạch để dùng theo thời đều đọợc cả. không sạch, không nên cất giữ.

Tỳ-khoṇu không nên nấu noṇớng vật thực mà đoṇợc phép hâm nóng những vật đã chín sẳn. Thí chủ họ dâng cháo nóng, có bỏ hành tỏi, gừng... Tỳ-khoṇu không nên đem khuấy cho chín, tính làm cho nguội đoṇợc, dầu cơm còn ngòi không nên tính đậy cho chín, đậy cho nóng đoṇợc, nếu vật đã chín sẵm đem hâm lại không sao.

--- o0o ---

GIẢI VỀ CÁCH THỨC ADHITTHÀNA

Y nên adhitthàna [*] có 7 thứ.

- Tam y (ticìvara).
- Y tắm moṇa (vàsikasàtikà).
- Y lót ngồi (nisìdanam).
- Y lót nằm (paccattharanam).
- Y rịt ghẻ (kandupaticchàdi).
- Y lau mặt (muhkamunchana colam).
- Các thứ phụ tùng nhỏ nhoṇ vải loṇợc noṇớc, áo bát, đẩy (parikkharacolam).

Cả 7 thứ y đều là vật nên adhitthànatheo tên.

[*] Tam y đã adhitthàna rồi đi vào xóm khỏi đem theo năm điều: 1. Tỳ- khoṇu có bịnh, 2. Trong 4 tháng moṇa, 3. Đi qua sông, 4. Chỗ ở cửa có khoá kín, 5. Có thọ lễ dâng y .

Đức Phật dạy phải adhitthàna tam y, không cho gởi adhitthàna y tắm moṇa đến 4 tháng, hết 4 tháng moṇa rồi phải gởi, adhitthàna vải rịt ghẻ, cho đến khi hết ghẻ rồi gở, adhitthàna y lau mặt không cho gởi, adhitthàna các thứ y phụ tùng, không cho gởi.

Tam y là: y 2 lớp để đắp trùm (sanghàti), y vai trái (uttarasanga), y nội để mặc (antaravàsaka). Ba y ấy phải cắt, may làm cho đúng phép rồi nhuộm cho có màu, làm dấu (bindukappa) rồi mới nên nguyện đặt tên (adhithàna), không cắt không nên mặc, vì đức Phật có dạy "Màbhikkhave acchinnakàni cìvaràni dhà -- retabbàni". Chẳng nên mặc y cà-sa không cắt, Tỳ-khoṇu nào dùng ca-sa không cắt, phạm Tác ác.

Tam y, dầu cắt cho lớn rộng đến đâu đến đâu cũng phải nhỏ hơn y của Phật mới nên. Nhỏ hơn hết là: y 2 lớp và y vai trái, bề dài 4 hắc và 1 bàn tay, bề ngang dầu 2 hắc cũng đoṇợc. lớn hoặc nhỏ hơnkiểu ấy không nên là nguyện là ca-sa.

Khi đã cắt may, nhuộm xong nên:

1) Làm dấu y, nên dùng 1 trong 3 màu (đem, xanh, sám tro, hoặc bùn) vẽ vòng tròn bằng mắt ngỗng, đọc "imam bindukappam karomi" rồi adhitthàna.

2) Adhitthàna có 2 cách: adhitthàna bằng thân và bằng khẩu.

Nếu y 2 lớp cũ, nên đọc xả adhitthàna rằng "imam sanghàtim paccuddharàmi: tôi xả y 2 lớp này" lấy tay cầm y 2 lớp hoặc để trên mình đọc trong tâm rằng "imam sanghàtim adhitthàna" (tôi adhitthàna y hai lớp này) nhoṇ thế gọi là adhitthànabằng thân.

Adhitthànabằng khẩu thì đọc "imam sanghàtim adhitthàmi". adhitthàna bằng khẩu có 2 cách:

1. trong hắc 2. Ngoài hắc.

Nếu ở trong hắc, đọc "imam sanghàtim adhitthàmi". Y ở ngoài hắc để trong phòng, trong chùa, phải nhớ đến chỗ để y, rồi đọc "etam sanghatim adhitthàmi".

Các y khác cũng làm nhơ thế, chỉ nên đổi tên thôi.

Đọc xả y ở trong hắc:

Imam / Etam [*] uttaràsangam paccuddharàmi antaravàsakam paccuddharàmi

Đọc adhitthàna:

Imam / Etam [*] Uttarasangam adhitthàmi, Antaravàsakam adhitthàmi, Vassika sàtikam adhitthàmi, imam paccattharanam adhitthàmi, etam kandupatticchàdi adhitthàmi, mukhamunchanacolam adhitthàmi, parikkhàracolam adhitthàmi

nếu adhitthàna tam y làm phụ tùng, đọc:

Imam / Etam [*] cìvaram parikkhàracolam adhitthàmi

nếu adhitthàna nhiều y chung cùng nhau đọc:

Imam / Etam [*] cìvaràni parikkhàracolam adhitthàmi

nếu adhitthàna patta thì đọc:

Imam pattam adhitthàmi

[*] Y để trong hắc (hathapàsa) đọc: "Imam"; Y để ngoài hắc (hathapàsa) đọc: "Etam".

---o0o---

GIẢI VỀ CÁCH GỞI Y DƯ (Vikappa)

Đức Phật dạy:

"Anujànàmi bhikkhave atirekacìvaram vikappetum. anu... àyàmenaatthangulamsu gatam gulena caturangulavitthatam pacchimam cìvaram vikappetum."

Này các Tỳ-khơu! Nhơ Lai dạy phải gởi y dơ -- Nhơ Lai dạy phải gởi y pacchimacìvara là y nhỏ hơn hết bề dài 8 ngón tay, bề ngang 4 ngón tay (ngón tay của đức Phật).

Y tắm mơa, vải rịt ghẻ, khi đã hết kỳ adhitthàna rồi nên gởi bằng 2 cách: gởi trơớc mặt, gởi khuất mặt.

1) gởi y trơớc mặt 2 cách:

a. Trong hắc đọc:

Imam cìvaram tuyham vikappemi Imàni cìvaràni tuyham vikappemi (nhiều y).

b. Ngoài hắc đọc:

Etam cìvaram tuyham vikappemi Etàni cìvaràni tuyham vikappemi (nhiều y).

đọc gởi trơớc mặt 1 vị Tỳ-khơu, rồi cất y cũng đơợc.

Nếu đem ra mặc, xả hoặc adhitthàna không nên. Khi ngọời chịu gởi đọc:

Imam cìvaram mayham santakam Imàni cìvaràni mayham santakam (nhiều y).

Paribhunjavàvisajjehivà yathàpaccayamvàkarohi Ngài lấy dùng, hoặc xả hoặc làm theo việc cần dùng của tôi.

Đọc xả nhọ thế rồi đem dùng mặc, đắp cũng nên.

2) Gởi y để khuất mặt

Gần, đọc:

Imam cìvaram tuyham vikappanatthàyadammi Imàni cìvaràni tuyham vikappanatthàyadammi (nhiều y).

Tôi gởi y này đến ngài.

Xa, đọc:

Etam cìvaram tuyham vikappanatthàyadammi Etàni cìvaràni tuyham vikappanatthàyadammi (nhiều y).

đọc gởi trọớc mặt 1 vị Tỳ-khọu, Tỳ-khọu chịu lãnh gởi nên hỏi chủ y rằng "Ngọời xuất gia nào thân thiết hay gần gủi với ngài?" Chủ gởi y, tùy thích nói: "Ngài Tissa (hoặc Sa-di Tissa) là ngọời thân thiết với tôi". Vị chịu lãnh gởi nói "aham tissabhikkhudammi" hoặc "aham tissassasàmanerassa dammi" theo tên mà Tỳ-khọu xin gởi ấy. nhọ thế gọi là khuất mặt, rồi cất giữ nhọ thế ấy cũng đọợc. Khi Tỳ-khọu dùm chịu lãnh gởi ấy đọc "tissassabhikkhuno santakam paribhunjavàvisajjehivà yathàpaccayam và karohi" nhọ đã có giải trong cách gởi trọớc mặt, điều thứ 2 ấy rồi, mới gọi là xả, khi đã xả rồi, đem y ra mặc đều đọợc cả.

Vấn -- Gởi trọớc mặt và khuất mặt, khác nhau nhọ thế nào?

Đáp -- Trong cách gởi trọớc mặt ấy, tự mình nhờ ngọời khác gởi xả. Trong cách gởi khuất mặt, nhờ ngọời khác gởi cho, nhờ ngọời khác xả cho, khác nhau nhọ thế ấy. Nếu đã gởi đến ngọời nào, ngọời ấy không thông hiểu các xả, nên đem y ấy gởi cho Tỳ-khọu thông hiểu, rồi nhờ vị ấy xả, mới nên. Ngọời chủ đem y ấy adhitthàna theo tên rồi dùng, dầu quá 10 ngày, cũng không phạm tội, ấy là adhitthàna và vikappa y dọ trọớc 10 ngày, nếu để quá 10 ngày, phạm Ọng xả đối trị theo điều học "lễ dâng y lần thứ nhất" (pathamakathina sikkhàpada).

---o0o---

GIẢI VỀ CÁCH ĐỨT ADHITTHÀNA

y đã adhitthàna theo tên, nhọ đã có giải, đứt adhitthàna do 9 điều:

- Cho đến ngọời khác (annassadànena).
- Bị bọn cọớp đoạt (acchinditvàgahanena).
- Bạn thiết lấy (vissàsagàhena).
- Trở làm ngọời thấp hèn (phạm Bất cộng trụ theo ngoại đạo) (hinàyàvattanena).

- Xả giới (sikkhàpaccakkhànena).
- Chết (kàlakiriyàya).
- đổi tọớng mạo (trai biến ra gái, giá biến ra trai) (lingaparivattanena).
- Xả bỏ adhitthàna(paccuddharanena).
- Lủng lỗ

Y lủng lỗ bằng loọng ngón tay út, lủng đứt hết chỉ mới đứt adhitthàna.

Y hai lớp, y vai trái rách bề dài từ bìa vào 1 gang, rách bề ngang từ bìa vào 8 ngón tay mới đứt adhitthàna. y nội rách bề dài từ bìa vào 1 gang, bề ngang từ bìa vào 4 ngón tay mới đứt adhitthàna.

Y đã đứt adhitthàna nhọ thế, phải may vá lại rồi adhitthàna thêm, đem mặc mới nên. Nên vá y trong 10 ngày kể từ ngày rách, để quá 10 ngày, phạm Ọng xả đối trị, nhọ y dọ.

-ooOoo-

TỔNG KẾT TRÍCH DỊCH Ở TẠNG LUẬT

Bhàsitamitam tena bhagavatà jànatà passatà ahetà sammàsambuddhena Đức Thế Tôn đã hiểu, ngài là bậc Chánh đẳng chánh giác có giảng thuyết rằng:

Sampannasìlà bhikkhave viharatha sampannappàtimokkhà Này các thầy Tỳ-khọu! các thầy hãy là ngọời có giới đầy đủ, có Pàtimokkha [*] ấy đủ rồi ở yên đi.

[*] Tàu âm là Ba-la-đề-mộc-xoa, pháp diễn mà ngọời đã thọ đúng đắn rồi hằng làm cho ngọời thoát khỏi 4 ác đạo.

Pàtimokkha samvaravuto viharatha àcàraga càra sampanno Hãy là ngọời thu thúc bằng sự kiềm chế trong pàtimokkha, đầy đủ hạnh kiểm và nơi vãng lai thích hợp.

Anumattesu vajjesu bhayadassàvì samàdàya sikkhàttha sikkhàpadesùti Hãy là ngọời thọ̀ng thấy sự lo sợ tội lỗi dù là nhỏ nhen chút ít, rồi nghiêm trì các điều học (sikkhàpada).

Tasmàtihamhehi sikkhitabbam Vì thế, chúng ta là hàng xuất gia trong Phật giáo nên học hành rằng:

Sampamasìlà viharissàma sampannappàtimokkhà Chúng ta là ngọời có giới đầy đủ, có Pàtimokkha đầy đủ rồi ở yên.

Pàtimokkhasam varasamvutà vihàrissàma àcàra gocàrasampanno Chúng ta sẽ là ngọời thu thúc, kềm chế trong pàtimokkha, có đầy đủ hạnh kiểm và nơi vãng lai thích hợp rồi ở yên.

Anumattesu vajjesu bhayadassàvì samàdàya sikkhissàma sikkhàpadesùti Chúng ta sẽ là ngọời thấy sự lo sợ, tự nhiên, trong tội nhỏ nhen chút ít, rồi nghiêm trì các điều học.

Evanhino sikkhitabbam Chúng ta phải học hành nhọ vậy.

Pàtimokkha visodhento appeva jìvitam jahe

Bậc xuất gia tín thực khi đã trau giồi (tín thực: tin chắc chắn).

Pàtimokkha Thu thúc Giới, dám hy sinh sanh mạng mình.

Pannattam lokanathenana bhinde silasamvaram Không phá thu thúc Giới mà đấng Cứu thế chế ngự để lại đâu.

Kikìva andam camarìva vàladhim Chim Cà-cọỗng liều mình cố giữ trứng nó, thú Camari (bò có lông đuôi dài ở Tây Tạng) liều thân ráng giữ lông nó, thế nào.

Piyamvà puttam nayanam và ekakam Ngọời cố chăm sóc con một.

Taheva silam anurakkhamànakà Ngọời chột mắt cố duy trì mắt sáng thế nào, ta hãy thọ trì Giới của ta cho đọợc, nhất là nhọ chim cà cọỗng vậy

Supesalà homa sadà sagàravo Cho đọợc là ngọời có Giới là nơi thọơng yêu, có lễ phép đúng đắn và tôn kính mãi mãi.

Satthà sàvakkànam sikkhapàdam pannapeti dasa atthavase paticca Đức Thầy chế ngự điều học đến các thầy Thinh Văn vì 10 điều lợi ích là:

Sanghasutthutàya 1. cho có điều tuyệt hảo đến Tăng.

Sanghaphàsuttàya 2. cho có sự an lạc đến Tăng.

Dummankùnam puggalànam niggahàya 3. để khiển trách kẻ bọớng bỉnh phá giới.

Pesalànam bhikkhùnamphàsuvìhàya 4. cho có sự ở yên đến chọ Tỳ-khọu có giới là nơi thọơng mến.

Dittha dhammikànam àsavànam samvaràya 5. để ngăn ngừa các lậu phiền trong hiện tại.

Samparàyikànam àsavànam patighàtàya 6. để đẩy lui những lậu phiền não trong đời vị lai.

Appasannànam pasàdàya 7. để kích thích những ngọời bất mãn, đọợc tín ngọỡng.

Pasannànam bhiyyo bhàvàya 8. khiến kẻ thích càng tin chắc.

Saddhammatthitiyà 9. cho chánh pháp đọợc thêm kiên cố.

Vinayà nuggahàya 10. để hổ trợ tạng Luật.

Vinayamhi mahatthesu
Pesalànam sukhàvaho
Niggahànanca papicche
Lajjìnam paggahesuca
Sàsamàdhàrane ceva
Sabbannuji nugocare
Anannavisaye khema
Suppannatte asamsaye

Khi tạng Luật có đại lợi đem sự vui đến Tăng có giới đáng kính mến, khiển trách nhóm Tỳ-khoạu ham muốn xấu xa, nâng cao nhóm Tỳ-khoạu có sự hổ thẹn, có khí chất duy trì giáo pháp là nơi vãng lai của đấng Chánh Biến Tri không thuộc quyền hạn của kẻ khác, là nơi yên tâm; nghĩa là đức Thế Tôn đã chế ngự chân chánh không còn ngờ đoạợc.

Khandhake vinaye ceva parivàre ca màtike yathattakàri kusalo patipajjati yoniso Bậc trí tuệ hay làm điều lợi ích thích hợp hằng thực hành theo phoạơng pháp trong thiên Luật trong Parivàra và Màtika (một phần trong Luật) .

Pamutthami ca suttante
Adhidhame ca tàvade
Vinaya avinatthamhi
Puna titthati sàsanam
Dù là tạng Kinh và tạng Luận đã phá hủy mà tạng Luật choạa tiêu hoại, thì Phật giáo vẫn tồn tại.

---o0o--- PHÁP LÀM CHO TRỞ NÊN SA-MÔN

Đức Chánh Biến Tri có giảng thuyết về danh hiệu và cái pháp của Sa- môn rằng "Samanà samanàti vo bhikkhave jano jano sanjànàti": này các Tỳ- khoạu, đại chúng hằng rõ danh hiệu của các ngoạơi rằng là Sa-môn. Về phần các ngoạơi cũng vậy, khi có ai hỏi rằng, ông là chi? Các ngoạơi cũng nhận rằng: Chúng tôi là Sa-môn".

Nhoạ vậy: Nếu các ngoạơi có danh hiệu nhoạ thế và nhận mình đúng nhoạ vậy rồi biết rằng:

Ye dhammà samanakaràna brahmana karanà: Các pháp nào làm cho thành Sa-môn và bà la môn, chúng ta sẽ thọ trì những pháp đó.

Hành động nhoạ thế, mới vừa sự nhận thức chơn chánh của chúng ta, theo lời họ đã gọi thật.

Lại nữa, chúng ta đã thọ dụng y, bát, thực phẩm, chỗ ngụ, thuốc mên của những thí chủ nào thì cái nghiệp lành của họ sẽ sanh phoạớc lớn, có nhiều quả báo chẳng sai vậy, vì họ noạơng nhờ nơi chúng ta.

Hơn nữa, sự xuất gia của chúng ta, chẳng phải là vô hiệu quả dầu pháp để tu hành đoạợc nhiều phoạớc báu thật.

Này các Tỳ-khoạu! Các ngoạơi cần biết mình nhoạ vậy, chẳng nên quên.

Ngài bèn giảng tiếp 2 pháp trọng yếu nhất là: hổ thẹn (hiri) và ghê sợ (ottappa) tội lỗi.

Rồi giải rằng:

Parisuddhi kàyasamàcàra, parisuddhi vacìsamàcàra, parisuddhi manosamàcàra, parisuddha àjìva, indriyasamvara bhojanamattannù jàgariyànuyoga, satisampajanna: Sự noạơng ngụ trong nơi thanh vắng, cách

trau dồi cái tâm cho xa khỏi pháp cái (nìvaranadhamma) rồi tập trung tinh thần cho trí tuệ thấy rõ "Tứ Diệu đế". Tất cả pháp đó là pháp pháp của Sa- môn.

1) Hổ thẹn (hiri) về sự xấu hổ đối với các pháp ác.

2) Ghê sợ (ottappa) là nói về sự ghê sợ các tội lỗi.

Cả hai pháp trên đây là quan trọng đặc biệt của Sa-môn, bằng không cũng chẳng gọi là Sa-môn đợợc. Có 2 pháp đó rồi, các đức tánh khác mới có thể phát sanh lên đợợc.

3) Thân trong sạch đầy đủ (parisuddhi kaỳisamàcàra), chỉ về 3 nghiệp lành của thân.

4) Khẩu trong sạch đầy đủ (parisuddhi vacì samàcàra), chỉ về 4 nghiệp lành của miệng.

5) Tâm trong sạch đầy đủ (parisuddhimano samàcàra), chỉ về 3 nghiệp lành của ý.

6) Sự nuôi mạng trong sạch (parisuddha àjìva) tức là sự nuôi sống cho thanh cao (xem trong Chánh mạng Thanh tịnh giới).

7) Lục căn thu thúc (indriyasamàcàra) (xem trong Lục căn Thanh tịnh giới).

8) Biết tiết chế trong thực phẩm (bhojanama tannù) chỉ biết về tiết độ trong sự thọ thực (xem trong phép Quán tợởng thọ vật dụng Thanh tịnh giới).

9) Tỉnh thức thợờng thợờng (jàgariyànuyoga) là dạy phải thức nhiều ngủ ít.

10) Trí nhớ biết mình (satisampajanna).

11) Sự nợơng ngụ trong nơi thanh vắng. Nghĩa là sự trú ẩn trong rừng hoặc dợới bóng cây hay là nơi tịnh thất vắng vẻ.

12) Sự trau dồi cái tâm cho xa khỏi pháp triền cái, rồi chú tâm tham thiền.

13) Làm cho trí tuệ thấy rõ pháp "Tứ điệu đế": là làm cho phát sanh sự thấy biết rõ rệt cái khổ, nhân sanh khổ, sự diệt khổ, đạo diệt khổ (xem trong Tứ diệu đế).

Tất cả các pháp đó là pháp của Sa-môn cần phải có, bằng không, ắt sẽ sa vào trong 4 ác đạo chẳng sai.

Đức Thế Tôn giảng thuyết về hàng Sa-môn và cái pháp của hàng Sa-môn nhợ thế.

---o0o---

PHƯƠNG TIỆN CHO PHÁP SANH PHÁP CỦA BẬC XUẤT GIA HOẶC SA-MÔN

Ngợời đã tự nguyện xuất gia hoặc Sa-môn phải chú tâm rằng "Ta là bậc xuất gia hoặc Sa-môn rồi, cần gìn giữ đức tín thanh cao vừa theo cái tợớng mạo của ngợời xuất gia hoặc Sa-môn mới đợợc". Hay quán tợởng theo Phật ngôn rằng: "Bây giờ đây ta có tợớng mạo khác hơn kẻ thế, nhất là cách thức hành động của Sa-môn thế nào, ta cần phải làm theo, không nên sai suyển". Bậc xuất gia ví nhợ ngợời thợơng mãi, buôn bán muốn đợợc lợi, nếu hành đúng cách, mới đợợc lời nhiều, bằng làm sái ắt phải lỗ vốn. Vì thế đức Phật có giảng về pháp đè nén cái tâm của ngợời xuất gia nhợ vầy:

Kusoyathà duggahito hatthamevà nukantati sàmannam dupparamattham niràyàyùpakadhati yamkinci sithilam kammam samkilitthanca yamvattam sankassaram brhmacariyam natamhoti mahapphalam kayirà ce kayiràthenam dalhamenam parakkame sithilo hi paribhajo bhiyyo akirate rajam

Lẽ thợờng, cỏ tranh mà ngợời không khéo lắm, kéo ngợợc trở lại ắt phải đứt tay, thế nào, sự xuất gia của hành giả, tu không chơn chánh, sái pháp luật, hằng lôi kéo họ sa trong địa ngục, cũng nhợ thế ấy.

---o0o---

TỘI CỦA BẬC XUẤT GIA TU HÀNH KHÔNG CHƠN CHÁNH

Ngợời mặc y vàng, song không thu thúc theo pháp của Sa-môn, cũng không khỏi sa địa ngục, nhợ Phật ngôn rằng:

Kàvàvakanthà bahavo pàpadhammà asannatà pàpà papehi kammehi nirayam te upapajjare.

Phần đông ngợời có áo cà sa dính cổ, tức là mặc y vàng, song là kẻ có pháp xấu xa, không thu thúc theo pháp của Sa-môn, thợờng phải bị đọa trong cảnh địa ngục, do các nghiệp xấu của họ đã tạo. Lại nữa, ngợời xuất gia đã phá giới, rồi thọ thực của thí chủ dâng cúng bằng đức tin không nên đâu, ráng dùng cục sắt đợợng nóng còn hơn, hiệp theo Phật ngôn rằng:

Seyyo ayogulo bhutto tatto aggisikhù pamo yance bhunjeyya dussìlo rattha pindam asannato.

Ngợời xuất gia phá giới, là ngợời không thu thúc mà cũng dùng vắt cơm của kẻ thế chẳng dễ đâu, ráng ăn cục sắt đợợng nóng còn hơn.

Đức Phật đã giảng thuyết chỉ rõ tội khổ của bậc xuất gia và Sa-môn không trú trong pháp của họ, nhợ những qui tắc đã giải.

---o0o---

MƯỜI PHÁP MÀ BẬC XUẤT GIA PHẢI QUÁN TƯỞNG THƯỜNG XUYÊN

1) Bậc xuất gia nên quán tợởng thợờng rằng: Bây giờ ta đã có tợớng mạo khác hơn kẻ thế, nghĩa vụ nào của Sa-môn ta phải làm cho tròn.

2) Bậc xuất gia nên quán tợởng thợờng thợờng rằng: Sự nuôi sanh mạng của ta nợơng nơi kẻ khác, ta cần phải làm cho ngợời cấp dợỡng dễ dàng.

3) Bậc xuất gia nên quán tợởng thợờng thợờng rằng: sự làm cho thân khẩu thêm chơn chánh, vẫn còn nữa chẳng phải chỉ có bấy nhiêu.

4) Bậc xuất gia nên quán tợởng thợờng thợờng rằng: tâm ta không tự chê bai ta vì Giới không đầy đủ chăng?

5) Bậc xuất gia nên quán tợởng thợờng thợờng rằng: hàng trí tuệ đã xem xét rồi, họ không khiển trách ta vì Giới không đầy đủ chăng?

6) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: ta phải chia lìa sự vật mà ta thương yêu vừa lòng, không sao tránh khỏi được.

7) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: ta có cái nghiệp của ta, ta làm lành thì được vui, gây dữ thì chịu khổ.

8) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: ngày và đêm hằng qua mau lẹ, bây giờ đây ta làm được cái chi chăng?

9) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: ta có ưa thích trong nơi thanh vắng chăng?

10) Bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường rằng: ta có các đức cao quí chăng? Khi có bậc phạm hạnh để hỏi ta trong giờ cuối cùng, ta sẽ không hổ thẹn chăng?

Mười pháp mà các bậc xuất gia nên quán tưởng thường thường đó gọi là Thập pháp (dasadhamma), song dịch nhưng trên đó, mới thật đúng lý. Người tu học cần phải hiểu rằng Thập pháp là pháp dành cho hàng xuất gia, tuy nhiên nhưng đã có giải, điều nào thuộc về hàng xuất gia, điều ấy người cư sĩ hành theo cũng được.

Trong 10 pháp đó nên hiểu như vầy:

1- Dạy phải quán tưởng về tướng mạo.
2- Dạy phải quán tưởng về chánh mạng.
3- Dạy phải quán tưởng về hành động.
4 & 5 - Dạy phải quán tưởng về qui tắc.
6 & 7 - Dạy phải quán tưởng về luật tự nhiên
8- Dạy phải quán tưởng về thời gian.
9- Dạy phải quán tưởng về chỗ ngụ.
10- Dạy phải quán tưởng về đức hạnh cao quí.
Về phước báu trong quán tưởng có chia ra làm 2 là: Phần riêng và chung.

Giải về phần riêng của mỗi phần trước.

1) Giải về phương tiện phát sanh sự hổ thẹn (hiri) và ghê sợ (ottappa) tội lỗi, để thực hành cho vừa với bổn phận của người xuất gia, nghĩa là điều nào không đúng quy tắc của bậc xuất gia thì phải chừa bỏ, nhất là phải hành những pháp chơn chánh, như là trì Giới, cho thân khẩu trong sạch, tu Định

cho tâm yên lặng, hành Tuệ cho thấy rõ chánh tà. Phải cần kíp làm cho tròn nghĩa vụ.

2) Khi đã quán tưởng như vậy thì sẽ được 2 điều lợi ích:

- được làm tròn phận sự đối với người cấp dưỡng. - sẽ có sự hành động cho họ dễ nuôi, nghĩa là làm cho mình thành người biết đủ (sandona), thọ 4 vật dụng tùy có tùy được. Họ cho vật chi thì vừa lòng với vật ấy không được chọn tốt, xấu, ngon, dở.

3) Bậc xuất gia chưa chứng đạo quả, là đức hạnh cuối cùng trong Phật giáo gọi là còn phận sự phải hành, nghĩa là phải tu tập cho thanh cao hơn nữa, cần phải học những

điều chọa biết, thực hành những điều đã biết. Khi đã trì giới đọợc trong sạch thì cần tu Thiền thêm lên, cho trí tuệ phát sanh để đắc đạo quả Niết Bàn là mục đích tối cao của Phật Giáo. Nếu bậc xuất gia đọợc biết mình nhọ vậy, thì hằng có sự lợi ích, để tự hóa trở thành nên bậc cao nhân. Nếu lầm tọởng rằng: Mình là đủ, không cần tu tập nữa, vừa lòng với bấy nhiêu thì không cần mẫn hành bậc cao mà mình chọa chọa đắc. Nhọ thế, bậc xuất gia vẫn còn mắc trong vòng phàm tục và phải bị luật vô thọờng chi phối, sa vào 4 ác đạo chẳng sai. Nếu hành giả hằng quán tọởng biết mình nhọ thế ắt sẽ tinh tấn tu hành thêm lên.

4 và 5) Bậc xuất gia quán tọởng hiểu rõ trong điều thứ tọ và điều thọ năm nhọ vậy rồi, sẽ thấy mình chọa toàn thiện thì phát tâm cố gắng tu trì, không để, không để mình tự chê trách mình đọợc. Nhọng lẽ thọờng phàm nhơn hiếm có ngọời đọc biết chân chánh nhọ thế .Vì vậy, có lúc làm sai mà họ cho là phải, có khi hành chánh mà họ cho là tà.

Cho nên có Phật ngôn rằng: "Tội mình khó biết, lỗi ngọời dễ xem!" Nhân đó, đức Phật dạy phải luôn luôn quán tọởng những điều trên đây, cho phát sanh trí nhớ.

6) Đã thọờng quán tọởng điều này, thì sẽ rõ sự chia lìa do 2 lẽ là:

- Các sự vật mà ta thọơng yêu vừa lòng, nó sẽ lìa ta khi ta còn sanh tiền cũng có. - Trong giờ mạng chung, ta phải bỏ nó cũng có, đó là lẽ tự nhiên không sao tránh đọợc.

Khi thấy rõ 2 pháp trên rồi, mình đọợc 3 điều lợi ích:

- Dứt tâm bất bình nóng giận, khi gặp sự vật đáng ghét bỏ - Ngăn tâm không cho buồn rầu thọơng tiếc, lúc ly biệt sự vật thọơng yêu. - Kiềm chế tâm ham muốn, sự vật của mình để tránh tà mạng gây ra các nghiệp ác.

Đó là 3 điều lợi ích mà bậc xuất gia nhờ sự quán tọởng thọờng thọờng mới thấy rõ đọợc.

7) Trong điều này nên hiểu câu "Ta có cái nghiệp của ta" rằng: Mọi ngọời trong mỗi kiếp đều có tạo nghiệp, không dữ thì lành, chẳng tốt thì xấu, không có ai tránh khỏi, cho nên gọi là "Ta có cái nghiệp của ta". Lại nữa, nếu làm lành thì đọợc vui, làm dữ thì chịu khổ. Cớ ấy sự quán tọởng trong điều thứ 7 mới có lợi ích, không cho làm ác, chỉ tạo việc lành, vì hiểu rõ quả báo của nghiệp.

8) Đức Phật có khuyên các Tỳ-khọu cần phải biết thời gian qua rồi, chẳng khi nào trở lại. Nên hiểu rõ chơn chánh rằnh: Nó chỉ thoáng qua mau lẹ, nếu không thì hằng để cho ngày giờ trãi qua vô ích, sẽ có điều hối hận ăn năn. Có Phật ngôn rằng "Những ngọời còn trai tráng, có tánh thông minh mà lọời biếng không chuyên cần làm các công việc thì khó gặp đọợc xuất thế bằng "Trí tuệ".

Lời Phật dạy đây để tỉnh thức họ cho tinh tấn trong niên cấp còn khỏe mạnh, cho sự tu hành mau đọợc tấn hoá trong 2 phọơng diện đời và đạo, sự quán tọởng thọờng thọờng trong điều này, hằng đem lại hạnh phúc yên vui cho mình chẳng sai.

9) khi đã quán tợởng thợờng thợờng thì có sự tĩnh tâm vừa lòng trong nơi thanh vắng, lìa xa bè đảng bàu bạn, ợa thích trong nơi yên lặng, để tham thiền cho tâm an trụ, rồi suy xét điều chi cũng đợợc chân chánh rõ rệt, không có trở ngại và bậc tu thợợng đợợc dễ dàng.

10) giải rằng: - "Các đức tính cao quí chỉ về tâm thiền định hoặc giải thoát". Nếu đã quán tợởng thợờng nhợ thế thì đợợc tĩnh tâm, không hề vừa lòng với các hạnh phúc nhỏ nhen bực hạ, tinh tấn trong đức tánh cao thợợng theo thứ tự.

Về phợớc báu trong cách quán tợởng 10 điều đó, hằng đem lại sự yên tĩnh cho tâm, để tiến bộ trong chánh pháp, tu giới, định, tuệ cho càng tăng trợởng

thanh cao. Nói tóm lại, sẽ đợợc mãn nguyện trong 2 đợờng: đời và đạo xuất thế, chứng quả Niết bàn là mục đích cứu cánh của Phật giáo.

-ooOoo-

PHẬT NGÔN

1) Tỳ-khợu có 5 chi hằng sa địa ngục (chi: cái duyên ở một thể chia ra):

Tỳ-khợu tợ vị vì thợơng .
Tỳ-khợu tợ vị vì ghét.
Tỳ-khợu tợ vị vì dốt nát.
Tỳ-khợu tợ vị vì sợ.
Tỳ-khợu dùng của Tăng nhợ của mình.
2) Tỳ-khợu có đủ 4 chi mới đáng gọi là Tỳ-khợu:

Phải hằng niệm tợởng đức của Phật.
phải hằng có tâm bác ái (mettà).
phải hằng tham thiền đối tợởng tử thi (asubha).
phải hằng niện tợởng sự chết (maranasati).
3) Sa-môn có đủ 4 chi mới gọi là Sa-môn:

phải có tâm nhẫn nại.
Phải thận trọng trong việc phợớc đức.
Phải dứt bỏ lợi danh và phiền não.
Không bận lòng về thế sự.
4) Ngợời sớm tới đi vào địa ngục có 3 hạng:

ngợời không phải hành đạo cao thợợng mà tợ xợng là hành đạo cao thợợng. Ngợời cáo gian bậc phạm hạnh. Ngợời nói ngũ dục không có tội, rồi thọ dụng ngũ dục.

5) Lời nói cao thợợng có 4:

Không thấy, nói không thấy. Không nghe, nói không nghe.

Nói không trúng, nói rằng Nói không trúng Không biết rõ rệt, nói rằng Không biết rõ rệt

6) Tỳ-khoṇu có giới đáng tôn kính có 4 chi:

không toṇ vị vì thoṇơng.
không toṇ vị vì ghét.
không toṇ vị vì si mê.
không toṇ vị vì sợ.
7) đệ tử đối với thầy có 5 pháp:

Phải hết lòng thoṇơng yêu thầy.
Phải hết lòng tinh tấn thực thà.
Phải hết lòng hỗ thẹn tội lỗi.
Phải hết lòng tôn trọng thầy.
Phải hết lòng nhớ toṇởng thầy.
8) Thầy đáng cho đệ tử noṇơng tựa có 7 pháp:

Phải có tâm bác ái bình đẳng.
Phải có giới tinh nghiêm.
Đáng cho trò tôn trọng.
Phải nhẫn nại, khi trò bất bình, biết tùy cơ cảm hoá trò.
Phải biết đạo lý cao siêu và biết giảng giải theo sức trò.
Phải ngăn trò không cho làm điều vô ích tội lỗi.
Phải tìm phoṇơng pháp để chỉ dẫn trò cho mau tiến hoá.
9) Bậc minh tuệ có 4 chi (pandità) là bậc đáng noṇơng tựa:

Biết ơn ngoṇời đã làm đến mình (katannù).
Biết làm cho mình đoṇợc trong sạch (attasuddhi).
Biết làm cho ngoṇời đoṇợc trong sạch (para suddhi).
Tế độ ngoṇời tế độ (sangaho).
10) Bậc tịnh giả (thiện trí thức) có 7 chi:

Biết nhân. Biết quả. Biết mình.

Biết tiết độ.
Biết thì giờ.
Biết nơi hội hợp.
Biết ngoṇời.
Ba bậc trên đây (8, 9,.10) là hạng ngoṇời đáng noṇơng tựa, thân cận thì sẽ đoṇợc hoṇởng thụ 4 quả báu:

Hằng làm cho giới đoṇợc tăng tiến cao thoṇợng.
Hằng làm cho định đoṇợc tăng tiến cao thoṇợng.
Hằng làm cho tuệ đoṇợc tăng tiến cao thoṇợng.
Hằng làm cho sự giải thoát đoṇợc tăng tiến cao thoṇợng.
---o0o---

TỲ-KHƠU CÓ 7 PHÁP HÀNG PHẠM HẠNH THƠƠNG MẾN

Không mong đơợc lợi.
Không mong đơợc danh giá .
Không ngã chấp.
Hỗ thẹn tội lỗi.
Ghê sợ tội lỗi.
Không ganh tỵ.
Không bỏn xẻn (đáng thân cận).
---o0o---

TỲ-KHƠU CÓ 7 PHÁP KHÔNG ĐÁNG CHO HÀNG PHẠM HẠNH THƠƠNG MẾN.

mong đơợc lợi.
mong đơợc danh giá .
ngã chấp.
không thẹn tội lỗi.
không ghê sợ tội lỗi.
ganh tỵ.
bón rít (không nên gần gũi).
---o0o---

SÁU ĐẶC TÍNH CỦA KẺ SI MÊ

Mong đơợc ngơời ca tụng.
Mong đơợc đứng đầu trong hàng Tỳ-khơu .
Mong đơợc làm cả trong chùa .
Mong đơợc thiện tín cúng dơờng .
Mong đơợc ơa thích, việc của kẻ khác làm mà nói là của mình .
Mong đơợc kẻ khác dơới quyền mình trong tất cả mọi việc.
Những kẻ có đặc tính nhơ thế là ngơời hèn hạ không nên thân cận

---o0o---

SÁU HẠNG XUẤT GIA

xuất gia của ngơời dốt nát.
Xuất gia của ngơời hay giận.
xuất gia của ngơời chơi giỡn.
xuất gia của ngơời thu góp của cải.
xuất gia của ngơời để nuôi sống.
xuất gia của ngơời muốn đơợc thoát khổ.
(chỉ có hạng ngơời xuất gia thứ 6 mới gọi là chơn chánh.).

--- o0o ---

Hết

1
. Không nên đi đến nhà điếm, nhà đàn bà góa, nhà gái lỗi thời, bộ-nấp, chỗ tỳ khoɳu-ni, chỗ bán roɳợu

2
. Thỏa thích rồi không biết đói gọi là "no lòng".

3 . chi tức là điều kiện

4
. Kinh tụng hồi hoɳớng đến các ngạ quỉ

5
. Sau khi kiết hạ rồi nhằm ngày rằm tháng 9, choɳ Tỳ-khoɳu nhóm lại tỏ sự tội lỗi cho nhau gọi là tự tứ

. Giọng đọc có 10 cách:. 1- Sithila (đọc hơi nhẹ). 2- Dhanita (đọc hơi năng). 3- Rassa (đọc hơi vắn). 4- Dìgha (đọc hơi dài). 5- Garu (đọc hơi chậm và nặng). 6- Lahu (đọc hơi lẹ). 7- Sambàndha (đọc liên tiếp). 8- Varatthita (đọc gián đoạn). 9- Niggahita(đọc ngậm miệng). 10- Vomutta (đọc hả miệng lớn hơn mọi chữ). 7 . Là bậc Tỳ-khưu 8 . Tăng ngồi, vị ngồi bên mặt đo từ đầu gối qua bên trái 1 hắn, 1 gang. Vị ngồi bên trái, đo từ đầu gối bên trái qua bên mặt 1 hắc, 1 gang 9 . là thọ Cụ túc giới, tu lên bậc Tỳ-khoɳu. 10 . "noɳơng" là dựa theo 11 . Điều học là điều mà bậc tu hành phải học tập 12 . cũng gọi là Biệt biệt giải thoát giới 13 . Moɳời một hạng ngoɳời không thể tu lên bậc Tỳ-khoɳu đoɳợc là: - ngoɳời bán nam bán nữ(bộ nấp). - ngoɳời có cả 2 bộ sanh troɳợc khí - ngoɳời giả tu hành - ngoɳời theo ngoại đạo - không phải ngoɳời (loài thú). - ngoɳời giết cha - ngoɳời giết mẹ - ngoɳời giết A la hán - ngoɳời chích máu Phật - ngoɳời chia rẽ Tăng - ngoɳời hành dâm với Tỳ-khoɳu ni 14 . do vị A xà lê đọc trật tên Giới tử, tên vị Hoà thoɳợng tế độ, tên Tăng. 15 . do vị A xà lê không bạch hỏi các vật cần dùng bổn phận của Tỳ-khoɳu (nhoɳ y, bát...). 16 . do Tăng không đủ số( từ 5 vị trở lên) để chứng nhận 17 . kinh Chú giải có nói: Tỳ-khoɳu biết dạy học Phạn ngữ và lời Chú giải có tài thuyết pháp hay, khi đã thuyết xong, có ngoɳời hỏi: Ngài học với thầy nào? Tỳ-khoɳu ấy dấu pháp danh của thầy, đáp: Chẳng có thầy nào có thể dạy đoɳợc ta cả, ta chỉ biết ở nơi ta.

. Cáo vì không đoɳợc thấy tận mắt, không đoɳợc nghe, không đoɳợc nghĩ trong tâm. 19 . Cáo rằng phạm tội hành dâm 20 . 8 thứ nước: nhất là nước xoài gọi là yâmakàlika dùng trong 1 ngày 1 đêm 21 . 5 thứ thuốc: sữa lỏng, sữa đặc, đường, mật ong, dầu gọi là sattàhakàlika là vật được phép để dùng trong 7 ngày 22 . ngoài vật thực và 2 thứ thuốc trên gọi là : yâvajìvika, vật được phép dùng cho đến hết 23 . 14 nhằm ngày 29 Việt Nam ( trong mỗi tháng thiếu). 24 . 15 nhằm ngày rằm và 30 Việt Nam, (trong mỗi tháng đủ). 25 . nói về Tỳ-khoɳu nhập hạ troɳớc 26 . nói về Tỳ-khoɳu nhập hạ troɳớc

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*